

#1 NEW YORK TIMES BESTSELLER



Ba Tách Trà

Sứ mệnh thúc đẩy hòa bình của một người đàn ông...
Mỗi lần một ngôi trường

GREG MORTENSON & DAVID OLIVER RELIN



SÁCH MỚI.NET - EBOOK



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỎI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

“Tại đây (Pakistan và Afghanistan), chúng tôi uống ba tách trà để kết thân: tách thứ nhất, anh là người lạ, tách thứ hai, anh trở thành bạn bè, và tách thứ ba, anh nhập vào gia đình chúng tôi. Và đối với gia đình, chúng tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì - kể cả bỏ mạng”.

– Haji Ali, trưởng làng Korphe, núi Karakoram, Pakistan.

Câu chuyện đáng kinh ngạc, đầy sức tác động về một Indiana Jones đời thực và chiến dịch nhân đạo đặc biệt của anh tại miền hẻo lánh của Taliban. Năm 1993, nhà leo núi Greg Mortenson lang bạt vào một ngôi làng của người Pakistan cùng khổ nằm trong dãy Karakoram sau nỗ lực leo lên đỉnh K2 bất thành. Cảm động trước lòng tốt của người dân nơi đây đã chăm sóc và giúp anh khôi phục sức khỏe, anh hứa sẽ quay lại và xây trường học. *Ba Tách Trà* là câu chuyện về lời hứa ấy và tác động phi thường của nó. Suốt một thập kỷ tiếp theo, Mortenson dựng nên không chỉ một mà là năm mươi lăm mái trường, đặc biệt dành cho các bé gái, tại vùng địa hình hiểm trở sản sinh ra nhóm Taliban. Chuyện của anh lập tức trở thành cuộc phiêu lưu hấp dẫn và là bằng chứng về sức mạnh của tinh thần nhân đạo. Tác phẩm đã được nhận giải thưởng Kiriyaama.



GREG MORTENSON là giám đốc điều hành Tổ chức từ thiện Central Asia Institute (CAI).

Sau chuyến leo lên đỉnh K2 không thành, ông đã dành cuộc đời mình thúc đẩy việc giáo dục cộng đồng và chương trình xóa mù chữ, nhất là giáo dục cho các bé gái ở vùng xa xôi của Pakistan và Afghanistan.

Anh hiện sống tại Mantana cùng vợ và hai con.



DAVID OLIVER RELIN là nhà báo đã giành được nhiều giải thưởng quốc gia trong sự nghiệp cầm bút của mình.

Ngoài Pakistan, anh đã đi và viết phóng sự về Việt Nam cùng nhiều quốc gia ở Đông Á. Anh quan tâm đến các vấn đề xã hội và tác động của chúng đối với trẻ em.

Anh hiện sống tại Portland, Oregon.

“Hấp dẫn và hồi hộp, với những đoạn mô tả cuốn hút về thái độ thù địch lẫn tình bạn không tưởng, cuốn sách này sẽ chiếm được cảm tình của vô số độc giả.”

– **Publishers Weekly**

“*Ba Tách Trà* là một trong những chuyến phiêu lưu đặc biệt nhất trong thời đại chúng ta. Hành trình gian nan hiểm nghèo đi xây trường học tại các vùng hoang vu nhất Pakistan và Afghanistan của Greg Mortenson không chỉ là câu chuyện li kì mà còn là bằng chứng cho thấy một người bình thường, chỉ cần kết hợp đầy đủ nghị lực và quyết tâm, thật sự có thể thay đổi thế giới”.

– **Tom Brokaw**

Hãng truyền hình NBC

“Greg Mortenson đại diện cho những điều tốt đẹp của nước Mỹ. Anh ấy là người hùng của chúng tôi. Và sau khi bạn đọc xong *Ba Tách Trà*, anh ấy cũng sẽ trở thành người hùng của bạn.”

- **Mary Bono**

Nghị viên Đảng Cộng hòa Mỹ

“Greg Mortenson là người giao thiệp xuất chúng... Một anh chàng có ý tưởng tuyệt vời, chịu bắt tay vào công việc nhỏ nhất nhất rồi theo đuổi, chỉ cần nó mang lại tác động lớn, và cống hiến cả đời cho công việc ấy. Anh thành công tại một vùng đất không hoan nghênh người Mỹ bởi lẽ anh gắn kết người khác bằng tấm chân tình.”

- **Bill Clinton**

Cựu Tổng thống Mỹ



Three Cups of Tea

Copyright © 2006 by Greg Martenson & David Oliver Relin. All rights reserved.

Ba Tách Trà © 2010 by Youbooks.

Thực hiện ebook © Romance Book, 2013.

LỜI GIỚI THIỆU

Trong quỹ đạo của Ngài Mortenson

□

Bóng đèn nhỏ màu đỏ nhấp nháy năm phút trước khi Bhangoo chú ý đến nó. “Mấy cái đồng hồ báo nhiên liệu ở máy bay cũ rõ ràng không đáng tin cậy.” Trung tướng Bhangoo, một trong những phi công lái trực thăng bay cao nhiều kinh nghiệm nhất của Pakistan vừa nói vừa vỗ vào đồng hồ. Tôi không rõ liệu việc làm đó có nhằm giúp tôi thấy yên tâm hơn không.

Tôi nhích đến gần Bhangoo, nhìn xuống phía dưới hai chân mình qua tấm kính chắn gió nổi bọt của chiếc Alouette cũ từ thời chiến tranh Việt Nam. Sáu trăm mét bên dưới chúng tôi là một dòng sông uốn khúc bao quanh bởi những vách đá nhô lên từ cả hai bên thung lũng Hunza. Trong tầm mắt, chúng tôi lướt qua những sông băng treo còn mới đang vỡ ra từng mảnh dưới ánh mặt trời nhiệt đới. Bhangoo vẫn bay một cách bình thản, gạt tàn thuốc qua lỗ thông hơi gần một nhãn dán ghi dòng chữ “Không hút thuốc”.

Từ phía sau máy bay, Greg Mortenson vươn cánh tay dài vỗ vào vai áo của Bhangoo. “Tướng quân,” Mortenson hét lớn. “Tôi nghĩ chúng ta đang đi sai đường”.

Trung tướng Bhangoo từng là phi công riêng của Tổng thống Musharraf trước khi rời khỏi quân đội chuyên sang làm cho một công ty hàng không dân sự. Ông đã xé lục tuần với mái tóc muối tiêu và bộ ria mép được cắt tỉa và chăm sóc cẩn thận như những nguyên âm mà ông đã thừa hưởng từ một trường tư thục Anh nơi ông theo học khi còn là một cậu bé, cùng với Musharraf và nhiều nhà lãnh đạo tương lai khác của Pakistan.

Vị tướng ném điều thuốc qua lỗ thông hơi và thở mạnh. Rồi ông cúi người đối chiếu bộ định vị GPS mua ở cửa hàng, được đặt cân bằng trên đầu gối với tấm bản đồ quân sự mà Mortenson đã gấp lại để làm nổi bật nơi anh cho là vị trí của chúng tôi.

“Tôi đã bay ở phía bắc Pakistan bốn mươi năm.” ông nói đầu lắc lư với bộ điệu theo phong cách tiêu lục địa điển hình nhất. “Anh làm sao rành địa hình bằng tôi?” Bhangoo nghiêng chiếc Alouette sang mạn cửa, bay ngược lại hướng mà chúng tôi vừa bay tới.

Cái bóng đèn đỏ làm tôi lo ngại trước đó bắt đầu nhấp nháy nhanh hơn. Kim đồng hồ lắc lư cho thấy chúng tôi còn không đến một trăm lít nhiên

liệu. Vùng đất này ở bắc Pakistan quá xa xôi và hẻo lánh nên chúng tôi đã phải nhờ mấy người bạn đặt trước những thùng nhiên liệu tại những điểm chiến lược bằng xe jeep. Nếu không đến được khu vực hạ cánh thì chúng tôi sẽ rơi vào tình thế gay go, thật vậy, vì hẻm núi hiểm trở mà chúng tôi đã bay qua không có những khu vực bằng phẳng thích hợp cho việc hạ cánh.

Bhangoo cho máy bay lên cao để có thể chọn lựa chế độ quay tự động hướng về khu vực hạ cánh xa hơn nếu hết nhiên liệu, và đẩy mọi cần điều khiển về phía trước, tăng tốc máy bay lên đến chín mươi dặm. Ngay khi kim đồng hồ chạm vạch E và bóng đèn cảnh báo màu đỏ bắt đầu kêu bíp bíp, Bhangoo hạ càng đáp ngay giữa một chữ H lớn, sân bay dành cho máy bay lên thẳng, được kẻ trên đá trắng, kề bên những thùng nhiên liệu bay của chúng tôi.

“Thật là một chuyến bay tốt đẹp.” Bhangoo nói, đột điều thuốc khác. “Nhưng nếu không có ông Mortenson thì đã không được như vậy.”

Sau khi nạp nhiên liệu bằng cách chèn cái bơm tay vào một thùng nhiên liệu gỉ sét, chúng tôi bay trên thung lũng Braldu đến làng Korphe, nơi có người ở cuối cùng trước khi sông băng Baltoro bắt đầu cuộc hành quân của nó lên đến K2, và là khu vực tập trung lớn nhất của những đỉnh núi cao hơn sáu nghìn mét trên thế giới. Sau lần leo núi K2 thất bại vào năm 1993, Mortenson đã đến Korphe, đói khát và kiệt sức. Trong cộng đồng nghèo với những căn nhà lụp xụp bằng đá và bùn này, cuộc đời của cả Mortenson và những đứa trẻ miền bắc Pakistan đã thay đổi. Một buổi tối, anh đi ngủ bên ngọn lửa phân bò như một nhà leo núi lạc đường và một buổi sáng, lúc chia sẻ ấm trà bơ với những vị chủ nhà và buộc dây đôi ủng của mình, anh đã trở thành một nhà nhân đạo, người vừa tìm ra một con đường ý nghĩa để theo đuổi trong phần đời còn lại của mình.

Đến Korphe cùng với bác sĩ Greg Bhangoo và tôi được chào đón trong những vòng tay rộng mở, đầu của một con dê núi vừa mới giết và vô số chén trà. Và khi nghe những trẻ em Shia ở Korphe, một trong những cộng đồng nghèo nhất thế giới nói về những hi vọng và ước mơ tương lai của chúng đã lớn lên nhiều như thế nào từ khi một người Mỹ to lớn đến đây mười năm trước để xây ngôi trường đầu tiên mà làng của chúng từng biết đến, vị tướng và tôi bị thuyết phục.

“Anh biết không,” Bhangoo nói trong khi 120 học sinh vây quanh, lôi kéo chúng tôi đến thăm trường của chúng, “Khi bay cùng Tổng thống Musharraf, tôi đã gặp nhiều nhà lãnh đạo trên thế giới, nhiều quý ông và

quý bà cao cả. Nhưng tôi nghĩ Greg Mortenson là nhân vật đặc biệt nhất mà tôi từng được gặp.”

Bất cứ ai có hân hạnh được theo dõi các hoạt động của Mortenson ở Pakistan đều ngạc nhiên bởi kiến thức uyên bác mà anh có được về một trong những vùng xa xôi nhất. Và nhiều người trong số đó phần lớn là trái với chủ định, tự nhận thấy mình bị kéo vào quỹ đạo của anh. Trong thập niên trước, từ một loạt những thất bại và tai nạn biến đổi anh từ một nhà leo núi thành một nhà nhân đạo, Mortenson đã lôi kéo được đội ngũ nhân viên không có đủ điều kiện và đã đạt được kết quả nhiều hơn bất cứ một tổ chức từ thiện nào trên thế giới.

Những phu khuân vác vùng cao mù chữ ở Karakoram, Pakistan đã từ giã việc khuân vác hàng hóa với khoản thù lao ít ỏi để cùng anh mang đến cho con em họ sự giáo dục mà họ không có được. Một tài xế taxi có dịp chở Mortenson từ sân bay Islamabad, đã bán xe của mình để trở thành một “người đàn xếp” tận tình cống hiến. Những cựu chiến binh Taliban đã từ bỏ bạo lực và áp bức phụ nữ sau khi gặp Mortenson, và đến làm việc một cách hòa bình với anh để xây dựng những ngôi trường cho các bé gái. Mortenson đã thu hút những người tình nguyện và người ngưỡng mộ từ mọi tầng lớp của xã hội Pakistan và từ các giáo phái Hồi giáo đang có xung đột.

Những kí giả được cho là khách quan cũng có nguy cơ bị hút vào quỹ đạo của anh. Đã ba lần tôi cùng Mortenson đến miền bắc Pakistan, bay đến những thung lũng xa xôi nhất của Karakoram Himalaya và Hindu Kush trên những chiếc trực thăng đáng lẽ nên được đưa vào viện bảo tàng. Càng có nhiều cơ hội quan sát Mortenson làm việc, tôi càng tin chắc mình đã được gặp một con người phi thường.

Trước khi đi, những giai thoại mà tôi được nghe về những chuyến phiêu lưu của Mortenson để xây dựng trường học cho các bé gái ở những vùng núi xa xôi của Pakistan có vẻ như quá kịch tính để có thể tin được. Câu chuyện mà tôi khám phá với những thợ săn dê ở những thung lũng cao vùng Karakoram ở những khu du mục bên rìa Afghanistan hoang vu, quanh bàn hội nghị với những đại biểu ưu tú của quân đội Pakistan, và qua vô số chén trà paiyu cha⁽¹⁾ trong những phòng uống trà ám khói mà tôi phải nheo mắt để nhìn thấy được cuốn sổ ghi chép, quả là khác thường hơn tôi đã tưởng tượng.

Với tư cách một kí giả làm cái nghề kì quặc là điều tra cuộc sống của con người trong hai thập niên, tôi đã gặp quá nhiều nhân vật của công chúng không xứng với những gì báo chí nói về họ. Nhưng ở Korphe và bất cứ ngôi làng Pakistan nào khác, nơi tôi được chào đón như một thành viên trong gia đình đã thất lạc từ lâu vì có một người Mỹ khác đã dành thời gian xây dựng những mối quan hệ gắn bó ở đây, tôi được biết câu chuyện trong mười năm qua về sự hiện diện của Greg Mortenson đâm chồi nảy nhánh với sự phong phú và phức tạp vượt xa điều mà phần lớn chúng ta có thể đạt được trong cả cuộc đời.

Nói một cách hình tượng, đây là câu chuyện mà tôi không thể chỉ quan sát. Bất cứ ai đặt chân đến năm mươi ba ngôi trường của CAI⁽²⁾ mà Mortenson đã và đang đưa vào hoạt động đều trở thành người ủng hộ anh. Và sau khi tham dự các *jirga*⁽³⁾ suốt đêm với các bô lão và cân nhắc những đề nghị cho những dự án mới, hoặc được thấy lớp học đầy những bé gái tám tuổi háo hức tìm hiểu cách sử dụng cái gọt bút chì đầu tiên mà ai đó đã quan tâm tặng chúng, hoặc ứng khẩu giảng dạy một bài về tiếng lóng của tiếng Anh trong căn phòng đầy những học sinh lễ phép, thật không thể vẫn cứ mãi là một phóng viên được.

Cũng như anh chàng kí giả u buồn Thomas Fowler của tác giả Graham Greene đã nhận ra vào cuối cuốn tiểu thuyết *The Quiet American*, đôi khi, là con người bạn phải chọn lựa giữa các bên.

Tôi chọn đứng cùng Greg Mortenson. Không phải vì anh không có những thiếu sót, ý thức về thời gian linh động của anh đã khiến sự nối tiếp chính xác của nhiều sự kiện trong cuốn sách này gần như không dễ dàng như việc phỏng vấn người dân Balti mà anh cùng làm việc - ngôn ngữ của họ không có các thì và ít gắn với thời gian tuyến tính như ngôn ngữ của người mà họ gọi là bác sĩ Greg.

Trong hai năm cùng nhau làm việc cho quyển sách này, Mortenson thường trễ hẹn đến phát bực khiến tôi đã cân nhắc đến việc từ bỏ kế hoạch. Nhiều người, đặc biệt là ở Mỹ đã quay lưng với anh sau những sự việc tương tự; họ coi anh là người “không đáng tin cậy” hay còn tệ hơn nữa. Nhưng tôi đã nhận ra, như vợ anh, Tara Bishop, thường nói, “Greg không phải là một người trong chúng ta.” Anh hoạt động theo Thời gian Mortenson, một sản phẩm có lẽ xuất phát từ sự trưởng thành ở Phi châu và làm việc phần lớn thời gian trong năm ở Pakistan. Và phương pháp hoạt

động của anh, thuê mướn người có ít kinh nghiệm dựa trên những cảm xúc tự nhiên, củng cố khối liên minh làm việc với những nhân vật khó chịu tất yếu và trên hết là chấp cánh cho nó trong khi còn do dự và trái với lẽ thường, đã chuyển dời những ngọn núi.

Đối với người đã thành đạt nhiều như vậy, Mortenson đặc biệt ít nghĩ đến cái tôi. Sau khi tôi đồng ý viết cuốn sách này, anh đã đưa cho tôi một trang giấy có hàng chục cái tên và con số được ghi dày đặc bên lề bằng chữ nhỏ. Đó là danh sách những kẻ thù của anh. “Hãy nói chuyện với tất cả bọn họ,” anh nói. “Hãy để họ nói. Chúng tôi đã có được kết quả. Đó là những gì tôi quan tâm.”

Tôi đã nghe hàng trăm kẻ thù và người ủng hộ Mortenson nói. Và do sự an toàn hoặc riêng tư, tôi đã thay đổi một vài cái tên và địa điểm.

Việc viết cuốn sách này đúng thật là một sự cộng tác. Tôi viết. Song, Mortenson là người làm sống động câu chuyện. Và cùng nhau, lựa chọn hàng nghìn hình ảnh slide, xem lại tư liệu và phim ảnh của cả một thập niên, ghi âm hàng trăm giờ phỏng vấn và qua lại viếng thăm những người là trung tâm của những chuyện kể lạ lùng nhất này, chúng tôi đã cho ra đời cuốn sách.

Và như tôi trông thấy ở Pakistan, Viện Trung Á của Mortenson có được những kết quả không thể chối cãi. Ở một vùng của thế giới, nơi những người Mỹ, nhiều nhất là bị hiểu lầm và thường hơn là bị e ngại và căm ghét, nhà cựu leo núi ăn nói mềm mỏng, cao gần hai mét đến từ Montana đã thu được một chuỗi những thành công không tưởng. Mặc dù bản thân không bao giờ nói ra, nhưng anh đã một tay làm thay đổi cuộc sống của hàng nghìn trẻ em, và một ách độc lập, đã chiếm được cảm tình cũng như sự chú ý nhiều hơn hết thảy sự tuyên truyền chính thức của người Mỹ đang tràn ngập vùng này.

Do đó, đây là một lời thú nhận: Thay vì chỉ tường thuật tiến bộ của anh, tôi muốn thấy Greg Mortenson thành công. Tôi mong anh thành công vì anh đang chiến đấu cho cuộc chiến chống khủng bố theo cách mà tôi nghĩ là cuộc chiến đó cần phải được tiến hành. Bằng mình trên cái gọi là “xa lộ” Karakoram trên chiếc Land Cruiser cũ, tự nhận vào mình những rủi ro lớn để gieo cho vùng đất đã sản sinh ra phiến quân Taliban những ngôi trường, Mortenson tham gia cuộc chiến với những căn nguyên của khủng

bố mỗi khi anh tạo cơ hội cho một học sinh được nhận nền giáo dục cân bằng thay vì theo học ở một *madrassa*⁽⁴⁾ cực đoan.

Nếu người Mỹ học được nhiều hơn từ những sai lầm của mình, từ cái cách mà chúng ta, như một quốc gia, đã tiến hành cuộc chiến tranh chống khủng bố không hiệu quả sau vụ tấn công 11/9, và từ cái cách mà chúng ta đã thất bại để làm cho đa số những người ôn hòa, yêu hòa bình ngay trong lòng thế giới Hồi giáo ủng hộ mình, chúng ta cần lắng nghe Greg Mortenson. Tôi đã lắng nghe và đó là một trong những trải nghiệm hữu ích nhất trong cuộc đời tôi.

David Oliver Relin
Portland, Oregon.

CHƯƠNG 1

Thất bại

Khi trời đủ tối bạn có thể nhìn thấy các vì sao.

- Ngạn ngữ Ba Tư

Ở Karakoram, Pakistan, nhô lên lờm chờm ngang qua vùng đất trơ trụi rộng một trăm dặm, hơn sáu mươi ngọn núi cao nhất thế giới ngự trị với vẻ uy nghiêm trên độ cao hoang vu không người biết đến. Ngoài báo tuyết và dê rừng núi Anpơ rất ít sinh vật đi qua mỏm tuyết trơ trụi này, nơi mà sự hiện diện của ngọn núi cao thứ hai trên thế giới, K2, chỉ là lời đồn đại với thế giới bên ngoài cho đến tận đầu thế kỉ 20.

Xuôi xuống từ K2 đến những vùng cao có người ở thung lũng Indus, giữa bốn chóp đá hoa cương của những ngọn Gasherbrum và mũi nhọn như dao găm giết người của những ngọn Great Trango Tower, chỉ có dòng sông băng Baltoro dài sáu mươi hai kilômét làm xáo động cái giáo đường lặng lẽ của đá và băng này. Ngay cả chuyển động của dòng sông băng, trôi dạt với vận tốc mười centimet một ngày, hầu như không thể nhận ra.

Chiều ngày 2 tháng 9 năm 1993, Greg Mortenson cảm thấy mình khó mà di chuyển được nhanh hơn nữa. Mặc bộ *shalwar kamiz*⁽⁵⁾ màu bùn giống những người khuân vác Pakistan của mình, anh có cảm giác đôi ủng da leo núi màu đen nặng trĩch đang tự động đưa anh xuôi dòng Baltoro theo tốc độ băng hà của nó, bởi một hạm đội những tảng băng trôi dàn ra như những cánh buồm của hàng nghìn con tàu bị băng giữ chặt.

Bất cứ lúc nào Mortenson cũng hi vọng tìm thấy Scott Darsney, một thành viên trong đoàn, người sẽ cùng anh trở lại với thế giới văn minh, đang ngồi trên một tảng đá, cười nhạo vì anh đi quá chậm. Nhưng vùng thượng Baltoro là một mê lộ chứ không phải là con đường mòn. Mortenson vẫn chưa nhận ra mình đã lạc đường và đơn độc. Anh đã đi trệch khỏi dòng chính của sông băng theo hướng không dẫn về phía tây, phía ngôi làng Askole ở cách năm mươi dặm nơi anh hi vọng tìm được một người lái xe jeep sẵn lòng chở anh ra khỏi những ngọn núi này, mà dẫn về phía nam, vào một mê cung không thể vượt qua của những thác băng vỡ và xa hơn, là vùng cao chết người, nơi quân lính Ấn Độ và Pakistan rót đạn pháo vào nhau qua bầu không khí loãng.

Thường thì Mortenson phải chú ý hơn. Anh phải tập trung vào thông tin mang tính sống còn, như việc Mouzafer, người khuân vác đã xuất hiện như một phép lạ và tình nguyện vận chuyển chiếc túi đựng đồ leo núi nặng trình trịch cùng chiếc lều và gần như hết thảy số thực phẩm của anh và phải giữ ông ta trong tầm mắt. Anh còn phải lưu ý hơn nữa sự đáng sợ của môi trường xung quanh.

Năm 1909, công tước Abruzzi, một trong những nhà leo núi vĩ đại nhất và có lẽ là người am hiểu nhất thời đại mình về những cảnh quan vách đá, đã dẫn đoàn thám hiểm người Ý lên đến Baltoro trong một nỗ lực không thành để lên đỉnh K2. Ông kinh ngạc trước vẻ đẹp trần trụi của những đỉnh núi bao quanh.

“Nói về vẻ đẹp vùng núi cao thì không gì có thể so sánh được,” ông ghi lại trong nhật kí. “Đó là thế giới băng hà và núi đá lởm chởm, một quang cảnh lạ thường có thật làm hài lòng người nghệ sĩ cũng như nhà leo núi.”

Nhưng khi mặt trời lặn về phía tây sau những đường răng cưa hoa cương lớn của ngọn Muztagh Tower và bóng tối quét lên các vách thung lũng phía đông về phía núi đá liền khối như lưỡi dao găm Casherbrum, Mortenson hầu như không nhận thấy. Buổi chiều hôm đó, anh đang nhìn vào chính bản thân mình sững sờ và bị thu hút bởi một điều gì đó khá xa lạ trong cuộc đời mình cho đến thời điểm đó - sự thất bại.

Thọc tay vào túi quần *shalwar*, anh chạm đầu ngón tay vào chuỗi hạt hổ phách mà cô em gái Christa thường đeo. Khi còn là đứa bé ba tuổi ở Tanzania, nơi cha mẹ Mortenson vốn sinh ra ở Minnesota làm giáo viên và nhà truyền giáo của giáo phái Luther, Christa bị viêm màng não cấp tính và không bao giờ hồi phục. Greg lớn hơn cô em gái mười hai tuổi, đã tự phân công mình làm người bảo trợ cho em. Mặc dù Christa đã nỗ lực để thực hiện những việc đơn giản - mặc quần áo vào mỗi buổi sáng cũng mất đến cả giờ - và phải chịu những cơn động kinh nghiêm trọng, Greg đã thúc ép mẹ mình, Jerene, cho phép em gái được tự lập phần nào. Anh giúp Christa tìm một công việc lao động chân tay, chỉ dạy cho cô những tuyến xe buýt công cộng ở Twin Cities để cô có thể đi đây đó một cách tự do và do sự ngại ngùng của mẹ, anh trao đổi chi tiết với em gái về việc kiểm soát sinh sản khi biết cô đang hẹn hò.

Hằng năm, không kể là đang phục vụ trong quân y Mỹ và là trung đội trưởng ở Đức chăm sóc bệnh nhân ở South Dakota, đang nghiên cứu về

sinh lí thần kinh tại một trường cao học ở Ấn Độ với hi vọng tìm ra cách chữa trị cho Christa, hay đang sống như một người leo núi rời xa chiếc xe hơi của mình ở Berkeley, California, Mortenson đều nài nỉ cô em gái bé nhỏ đến thăm mình một tháng. Cùng nhau, hai anh em đã khám phá được những cảnh quang làm cho Christa rất thích thú. Họ đã tham dự cuộc đua Indy 500, cuộc đua ngựa Kentucky Derby, rong ruổi đến Disneyland, và anh đã hướng dẫn em gái tham quan thánh đường kiến trúc của riêng mình vào thời điểm đó, những vách đá hoa cương nhiều tầng ở Yosemite.

Chuẩn bị cho sinh nhật lần thứ hai mươi ba, Christa và mẹ dự định thực hiện chuyến hành hương từ Minnesota đến cánh đồng ngô ở Deyersville, Iowa, nơi bộ phim *Field of Dreams* - bộ phim mà Christa đã xem đi xem lại nhiều lần, đã được quay. Nhưng vào hôm sinh nhật, lúc một hai giờ sáng trước khi họ khởi hành, Christa đã chết sau một cơn động kinh dữ dội.

Sau cái chết của Christa, Mortenson giữ lại chuỗi hạt trong số những đồ vật ít ỏi của em gái. Chuỗi hạt vẫn vương mùi lửa trại mà họ đã đốt trong lần cuối cô em đến thăm anh ở California. Anh đã mang theo chuỗi hạt đến Pakistan, buộc vào một lá bùa của người Tây Tạng cùng với một kế hoạch tưởng nhớ cô em gái bé nhỏ của mình. Là một nhà leo núi, Mortenson đã quyết định, với sự thành tâm nhất trong lòng mình, sẽ leo lên đỉnh K2, đỉnh núi mà hầu hết những nhà leo núi xem là khó đến nhất trên trái đất và đặt chuỗi hạt của Christa ở đó, tại độ cao 8.615 mét.

Anh đã được nuôi dạy trong một gia đình ưa thích những nhiệm vụ khó khăn, như xây dựng một trường học và bệnh viện trên sườn núi Kilimanjaro ở Tanzania. Nhưng bất chấp những bề mặt phẳng lặng trong niềm tin không nghi ngờ của cha mẹ, tâm trí của Mortenson chưa được chuẩn bị cho bản chất thần linh. Anh sẽ dâng tặng lễ vật cho bất cứ vị thần nào sống trên tầng khí cao.

Ba tháng trước đó, Mortenson đã băng qua dòng sông băng này một cách tích cực trong đôi sandan Teva không vỡ, với chiếc balô nặng bốn mươi kí dành cho chuyến mạo hiểm vậy gọi anh đến Baltoro. Anh đã bắt đầu chuyến đi sáu mươi dặm từ Askole với một đội gồm mười nhà leo núi người Anh, Ireland, Pháp và Mỹ, một đội không dồi dào về tài chính nhưng gan dạ một cách điên rồ, leo lên ngọn núi cao thứ hai trên thế giới.

So với Everest, một nghìn dặm về phía nam dọc theo sống lưng của dãy Himalaya, cả đội đều biết K2 là ngọn núi giết người. Với những người leo núi, vốn gọi nó là “Đỉnh núi Hoang dã,” thì nó vẫn còn là thử thách

tuyệt đối, một kim tự tháp như dao cạo bằng đá hoa cương dốc đến mức tuyệt không thể bám vào những chỏm đá có mép sắc như dao. Và Mortenson, khi đó là chàng trai ba mươi lăm tuổi, khỏe như bò mộng, từng lên đỉnh Kilimanjaro năm mười một tuổi và theo học trên những vách đá hoa cương dốc đứng ở Yosemite, rồi tốt nghiệp với nhiều lần thành công trong việc chinh phục các đỉnh núi ở Himalaya, khi đến nơi vào tháng năm, đã tin tưởng rằng sẽ sớm được đứng ở cái nơi mà anh gọi là “đỉnh cao lớn nhất và trơ trụi nhất trên trái đất.”

Anh đã đến rất gần trong vòng sáu trăm mét tính từ đỉnh. Nhưng K2 đã chìm trong làn sương mù phía sau anh và chuỗi hạt vẫn nằm trong túi. Tại sao điều đó lại xảy ra? Anh dụi mắt vào tay áo, mắt phương hướng bởi những giọt nước mắt xa lạ và đổ lỗi chúng do độ cao gây ra. Anh chắc chắn không còn là chính mình. Sau sáu mươi tám ngày chiến đấu theo bản năng ở độ cao của K2, anh cảm thấy mình như một vết sẹo mờ nhạt của chính mình. Đơn giản là anh không biết có còn đủ đồ dự trữ để đi thêm năm mươi dặm qua vùng đất nguy hiểm để đến Askole hay không.

Tiếng kêu răng rắc, chói tai như tiếng súng của một tảng đá rơi đưa anh về với quang cảnh xung quanh. Anh nhìn tảng đá có kích thước bằng tòa nhà ba tầng đang rơi nhanh dần, nảy lên và xoay tròn xuống một dốc đá li ti rồi nghiền vụn một núi băng trên đường đi của nó.

Mortenson cố tự lay tỉnh mình trở lại trạng thái cảnh giác. Anh tìm lại chính mình, nhận thấy bóng tối đã lên cao như thế nào trên những đỉnh núi phía đông, và cố nhớ xem đã bao lâu rồi kể từ khi anh nhìn thấy dấu vết của những người khác. Đã nhiều giờ trôi qua kể từ khi Scott Darsney biến mất dưới lối mòn ở phía trước. Một giờ trước đó, hoặc có thể lâu hơn, anh đã nghe thấy những tiếng chuông của một đoàn la thò của quân đội đang tải đạn về phía sông băng Siachen, bãi chiến trường cao sáu nghìn mét cách đó mười hai dặm về phía nam, nơi quân đội Pakistan đã đóng băng trong thế cầm cự chết chóc vĩnh viễn với quân đội Ấn Độ.

Anh lùng sục con đường mòn tìm kiếm dấu vết. Ở một nơi nào đó trên con đường mòn trở về Askole, phải có rác rưởi mà quân đội để lại đằng sau. Nhưng không thấy phân la. Không có những mẫu thuốc lá. Không có những vỏ lon thực phẩm. Không có cỏ khô mà những người cưỡi la mang theo cho con vật của mình. Anh nhận ra chỗ đó không hề giống lối mòn, mà chỉ là một đường nứt trong cái mê cung không ổn định của đá và băng, và tự hỏi vì sao mình lại lang thang đến điểm này. Anh cố giữ đầu óc sáng suốt để tập

trung. Nhưng tác động của việc dải gió dầm mưa kéo dài ở độ cao đã làm Mortenson mất khả năng suy nghĩ và hành động một cách dứt khoát.

Anh mất một giờ để leo lên dốc đá vụn, hi vọng đến một điểm thuận lợi trên những tảng đá và núi băng, một nơi mà anh có thể nhận ra điểm mốc mình đang tìm kiếm, mỏm đá lớn Urdukas, nhô ra khỏi dòng Baltoro như một nắm đấm lớn và kéo anh quay về hướng đường mòn. Nhưng ở trên đỉnh, anh không nhận được gì nhiều ngoài sự kiệt sức hơn nữa. Anh đã đi lạc tảm dậm đến tận một thung lũng hoang vắng, và trong ánh nắng đang tắt dần, ngay cả đường viền của những đỉnh núi mà anh biết rất rõ cũng trông như xa lạ trong phối cảnh mới này.

Cảm thấy có sự hoang mang đang ẩn chứa bên dưới sự sững sờ do độ cao gây ra, Mortenson ngồi xuống lấy lại bình tĩnh. Trong chiếc túi nhỏ màu đỏ tía bạc phéch vì nắng của anh có một tấm chăn nhẹ của quân đội Pakistan, một chai nước rỗng không và một thanh protein duy nhất. Túi ngủ, toàn bộ quần áo ấm, chiếc lều, bếp lò, thực phẩm, thậm chí cả đèn pin và mọi que diêm của anh đều nằm trong chiếc balô mà người khuân vác mang theo.

Anh phải ở đây qua đêm và tìm ra con đường mòn lúc bình minh. Mặc dù nhiệt độ đã xuống dưới không độ khá nhiều, anh sẽ không chết, anh nghĩ như vậy. Ngoài ra, anh còn đủ tỉnh táo để nhận ra rằng đi trượt chân trong đêm, trên dòng sông băng đang chuyển động, nơi có những khe nứt há ra hàng chục mét bên dưới, qua những mảnh vỡ vụn của băng xanh vào trong những vũng nước ngầm còn nguy hiểm hơn nhiều. Quay trở xuống từ gò đá vụn, Mortenson tìm một chỗ cách các vách núi khá xa để không bị nghiền nát bởi một tảng đá lăn khi đang ngủ, và đủ chắc chắn để không nứt ra và chìm anh vào sâu trong dòng sông băng.

Anh tìm thấy một phiến đá phẳng có vẻ khá chắc chắn, nạo lấy tuyết cho vào chai nước bằng hai bàn tay không mang găng, và quán mình trong chăn, mong rằng sẽ không chú tâm vào việc mình cô độc và đang ở trong tình trạng nguy hiểm như thế nào. Cánh tay anh bị dây thừng quật bồng trong đợt cứu hộ và anh biết cần phải xé bỏ những lớp băng gạt và nặn mủ từ vết thương không chịu lành ở cao độ này, nhưng anh không thể nhanh chóng định vị cử động của mình. Khi nằm run rẩy trên tảng đá gồ ghề, Mortenson nhìn ánh sáng cuối cùng của mặt trời cháy âm ỉ như máu đỏ trên những đỉnh núi nhọn như dao ở phía đông; rồi lóe sáng để lại những dư ảnh cháy bừng trên nền màu xanh đen.

Gần một thế kỉ trước, Filippo De Filippi, bác sĩ và là người viết sử biên niên trong đoàn thám hiểm của công tước Abruzzi đến Karakoram đã ghi chép về sự cô độc mà ông cảm nhận được khi ở giữa những ngọn núi này. Mặc dù đi cùng một đoàn hai chục người châu Âu và hai trăm sáu mươi phu khuân vác địa phương và họ mang theo những chiếc ghế xếp, những bộ ấm trà bằng bạc và có một đội những người chạy bộ giao báo châu Âu đều đặn, ông vẫn cảm thấy bị nghiền nát thành vô nghĩa bởi đặc điểm của cảnh quan này. Ông viết, “Sự thinh lặng bao phủ toàn thung lũng, thậm chí đè xuống tâm trí chúng tôi với sự nặng nề mơ hồ. Không có nơi nào khác trên thế giới mà người ta lại cảm thấy mình cô đơn biệt lập, bị bỏ rơi hoàn toàn bởi thiên nhiên, bất lực trong việc đối thoại với thiên nhiên như ở đây.”

Có lẽ do bản thân đã từng cảm nhận được sự cô độc, là đứa trẻ người Mỹ đơn độc giữa hàng trăm người Phi châu hoặc do những đêm ở ngoài trời giữa độ cao gần một nghìn mét của đỉnh Half Dome thuộc vườn quốc gia Yosemite trong chuyến leo núi dài ngày mà Mortenson cảm thấy thanh thản. Nếu hỏi tại sao, anh sẽ quy cho trạng thái phân liệt tâm thần do độ cao gây ra. Nhưng bất cứ ai đã sống cùng Mortenson trong một thời gian những người đã theo dõi cách anh thuyết phục một đại biểu quốc hội, một nhà từ thiện miễn cưỡng, hay một viên tư lệnh người Afghanistan lì lợm, cho đến khi anh có được những khoản tiền viện trợ trẻ nãi, hoặc một khoản hiến tặng, hoặc giấy phép mà anh đang tìm kiếm để đi vào các lãnh thổ của bộ lạc, cũng đều công nhận rằng đêm hôm đó là một ví dụ nữa về tinh thần thép của Mortenson.

Gió đã nổi lên và đêm tối trở nên buốt giá. Anh cố phân biệt những đỉnh núi mà anh cảm thấy đang lượn lờ một cách ác ý xung quanh nhưng không thể phân biệt chúng khi xung quanh là bóng tối bao trùm. Sau một giờ nằm dưới chăn, anh có thể làm tan chảy thanh protein đang áp sát vào cơ thể và làm tan nước băng bùn vừa đủ để nuốt nó xuống, nước băng làm anh run bắn lên. Ngủ trong cái lạnh này dường như là điều bất khả kháng. Vì thế, Mortenson nằm dưới những vì sao như rắc muối trên bầu trời và quyết định xem xét bản chất sự thất bại của mình.

Những người chỉ huy đoàn thám hiểm của anh, Dan Mazur và Jonathan Pratt cùng nhà leo núi người Pháp Etienne Fine, là những người dũng cảm. Họ nhanh nhẹn và phong nhã, thừa hưởng gen cần thiết để đi nhanh ở độ dốc kĩ thuật ở độ cao lớn. Mortenson đi chậm và khỏe như gấu. Với chiều cao gần hai mét và nặng chín mươi lăm kí, Mortenson từng theo học tại

trường Cao đẳng Concordia ở Minnesota với học bổng của môn bóng bầu dục.

Mặc dù không ai chỉ đạo nên làm gì, nhưng phần việc chậm và nặng nhọc khi leo núi tự nhiên rơi vào anh và Darsney. Tám lần khác nhau, Mortenson đã phục vụ như la thò, kéo thực phẩm, nhiên liệu và những bình oxy đến vài nơi cất giữ trên đường đến Hành lang Nhật Bản - cái hang mong manh mà đoàn thám hiểm đã tạo ra cách đỉnh K2 trong vòng một trăm tám mươi mét, tích trữ hàng cho những trại trên cao của đoàn thám hiểm, để những nhà leo núi đi đầu có thể có tiếp liệu tại chỗ khi họ quyết định leo lên tới đỉnh.

Tất cả các đoàn thám hiểm khác trên núi vào mùa này đều đã chọn thách thức đỉnh cao bằng con đường truyền thống đi lên theo con đường đã được khai phá gần một thế kỉ trước, chóp núi Abruzzi phía đông nam của K2. Chỉ riêng họ chọn chóp núi phía tây, một lộ trình khúc khuỷu cực kì khó khăn, tiếp nối chướng ngại này đến chướng ngại khác của các sườn dốc, độ dốc kĩ thuật, mà chỉ có duy nhất một thành công vào mười hai năm trước bởi nhà leo núi người Nhật Eiho Otani và người đồng sự Pakistan Nazir Sabir.

Mortenson hồi tưởng lại thách thức và thấy tự hào về con đường gian khổ mà họ đã chọn. Và mỗi khi đến được một trong những cái hang mà họ đã đào cao trên chóp phía tây và chắt những hộp nhiên liệu, những cuộn dây thừng, anh nhận ra mình cảm thấy mạnh mẽ hơn. Anh có thể chậm nhưng việc chính anh lên được đến đỉnh, dường như là một điều chắc chắn.

Rồi vào một buổi tối sau hơn bảy mươi ngày trên núi, Mortenson và Darsney trở về trại căn cứ, sắp chìm vào giấc ngủ xứng đáng sau chín mươi sáu giờ leo núi cho một chuyến tiếp liệu khác. Nhưng khi nhìn lần cuối về phía đỉnh núi qua ống nhòm ngay sau khi trời tối, Mortenson và Darsney chú ý đến ánh đèn nhấp nháy cao trên chóp tây của K2. Họ nhận ra đó là các thành viên trong đoàn, đang gửi tín hiệu bằng những ngọn đèn đeo trên trán, và họ đoán rằng đồng đội người Pháp đang gặp rắc rối. “Etienne là dân miền núi.” Mortenson giải thích, nhấn mạnh bằng cách phát âm tiếng Pháp cường điệu với sự tôn trọng và kiêu hãnh mà thuật ngữ đó có thể chuyển tải giữa những người leo núi. “Anh ấy di chuyển nhanh và nhẹ với đồ dùng tối thiểu tuyệt đối. Và chúng tôi đã ngăn cản trước khi anh ấy đi quá nhanh mà chưa thích nghi với khí hậu.”

Mortenson và Darsney, đang do dự không biết liệu họ có đủ sức để leo lên chỗ Fine sau lần xuống núi kiệt sức vừa rồi, đã gọi những người tình nguyện từ năm đoàn thám hiểm khác ở trại căn cứ. Không ai đứng ra giúp đỡ. Họ nằm nghỉ và duy trì độ ẩm trong hai tiếng, sau đó thu dọn đồ đạc và quay trở lại.

Leo xuống từ Trại IV ở độ cao bảy nghìn sáu trăm mét, Pratt và Mazur nhận thấy họ phải đấu tranh cho sự sống của chính mình. “Etienne đã leo lên gia nhập với chúng tôi trong nỗ lực cuối cùng để lên đỉnh.” Mazur nói. “Nhưng khi đến được chỗ chúng tôi, anh ấy đã suy sụp. Trong khi cố giữ hơi thở, anh ấy nói với chúng tôi là anh nghe thấy tiếng lộp bộp trong phổi.”

Fine đã bị phù phổi, tràn dịch phổi do độ cao gây ra, có thể gây chết người nếu không được đưa ngay xuống nơi thấp hơn. Mazur nói, “Thật đáng sợ. Bọt đỏ hồng không ngừng tuôn ra từ miệng Etienne. Chúng tôi cố gọi giúp đỡ nhưng đã để rơi vô tuyến vào trong tuyết và nó không hoạt động được nữa. Do vậy chúng tôi bắt đầu đi xuống.”

Pratt và Mazur thay nhau kẹp Fine vào người mình, và tuột theo dây cùng với anh xuống những dốc cao nhất ở sườn phía tây. “Trông giống như treo một túi khoai tây lớn vào sợi dây thừng.” Manzur nói. “Và chúng tôi phải tranh thủ thời gian để không tự giết chết mình.”

Với tính cách ít nói đặc trưng, Mortenson không nói gì nhiều về hai mươi bốn giờ mà anh phải tự kéo mình lên để đến với Fine trừ lời nhận xét “thật gian khổ”.

“Dan và John thật sự là những người hùng,” anh nói. “Họ đã từ bỏ nỗ lực leo lên đỉnh núi để đưa Etienne xuống.”

Lúc Mortenson và Darsney gặp đồng đội của mình, trên một tảng đá gần Trại I, Fine lúc tỉnh lúc mê và còn bị phù não, chứng sưng viêm não do độ cao gây ra. “Anh ấy không thể nuốt và đang cố tháo dây đôi ủng.” Mortenson nói.

Mortenson, từng làm y tá trong phòng cấp cứu chấn thương, để được tự do về giờ giấc giúp anh theo đuổi sự nghiệp leo núi, đã tiêm cho Fine những mũi Decadron để làm dịu chứng phù, và bốn nhà leo núi kiệt sức bắt đầu một hành trình gian khổ bốn mươi tám giờ để kéo và hạ Fine xuống những mặt đá lởm chởm.

Đôi khi Fine, bình thường nói tiếng Anh luru loát, tinh táo đủ để bập bẹ bằng tiếng Pháp, Mortenson nói. Ở những độ dốc kỹ thuật nhất, với bản năng sinh tồn của một người leo núi lâu năm, Fine tự gượng dậy để móc

thiết bị bảo hộ của mình vào dây thừng, trước khi trở lại thành một khối bất động. Mortenson nhớ lại.

Bảy mươi hai giờ sau khi Mortenson và Darsney khởi hành, cả nhóm đã thành công trong việc hạ Fine xuống khu đất bằng ở trại căn cứ tiền trạm của họ. Darsney gọi vô tuyến cho đội người Canada phía dưới; họ chuyển yêu cầu của anh cho quân đội Pakistan xin một chiếc trực thăng cấp cứu đến cao độ Lama. Vào thời điểm đó, đây là một trong những chuyến cấp cứu bằng trực thăng ở nơi cao nhất được thực hiện. Nhưng ban chỉ huy của quân đội đã trả lời rằng thời tiết quá xấu và gió quá mạnh, và ra lệnh đưa Fine xuống vùng đất thấp hơn.

Ra lệnh là một chuyện. Nhưng đối với bốn con người đang ở trong tình trạng kiệt sức sâu nhất của động vật thì việc thi hành mệnh lệnh lại là chuyện khác. Trong sáu giờ, sau khi buộc Fine bằng dây đai vào chiếc túi ngủ, họ chỉ trao đổi với nhau bằng những tiếng lầm bầm và rên rỉ, họ đã kéo bạn mình xuống núi theo một lộ trình kỹ thuật nguy hiểm qua thác băng của sông băng Savoia.

“Chúng tôi không còn chút sức lực và đã vượt quá giới hạn của mình, nhiều khi chúng tôi chỉ có thể bò để cố đưa anh ấy xuống.” Darsney nhớ lại.

Sau cùng, cả nhóm đến trại căn cứ K2, kéo theo Fine trong chiếc túi ngủ phía sau. Darsney nói, “Tất cả các đoàn khác đều đi dọc theo một phần tư dặm phía trên sông băng để chào đón chúng tôi và hoan nghênh chúng tôi như người hùng. Sau khi trực thăng của quân đội Pakistan đến và đưa Etienne đi, những thành viên trong đoàn Canada đã nấu một bữa ăn lớn và mọi người có một buổi liên hoan. Nhưng Greg và tôi không dừng lại để ăn, uống, thậm chí để đi tiểu, chúng tôi chỉ ngã ngay vào túi ngủ giống như bị bắn hạ.”

Trong hai ngày, Mortenson và Darsney bị cuốn vào giấc ngủ do độ cao gây ra cả với những người kiệt sức nhất. Gió lùa vào căn lều của họ mang theo âm thanh của những chiếc đĩa ăn kim loại khắc tên bốn mươi tám nhà leo núi đã bỏ mạng trên Savage Mountain, kêu leng keng ma quái ở khu tưởng niệm Art Gilkey, được đặt theo tên một nhà leo núi của đoàn thám hiểm người Mỹ đã chết vào năm 1953.

Khi thức dậy, họ chỉ thấy lời nhắn của Pratt và Mazur; cả hai đã quay lại trại trên cao. Họ mời gọi đồng đội cùng tham gia vào một nỗ lực lên đỉnh sau khi đã hồi phục. Nhưng hồi phục là một điều nằm ngoài tầm của

họ. Vụ cứu hộ đến quá nhanh ngay sau chuyến leo bỏ sung hàng tiếp tế, đã lấy đi hết sức lực của họ.

Sau cùng, khi đã rời được căn lều, cả hai đều thấy phải phấn đấu để bước đi. Fine đã được cứu sống với giá đắt, thử thách đó sau cùng phải trả giá bằng tất cả các ngón chân của anh. Và vụ cứu hộ đã lấy của Mortenson và Darsney mọi nỗ lực họ có thể tự hợp tại đỉnh núi mà họ đã làm việc vất vả để đạt tới. Một tuần sau, Mazur và Pratt sẽ thông báo với thế giới rằng họ đã đứng trên đỉnh núi và trở về nhà với thành tích đáng tự hào của mình. Nhưng số đĩa kim loại đóng đũa trong gió sẽ nhiều thêm lên khi bốn trong số mười sáu nhà leo núi lên được đến đỉnh trong mùa đó đã chết trong chuyến đi xuống của họ.

Mortenson lo ngại tên của mình sẽ được thêm vào khu tưởng niệm. Darsney cũng vậy. Họ quyết định thực hiện chuyến đi xuống hướng về thế giới văn minh, nếu họ có thể. Lạc lối, hồi tưởng lại vụ cứu hộ, một mình trong chiếc chăn len mỏng trong những giờ trước lúc bình minh, Greg Mortenson cố gắng tìm một tư thế thoải mái. Với chiều cao của mình, anh không thể nằm thẳng mà không thò đầu ra ngoài không khí không khoan dung này. Anh đã sụt mất mười ba kí trong những ngày ở K2, và không kể dù anh xoay người kiểu nào, những khúc xương không được lót đệm dường như ép vào đá lạnh bên dưới. Trôi dạt giữa ý thức và vô thức trong tiếng rên rĩ bên trong dòng sông băng bí ẩn, anh cảm thấy thanh thản dù không vinh danh được cho Christa. Cơ thể anh chứ không phải tinh thần đã thất bại, anh quyết định như vậy, và cơ thể nào cũng có những giới hạn của nó. Anh, lần đầu tiên trong đời, đã thấy giới hạn tuyệt đối của cơ thể mình.

CHƯƠNG 2

Bên bờ lạc lối của dòng sông.

□

Vì sao mi phải trầm tư để đoán trước tương lai, và mệt óc vì sự phức tạp hão huyền?
Hãy vứt đi sự thận trọng, chừa lại những kế hoạch mà Allah đã sắp đặt - Ngài đã sắp
đặt mọi chuyện không cần hỏi ý mi.

- Omar Khayyam, The Rubaiyat

□ □

Mortenson mở mắt ra.

Bình minh quá êm ả khiến anh quên đi ham muốn mãnh liệt để thở. Anh lọng cọng rút hai tay ra khỏi chiếc chăn quấn chặt như trong cơn ác mộng rồi đưa về phía đầu, hiện đang phơi ra trên tảng đá trần trụi. Miệng và mũi anh bị bịt kín dưới lớp băng nhẵn. Anh gỡ lớp băng mỏng ra và thở hơi thở sâu đầu tiên một cách hài lòng rồi anh ngồi dậy, tự cười với mình.

Anh ngủ vừa đủ để mất phương hướng hoàn toàn. Khi đuổi người và cố xoa bóp những cơn đau sau lưng do những tảng đá gây ra, anh chú ý đến cảnh vật xung quanh. Những đỉnh núi được tô vẽ sắc màu rực rỡ - tất cả đều màu hồng, màu tím và xanh mon mơn - và bầu trời ngay trước lúc mặt trời mọc, lặng gió và trong sáng.

Cùng với sự tuần hoàn máu ở các chi, những chi tiết về tình thế khó khăn của anh từ từ quay trở lại - vẫn mất phương hướng, vẫn cô độc – nhưng Mortenson không lo lắng. Buổi sáng đã tạo ra mọi khác biệt.

Cao cao trên ngọn Baltoro, một con chim *gorak* lượn vòng hi vọng, đôi cánh lớn màu đen lướt qua cảnh nhìn của những đỉnh núi tầm đường. Với hai bàn tay khum lại vì lạnh, Mortenson nhét tấm chăn vào chiếc túi nhỏ màu đỏ tía và cố gắng mở nắp chai nước còn một nửa. Anh cẩn thận cất nó và tự nhủ sẽ uống ngay khi hai bàn tay hết cóng. Con chim *gorak* nhìn thấy Mortenson cử động, vỗ cánh bay về phía dưới của dòng sông băng, tìm kiếm một nguồn cung cấp bữa sáng khác.

Mặc dù đã ngủ nhiều, nhưng Mortenson vẫn cảm thấy mình đang suy nghĩ một cách sáng suốt hơn. Nhìn ngược lại con đường đã đi đến đây từ phía trên thung lũng, anh nhận ra rằng nếu quay trở lại đường cũ trong vài giờ, chắc chắn anh sẽ đi vào lối mòn.

Anh khởi hành về hướng bắc hơi vấp vấp trên những tảng đá, căng người nhảy qua chỗ hẹp nhất của những khe nứt với đôi chân vẫn còn tê

cóng nhưng anh thực hiện được điều mà anh xem như là một tiến bộ đáng kể. Như thường lệ, một bài ca từ thời thơ ấu tuôn trào cùng nhịp bước của anh. “*Yesu ni refiki Yangu, Ah kayee Mbinguni*” (“Chúng ta có người bạn tốt là Jesus, Ngài hiện sống trên thiên đường”), anh hát bằng tiếng Swahili, ngôn ngữ mà anh và mọi người dùng trong những buổi lễ vào mỗi chủ nhật ở ngôi nhà thờ bình dị, với cảnh núi Kalimanjaro ở phía xa. Âm điệu đã quá quen thuộc đối với Mortenson để anh nhận ra được sự lạ lùng trong giây phút này - một người Mỹ lạc lối ở Pakistan, đang hát một bài thánh ca Đức bằng tiếng Swahili. Thay vào đó, ở giữa bãi đất hoang đầy đá cuội và băng xanh, nơi những viên sỏi anh đá vào sẽ biến mất dưới khe nứt trong vài giây trước khi làm tung tóe nước trong những con sông ngầm, làm cháy lên nỗi nhớ quê hương nồng nàn, một ngọn đèn biển từ xứ sở mà anh từng gọi là quê hương.

Đã một giờ trôi qua trên con đường này. Rồi một giờ nữa. Mortenson đã tự đi lên một con đường dốc dẫn ra khỏi khe sâu mà anh vừa đi vào, cúi khom người trên cả đôi tay và đầu gối để bò qua một khối tuyết cứng trên miệng vực, và đứng trên mép vực ngay lúc mặt trời vừa lên khỏi các vách thung lũng.

Cứ như là anh vừa bị bắn thủng mắt.

Quang cảnh hùng vĩ làm anh lóa mắt. Gasherbrum, đỉnh Broad, đỉnh Mitre, tháp Muztagh - những ngọn núi khổng lồ phủ đầy băng đó, trần trụi trong vòng tay của ánh mặt trời, cháy rực lên như những đốm lửa trại.

Mortenson ngồi trên một tảng đá và uống nước trong chai cho đến cạn. Nhưng anh không tận hưởng được hết cảnh trí này. Trước khi qua đời vào năm 2002 trong một vụ rơi máy bay, nhiếp ảnh gia chuyên chụp phong cảnh hoang dã, Galen Rowell, đã dành nhiều năm cố nắm bắt vẻ đẹp siêu việt của những ngọn núi đi kèm theo ngọn Baltoro xuống đến vùng đất thấp hơn.

Những bức ảnh đã làm mọi người kinh ngạc nhưng Rowell luôn cảm thấy chúng không thể sánh với trải nghiệm của việc được đứng ở đây, trở nên nhỏ bé trước cảnh quan mà ông xem là nơi đẹp nhất trên trái đất, nơi ông gọi là “chón đặt ngai vàng của những vị thần núi.”

Mặc dù đã ở đây nhiều tháng, nhưng Mortenson vẫn say sưa ngắm nhìn những đỉnh núi này như chưa bao giờ được nhìn thấy. “Theo một cách mà tôi chưa từng có,” anh giải thích. “Cả mùa hè tôi đã nhìn những ngọn núi này như những mục tiêu, hoàn toàn tập trung vào ngọn K2 cao nhất. Tôi đã nghĩ về độ cao của chúng và những thách thức kỹ thuật mà chúng đặt ra cho

một người leo núi như tôi. Nhưng buổi sáng đó, lần đầu tiên, tôi đơn giản chỉ nhìn chúng. Thật là choáng ngợp.”

Anh đi tiếp. Đây có thể là kiến trúc tuyệt hảo của những ngọn núi - những hốc lõm lớn và núi đá hoa cương màu nâu sẫm và màu hoàng thổ được dựng nên với sự hài hòa cao độ hướng về phần cuối cao ngất, cô độc của những đỉnh núi - nhưng bất chấp tình trạng yếu đuối của mình, sự thiếu thốn lương thực và quần áo ấm, cơ may sống sót sẽ xấu đi nếu không sớm tìm được một trong hai thứ đó. Mortenson cảm thấy hài lòng một cách kì lạ. Anh lấy đầy chai nước từ một khe nước sông băng tan chảy và nhăn mặt vì lạnh khi uống. Thực phẩm không phải là vấn đề trong một vài ngày, anh tự nhủ, nhưng bạn phải nhớ uống nước.

Khoảng gần trưa, anh nghe có tiếng chuông leng keng rất mơ hồ và hướng theo đó về hướng tây. Một đoàn lừa thồ. Anh tìm kiếm những ụ đá đánh dấu con đường chính từ Baltoro đi xuống nhưng chỉ thấy đá vương vãi theo sự sắp xếp ngẫu nhiên nhất. Trên mép dốc đứng bên hông lớp băng tích, những dải băng vụn tạo thành mép của một dòng sông băng, anh đột nhiên đối mặt với một bức tường cao một nghìn năm trăm mét, chắn ngang bất cứ hi vọng nào để đi xa hơn. Anh nhận ra mình hẳn đã đi qua con đường mòn này mà không nhận ra, do vậy anh quay trở lại theo lối đã đi qua, tự buộc mình phải nhìn xuống để tìm các dấu vết chứ không nhìn lên những đỉnh núi mê hoặc. Sau ba mươi phút, anh nhìn thấy một mẫu thuốc lá, rồi một ụ đá đánh dấu đường. Anh đi xuống con đường mòn tĩnh mịch lờ mờ hướng theo những tiếng chuông mà lúc này đã có thể nghe rõ hơn.

Anh không thể nhìn thấy đoàn lừa hành. Nhưng sau cùng, cách xa khoảng một dặm hay hơn, anh nhìn thấy hình dáng một người đàn ông, đứng trên tảng đá nhô ra trên dòng sông băng in bóng trên nền trời. Mortenson hét lên nhưng tiếng của anh không đi được xa. Sau giây lát, người đàn ông biến mất rồi lại xuất hiện trên một tảng đá ở gần hơn chín mươi mét. Mortenson gào thét lên với tất cả sức lực của mình, và lần này người đàn ông quay ngoắt về phía anh rồi trèo nhanh xuống từ tảng đá và biến mất khỏi tầm nhìn. Ở bên dưới, giữa dòng sông băng, giữa những tảng đá như hầm mộ, trong bộ áo quần màu đá đầy bụi bặm, Mortenson không ở trong tầm nhìn, nhưng anh có thể làm cho giọng mình vọng lên từ những tảng đá.

Anh không thể chạy, do đó hỏn hển bước vội từng bước ngắn hướng về điểm cuối cùng mà anh đã nhìn thấy người đàn ông và cứ vài phút lại hét

lên mà mỗi khi nghe, chính anh cũng ngạc nhiên là mình đã phát ra nó. Rồi có một người đàn ông ở đó đang đứng phía bên sườn xa xa của một khe nứt rộng, với nụ cười thậm chí còn rộng hơn nữa. Có vẻ như nhỏ bé bởi chiếc balô North Face chất đầy hàng của Mortenson, Mouzafer, người khuân vác anh thuê để dẫn đường và mang hành lí của mình đến những vùng có người ở, đã tìm chỗ hẹp nhất của khe nứt, rồi nhẹ nhàng nhảy qua với hơn bốn mươi kí trên lưng.

“Ông Gireg, ông Gireg.” ông ta la lên, đặt chiếc balô xuống và quàng quanh người Mortenson bằng một cái ôm như của loài gấu. “*Allah, Akbhar!* Tạ ơn Allah, ông vẫn còn sống!”

Mortenson co người lại một cách vụng về, gần như ngộp thở bởi sức mạnh và sinh lực của người đàn ông thấp hơn mình ba tấc và lớn hơn mình hai mươi tuổi.

Rồi Mouzafer buông tay và bắt đầu vỗ vào lưng Mortenson một cách sung sướng. Không biết là do đám bụi bốc ra từ chiếc áo *shawar* dơ bẩn hay từ những cú thụi của Mouzafer mà Mortenson bắt đầu ho, rồi gập người lại không sao ngừng ho.

“*Cha*⁽⁶⁾, ông Gireg.” Mouzafer kê toa, ái ngại xem xét tình trạng suy yếu của Mortenson. “*Cha* sẽ mang lại sức mạnh cho ông!” Mouzafer dẫn Mortenson đến một hang đá nhỏ khuất gió. Ông ta xé hai năm từ bó ngải đắng giắt ở balô, lục trong các túi của chiếc áo khoác GoreTex màu đỏ tía rộng quá khổ, vật bị bỏ đi từ một trong vô số chuyến thám hiểm mà ông đã hướng dẫn qua Baltoro, tìm ra một viên đá lửa và cái ấm bằng kim loại, rồi ngồi xuống pha trà.

Mortenson đã gặp Mouzafer Ali đầu tiên sau bốn giờ rời K2 cùng với Darsney. Chuyến đi bộ ba dặm đến trại căn cứ ở đỉnh Broad, vốn chỉ mất bốn mươi lăm phút khi họ đi dạo vào mùa hè trước đó đến thăm một thành viên nữ của đoàn thám hiểm Mexico mà Darsney đã cố ve vãn trong suốt mùa hè, đã trở thành một thử thách bốn giờ vấp ngã trên những đôi chân khẳng khiu vì độ cao dưới trọng lượng mà họ không thể tưởng tượng là sẽ phải mang theo trong hơn sáu mươi dặm.

Mouzafer và người bạn của ông, Yakub, đã hoàn thành nhiệm vụ cho đoàn thám hiểm Mexico và đang trở về từ Baltoro mà không mang vác thứ gì. Họ đề nghị mang những chiếc balô nặng trĩu cho Mortenson và Darsney trong suốt chặng đường đến Askole với giá bốn đôla một ngày. Hai

người Mỹ vui vẻ đồng ý và mặc dù gần hết sạch tiền, họ đã dự định trả cho hai người đàn ông này nhiều hơn nữa khi ra khỏi núi.

Mouzafer là người Balti, một dân tộc miền núi sống ở những thung lũng cao hẻo lánh nhất miền bắc Pakistan. Người Balti có nguồn gốc từ Tây Tạng, đã di trú về phương nam, qua Ladakh hơn sáu trăm năm trước và Phật giáo đã phai nhạt đi khi họ di chuyển trên những đèo đá và được thay thế bằng một tôn giáo phù hợp hơn với sự khắc nghiệt của miền đất mới: đạo Hồi Shiite. Nhưng họ đã giữ lại ngôn ngữ, một dạng tiếng Tây Tạng cổ. Với thân hình nhỏ gọn, dẻo dai và khả năng tốt bụng để sống sót ở những cao độ mà thậm chí chỉ có rất ít người đã chọn để đến, khiến nhiều nhà leo núi nhớ đến những người anh em họ hàng xa của mình ở phía đông, người Sherpa ở Nepal. Nhưng những phẩm chất khác của người Balti, sự âm li nghi ngại người ngoài cùng với đức tin không khoan nhượng, đã ngăn cản những người phương Tây tôn vinh họ như đã từng làm với người Sherpa Phật giáo.

Fosco Maraini, một thành viên của đoàn thám hiểm Ý năm 1958 tìm được cách lần đầu tiên đến Gasherbrum IV, một vùng lởm chớm gần K2, đã rất kinh ngạc và bị mê hoặc bởi người Balti, nên trong quyển sách uyên bác của mình về chuyến thám hiểm, *Karakoram: The Ascent of Gasherbrum IV*, ông đã viết như một chuyên luận về lối sống của người Balti hơn là một kí sự về thắng lợi của đoàn leo núi. Maraini viết: “Họ làm ngơ, than phiền và làm ta thất vọng đến cực độ. Và ngoài mùi hôi của mình, họ có cái vẻ không nhằm lẫn được của một băng cướp. Nhưng nếu bạn có thể nhìn xuyên qua vẻ cộc cằn của họ, bạn sẽ được biết họ phục vụ bạn một cách trung thành và họ rất dũng cảm. Về thể chất, họ mạnh khỏe; nhất là trong cái cách mà họ chịu đựng sự gian khổ và mệt mỏi. Bạn có thể thấy những người đàn ông nhỏ bé với đôi chân như chân cò vác trên vai bốn mươi kí từ ngày này sang ngày khác trên những con đường mòn mà người lạ phải đắn đo suy nghĩ trước khi mạo hiểm đi vào dù không phải mang vác gì cả.”

Mouzafer cúi người trong hang đá, thổi mạnh vào đám ngải đắng mà ông đã đốt với viên đá lửa cho đến khi nó bùng lên thành ngọn lửa. Ông đẹp một cách thô thiển, dù hàm răng sún và làn da đen sạm vì nắng gió khiến ông trông già hơn nhiều so với độ tuổi giữa ngũ tuần của mình. Ông chuẩn bị pha chế *paiyu cha*, một loại trà bơ vốn là món cơ bản trong thực đơn hằng ngày của người Balti. Sau khi nấu trà xanh trong cái nồi thiếc sạm đen, ông thêm muối bột nổi và sữa dê trước khi cạo nhẹ một miếng *mar*, thứ

bơ chua lâu ngày làm từ sữa bò Tây Tạng mà người Balti tự hào hơn bất cứ món ngon nào khác, và khuấy vào trà bằng ngón tay trở không mấy sạch sẽ của mình.

Mortenson lo lắng nhìn. Anh đã ngửi mùi *paiyu cha* ngay từ khi đến Baltistan và mùi của nó, như anh mô tả là “hôi hơn thứ phomai đáng sợ nhất mà người Pháp từng nghĩ ra,” đã khiến anh phải bịa ra bất cứ lí do nào để tránh phải uống nó.

Mouzafer đưa cho anh ca trà bốc khói.

Thoạt đầu, Mortenson nôn ra hết, nhưng cơ thể anh cần muối và hơi ấm, và anh đã uống hết ca trà. Mouzafer lại rót đầy ca. Rồi lại một ca đầy nữa.

“*Zindabad!* Thật tốt! Ông Gireg.” Mouzafer nói sau chén trà thứ ba, hoan hỉ đầm nhẹ lên vai Mortenson làm cho cái hang đá mù mịt hơn nữa do bụi từ người Mortenson bay ra.

Darsney đã đi trước hướng về Askole cùng với Yakub, và trong ba ngày tiếp theo cho đến khi họ rời khỏi Baltoro, Mouzafer không bao giờ rời mắt khỏi Mortenson. Trên lối mòn mà Mortenson vẫn phải đánh vật để đi theo, còn Mouzafer lại thấy rõ như đi trên đường cao tốc New Jersey, người khuôn vác nắm tay Mortenson khi di chuyển hoặc nhấn mạnh rằng anh phải đi ngay theo dấu đôi giày cao cổ Trung Quốc bằng nhựa rẻ tiền mà ông đang mang không có vớ. Ngay cả trong những phiên cầu nguyện năm lần mỗi ngày, Mouzafer, người đàn ông sùng đạo khó tính vẫn trộm liếc khỏi hướng Thánh địa Mecca để biết chắc Mortenson vẫn ở kế bên.

Mortenson đã tận dụng sự gần gũi và hỏi Mouzafer những từ tiếng Balti về tất cả mọi thứ họ nhìn thấy. Sông băng là *gangs-zhing*, tuyết lở là *rdo-rut*. Và người Balti có nhiều tên gọi cho đá cũng giống như người Inuit gọi tuyết. *Brak-lep* là tảng đá phẳng để ngủ hay nấu ăn trên đó. *Khrok* là đá hình nêm, lí tưởng để bít kín lỗ những căn nhà bằng đá. Và những viên đá tròn nhỏ gọi là *khodos*, mà người ta nung trong lửa, rồi quấn vào bột nhào để làm bánh mì không lên men *kurba* hình sọ người, nướng mỗi sáng trước khi bắt đầu lên đường. Với đôi tai ngôn ngữ của mình, Mortenson sớm học được những từ vựng Balti cơ bản.

Chọn lối đi xuống một hẻm núi hẹp, Mortenson bước qua lớp băng và lần đầu tiên đặt chân lên mặt đất vững chắc sau hơn ba tháng. Mồm sông băng Baltoro nằm ở đáy một hẻm núi, màu đen với những mảnh vỡ và được chạm khắc thành mũi nhọn giống như mũi của chiếc 747. Từ cửa khẩu này,

những dòng sông ngầm di chuyển bên dưới sáu mươi hai kilômét băng, bắn vào chỗ hở với luồng không khí giống như ống khói của một động cơ phản lực. Chỗ nước xoáy sủi bọt nhô lên này là nơi sinh ra dòng sông Braldu. Năm năm sau, một vận động viên thuyền kayak người Thụy Điển đã đến với nhóm quay phim tài liệu và khởi hành từ ngay điểm này, dự định đi theo sông Braldu để vào sông Indus, một nghìn tám trăm dặm đến biển Ả Rập. Chẳng bao lâu sau khi xuống nước, vận động viên này đã chết do va mạnh vào những tảng đá bởi sức mạnh nguyên sơ của Braldu.

Mortenson nhìn thấy bông hoa đầu tiên sau nhiều tháng, hoa tầm xuân năm cánh hồng, và anh quỳ xuống xem xét nó, ghi nhận cứ như đó là sự trở về của anh từ mùa đông vĩnh cửu. Lau sậy và ngải đắng mọc rải rác bên bờ sông khi họ đi xuống và sự sống đơn sơ, vì đó là vùng cửa sông đầy đá, dường như mê hoặc Mortenson. Không khí mùa thu ở độ cao ba nghìn ba trăm năm mươi mét có một sức nặng và sự xa xỉ mà anh đã lãng quên.

Giờ đây sau khi đã bỏ lại những hiểm nguy của Baltoro ở phía sau, Mouzafer đi trước, dựng trại và chuẩn bị bữa tối mỗi buổi chiều trước khi Mortenson đến. Dù đôi lúc lạc lối khi con đường mòn rẽ nhánh về một bãi cỏ mùa hè của những người chăn cừu, nhưng Mortenson nhanh chóng tìm lại được lối đi và nó khá đơn giản khi anh chỉ việc đi dọc theo dòng sông cho đến khi nhìn thấy khói lửa trại của Mouzafer mỗi buổi chiều. Bước đi trên đôi chân đau và yếu ớt của mình không phải là điều đơn giản nhưng từ khi không có chọn lựa nào khác, anh đã kiên nhẫn bước tiếp, dừng lại nghỉ càng lúc càng thường xuyên hơn.

Vào ngày thứ bảy sau khi rời khỏi K2, trên một rìa đá ở bờ nam hẻm núi sông Braldu, Mortenson nhìn thấy những cái cây đầu tiên. Đó là năm cây dương, uốn cong bởi gió mạnh, và vung vẩy như những ngón tay của một bàn tay đang chào đón. Họ đã trồng chúng ở đây, để chỉ ra ảnh hưởng của con người, thay cho sức mạnh nguyên sơ của Karakoram, một sức mạnh đã gửi những thềm băng và phiến đá đua nhau chạy xuống sườn núi, nơi chúng xóa đi những sinh vật vô nghĩa như một con người đơn độc. Những cái cây nói cho Mortenson biết anh đã sống sót xuống núi.

Chìm trong suy tưởng về cây cỏ, anh đã không nhìn thấy nhánh đường mòn hướng xuống dòng sông, nơi dẫn đến một *zamba*, “cây cầu” dây thừng dây bện bằng lông bò Tây Tạng bắc qua dòng nước chảy xiết giữa hai tảng đá. Lần thứ hai, Mortenson lạc lối. Cây cầu dẫn đến đích của anh, Askole,

xa hơn tám dặm trên bờ bắc của dòng sông. Thay vào đó, anh ở lại trên rìa đá cao dọc theo bờ nam của dòng sông, đi về phía những cái cây.

Những cây dương tan biến dần vào trong những vườn mơ. Tại đây, ở độ cao trên ba nghìn mét, mùa thu hoạch đã kết thúc vào giữa tháng chín. Những đồng quả chín được xếp chồng trên hàng trăm chiếc rổ đan phẳng. Chúng làm tràn ngập vùng bên dưới tán mơ bằng ánh màu nầy lửa của chúng. Những người phụ nữ đang quỳ bên những chiếc rổ, tách quả mơ và đặt hạt mơ sang một bên để cạy lấy phần nhân. Trông thấy anh, họ kéo khăn choàng che mặt và chạy ra sau những cây mơ để tránh *Angrezi* - người đàn ông da trắng xa lạ.

Trẻ con không dè dặt như vậy. Mortenson lôi cuốn một đám đông theo đuôi khi anh đi qua những cánh đồng vàng nâu, nơi những người phụ nữ khác sẫm soi nhìn anh qua những đám lúa kiều mạch và đại mạch mà họ đang gặt bằng liềm. Trẻ con sờ mó chiếc áo *shalwar* của anh, tìm kiếm nơi cỏ tay chiếc đồng hồ mà anh không đeo và xoay sang nắm tay anh.

Lần đầu tiên sau nhiều tháng, Mortenson nhận thức được bộ dạng của mình. Tóc anh dài và rối bù. Anh cảm thấy mình to lớn và bản thủ. “Đã hơn ba tháng tôi chưa tắm,” anh nói. Anh khom người cố không để cao hơn lũ trẻ. Nhưng chúng không thấy anh có vẻ gì là đe dọa. Chiếc áo *shalwar kamiz* của chúng ó bản và rách rưới như áo anh, và hầu hết chúng đều đi chân trần dù trời lạnh.

Mortenson phát hiện ra làng Korphe từ xa một dặm trước khi anh đến gần. Sau sự căn cỗi của độ cao, mùi củi cây bách xù và mùi con người không tắm giặt thật nồng. Nghĩ là vẫn đúng đường, anh cho rằng mình đang đến gần Askole, nơi anh đã đi qua trước đó ba tháng trên đường đến K2, nhưng không có gì quen thuộc cả. Lúc anh đến cổng chào của ngôi làng, một vòm cuốn đơn giản bằng gỗ dương đứng đơn độc bên rìa cánh đồng khoai tây, anh đang dẫn đầu một đám nhóc khoảng năm mươi đứa trẻ.

Nhìn về phía trước, anh hi vọng sẽ thấy Mouzafer đang đợi mình ở bên ngoài thị trấn. Nhưng thay vào đó, ngồi ở phía bên kia cổng làng, là một ông lão da nhăn nheo, mặc bộ áo *topi*, đội chiếc nón lông cừu hình hộp thuốc cũng có màu bạc đặc biệt như bộ râu của ông, với những đường nét mạnh mẽ như được tạc ra từ vách núi đang chờ anh. Tên ông ấy là Haji Ali và ông là *nurmadhar*, già làng của Korphe.

“*As-salaam Alaaikum.*”⁽⁷⁾ Haji Ali nói, bắt tay Mortenson. Ông đi cùng anh qua cổng làng, với sự hiếu khách không thể không có của người Balti, dẫn anh đến một con suối nhỏ, hướng dẫn anh rửa tay và mặt, sau đó đưa anh về nhà mình.

Làng Korphe nằm cheo leo trên rìa đá cao gần hai trăm năm mươi mét bên trên sông Braldu bám vào vách núi theo cách thức lạ lùng như một tầng đá phẳng làm chỗ ngủ cho những người leo núi được bắt vào sườn của một vách đá dựng đứng. Vùng đất chật cứng những ngôi nhà đá ba tầng vuông vức, được xây dựng không trang trí, hầu như không phân biệt được với những vách hẻm núi, ngoại trừ sự náo loạn của mớ, hành và lúa mì chất đống đầy màu sắc trên mái nhà.

Haji Ali dẫn Mortenson vào một căn chòi trông chẳng nguy nga gì hơn những căn chòi khác. Ông đập vào đồng chăn nệm trải giường cho đến khi bụi bay đều khắp *balti* - căn phòng rộng giữa nhà, đặt những chiếc gối tại vị trí trân trọng gần một miệng lò sưởi và bố trí cho Mortenson ở đó.

Họ không nói gì khi trà được chuẩn bị, chỉ có tiếng bước chân và tiếng xếp đặt những chiếc gối khi hai mươi thành viên nam trong đại gia đình của Haji Ali xếp hàng đi vào và ngồi xuống chỗ của mình quanh lò sưởi. Phần lớn thứ khói cay từ ngọn lửa phân bò Tây Tạng bên dưới âm trà thoát ra một cách khoan dung, qua một lỗ lớn hình vuông trên trần nhà. Khi nhìn lên, Mortenson thấy những đôi mắt của năm mươi đứa trẻ đã đi theo anh, xếp vòng tròn trên mái quanh cái lỗ vuông. Chưa từng có một người nước ngoài nào ở Korphe.

Bàn tay của Haji Ali sục mạnh trong túi chiếc áo khoác thô, chà xát những miếng khô dê núi bốc mùi vào lá thuốc nhai màu xanh sậm được gọi là *naswar*. Ông mời Mortenson một miếng sau khi nó đã được tẩm hương liệu đầy đủ và Mortenson cố nuốt miếng ăn thách thức nhất trong đời mình khi các khán giả trong gian phòng lặng lẽ cười tán thưởng.

Khi Haji Ali đưa cho anh tách trà bọt, anh uống với một chút gì đó giống như là hài lòng.

Người già làng nghiêng người tới trước, lúc này, ngưỡng cần thiết của sự hiếu khách đã được vượt qua, và đây bộ mặt râu ria của ông đến trước mặt Mortenson.

“*Cheezaley?*” ông gầm gừ, một từ ngữ Balti không thể thiếu có nghĩa là “Điều quái quỷ nào đã đưa anh đến đây?”

Với những đoạn ngắn bằng tiếng Balti và phần lớn là ra điệu bộ, Mortenson nói với đám đông đang chăm chú nhìn mình, rằng anh là người Mỹ, rằng anh đến để leo núi K2 (điều này gây ra những tiếng xì xầm trong đám đàn ông), rằng anh mất sức và ốm, phải đi bộ đến Askole để tìm một chiếc xe jeep sẵn lòng chở anh trong tám giờ để đến Skardu, thủ phủ vùng Baltistan.

Mortenson ngồi xuống những chiếc gói, dốc cạn hết sức lực dự trữ cuối cùng của mình giữa những ngày đi bộ bất tận và những nỗ lực đã bỏ ra để chuyển tải nhiều thông tin như vậy. Ở đây, ẩm áp bên lò sưởi, trên những chiếc gói mềm ẩm cứng trong quá nhiều tình người, anh cảm thấy sự kiệt sức mà mình giữ trong tầm tay, dâng trào lên tràn ngập.

“*Met Askole*” (“Không phải Askole”) Haji Ali cười nói, ông chỉ vào mặt đất dưới chân mình. “Korphe.” ông nói.

Adrenaline làm Mortenson bật thẳng người dậy. Anh chưa bao giờ nghe nói đến Korphe. Anh chắc là nó chưa hề xuất hiện trên bất cứ tấm bản đồ nào mà anh đã nghiên cứu về Karakoram và anh đã nghiên cứu hàng chục tấm. Trán tĩnh lại, anh giải thích rằng mình phải đến Askole để gặp một người đàn ông tên là Mouzafer, người đã mang theo toàn bộ đồ dùng cá nhân của anh.

Haji Ali nắm chặt vai người khách bằng đôi tay mạnh mẽ của mình và đẩy anh ngồi trở lại trên gói. Ông gọi người con trai Twaha của mình, người thường xuyên đi đến Skardu đủ để học được một mớ từ vựng phương Tây lờ mờ và chỉ thị cho anh ta phiên dịch. “Hôm nay không đi Askole được. Rắc rối lớn. Nửa ngày đi xe bò.” người đàn ông hóa thân không thể nhầm lẫn của cha mình, ngoại trừ bộ râu, nói, “*Inshallah*”⁽⁸⁾, ngày mai Haji gửi người đi tìm Mouzafer, bây giờ anh ngủ đi.”

Haji Ali đứng dậy vẫy tay ra hiệu cho bọn trẻ rời xa vương trời đang tối sẫm. Những người đàn ông tản khỏi lò sưởi trở về nhà. Bất chấp sự lo lắng gợn lên trong suy nghĩ, tự giận bản thân một lần nữa đi lạc khỏi con đường mòn, cảm giác trọn vẹn và dứt khoát về sự dịch chuyển, Greg Mortenson thiếp đi và cảm thấy buồn ngủ không sao cưỡng lại được.

CHƯƠNG 3

“Tiến bộ và hoàn thiện”

□ □

“Hãy nói cho chúng tôi biết, nếu chúng tôi có thể làm một việc cho làng của các bạn, thì đó là việc gì?”

“Với tất cả sự kính trọng, Sahib, ông không có gì nhiều để dạy chúng tôi về sức mạnh và sự dẻo dai. Và chúng tôi không thêm muốn tinh thần thao thức của ông. Có lẽ chúng tôi hạnh phúc hơn ông? Nhưng chúng tôi muốn con cái mình được đến trường. Trong mọi thứ ông có, sự học là thứ chúng tôi mong muốn cho con cái của mình nhất.”

- Cuộc đối thoại giữa Sir Edmund Hillary và Urkien Sherpa, trích từ *Schoolhouse in the Clouds*

□

Có ai đó đã đắp một tấm chăn dày cho anh. Rúc mình dưới tấm chăn, Mortenson đắm mình trong sự ấm áp. Đây là đêm đầu tiên anh được ngủ trong nhà, kể từ cuối mùa xuân. Trong ánh sáng mờ mờ của than trong lò sưởi, anh có thể thấy đường nét của khuôn mặt đang ngủ. Tiếng ngáy đến từ mọi góc phòng, với những độ lớn khác nhau. Anh cuộn người lại và góp thêm tiếng ngáy của mình.

Lần tiếp theo khi anh thức dậy, chỉ có một mình anh và bầu trời trong xanh hiện ra qua ô vuông trên trần nhà. Sakina, vợ của Haji Ali nhìn thấy anh cử động và mang đến cho anh sữa chua *lassi*, bánh *chapatti* mới nướng và một tách trà đường. Bà là người phụ nữ Balti đầu tiên đến gần anh. Mortenson nghĩ rằng Sakina chắc hẳn có khuôn mặt ân cần nhất mà anh đã từng gặp. Khuôn mặt đó nhăn lại theo cách gợi ra những nét của một nụ cười nơi khóe miệng và khóe mắt của bà rồi di chuyển từ mắt đến miệng và từ miệng đến mắt cho đến khi chúng hoàn tất cuộc chinh phục. Bà có mái tóc dài được bện cẩn thận theo kiểu của người Tây Tạng, bên dưới *urdwa* - cái nón len được trang điểm bằng những hạt cườm, vỏ sò và đồng tiền xưa. Bà đứng đó chờ Mortenson ném thử bữa sáng.

Anh cắn một miếng bánh *chapatti* còn ấm sau khi đã nhúng nó trong *lassi*, ăn ngấu nghiến hết những gì được dọn cho mình, và nuốt trôi chúng bằng trà đường. Sakina cười khích lệ và đem thêm trà cho anh. Nếu như Mortenson biết được sự khan hiếm và quý báu của đường ở Balti,

chính họ hiếm khi dùng đến đường, chắc chắn anh sẽ từ chối ly trà đường thứ hai.

Sakina để anh lại một mình, và anh nhìn kĩ căn phòng. Nó thanh đạm đến mức nghèo khổ. Một bức tranh quảng cáo du lịch đã phai màu in hình một căn nhà gỗ Thụy Sĩ trên cánh đồng cỏ tươi tốt sống động với những bông hoa dại được đóng đinh trên một bức tường. Mọi đồ vật khác, từ những vật dụng nấu ăn sạm đen cho đến những chiếc đèn dầu đã được sửa chữa nhiều lần, đều có vẻ còn dùng được. Chiếc chăn dày anh đã đắp khi ngủ được làm bằng lụa nhung lông màu hạt dẻ và được trang trí bằng những tấm gương nhỏ. Chăn mà những người khác sử dụng làm bằng len mỏng đã sờn được vá bằng bất cứ mảnh vải nào kiếm được. Rõ ràng, họ đã đắp cho anh vật sở hữu đẹp nhất trong nhà Haji Ali.

Lúc xế chiều, Mortenson nghe vang vang những tiếng nói và bước đi, với hầu hết cư dân còn lại, đến vách đá trông ra sông Braldu. Anh thấy một người đàn ông đang đẩy thân mình trong chiếc hộp treo trên một sợi cáp thép dài sáu mươi mét bên trên dòng sông. Băng qua sông theo cách này tiết kiệm được nửa ngày cho một người phải đi lên thượng nguồn sông và đi qua cây cầu bên trên làng Korphe, nhưng nếu rơi xuống chắc chắn sẽ chết. Khi người đàn ông đã qua được nửa hẻm núi, Mortenson nhận ra đó là Mouzafer, và thấy ông nhét người trong thùng cáp nhỏ xíu được ghép từ ván vụn, đang ngồi trên chiếc balô bốn mươi kí quện thuộc.

Lần này cái vỗ lưng chào của Mouzafer không làm cho Mortenson bất ngờ, và anh đã cố để không ho. Mouzafer bước xuống, nhìn anh từ đầu đến chân, mắt ông ươn ướt, rồi giơ hai tay lên trời và la lên “*Allah, Akbhar!*” và lắc tay cứ như là ân huệ của Thượng đế đã chắt đầy quanh chân ông.

Ở nhà Haji Ali, qua bữa ăn với *biango*, món gà nướng chắc và dai như những người Balti đã nuôi chúng, Mortenson được biết Mouzafer nổi tiếng khắp vùng Karakoram. Đó là bởi ông đã phục vụ như một trong những người khuân vác giỏi nhất vùng núi cao ở Himalaya trong ba thập niên. Thành tích của ông nhiều và đa dạng, gồm cả việc thắp từng nhà leo núi nổi tiếng Nick Clinch trong chuyến lên núi Masherbrum lần đầu tiên của người Mỹ vào năm 1960. Nhưng điều mà Mortenson thấy ấn tượng nhất về Mouzafer là ông chưa bao giờ kể ra những thành tích của mình trong suốt thời gian họ cùng đi và trò chuyện với nhau.

Mortenson kín đáo đưa cho Mouzafer ba nghìn rupi, khá nhiều hơn số tiền công mà họ đã thỏa thuận và hứa sẽ đến thăm ông tại ngôi làng của

chính ông khi anh hoàn toàn bình phục. Mortenson không có cách nào để biết rằng Mouzafer sẽ tiếp tục hiện diện trong cuộc đời anh suốt thập kỉ sắp tới, hướng dẫn anh vượt qua những trở ngại trên đường đời ở phía bắc Pakistan cùng với bàn tay chắc chắn mà ông đã đưa ra để giúp anh tránh những vụ tuyết lở và men theo những khe nứt.

Cùng với Mouzafer, Mortenson gặp lại Darsney và thực hiện chuyến đi dài bằng xe jeep để đến Skardu. Nhưng sau khi nếm trải những thú vị của người khách bộ hành với bữa ăn được chuẩn bị cẩn thận và chiếc giường tiện nghi ở khu lưu trú nổi tiếng dành cho những người leo núi, gọi là Motel K2, Mortenson cảm thấy có điều gì đó níu giữ anh quay lại vùng Karakoram. Anh cảm giác mình đã phát hiện một điều hiếm có ở Korphe và đã quay lại ngay khi anh có thể sắp xếp được một chuyến đi.

Từ chỗ trú tại nhà Haji Ali, Mortenson đã tạo một thói quen. Mỗi buổi sáng và buổi chiều, anh đi bộ một quãng ngắn quanh Korphe, luôn luôn có những đứa trẻ níu tay anh cùng đi. Anh đã thấy ốc đảo nhỏ bé xanh tươi trong sa mạc đá bụi bặm này có được sự hiện hữu của nó nhờ vào sức lao động đáng kinh ngạc và đã chiêm ngưỡng hàng trăm dòng kênh tưới mà làng đã bảo dưỡng bằng tay, để dẫn nước băng tan về những cánh đồng và vườn cây của họ.

Rời khỏi Baltoro, ngoài những hiểm nguy, anh nhận thức được sự sống sót của mình mới mong manh làm sao và anh đã trở nên suy yếu đến như thế nào. Anh chỉ có thể có được sự sống khi đi theo lối rẽ dẫn đến dòng sông và ở đó, trong dòng nước đang đóng băng, khi cởi áo ra giặt, anh giặt mình bởi hình dạng của bản thân. “Cánh tay tôi trông như những que tăm, gầy gò cứ như tay của một người nào khác.” Mortenson nói.

Hồn hên thở trên đường quay lên ngôi làng, anh cảm thấy mình ốm yếu như những ông lão ngồi hàng giờ dưới những cây mơ ở Korphe, hút thuốc ống điếu và ăn hạt mơ. Sau một hay hai giờ đi loanh quanh mỗi ngày, anh không chịu nổi sự kiệt sức và quay trở lại để ngắm bầu trời từ cái tổ bằng những chiếc gói bên lò sưởi của Haji Ali.

Già làng cẩn thận quan sát tình trạng của Mortenson, và ra lệnh làm thịt một trong những con *chogo rabak*⁽⁹⁾ quý giá của làng. Bốn mươi người dân xâu xé từng miếng thịt nướng từ những khúc xương của con vật gầy nhom, rồi đập vỡ xương bằng những viên đá, tước hết tủy bằng răng của họ.

Mortenson nhận thức được một bữa ăn như vậy đối với người dân Korphe mới hiếm hoi làm sao và họ sống gần với cái đói như thế nào.

Khi sức khỏe đã trở lại, năng lực nhận thức của anh nhạy bén hơn. Lúc đầu, ở Korphe, anh nghĩ mình đã sẩy chân vào một xứ sở hạnh phúc. Nhiều người phương Tây đi qua vùng Karakoram có cảm tưởng rằng người Balti sống một cuộc sống đơn giản tốt hơn so với cuộc sống của họ khi quay trở lại quê hương ở những nước phát triển. Những du khách buổi ban đầu tìm cách đưa ra những cái tên lãng mạn, đã gán cho nó cái tên “Tây Tạng của những vườn mơ.”

Người Balti “dường như thật sự có thiên khiếu để vui hưởng cuộc sống.” Maraini đã viết vào năm 1958, sau khi viếng thăm Askole và chiêm ngưỡng “những cơ thể già nua của những người đàn ông ngồi trong nắng, hút thuốc bằng cái tẩu độc đáo của họ, những người này không quá già để làm việc trên những khung cửa đơn sơ trong bóng râm của những cây dâu tằm với kỹ năng chắc chắn mà họ có được từ kinh nghiệm của cả đời và hai bé trai, ngồi bên họ tỉ mỉ bắt chấy cho họ với sự dịu dàng và cẩn thận.”

Ông viết tiếp, “Chúng ta thở trong một bầu không khí hài lòng, một sự thanh bình vĩnh cửu. Tất cả điều đó gợi ra một câu hỏi. Có phải là tốt hơn khi sống trong sự thiếu hiểu biết về mọi chuyện - nhựa đường và đường nhựa, xe cộ, điện thoại truyền hình - để sống trong hạnh phúc mà không biết đến nó?”

Ba mươi lăm năm sau, người Balti vẫn sống với sự thiếu thốn những tiện nghi hiện đại như vậy, nhưng chỉ sau một vài ngày ở làng, Mortenson bắt đầu thấy rằng làng Korphe khác xa với thiên đường trước khi sa ngã của con người theo tưởng tượng của người phương Tây. Trong mỗi gia đình, có ít nhất một thành viên bị bấu cổ hoặc đục thủy tinh thể. Những đứa trẻ thì có mái tóc màu gừng, mà anh lấy làm ngạc nhiên, do một dạng suy dinh dưỡng gọi là kwashiorkor gây nên. Và từ những cuộc trò chuyện với Twaha, khi con trai của *nurmadhar* trở về sau các buổi cầu nguyện tối ở thánh đường Hồi giáo của làng, anh được biết vị bác sĩ gần nhất ở Skardu, cách xa một tuần đi bộ và cứ ba đứa trẻ ở Korphe, có một đứa chết trước khi đến ngày thôi nôi.

Twaha kể cho Mortenson nghe rằng chính vợ anh, Rhokia, đã chết khi sinh đứa con gái duy nhất, Jahan, bảy năm về trước. Cái chần màu hạt dẻ có gắn gương mà Mortenson cảm thấy hân hạnh được đắp là của hồi môn quan trọng nhất của Rhokia.

Mortenson không thể tưởng tượng liệu có bao giờ trả được món nợ mà anh cảm thấy cho những vị chủ nhân ở Korphe. Nhưng anh xác định mình phải cố gắng. Anh bắt đầu phân phát tất cả những gì mình có. Những món nhỏ bé hữu ích như chai nước Nalgene và đèn pin rất quý đối với người Balti phải đi những quãng đường dài để cho gia súc ăn cỏ vào mùa hè và anh đưa hết cho những thành viên trong đại gia đình của Haji Ali. Với Sakina, anh tặng bà chiếc bếp du lịch có thể nấu bằng xăng, là thứ có thể kiếm được ở mọi ngôi làng của người Balti. Anh khoác chiếc áo khoác lông cừu màu rượu chất hiệu L.L.Bean lên vai Twaha, ép phải nhận, dù chiếc áo rộng hơn Twaha đến vài số. Anh tặng Haji Ali chiếc áo giữ nhiệt Helly Hansen đã giữ ấm cho anh trên ngọn K2.

Nhưng những thứ anh mang theo trong túi thuốc của đoàn thám hiểm cùng với quá trình được huấn luyện làm y tá cứu thương của anh tỏ ra có giá trị nhất. Mỗi ngày, khi khỏe dần lên, anh đã dành nhiều giờ trèo lên những con đường dốc giữa những căn nhà ở Korphe, làm điều nhỏ nhặt mà mình có thể làm để đáp lại những nhu cầu dồn dập. Với những ống thuốc mỡ kháng sinh, anh đã điều trị những vết thương hở, vết mổ và dẫn lưu những vết thương nhiễm trùng. Bất cứ nơi nào anh đến, có những đôi mắt van nài anh từ sâu trong nhà, nơi những người Balti lớn tuổi đã chịu đựng trong yên lặng nhiều năm. Anh xếp lại xương gãy và làm điều nhỏ nhặt mà mình có thể làm với thuốc giảm đau và kháng sinh. Lời đồn về công việc của anh đã lan ra và người ốm từ bên ngoài Korphe bắt đầu gửi người thân đến mời “bác sĩ Greg”, như anh sẽ được gọi từ đây về sau ở miền bắc Pakistan, bất chấp không biết bao nhiêu lần anh đã nói với họ rằng mình chỉ là một y tá.

Trong thời gian ở Korphe, Mortenson thường cảm thấy sự hiện diện của Christa, em gái mình, đặc biệt là khi anh ở cùng bọn trẻ Korphe. “Mọi thứ trong cuộc sống của chúng đều là một cuộc đấu tranh.” Mortenson nói. “Chúng nhắc tôi nhớ đến cách Christa đã chiến đấu cho những điều đơn giản nhất và cũng nhắc tôi cách mà em đã có chỉ để giữ gìn những gì cuộc sống đã ném vào em.” Anh đã quyết định phải làm một điều gì đó cho bọn trẻ. Có thể là khi đến Islamabad, anh sẽ dùng số tiền cuối cùng của mình mua sách giáo khoa gửi đến trường của chúng, hay những thứ cần thiết khác.

Nằm bên lò sưởi trước khi đi ngủ, Mortenson nói với Haji Ali là anh muốn đi thăm trường học của làng Korphe. Mortenson thấy vẻ buồn bã hiện

lên trên nét mặt góc cạnh của người đàn ông lớn tuổi, nhưng anh cứ khăng khăng. Sau cùng người già làng đồng ý cho Mortenson đi theo lần đầu tiên vào buổi sáng hôm sau.

Sau bữa sáng quen thuộc gồm *chapatti* và *cha*, Haji Ali dẫn Mortenson lên con đường dốc đến một rìa đất mở rộng gần hai trăm năm mươi mét bên trên dòng sông Braldu. Cảnh nhìn thật đẹp, với những tảng băng khổng lồ của vùng Baltoro thượng như dao cạo cắt vào bầu trời xanh cao bên trên những vách đá xám của làng Korphe. Nhưng Mortenson không ngắm nhìn phong cảnh. Anh kinh ngạc nhìn tám mươi hai đứa trẻ, bảy mươi tám em trai và bốn em gái đã can đảm gia nhập với những em trai đang quỳ trên mặt đất băng giá ngoài trời. Haji Ali tránh né cái nhìn của Mortenson, nói rằng làng không có trường, và chính quyền Pakistan không gửi đến giáo viên. “Một người thầy có chi phí tương đương một đôla mỗi ngày,” ông giải thích, “nhiều hơn số tiền mà làng có thể đài thọ.” Do vậy, họ chia sẻ chung thầy giáo với làng Munjung kế bên và thầy giáo dạy ở Korphe ba ngày mỗi tuần. Những ngày còn lại, bọn trẻ tự thực hành những bài học mà thầy để lại.

Mortenson chăm chú nhìn, tìm anh như muốn nhảy ra ngoài khi các học sinh đứng nghiêm chăm chú và bắt đầu “ngày học” của chúng bằng bài quốc ca Pakistan. “Thượng đế ban ơn cho vùng đất thánh. Hạnh phúc dồi dào cho xứ sở là biểu tượng của lòng quyết tâm cao độ, là đất Pakistan.” Bọn chúng hát với sự du dương rời rạc, hơi thở của chúng sôi sục trong không khí vốn đã xúc động của mùa đông. Mortenson nhận ra cô con gái bảy tuổi của Twaha, Jahan, đứng thẳng và cao dưới tấm khăn choàng khi hát “Dân tộc, quê hương và đất nước sẽ ngời sáng trong vinh quang mãi mãi. Lá cờ trắng lưỡi liềm và sao dẫn đường đến tiến bộ và hoàn thiện.”

Trong thời gian dưỡng sức ở Korphe, Mortenson thường nghe dân làng than phiền về chính quyền Pakistan do người Punjabi thống trị, mà họ xem như một quyền lực nước ngoài ở vùng đồng bằng. Điệp khúc thường nghe là sự kết hợp giữa tham nhũng và bỏ lơ đã bòn rút hết số tiền ít ỏi dành cho người dân Baltistan trên con đường dài từ thủ đô Pakistan đến những thung lũng miền núi xa xôi này. Họ cho rằng thật nực cười khi chính quyền Islamabad sẵn sàng chiến đấu thật kiên cường để giành lấy mảnh đất từng là xứ Kashmir này từ Ấn Độ, trong khi không làm gì nhiều cho dân chúng ở đó.

Và rõ ràng là phần lớn số tiền đến được độ cao này đã được dành riêng cho quân đội, để cung cấp tài chính cho sự đối đầu tốn kém với những lực lượng Ấn Độ dọc theo sông băng Siachen. Nhưng một đôla mỗi ngày cho một thầy giáo, Mortenson nực cười, tại sao một chính phủ ngay cả một chính phủ nghèo như Pakistan lại không thể cung cấp số tiền đó? Vì sao lá cờ hình sao và trăng lưỡi liềm lại không thể dẫn dắt những đứa trẻ ở một khoảng cách không xa này hướng đến “tiến bộ và hoàn thiện”?

Sau khi nốt nhạc cuối cùng của bài quốc ca tan biến, những đứa trẻ ngồi xuống thành một vòng tròn ngay ngắn và bắt đầu chép lại bảng nhân của chúng. Phần lớn bọn chúng vạch xuống đất bằng những thanh que mà chúng đã mang theo cho mục đích đó. Những đứa may mắn hơn, như Jahan, có tấm bảng đá mà chúng viết lên bằng thanh que nhúng vào hỗn hợp bùn và nước. “Bạn có thể tưởng tượng một lớp bốn ở Mỹ chỉ riêng bọn trẻ, không có thầy ngồi yên lặng ở đó và học bài của chúng hay không?” Mortenson hỏi. “Tôi cảm thấy tim mình như rách toạc, có một ham muốn mãnh liệt trong việc học của chúng, bất chấp mọi điều mạnh mẽ chống lại chúng như thế nào, điều này làm tôi nhớ đến Christa. Tôi biết mình cần phải làm một điều gì đó.”

Nhưng phải làm gì? Anh chỉ có đủ tiền nếu ăn uống đạm bạc và trọ trong những nhà nghỉ rẻ tiền nhất, đi bằng xe jeep và xe buýt trở về Islamabad, rồi đáp máy bay về nhà.

Ở California, anh có thể tìm được công việc y tá không thường xuyên, và phần lớn tài sản của anh chứa vừa trong thân chiếc “La Bamba” - chiếc xe Buick màu đỏ tía, uống xăng mà anh gàn gũi như là nhà mình. Tuy vậy vẫn phải làm điều gì đó.

Đứng bên Haji Ali, trên rìa đá trông xuống thung lũng, với cảnh nhìn như pha lê của những ngọn núi mà anh đã đến từ nửa vòng trái đất để thử sức chính mình việc leo lên ngọn K2 để đặt một chuỗi hạt trên đỉnh núi, đột nhiên có vẻ như không thích hợp. Có một hành động mang nhiều ý nghĩa hơn mà anh có thể làm để tưởng nhớ em gái mình. Anh đặt tay mình lên vai Haji Ali, như người đàn ông lớn tuổi này đã làm với anh hàng chục lần khi họ chia sẻ cùng nhau tách trà buổi sáng. “Tôi sẽ xây cho ông một ngôi trường,” anh nói, chưa nhận thức được là với những lời này, con đường đời của anh vừa rẽ sang một lối mòn khác, một con đường còn ngoằn ngoèo và gian khổ hơn những khúc quanh lạc lối mà anh đã đi theo khi rút lui khỏi K2. “Tôi sẽ xây một ngôi trường.” Mortenson nói. “Tôi hứa.”

CHƯƠNG 4

Tự cất giữ

□

Sự vĩ đại luôn luôn được xây dựng trên nền móng này: khả năng xuất hiện, nói và hành động như một người đàn ông bình thường nhất.

- Shams-ud-din Muhammed Hafiz

□

Khu vực nhà kho này có mùi như mùi Phi châu. Đứng gần căn phòng hơn bốn mét vuông này, thực ra là tủ đựng đồ, với giao thông đang trong giờ cao điểm sôi sục qua lại trên đại lộ San Pablo nhộn nhịp, Mortenson cảm nhận sự trật khớp mà chỉ một chuyến đi bốn mươi tám giờ bằng đường hàng không có thể gây ra. Trên chuyến bay khỏi Islamabad anh đã cảm thấy ngập tràn mục đích, hình dung ra hàng chục phương cách quyên góp tiền cho ngôi trường. Nhưng về đến Berkeley, California, Greg Mortenson không thể tự mình định hướng. Anh cảm thấy bị che kín dưới bầu trời nắng không gay gắt, giữa những sinh viên đại học khá giả đang đi dạo một cách hạnh phúc, và lời hứa của anh với Haji Ali giống như bộ phim chỉ còn nhớ được một nửa, mà anh vừa xem vừa lơ mơ ngủ trên một trong ba chuyến bay dài vô tận của mình.

Một mối sau chuyến bay dài. Sóc văn hóa. Bất cứ cái tên nào bạn gán cho những khó chịu của sự trật khớp đã tấn công anh khá thường xuyên trong quá khứ. Đó là lí do anh đến đây như anh vẫn luôn luôn làm sau khi quay trở về từ một chuyến leo núi - đến Berkeley Seft-Storage, ngăn số 114. Khoảng không gian ẩm mốc này là cái neo cho chính bản thân Mortenson.

Anh bước vào bóng tối thơm ngát, mò mẫm sợi dây, bật sáng ngọn đèn treo trên đầu, rồi khi tìm ra và kéo sợi dây, anh thấy những quyển sách về leo núi đầy bụi xếp chồng dựa tường, một đoàn lũ hành gồm những con voi xinh đẹp được tạc bằng ngà voi Phi châu của cha anh, và ngôi trên cuốn album quần góc, GiGi, một chú khỉ nhồi bông màu cà phê từng là bạn đồng hành thân thiết nhất của anh trở lại nơi mà kí ức giao thoa thành hồi tưởng của giác quan.

Anh nhặt thứ đồ chơi trẻ con và thấy con thú Phi châu nhồi bông đã bị bung đường khâu ở ngực. Anh ép nó vào mũi mình, hít vào và quay về ngôi nhà bằng gạch xỉ than ngổn ngang, trong sân, bên dưới những nhánh cây hồ tiêu của họ ở Tanzania.

Cũng như cha mình, Mortenson sinh ra ở Minnesota. Nhưng vào năm 1958, khi anh chỉ mới ba tháng tuổi, cha mẹ đã mang anh theo cùng trong chuyến phiêu lưu lớn của đời họ. Một vị trí được bổ nhiệm để làm việc như những nhà truyền giáo ở Tanzania, trong bóng râm của đỉnh núi cao nhất lục địa này, núi Kilimanjaro.

Irvin Mortenson, cha của Greg sinh ra trong một dòng họ sùng đạo thuộc giáo phái Luther mà Garrison Keillor đã khai thác rất nhiều tư liệu từ đó. Cũng như những người đàn ông ít nói vùng hồ Wobegon, ngôn ngữ là thứ ông bị buộc phải sử dụng cẩn thận. Cao một mét tám với vóc người lực lưỡng như con trai của mình, Irvin Mortenson có biệt danh “Dempsey”, như một cậu bé hướng đạo sinh không bình thường, và tên của võ sĩ quyền anh này sẽ thay thế cho tên thật của ông trong suốt quãng đời còn lại. Là đứa con thứ bảy và con út trong một gia đình bị khánh kiệt về kinh tế bởi cuộc đại suy thoái, tài năng về điền kinh của Dempsey - ông là trung vệ trong đội bóng bầu dục của trường trung học liên bang và hậu vệ trong đội bóng rổ liên bang - đã đưa ông ra khỏi vùng hồ Pequot, một thị trấn đánh cá nhỏ ở phía bắc Minnesota và đưa ông vào một con đường đến với thế giới rộng lớn hơn. Ông tham gia khóa học về bóng bầu dục ở đại học Minnesota, có được bằng cấp về giáo dục thể chất trong khi nuôi dưỡng những vết bầm tím do hàng Phòng ngự của đối phương gây ra.

Vợ ông, Jerene, phải lòng ông ngay sau khi gia đình bà từ Iowa chuyển đến Minnesota. Bà cũng thích thể thao và là đội trưởng đội bóng rổ nữ của trường trung học. Họ nhanh chóng kết hôn trong thời gian Dempsey, khi đó đang phục vụ trong quân đội, được nghỉ phép ba ngày, trở về từ Fort Riley, Kansas. Jerene kể lại rằng, “Dempsey mang chiếc túi du lịch. Anh đóng quân ở Nhật Bản và thích quan sát thế giới bên ngoài nhiều hơn là chỉ ở Minnesota. Một ngày kia anh trở về nhà khi tôi đang mang thai Greg và nói, ‘Ở Tanganyika đang cần giáo viên. Chúng mình hãy đi Phi châu.’ Tôi không thể nói không. Khi còn trẻ bạn không biết mình không biết điều gì. Chúng tôi cũng vậy.”

Họ được bổ nhiệm đến một đất nước mà không ai biết gì nhiều hơn là diện tích của nó trên bản đồ Đông Phi giữa Kenya và Rwanda. Sau bốn năm làm việc ở vùng núi Usambara xa xôi, họ chuyển đến Moshi, tiếng Swahili có nghĩa là “khói”, nơi gia đình họ được hội đồng truyền giáo Luther cho trú ngụ trong căn nhà ngổn ngang xây bằng gạch xi của một tay buôn súng người Hy Lạp, đã bị chính quyền tịch thu. Và rồi thần may mắn thường ưu

đãi kẻ khù khờ, cả gia đình cảm thấy hết sức yêu thương đất nước sẽ được đổi tên thành Tanzania sau ngày độc lập vào năm 1961. “Càng lớn hơn, tôi càng yêu quý tuổi thơ của mình. Tuổi thơ đó là một thiên đường.” Mortenson nói.

Ngoài căn nhà, được bao quanh một cách tiện nghi bởi khoảng sân vườn tươi tốt, Mortenson còn xem cây hồ tiêu khổng lồ như là nhà mình. “Cái cây đó là hình ảnh của sự bền vững.” Mortenson nói. “Vào lúc hoàng hôn, hàng trăm con dơi sống trong cây bay ra từng đàn để đi săn mồi. Và sau lúc mưa, cả khoảnh sân có mùi như mùi hồ tiêu. Cái mùi thật tuyệt vời.”

Vì cả Dempsey và Jerene đều không quá câu nệ về tín ngưỡng nên gia đình Mortenson đã trở thành một trung tâm cộng đồng hơn là trung tâm tôn giáo. Dempsey dạy giáo lí vào chủ nhật. Nhưng ông cũng bố trí một sân bóng softball với gốc cây hồ tiêu làm đường biên cuối sân và đã thành lập đội bóng bầu dục trường trung học đầu tiên của Tanzania. Đó chỉ mới là hai dự án tốn nhiều công sức, chi phối cuộc đời của Dempsey và Jerene.

Dempsey đã dành trọn mọi công sức của mình cho thành tích lớn của đời ông - quyên góp tiền và thành lập bệnh viện đào tạo đầu tiên của Tanzania, Trung tâm Y tế Cơ đốc giáo Kalimanjaro. Jerene làm việc cho một mục tiêu tương tự duy nhất là thành lập Trường Quốc tế Moshi, dạy dỗ những trẻ em xa quê hương thuộc đủ mọi quốc tịch. Greg học ở trường đó, bơi lội một cách hạnh phúc trong đại dương của các nền văn hóa và ngôn ngữ. Sự phân chia giữa các quốc tịch khác nhau mong manh đến mức khiến anh cảm thấy bối rối khi các học sinh đánh nhau. Trong một thời gian, khi đang có xung đột gay gắt giữa Ấn Độ và Pakistan, Greg thấy bối rối bởi cái cách mà những học sinh Ấn Độ và Pakistan chơi trò chiến tranh trong giờ ra chơi, giả vờ như đang bắn súng máy và hành quyết lẫn nhau.

“Ngoài những điều ấy, đó là một ngôi trường tuyệt vời để theo học,” anh nói. “Cứ như là một Liên Hiệp Quốc thu nhỏ. Có hai mươi tám quốc tịch khác nhau và chúng tôi đón mừng tất cả những ngày lễ: Hanukkah, Giáng sinh, Diwali và Lễ Id.”

“Greg ghét đến nhà thờ với chúng tôi,” Jerene nhớ lại. “Vì tất cả quý bà Phi châu luôn muốn chơi đùa với mái tóc vàng của nó.” Ngoài ra, Mortenson lớn lên một cách hạnh phúc mà không biết đến chủng tộc. Anh sớm làm chủ được tiếng Swahili với giọng nói không trọng âm tuyệt hảo khiến mọi người lầm tưởng anh là người Tanzania, khi nghe qua điện thoại. Anh hát những bài thánh ca xưa trong đội đồng ca của nhà thờ, và tham gia

một nhóm múa toàn là người Phi châu, dự cuộc thi vũ điệu bộ lạc được truyền hình toàn quốc trong ngày Saba Saba - ngày độc lập của Tanzania.

Năm mười một tuổi, Greg Mortenson leo lên ngọn núi đáng gờm đầu tiên “Kể từ năm lên sáu, tôi đã ngắm nhìn lên đỉnh núi và van nài cha đưa tôi lên đó.” Sau cùng khi Dempsey thấy rằng anh đã đủ lớn để leo núi thay vì vui hưởng chuyến đi lên đỉnh châu Phi, Greg nói, “Tôi đã phải bụm miệng và nôn ói trên đường lên Kalimanjaro. Tôi ghét lần leo núi đó. Nhưng việc đứng trên đỉnh vào lúc bình minh, nhìn thấy thảo nguyên Phi châu trải ra bên dưới, đã gắn bó tôi mãi mãi với việc leo núi.”

Jerene sinh được ba người con gái: Kari, Sonja Joy và sau cùng, khi Greg được mười hai tuổi, là Christa. Dempsey thường xa nhà mỗi tháng một lần, tìm kiếm ở châu Âu và châu Mỹ nguồn tiền và nhân viên có chuyên môn cho bệnh viện. Và Greg, lúc đó đã cao trên một mét tám, dễ dàng vào vai người đàn ông trong gia đình khi cha vắng mặt. Sau khi sinh Christa, cha mẹ đưa em đi rửa tội và Greg tình nguyện làm cha đỡ đầu.

Không như ba anh em lớn tuổi hơn trong nhà, Mortenson nhanh chóng cao lớn bằng cỡ cha mẹ mình, Christa cứ mãi nhỏ bé và mảnh dẻ, và khi bắt đầu đến trường, người ta thấy rõ là cô rất khác với những người còn lại trong gia đình. Khi chập chững biết đi, Christa đã bị một phản ứng khủng khiếp với việc tiêm chủng đậu mùa. “Tay con bé trở nên đen hắc.” Jerene nói. Và bà tin rằng mũi tiêm độc tố đó đã đánh dấu sự bắt đầu của chứng thiếu năng não của Christa. Lúc ba tuổi, cô bị viêm não co giật rất nặng, và trong đôi mắt thất thần của mẹ mình, cô đã không bao giờ hồi phục hoàn toàn sau cơn bệnh. Lúc tám tuổi, cô bắt đầu bị nhiều cơn co giật và được chẩn đoán là động kinh. Giữa những cơn bệnh đó, Christa cũng ốm đau “Nó học đọc được ngay.” Jerene nói. “Nhưng với nó, đó chỉ là những âm thanh. Nó không có ý niệm về ý nghĩa của câu.”

Chàng trai Greg đang lớn trở thành sự hiện diện đáng ngại đối với bất cứ ai có ý định trêu ghẹo em gái út của mình. “Christa là đứa dễ thương nhất trong anh em chúng tôi,” anh nói. “Em đối mặt với những hạn chế của mình một cách dịu dàng. Việc tự thay quần áo vào buổi sáng làm em mất nhiều thời gian, do đó em đã xếp sẵn áo quần của mình từ tối hôm trước, cố không để chúng tôi mất quá nhiều thời gian trước khi đến trường. Em rất nhạy cảm đối với người khác.”

“Xét theo khía cạnh nào đó, em giống cha tôi.” Mortenson nói. “Cả hai đều là những người biết lắng nghe.” Dempsey lắng nghe, đặc biệt là những

thanh niên Phi châu nhiều tham vọng ở Moshi. Họ nôn nóng có những cơ hội, nhưng xứ Tanzania hậu thuộc địa - khi đó, và bây giờ là một trong những quốc gia nghèo nhất trên thế giới - không có gì nhiều mời gọi họ ngoài công việc nông nghiệp nặng nhọc. Khi bệnh viện đào tạo hoàn tất và đi vào hoạt động một phần, ông kiên trì ý kiến của mình, trái với nhiều thành viên người nước ngoài khác trong ban giám đốc rằng họ phải tập trung vào việc cấp nhiều học bổng y khoa cho các sinh viên địa phương có triển vọng thay vì chỉ phục vụ con em của người nước ngoài và của thành phần ưu tú giàu có ở Đông Phi.

Ngay sau sinh nhật thứ mười bốn của Greg, bệnh viện 640 giường đã được hoàn thành và Tổng thống Tanzania, Julius Nyerere, đã phát biểu trong buổi lễ cắt băng khánh thành. Cha của Greg mua rất nhiều *pombe*, một loại bia chuối địa phương, và cắt hết những bụi cây trong sân nhà mình để có đủ chỗ cho hơn năm trăm khách địa phương và nước ngoài đến dự buổi tiệc món nướng ngoài trời chào mừng thành công của bệnh viện. Đứng trên sân khấu dành cho nhạc công được dựng lên dưới cây hồ tiêu, Dempsey trong bộ áo đen truyền thống của Tanzania, đã phát biểu với cộng đồng mà ông hằng yêu thương.

Sau mười bốn năm ở châu Phi, ông đã tăng cân nhưng vẫn đứng thẳng người khi nói và, theo con trai ông, nếu trông không giống như vận động viên trước đây thì vẫn còn rất đáng nể. Ông bắt đầu cảm ơn những cộng sự người Tanzania ở bệnh viện, John Moshi, người mà Dempsey nói rằng cũng đóng góp cho thành công của bệnh viện nhiều như ông. “Tôi có một lời tiên đoán,” ông nói bằng tiếng Swahili. “Trong mười năm nữa, lãnh đạo của mọi bộ phận trong Trung tâm Y tế Cơ đốc giáo Kilimanjaro sẽ là người Tanzania. Đây là đất nước của các bạn, đây là bệnh viện của các bạn.”

“Tôi có thể cảm thấy niềm kiêu hãnh dâng đầy từ những người châu Phi.” Mortenson nói. “Những vị khách nước ngoài muốn ông nói, Hãy nhìn điều mà chúng tôi đã làm cho các bạn. Nhưng ông đã nói, Hãy nhìn điều mà các bạn đã làm cho chính mình và các bạn có thể làm nhiều hơn thế nữa.”

“Những vị khách nước ngoài rất giận cha tôi vì chuyện đó.” Mortenson nói. “Nhưng bạn biết gì không? Điều đó đã xảy ra? Bệnh viện mà ông xây dựng ngày nay vẫn còn đó, là bệnh viện đào tạo hàng đầu ở Tanzania, một thập niên sau khi ông hoàn thành, tất cả các trưởng bộ phận đều là người châu Phi. Nhìn lại ông, tôi thấy tự hào rằng người đàn ông to lớn ngực nở

đó là cha mình. Ông đã dạy cho tôi, ông đã dạy tất cả chúng ta rằng nếu bạn tin vào chính mình, bạn có thể hoàn thành bất cứ việc gì.”

□

Với việc cả trường học và bệnh viện đều đã được đưa vào hoạt động ổn định, công việc của nhà Mortenson ở Tanzania đã hoàn tất. Dempsey được chào mời một công việc hấp dẫn - thành lập bệnh viện cho người tị nạn Palestine trên núi Olives ở Jerusalem - nhưng gia đình Mortenson đã quyết định đây là lúc để các con của họ trải nghiệm về nước Mỹ.

Greg và các em của anh vừa phấn khởi vừa lo lắng với việc trở về nơi mà họ vẫn xem như quê hương của mình, bất chấp thực tế là chúng chỉ ở đó trong những chuyến viếng thăm ngắn ngủi khoảng năm sáu lần. Greg đã đọc từng đề mục về năm mươi tiểu bang trong bộ tự điển bách khoa của gia đình, cố để hình dung và chuẩn bị cho việc trở về nước Mỹ. Từ mười bốn năm nay, những người thân ở Minnesota đã viết thư kể về hoạt động của gia đình mà nhà Mortenson ở châu Phi không tham dự, và gửi những bài báo về thành phố sinh đôi Minnesota Twins mà Greg cất giữ trong phòng mình và đọc lại vào ban đêm những sản phẩm từ một nền văn hóa xa lạ mà anh hi vọng mình có thể hiểu được.

Nhà Mortenson đóng gói sách vở, những món đồ vải dệt, gỗ chạm khắc và chuyển đến ngôi nhà bốn tầng kiểu xưa của cha mẹ Jerene ở St.Paul, trước khi mua một căn nhà màu xanh nhạt không quá đắt trong khu ngoại ô trung lưu, gọi là Roseville. Trong ngày đầu đến trường trung học ở Mỹ, Greg nhận được sự an ủi khi thấy có rất nhiều học sinh da đen đi lại trong những hành lang của trường St.Paul Central. Anh không cảm thấy cách xa Moshi. Tin đồn nhanh chóng lan khắp trường rằng anh chàng mười lăm tuổi to lớn, gương mặt nghiêm túc đến từ châu Phi.

Giữa các buổi học, một cầu thủ bóng rổ cao lớn, vạm vỡ đội mũ trùm đầu Cadillac, đeo sợi dây chuyền vàng quanh cổ đã chặn Mortenson lại trước vòi nước uống của học sinh, trong khi các bạn hấn vây quanh với vẻ đe dọa. “Mày không phải là người châu Phi,” hấn gầm lên rồi đám học sinh bắt đầu đám Mortenson như mưa trong khi anh cố dùng tay che đầu, tự hỏi không biết mình đã làm gì. Sau cùng, khi bọn chúng dừng ại, Mortenson hạ thấp hai cánh tay, đôi môi run rẩy. Thằng cầm đầu nhảy xổ vào và đám mạnh vào mắt Mortenson.

Một thằng khác chộp lấy thùng rác và chụp lên đầu anh. Mortenson đứng bên vòi nước với cái thùng hôi hám trên đầu nghe tiếng cười xa dần

về phía hành lang.

□

Về hầu hết các mặt, Mortenson tỏ ra thích nghi được với văn hóa Mỹ. Anh học rất giỏi, đặc biệt là toán, âm nhạc và các môn khoa học, và dĩ nhiên là anh có tố chất di truyền để thành công trong các môn thể thao.

Sau khi nhà Mortenson chuyển đến vùng ngoại ô, sự hiện diện hiển nhiên của Greg trong đội bóng bầu dục trường trung học Ramsey với vai trò hậu vệ đã mở ra con đường, nếu không phải của tình bạn thì cũng là của tình đồng đội, với những học sinh khác. Nhưng mặt khác, anh mãi không thuộc về lối sống Mỹ. Mẹ anh nói “Greg không bao giờ ở cùng thời trong cuộc sống của mình. Từ bé Greg đã luôn hành động như lúc còn ở châu Phi.”

Công việc của gia đình ở châu Phi đã được đền đáp về mọi mặt, trừ tiền bạc. Việc trả học phí cho một trường tư tốn kém không được bàn đến, do đó Mortenson hỏi ý kiến cha xem anh nên làm gì. Dempsy nói, “Ta đã theo học đại học bằng hời phiếu cho lính Mỹ. Con có thể làm tốt hơn ta nhiều.” Vào tháng tư trong năm học cuối, Greg đến phòng tuyển quân ở St.Paul và đăng kí thi hành nghĩa vụ quân sự trong hai năm. Grey nói, “Việc gia nhập quân đội ngay sau cuộc chiến tranh Việt Nam là một chuyện rất lạ lùng. Và đám bạn trong trường kinh ngạc vì tôi đã tính đến việc gia nhập quân đội. Nhưng chúng tôi đã khánh kiệt.”

Bốn ngày sau khi tốt nghiệp trung học, Mortenson đến căn cứ huấn luyện ở Fort Leonard Wood, Missouri. Trong khi phần lớn bạn bè cùng lớp còn đang ngủ vùi trong mùa hè trước khi vào đại học, anh bị viên trung sĩ huấn luyện đánh thức vào buổi sáng đầu tiên lúc năm giờ bằng cú đá và lay lay chiếc giường cùng tiếng quát “Xuống giường và xỏ giày vớ vào!”

“Tôi quyết định không để cho anh chàng này làm mình hoảng sợ.” Mortenson nói. Do đó anh đã chào trung sĩ huấn luyện Parks vào năm giờ sáng hôm sau với quần áo chỉnh tề trong bóng tối trên chiếc giường nhỏ đã chật khít của mình. “Anh ta mắng tôi vì đã không ngủ đủ tám giờ trong khi tôi phải tuân thủ giờ giấc theo quy định, phạt tôi hít đất bốn mươi lần rồi dẫn tôi lên ban chỉ huy, gán cho tôi một sọc và dẫn về lại khu giường ngủ. “Đây là Mortenson, anh ta sẽ là trung đội trưởng mới của các anh,” viên trung sĩ nói. “Anh ta có cấp bậc cao hơn tất cả các tân binh như các anh, do vậy hãy làm những gì anh ta nói.”

Mortenson khá trầm lặng để có thể ra lệnh cho đồng đội một cách có hiệu quả. Nhưng anh rất xuất sắc trong quân đội. Xuất thân từ đội bóng bầu dục và đội chạy đua của trường học, anh vẫn rất sung sức nên những gian khổ của việc huấn luyện cơ bản đối với anh là không đáng kể so với tinh thần suy sụp mà anh thấy như một bệnh dịch trong quân đội thời kì hậu Việt Nam. Anh được dạy các kĩ năng bộ binh và chiến thuật nâng cao, rồi dần dần thân vào sự quan tâm trọn đời mình về y khoa khi anh được huấn luyện như một người lính quân y, trước khi được phân công sang Đức cùng Sư đoàn Thiết giáp 33. “Tôi thực sự rất khờ khạo khi đăng kí nhập ngũ, nhưng quân đội đã có cách giúp tôi hết khờ khạo.” Mortenson nói. “Nhiều chàng trai sau chiến tranh Việt Nam đã dính vào heroin, họ chết trong trại và chúng tôi phải đi thu nhặt xác của họ.” Anh cũng nhớ đến một sáng mùa đông lúc thu nhặt xác của một trung sĩ bị đánh đập và bỏ lại trong hào tuyết cho đến chết, vì đồng đội của anh ta phát hiện anh ta là kẻ đồng tính luyến ái.

Đóng quân ở Bamberg, Đức, gần biên giới Tây Đức, nhờ vào giờ giấc linh hoạt trong quân đội, Mortenson đã hoàn thiện khả năng mà anh có trong suốt phần đời còn lại của mình, có thể ngủ ở bất cứ nơi nào, ngay lập tức. Anh là người lính gương mẫu, “Tôi chưa từng bắn một phát súng vào bất cứ ai.”

Mortenson nói. “Nhưng đó là trước khi bức tường Berlin sụp đổ và chúng tôi đã dành nhiều giờ nhắm qua ống ngắm khẩu súng M-16 của mình vào những người lính canh Đông Đức.” Trong phiên gác, Mortenson được phép bắn những tay súng cộng sản nếu họ bắn những thường dân Đông Đức đang cố đào thoát. “Điều đó thỉnh thoảng xảy ra nhưng chưa từng xảy ra trong khi tôi đứng gác.” Mortenson nói. “Ồn Chúa!”

Phần lớn những người lính da trắng anh quen biết ở Đức đều trải qua những ngày nghỉ cuối tuần “chơi bời, nhậu nhẹt hay bắn súng.” Mortenson nói, do đó anh đón những chuyến bay quân sự miễn phí chở lính da đen - đến Rome, London hoặc Amsterdam. Đó là lần đầu tiên Mortenson du lịch một mình và anh cảm thấy chuyến đi cùng các bạn đồng hành đều rất vui vẻ. “Trong quân đội, những người bạn thân nhất của tôi là người da đen.” Mortenson nói. “Ở Minnesota điều này có vẻ bất tiện nhưng vấn đề chủng tộc trong quân đội là vấn đề mà bạn ít lo ngại nhất. Ở Đức, tôi thấy được chấp nhận hoàn toàn và lần đầu tiên kể từ ngày ở Tanzania, tôi không cảm thấy cô độc.”

Mortenson đã được trao Huy chương Tưởng thưởng Bộ binh cho việc di tản những người lính bị thương trong một cuộc tập trận bắn đạn thật. Anh đã giải ngũ trong danh dự sau hai năm, vui vì những gì mình đã làm và giờ đây gắn bó với thói quen thứ hai không thể thay đổi của mình, đến muộn sau đó: không thể lái xe hơi vào nơi đậu xe. Rất lâu sau khi giải ngũ, anh vẫn lái số lùi mọi chiếc xe - chiếc xe jeep ở Baltistan, chiếc Toyota của gia đình trong chuyến dạo mát - vào đúng chỗ, như quân đội đã dạy cho xe quay đầu ra và chuẩn bị sẵn sàng để thoát nhanh dưới hỏa lực.

Anh đến học tại trường cao đẳng Concordia nhỏ bé ở Moorhead, Minnesota với một học bổng về bóng bầu dục, nơi đội bóng của anh đã giành chiến thắng trong giải Vô địch Quốc gia NAIA II năm 1978. Nhưng anh sớm chán môi trường đơn điệu của ngôi trường nhỏ không có tiếng tăm và đã chuyển đến ngôi trường đa dạng hơn là trường Đại học Nam Dakota ở Vermillion với học bổng dành cho quân nhân.

Jerene đang theo học để lấy bằng Tiến sĩ Giáo dục và Dempsey tìm được một công việc không hứng thú, lương thấp, làm việc nhiều giờ cho một quỹ vay vốn của nhà nước, công việc đăng kí chủ nợ, con nợ, do đó chuyện tiền bạc đối với nhà Mortenson càng trở nên eo hẹp hơn bao giờ hết. Greg phải vừa làm vừa học trong suốt cả năm đại học, rửa chén bát trong canteen của trường và làm hộ lí trực ca đêm ở bệnh viện Dakota. Mỗi tháng, anh bí mật gửi về cho cha một phần tiền mà mình kiếm được.

Vào tháng 4 năm 1981, năm thứ hai của Greg ở Vermillion, Dempsey được chẩn đoán mắc bệnh ung thư, ông mới bốn mươi tám tuổi. Greg khi đó là sinh viên khoa hóa và khoa điều dưỡng và khi biết căn bệnh ung thư của cha mình đã di căn lan đến gan và các hạch bạch huyết, anh biết rõ có thể mất cha nhanh như thế nào. Trong khi đang phải gào bài cho các kì thi và duy trì việc làm ngoài giờ, cứ hai tuần một lần, Mortenson lái xe sáu giờ về nhà ở Minnesota để ở cùng cha một ngày cuối tuần. Và cứ khoảng hai tuần, anh lại thấy sốc vì tình trạng của cha mình suy sụp một cách nhanh chóng.

Mortenson, đã khá thành thạo trong nghề y, thuyết phục các bác sĩ của Dempsey cho ngưng việc xạ trị, biết rằng tình trạng của cha đã vào giai đoạn cuối và quyết định rằng ông phải có cơ hội vui hưởng khoảng thời gian ít ỏi còn lại của mình. Greg muốn nghỉ học và dành hết thời gian chăm sóc cha mình nhưng Dempsey đã nói với con trai, “Con đừng làm vậy.” Vì vậy, những chuyến về thăm hai tuần một lần vẫn tiếp tục. Khi thời tiết tốt,

anh đưa cha ra ngoài, xúc động vì thấy cha đã gầy đi như thế nào, đến bên chiếc ghế ngoài sân cỏ để ông ngồi trong ánh mặt trời. Dempsey, có lẽ vẫn còn gắn bó với đất đai vườn tược tươi tốt bao quanh nhà như lúc ở Moshi, rất chú ý chăm sóc vườn thảo mộc của mình, và dặn anh không được để cỏ dại mọc.

Đêm khuya, khi trần trở trong giấc ngủ, Greg nghe tiếng Dempsey đánh máy một cách khó nhọc, thảo ra những nghi thức cho lễ tang của chính mình, Jerene ngủ thiếp trên ghế dài, chờ cho đến khi chiếc máy chữ im bật để đưa chồng về giường.

Vào tháng chín, Greg về thăm cha lần cuối. Dempsey khi đó đã nhập viện ở bệnh viện Midway, St.Paul. “Có một kì thi vào sáng hôm sau và tôi không muốn về nhà vào lúc nửa đêm nhưng tôi không thể bỏ cha.” Greg nhớ lại. “Ông không được dễ chịu với tình trạng bệnh tật của mình, nhưng ông vẫn đặt tay trên vai tôi suốt thời gian tôi ở đó. Sau cùng tôi đứng lên từ biệt và ông nói, ‘Mọi chuyện đã xong, mọi chuyện đều tốt cả, tất cả đều đã được lo liệu.’ Ông hoàn toàn không sợ cái chết.”

Cũng như ở Moshi, khi tổ chức buổi tiệc lớn đánh dấu sự kết thúc thành công khoảng thời gian của họ ở châu Phi, Dempsey đã sắp đặt chi tiết nghi lễ đánh dấu sự kết thúc thời khắc của ông trên trần gian cho đến bài thánh ca cuối cùng, chết một cách thanh thản vào sáng hôm sau.

Tại nhà thờ giáo phái Luther ở Roseville, những người dự tang lễ được nhận một tờ chương trình do Dempsey thiết kế, gọi là “Niềm vui trở về nhà.” Greg tiễn biệt cha mình bằng tiếng Swahili, gọi ông là *Baba, kaka, ndugu*, “người cha, người anh, người bạn.” Được ưu đãi do phục vụ trong quân ngũ, Dempsey đã yên nghỉ trong nghĩa trang quốc gia Ft.Snelling, Twin Cities.

Với cái chết của Dempsey và hai tấm bằng hạng ưu về điều dưỡng và hóa học trong tay, Mortenson cảm thấy như được cởi trói rất nhiều. Anh cân nhắc và được chấp nhận vào học tại trường Đại học Y khoa Case Western, nhưng anh không tưởng tượng là mình phải chờ đến năm năm nữa trước khi có thể kiếm được tiền. Sau cái chết của người cha, anh bắt đầu bị ám ảnh bởi việc sẽ mất Christa, khi những cơn động kinh của cô đã trở nên thường xuyên hơn. Do đó, anh quyết định trở về nhà trong một năm để sống cùng cô em út của mình. Anh đã giúp cô tìm được công việc lắp ráp túi thuốc nước IV Solution trong một nhà máy và đi xe buýt St.Paul cùng em mình hàng chục lần cho đến khi cô có thể thuộc lộ trình. Christa rất quan tâm đến

các bạn gái của anh mình và hỏi anh những câu hỏi chi tiết về giới tính mà cô e thẹn không dám trao đổi với mẹ. Và khi Greg biết Christa hẹn hò với bạn trai, anh đã nhờ một nữ y tá nói cho em nghe về giáo dục giới tính.

Năm 1986, Mortenson bắt đầu một chương trình học về sinh lí thần kinh ở Đại học Indiana; anh suy nghĩ một cách lí tưởng rằng với việc chăm chỉ nghiên cứu, anh có thể tìm ra cách chữa trị cho em gái mình. Nhưng việc nghiên cứu y học tiến triển quá chậm đối với một chàng trai hai mươi tám tuổi đang nôn nóng, và khi Mortenson càng hiểu biết thêm về bệnh động kinh, thì bất cứ cách chữa trị khả dĩ nào dường như cũng càng lùi xa hơn. Đọc qua những quyển sách giáo khoa dày cộm và ngồi trong phòng thí nghiệm, anh thấy tâm trí mình trôi dạt trở lại với những đường vân thạch anh rói rắm lẫn trong đá hoa cương ở đỉnh núi The Needles, khối núi đá nhọn vùng Black Hill, Nam Dakota, nơi anh đã học những điều cơ bản về leo núi đá cùng với hai bạn học vào năm trước.

Anh cảm thấy sự lôi kéo ngày càng mạnh hơn. Anh có chiếc xe Buick cũ màu rượu chát của bà ngoại, anh đặt cho nó cái tên La Bamba. Anh dành dụm được vài nghìn đôla, và anh có những cách nhìn khác nhau về cuộc sống, hướng ra bên ngoài nhiều hơn, như cuộc sống mà anh đã yêu thích ở Tanzania. California dường như là một nơi quá rõ ràng, do đó anh chất hành lí lên chiếc La Bamba và đi về miền Tây.

Cũng như phần lớn những cuộc theo đuổi mà anh đã chú tâm đến, đường cong học leo núi của Greg Mortenson cũng dốc đứng như những vách đá mà anh đã sớm trèo lên. Nghe anh kể về những năm đầu tiên đó ở California, gần như không có khoảng nghỉ nào giữa khóa học kéo dài một tuần mà anh tham dự ở Southern California Suicide Rocks và việc dẫn đầu những cuộc leo lên các đỉnh núi cao hơn sáu nghìn mét ở Nepal. Sau thời thơ ấu sống khuôn phép trong căn nhà hết sức nề nếp của mẹ mình, rồi quân đội, trường cao đẳng và cao học, sự tự do trong leo núi và làm việc chỉ đủ để leo núi nhiều hơn nữa, là một điều mới mẻ đáng say mê. Mortenson bắt đầu theo nghề y tá chấn thương, làm việc suốt đêm và cả những ngày lễ tại các phòng cấp cứu ở Bay Area, chọn những ca mà không ai muốn chọn để đổi lấy sự tự do biến mất khi những ngọn núi vẫy gọi.

Bối cảnh leo núi ở Bay Area có thể chiếm hết thời gian và Mortenson để bản thân bị cuốn vào đó. Anh gia nhập câu lạc bộ leo núi City Rock, trong một nhà kho cũ ở Emeryville, nơi anh bỏ ra hết giờ này sang giờ khác để cải thiện những động tác của mình. Anh bắt đầu chạy marathon và luôn

vạch ra các kế hoạch giữa những chuyến thám hiểm để leo lên mặt bắc của Mount Baker, Annapurna IV, Baruntse và nhiều đỉnh núi khác trong dãy Himalaya. “Từ năm 1989 đến 1992, cuộc đời tôi hoàn toàn dành cho việc leo núi.” Mortenson nói. Và kiến thức về leo núi đối với anh có sức lôi kéo mạnh gần như quá trình đánh giá chính mình trước những vách đá không khoan nhượng. Anh tích lũy kiến thức bách khoa về lịch sử của việc leo núi và lùng sục khắp các hiệu sách cũ ở Bay Area tìm kiếm những hành động táo bạo trong việc leo núi có từ thế kỉ mười chín. Mortenson nói, “Những năm đó, cuốn sách gối đầu giường của tôi là *Freedom from Hills* - một cuốn kinh thánh về môn leo núi.”

Christa đến thăm anh mỗi năm, và anh cố giải thích cho em gái về tình yêu của mình đối với những ngọn núi, lái xe đưa em đến Yosemite và lần ngón tay của anh dọc theo nửa chục lộ trình mà anh đã thực hiện để lên đến phiến đá hoa cương liền khối Haft-Dome.

Ngày 23 tháng 6 năm 1992, Mortenson ở trên núi Sill nằm ở phía đông Sierra, cùng với người bạn gái vào thời điểm đó, Anna Lopez, một nữ hướng đạo sinh đã trải qua nhiều tháng đơn độc ở vùng đồng quê miền núi. Vào lúc bốn giờ ba mươi sáng, họ đi xuống một sông băng, nơi họ đã cắm trại qua đêm sau khi lên đỉnh núi, Mortenson sẩy chân, ngã hẳn người tới trước, rồi bắt đầu trượt xuống sườn dốc. Quán tính khiến cho anh ngã nhào xuống dòng sông băng, hất anh lên cao một mét rưỡi mỗi lần nảy bật và ném mạnh anh xuống lớp băng giá và tuyết dày đặc. Chiếc balô nặng xoắn lại, xé trật khớp vai phải và làm gãy xương cánh tay của anh. Anh rơi thẳng đứng gần hai trăm năm mươi mét, cho đến khi cắm được mũi chiếc rìu vào trong tuyết và giữ mình dừng lại với cánh tay không bị đau.

Sau khi Mortenson trải qua hai mươi bốn giờ ảo giác, loạng choạng trong đau đớn để đi xuống núi và ra khỏi con đường mòn, Anna lái xe đưa anh đến phòng cấp cứu gần nhất, ở Bishop, California. Từ bệnh viện, Mortenson đã gọi cho mẹ để báo tin mình còn sống sót. Nhưng điều anh nghe được khiến anh đau đớn hơn cú ngã của mình. Cùng thời điểm Greg trượt chân ở núi Sill, mẹ anh mở cửa phòng Christa để đánh thức cô dậy cho chuyến đi đến “Cánh đồng mơ ước”, ở Dyersville, bang Iowa, nơi bộ phim cùng tên đã được quay, mà họ đã lên kế hoạch nhân sinh nhật thứ hai mươi ba của cô. “Khi tôi vào đánh thức Christa, con bé đang quỳ trên hai tay và hai chân, như đang cố trở lại giường sau khi đi vệ sinh.” Jerene

nói. “Da con bé tái xanh. Tôi chỉ có thể nghĩ con bé chết là do con đột quy xảy ra đột ngột khiến nó chết cứng ngay tại chỗ.”

Mortenson đến dự đám tang em gái ở Minnesota với cánh tay còn phải quàng dây. Em trai của Jerene, mục sư Lane Doerring, đã đọc bài điếu văn, trong đó ông thêm một ý thích hợp vào lời thoại nổi tiếng nhất trong bộ phim mà Christa ưa thích. “Christa của chúng ta sẽ thức dậy và nói, ‘Đây có phải là Iowa?’ Và họ sẽ đáp, ‘Không, đây là thiên đường’.” ông nói với đám đông người dự tang lễ ở trong cùng ngôi nhà thờ mà họ đã vĩnh biệt ông Dempsey trước đây.

Ở California, Mortenson cảm thấy cuộc sống trở nên vô nghĩa hơn bao giờ hết. Cuộc điện thoại của Dan Mazur, một nhà leo núi tài năng mà Mortenson biết tiếng là rất quyết tâm, như một cứu cánh. Anh ấy đang lập kế hoạch cho chuyến thám hiểm đến K2, thử thách cao nhất của các nhà leo núi, và cần một y tá cho đoàn. Liệu Mortenson có tham gia không? Đây là một con đường, một phương tiện mà Mortenson có thể quay trở lại, và đồng thời cũng để tưởng nhớ đến em gái mình. Anh đã leo lên đỉnh núi đáng kính nể nhất, và anh dành riêng chuyến leo núi của mình để tưởng nhớ Christa. Anh đã tìm thấy cách để vút bỏ sự mất mát vô nghĩa này.

□

Một cách thận trọng, Mortenson hạ thấp GiGi xuống khỏi mặt mình, và để chú khỉ lên trên cuốn album. Một chiếc xe tải mười tám bánh đang gầm gừ phóng khỏi San Pablo làm lay động căn phòng nhỏ khi nó đi qua. Anh bước ra ngoài phòng kho và lấy những vật dụng leo núi của mình từ thùng xe La Bamba.

Anh treo đai bảo hiểm, dây leo, các móc sắt, móc nối kim loại, bulông lục giác và bộ thiết bị leo Junar một cách gọn gàng trên những cái móc, nơi chúng chỉ nghỉ ngơi một thời gian ngắn giữa những chuyến leo núi trong năm năm qua. Đây là những thứ đã đưa anh qua các lục địa và lên những đỉnh núi cao mà con người yếu đuối cho là không thể đến được. Làm cách nào để quyên góp được tiền? Làm thế nào để thuyết phục người Mỹ quan tâm đến một nhóm trẻ em đang ngồi ngoài trời lạnh, ở bên kia trái đất, viết những bài học của chúng lên đất bằng những thanh que? Anh kéo sợi dây đèn, những nét đặc thù của đồ vật trong phòng kho dần biến mất. Một mảng nắng California chiếu lập lòe trên đôi mắt bằng nhựa của chú khỉ nhồi bông trước khi Mortenson cài khóa móc cánh cửa.

CHƯƠNG 5

580 bức thư, một tám ngàn phiếu

□ □ □

Hãy để nỗi khát khao phiền muộn ở trong trái tim bạn.

Đừng bao giờ từ bỏ, đừng bao giờ mất hi vọng.

Thánh Allah nói, “Những người đau khổ là những người mà ta yêu quý.”

Hãy nghiền nát trái tim bạn. Hãy đau khổ.

- Shaikh Abu Saeed Abil Kheir, aka Nobody, Son of Nobody

□

Chiếc máy đánh chữ quá nhỏ so với đôi bàn tay của Mortenson. Anh gõ trúng hai phím một lần, xé vụn bức thư rồi bắt đầu gõ lại, điều đó làm tăng thêm chi phí. Một đôla mỗi giờ để thuê chiếc máy chữ IBM Selectric cũ nghe có vẻ hợp lí, nhưng sau năm giờ tại Trung tâm Sao chép Krishna ở phụ phố chính của Berkeley, anh chỉ hoàn thành được bốn bức thư.

Vấn đề là, ngoài sự bất tiện về cách bố trí các phím quá gần nhau của chiếc máy chữ IBM, còn do Mortenson không biết chắc mình phải nói gì. “Bà Winfrey thân mến,” anh gõ bằng các đầu ngón tay, bắt đầu bức thư thứ năm. “Tôi là một người hâm mộ chương trình của bà. Nó khiến tôi nghĩ rằng bà là người thực sự quan tâm đến điều tốt đẹp nhất cho mọi người. Tôi đang viết để kể cho bà nghe về một ngôi làng nhỏ có tên Korphe ở Pakistan và về ngôi trường mà tôi đang cố gắng xây dựng ở đó. Bà có biết rằng nhiều trẻ em ở vùng Himalaya xinh đẹp đó chưa hề có trường học?”

Đến đây, anh không biết phải viết gì nữa. Anh không biết nên đề cập ngay đến tiền bạc hay chỉ yêu cầu giúp đỡ. Và nếu anh đề cập đến tiền, thì có nên đề nghị một con số cụ thể hay không? “Tôi dự định xây một ngôi trường với năm phòng học để dạy dỗ 100 học sinh cho đến lớp năm.” Mortenson gõ. “Lúc ở Pakistan để leo lên K2, ngọn núi cao thứ nhì trên thế giới, tôi đã không lên được đến đỉnh, tôi đã hỏi ý kiến các chuyên gia địa phương. Nếu sử dụng vật liệu và lao động tại chỗ, tôi tin chắc mình có thể hoàn thành ngôi trường với 12.000 đôla.”

Và đến phần khó khăn nhất. Anh có nên hỏi xin toàn bộ hay không? “Bất cứ khoản tiền nào mà bà có thể đóng góp vào số tiền đó cũng là điều tốt đẹp.” Mortenson quyết định viết. Nhưng những đầu ngón tay của anh đã không tuân theo ý chủ nhân và chữ cuối cùng được gõ thành “chảy máu”. Anh lòi tờ giấy ra và bắt đầu lại.

Vào thời điểm phải đi đến San Francisco để trực ca đêm tại phòng cấp cứu ở Trung tâm Y tế UCSF, anh đã hoàn tất, dán kín và dán tem sáu bức thư. Một gửi cho Oprah Winfrey. Một cho mỗi hãng tin có uy tín, bao gồm Bernard Shaw của CNN, vì anh hình dung rằng CNN đang trở thành một hãng tin lớn như các hãng lớn khác. Và một bức thư anh viết một cách tự phát gửi cho diễn viên Susan Sarandon, vì bà dường như quá tốt và tận tâm đối với việc nghĩa.

Anh lái chiếc La Bamba xuyên qua luồng giao thông trong giờ cao điểm, lái chiếc Buick với chỉ một ngón tay trở. Đó là cỗ máy phù hợp hoàn hảo với đôi tay của Mortenson. Anh đỗ xe, nghiêng người ra ngoài cửa và nhét những lá thư vào khe hòm thư bên lề đường ở bưu điện Berkeley.

Đó không phải là thành tích lớn lao để khoe khoang cho trọn một ngày làm việc. Nhưng ít nhất anh cũng đã bắt đầu ở nơi nào đó. Minh sẽ nhanh hơn, anh tự nhủ. Anh phải nhanh hơn vì đã tự đặt cho mình một mục tiêu phải đạt được 500 bức thư. Nhẹ nhàng lái chiếc La Bamba vào luồng giao thông ở bờ tây cầu Bay, anh cảm thấy lâng lâng như thể vừa châm một ngòi nổ và những tin tức tốt lành sẽ sớm bùng cháy.

□

Ở phòng cấp cứu, cả ca trực có thể biến mất trong sự mờ ảo của những vết thương do dao và những vết áp xe chảy máu. Hoặc, trong khoảng thời gian ngắn ngủi, khi không có những ca nguy hiểm đến tính mạng nhập viện, thời gian có thể trôi dần sang buổi sáng mà không thể nhận ra. Những lúc ấy, Mortenson chợp mắt một chút trên chiếc giường nhỏ, hoặc nói chuyện với mấy vị bác sĩ như Tom Vaughan. Cao, gầy và đeo kính, Vaughan là bác sĩ chuyên về bệnh phổi và là nhà leo núi. Ông đã leo lên núi Aconcagua trong dãy Andes, là ngọn núi cao nhất bên ngoài châu Á. Nhưng chính kinh nghiệm của ông với tư cách một bác sĩ trong đoàn leo núi người Mỹ năm 1982, nỗ lực lên đến Gasherbrum II ở Pakistan, đã tạo nên sự gắn bó giữa y-bác sĩ.

“Anh có thể thấy K2 từ Gasherbrum II.” Vaughan nói. “Nó đẹp không thể tả và rất đáng sợ. Và tôi đã đặt nhiều câu hỏi với Greg về cảm giác của cậu ấy khi leo lên đó.” Vaughan đã tham gia trong một nỗ lực leo lên ngọn núi thường được xem là dễ dàng nhất trong những đỉnh núi tám nghìn mét. Nhưng trong thời gian đó, không thành viên nào trong đoàn lên được đến đỉnh, và một thành viên trong đoàn, Glen Brendeiro, đã bị quét khỏi vách đá bởi một đợt tuyết lở và không bao giờ được tìm thấy.

Vaughan ý thức được thành tích lên gần đến đỉnh một ngọn núi giết người như K2 là như thế nào. Giữa những ca cấp cứu, họ nói về sự vĩ đại và cô độc của Baltoro, mà cả hai đều tin là nơi hùng vĩ nhất trên trái đất. Và Mortenson đã hỏi Vaughan rất chi tiết về nghiên cứu mà ông đã thực hiện về chứng phù phổi, sự sưng viêm phổi do độ cao, vốn đã gây ra quá nhiều cái chết và thương tích cho các nhà leo núi.

“Greg hết sức nhanh nhẹn, điềm tĩnh và tháo vát trong phòng cấp cứu.” Vaughan nhớ lại. “Nhưng khi bạn nói với anh ấy về y học, dường như anh ấy không thực sự quan tâm. Ấn tượng của tôi lần đầu tiên gặp anh ấy là dường như anh ấy chỉ làm qua ngày cho đến khi có thể trở lại Pakistan.”

Tâm trí của Mortenson có thể đã tập trung vào một ngôi làng miền núi cách xa mười hai nghìn dặm. Nhưng anh không hề rời mắt khỏi một nữ bác sĩ gây mê nội trú, bác sĩ Marina Villard, người đã làm anh mất cân bằng khi gặp cô. “Marina mang vẻ đẹp tự nhiên.” Mortenson nói. “Cô là một nhà leo núi. Cô không trang điểm. Cô có mái tóc đen nhánh và đôi môi đầy đặn làm tôi không dám nhìn vào. Tôi hết sức đau khổ mỗi khi làm việc cùng cô ấy. Tôi không biết mình nên mời cô đi chơi hay tránh gặp cô để có thể suy nghĩ đúng đắn.”

□

Để tiết kiệm tiền trong khi đang cố gây dựng ngân quỹ cho trường học, Mortenson quyết định không thuê một căn hộ. Anh có khoảng không gian kho. Và băng ghế sau của chiếc La Bamba có kích thước của một chiếc ghế nằm. So với chiếc lều đơn sơ ở Baltoro, thì đó có vẻ là một nơi tiện nghi để ngủ. Anh tiếp tục là thành viên của City Rock để có thể tắm vòi sen cũng như để trèo lên vách, vì trong hầu hết mọi ngày anh đều leo trèo để giữ được vóc dáng. Mỗi đêm, anh đi quanh khu Berkeley, khu nhà kho ở bên vịnh, tìm một tòa nhà tối và yên tĩnh để có thể ngủ mà không bị quấy rầy. Quán mình trong túi ngủ, hai chân duỗi thẳng ra trên băng ghế sau của chiếc La Bamba, anh thấy Marina lượn quanh trong những suy nghĩ của mình trước khi chìm vào giấc ngủ.

Những ngày không làm việc, Mortenson viết dần dần hàng trăm bức thư. Anh viết cho từng thượng nghị sĩ Mỹ. Anh thường xuyên đến thư viện công cộng, lướt qua những tạp chí văn hóa pop mà anh sẽ không bao giờ đọc nếu không phải là để tìm tên các ngôi sao điện ảnh, các ca sĩ nhạc pop, và thêm vào bản danh sách cát trong chiếc túi dây kéo Ziploc. Anh chép lại các địa chỉ từ cuốn sách liệt kê một trăm người Mỹ giàu nhất. “Tôi không

biết mình đang làm gì.” Mortenson nhớ lại. “Tôi chỉ giữ một danh sách bất cứ ai có vẻ như có quyền lực, hay nổi tiếng, hay quan trọng, và đánh máy thư gửi cho họ. Tôi đã ba mươi sáu tuổi và vẫn chưa biết cách sử dụng máy vi tính. Tôi vô dụng như vậy đó.”

Một ngày kia, Mortenson đến cửa hàng sao chép Krishna và cửa hàng này bất ngờ đóng cửa. Anh đi sang cửa hàng khác gần nhất, Lazer Image trên đại lộ Shattuck, và hỏi thuê một máy đánh chữ.

“Tôi nói với anh ấy, chúng tôi không có máy đánh chữ.” chủ cửa hàng Lazer Image, Kishwar Syed, nhớ lại. “Giờ là năm 1993, sao anh không thuê máy vi tính?” Và anh ấy nói với tôi rằng anh không biết sử dụng máy tính.

Mortenson nhanh chóng biết rằng Syed là người Pakistan, đến từ Bahawal Puy, một làng nhỏ miền trung Punjab. Và khi Syed biết vì sao Mortenson muốn đánh máy những bức thư, anh ấy đã bảo Mortenson ngồi xuống trước một máy Apple Macintosh và dạy miễn phí cho đến khi người bạn mới của mình dùng được máy tính.

“Ngôi làng ở Pakistan của tôi không có trường học, do đó tầm quan trọng của công việc mà Greg đang nỗ lực thực hiện là rất đáng quý đối với tôi.” Syed nói. “Động cơ của anh quá lớn lao khiến tôi có nhiệm vụ phải tận tình giúp đỡ.”

Mortenson sững sốt với những chức năng cắt dán và sao chép của máy tính. Anh nhận ra rằng mình có thể tạo ra ba trăm bức thư, vốn đã chiếm mất của anh nhiều tháng đánh máy, trong một ngày. Chỉ một ngày cuối tuần có cả phê trợ lực, với sự chỉ dẫn của Syed, anh đã cắt và dán lời kêu gọi gây quỹ của mình một cách say sưa cho đến khi đạt được mục tiêu năm trăm bức thư. Rồi anh sôi nổi hẳn lên, khi cùng Syed động não nghĩ ra một danh sách hàng chục người nổi tiếng, cho đến khi có được 580 lời kêu gọi. “Thật đáng ngạc nhiên.” Mortenson nói. “Một người đến từ Pakistan đã giúp tôi sử dụng máy tính để tôi có thể giúp những đứa trẻ ở Pakistan biết chữ.”

Sau khi gửi những bức thư, Mortenson quay trở lại tiệm của Syed vào những ngày nghỉ và thực hành những kỹ năng máy tính mới học của mình, viết ra sáu mươi đơn xin trợ cấp để tìm kiếm ngân quỹ cho ngôi trường ở Korphe.

Khi cùng nhau cúi người trên bàn phím, Mortenson và Syed đã bàn luận về phụ nữ. “Đó là khoảng thời gian đẹp và rất buồn trong cuộc đời chúng tôi.” Syed nói. “Chúng tôi thường nói về sự cô đơn và tình yêu.”

Syed đã đính hôn với người phụ nữ mà mẹ anh chọn cho anh ở Karachi. Và anh đang dành dụm tiền tổ chức đám cưới trước khi đưa vợ sang Mỹ.

Mortenson thú nhận mình phải lòng Marina và Syed đã vạch ra những chiến lược bất tận, nghĩ ra những cách mà bạn mình có thể mời cô ấy đi chơi. “Hãy nghe Kish.” anh ấy khuyên. “Anh đang già đi và anh cần có một gia đình. Anh còn chần chờ gì nữa?”

Mortenson thấy như bị cồng lười mỗi khi anh muốn mời Marina đi chơi. Nhưng những lúc rảnh rỗi ở trung tâm y tế USCF, anh bắt đầu kể cho Marina nghe những câu chuyện về Karakoram và những kế hoạch xây dựng trường học của mình. Cố không để bị lạc trong đôi mắt của người phụ nữ này, Mortenson đã rút mình vào những kí ức khi nói chuyện. Nhưng khi anh nhìn lên, sau khi kể lại cuộc cứu hộ Etienne, những ngày lạc lối ở Baltoro, hay khoảng thời gian ở Korphe dưới sự chăm sóc của Haji Ali, đôi mắt của Marina bừng sáng lên. Và sau hai tháng với những cuộc trò chuyện như vậy, nàng đã kết thúc tình thế thê thảm của Mortenson bằng cách mời anh đi chơi.

Sau khi trở về từ Pakistan, Mortenson sống khác khổ như một thầy tu. Hầu như mọi ngày anh ăn sáng với suất ăn 99 cent - cà phê và bánh quai vạt - ở một tiệm bánh Campuchia trên đại lộ MacArthur. Thông thường anh không ăn gì cho đến bữa tối, khi đó anh lấp đầy cái bụng đói meo bằng món burrito với giá ba đôla ở một trong các quầy taquerias⁽¹⁰⁾ ở khu thương mại Berkeley.

Trong ngày hẹn hò đầu tiên của họ, Mortenson đã chở Marina đến nhà hàng hải sản bên bờ Sausalito và gọi một chai rượu vang trắng, nghiền răng vì cái giá của nó. Anh tự ném mình vào cuộc đời của Marina một cách chóng mặt, nhảy bằng cả hai chân. Marina đã có hai con gái trong cuộc hôn nhân trước, Blaise năm tuổi và Dana ba tuổi. Và Mortenson sớm cảm thấy gắn bó với chúng như đã gắn bó với mẹ chúng.

Vào những ngày cuối tuần khi hai cô con gái ở lại cùng cha ruột, anh và Marina lái xe đến Yosemite, ngủ đêm trong chiếc La Bamba và leo lên những đỉnh núi như Cathedral Spire suốt ngày cuối tuần. Khi hai con gái ở nhà, Mortenson đưa mọi người đến Indian Rock, một phong cảnh lộ thiên ngoạn mục ở Berkeley Hills, ở đó anh dạy chúng những điều cơ bản về việc leo vách đá. “Cảm giác như mình đột nhiên có một gia đình riêng.”

Mortenson nói. “Gia đình mà tôi biết mình thực sự cần. Và nếu việc gây quỹ cho trường học diễn biến tốt hơn, tôi đã có thể hạnh phúc hoàn toàn.”

Từ căn nhà mới của mình ở River Falls, Wisconsin, Jerene Mortenson đã lo âu theo dõi cuộc phiêu lưu của con trai. Sau khi hoàn tất chương trình tiến sĩ, bà được thuê làm hiệu trưởng trường tiểu học Westside. Jerene thuyết phục con trai đến thăm mình, trình chiếu hình ảnh và nói chuyện với sáu trăm học sinh ở trường của bà. “Tôi đang trong thời kì thực sự khó khăn với việc giải thích cho người lớn lí do tôi muốn giúp đỡ những học sinh ở Pakistan.” Mortenson nói. “Nhưng những đứa trẻ lại hiểu ngay. Khi nhìn thấy những bức hình, chúng không thể tin rằng có một nơi mà trẻ em ngồi ngoài trời trong thời tiết lạnh và cố gắng duy trì lớp học mà không có thầy giáo. Chúng quyết định phải làm gì đó cho chuyện này.”

Một sáng sau khi trở lại Berkeley, Mortenson nhận được một bức thư của mẹ anh. Bà giải thích rằng học sinh của bà đã tự phát động phong trào “Những đồng xu cho Pakistan”. Gôm đầy hai thùng một trăm năm mươi lít, chúng đã có được 62.345 xu. Khi gửi ngân hàng tám ngàn phiếu 623,45 đôla mà mẹ gửi kèm, Mortenson cảm thấy như vận may cuối cùng đã đổi chiều. “Những đứa trẻ đã thực hiện bước đầu tiên hướng về việc xây dựng ngôi trường.” Mortenson nói. “Và chúng thực hiện điều đó với một thứ gần như không có giá trị gì trong xã hội của chúng ta - những đồng xu. Nhưng ở nước ngoài, những đồng xu có thể dờn núi.”

Những bước đi khác đến quá chậm, sáu tháng đã trôi qua từ khi Mortenson gửi đi 580 bức thư đầu tiên và cuối cùng anh chỉ nhận được một thư trả lời. Tom Brokaw, như Mortenson, là một cựu sinh viên đại học Nam Dakota. Khi còn là những cầu thủ bóng bầu dục, họ đều được huấn luyện bởi Lars Overskei, điều này đã được anh viết rõ trong bức thư ngắn của mình. Brokaw gửi tám ngàn phiếu một trăm đôla và một bức thư ngắn chúc anh may mắn. Và dần dần từng lá thư một từ những quỹ tài trợ như những nhát búa đập vào niềm hi vọng của anh, báo với anh rằng mười sáu lá thư xin tài trợ của anh đều đã bị từ chối.

Mortenson đưa bức thư ngắn của Brokaw cho Tom Vaughan xem và thú nhận những nỗ lực gây quỹ của anh đang tiến triển tồi tệ như thế nào. Vaughan là người ủng hộ cho Quỹ Himalaya Mỹ và quyết định thử xem tổ chức này có thể giúp gì không. Ông đã viết một bài ngắn về chuyến leo núi K2 của Mortenson và những nỗ lực của anh để xây dựng một ngôi trường cho Korphe, được in trên bản tin của AHF. Và ông nhắc nhở các thành viên

AHF, nhiều người là những nhà leo núi xuất sắc của Mỹ, về di sản của Sir Edmund Hillary ở Nepal.

Sau khi chinh phục đỉnh Everest với Tenzing Norgay vào năm 1954, Hillary thường xuyên quay lại thung lũng Khumbu. Và ông đã tự đặt cho mình một nhiệm vụ mà ông mô tả là còn khó hơn leo lên đỉnh ngọn núi cao nhất thế giới - xây dựng trường học cho các cộng đồng nghèo người Sherpa, những người khuôn vác đã làm cho chuyến leo núi của ông có thể xảy ra.

Trong quyển sách về những nỗ lực nhân đạo của mình năm 1964, *Schoolhouse in the Clouds*, Hillary đã nói với cái nhìn tiên tri về những nhu cầu của các dự án hỗ trợ ở những nơi nghèo nhất và xa xôi nhất trên thế giới. Những nơi như Khumbu và Korphe. “Chậm chạp và đau đớn, chúng tôi đang nhìn thấy sự chấp nhận của thế giới trước sự thật rằng các quốc gia giàu có hơn và tiến bộ hơn về kỹ thuật phải có trách nhiệm giúp đỡ các quốc gia chưa phát triển.” ông viết. “Không chỉ bởi ý nghĩa từ thiện mà còn bởi chỉ bằng cách này, chúng ta mới có thể hi vọng nhìn thấy hòa bình vĩnh viễn và an ninh cho chính chúng ta.”

Nhưng theo một ý nghĩa, con đường của Hillary dễ dàng hơn hẳn cuộc tìm kiếm viên vòng của Mortenson. Chinh phục được đỉnh núi cao nhất hành tinh, Hillary đã trở thành một trong những người nổi tiếng nhất trên thế giới. Khi ông tiếp xúc những nhóm người giúp lập quỹ cho nỗ lực xây dựng trường học, họ đều tranh nhau hỗ trợ cho “Đội xây dựng trường học Himalaya” của ông. Sách Bách khoa Thế giới đăng kí làm nhà tài trợ chính, cung cấp cho Hillary 52.000 đôla vào năm 1963. Và Sears Roebuck, gần đây đã bắt đầu bán những chiếc lều và túi ngủ mang thương hiệu Sir Edmund Hillary, đã trang bị cho đoàn và gửi một đội quay phim để ghi lại công việc của Hillary. Nhiều nguồn tài trợ khác được tích lũy khi những đại diện của Hillary bán bản quyền phim và báo chí châu Âu, và thu được khoản tạm ứng cho một quyển sách về chuyến thám hiểm trước khi Hillary lên đường đi Nepal.

Mortenson không chỉ thất bại trong việc lên đỉnh K2, anh đã trở về nhà trong túng quẫn. Và vì lo ngại sẽ làm hỏng mọi chuyện nếu dựa quá nhiều vào Marina, anh vẫn tiếp tục trải qua hầu hết những đêm trên chiếc La Bamba. Anh bắt đầu bị cảnh sát chú ý. Và họ dựng anh dậy giữa đêm bằng đèn pin, khiến anh phải chạy vòng vòng kiểm chỗ ngủ quanh Berkeley Flats, nửa thức nửa tỉnh trên tay lái tìm những điểm đậu xe để cảnh sát không tìm thấy trước khi trời sáng.

Gần đây, Mortenson cảm thấy có một sự rạn nứt đang phát triển với Marina về chuyện tiền bạc. Việc ngủ trên chiếc La Bamba trong những chuyến leo núi cuối tuần rõ ràng đã mất đi sức hấp dẫn đối với cô. Anh đã xử lí một cách kém cỏi khi, vào một buổi tối lạnh mùa xuân, trên đường họ đến Yosemite, cô gợi ý xài sang và nghỉ tại khách sạn Ahwahnee nổi tiếng, một viên ngọc kiến trúc kiểu đồng quê miền tây thời nội chiến. Chỉ một ngày cuối tuần tại Ahwahnee sẽ tốn một khoản xấp xỉ bằng tất cả số tiền mà anh đã gom góp được đến lúc đó cho ngôi trường. Sau khi Mortenson từ chối thẳng thừng, ngày nghỉ cuối tuần của họ trong chiếc xe hơi ẩm ướt đã sục sôi với sự căng thẳng ngấm ngấm.

Vào một ngày lạnh, đầy sương mù đặc trưng vào mùa hè ở San Francisco, Mortenson đến cho một ca làm việc và Tom Vaughan đưa cho anh một trang giấy xé ra từ quyển sổ ghi toa thuốc của mình. “Người này đọc về anh trên bản tin và gọi cho tôi.” Vaughan nói. “Ông ta là một nhà leo núi và một kiểu khoa học gia gì đó. Ông ta cũng khỏe mạnh, thẳng thắn như một công nhân. Ông ta hỏi tôi liệu anh có phải là một anh chàng chơi ma túy sẽ tiêu phí hết tiền của ông không. Nhưng tôi nghĩ ông ta giàu có. Anh nên gọi cho ông ta.” Mortenson nhìn tờ giấy. Trên đó ghi “Tiến sĩ Jean Hoerni” kế bên là một số điện thoại ở Seattle. Anh cảm ơn Vaughan và nhét mẫu giấy vào túi trên đường đến phòng cấp cứu.

Ngày hôm sau, ở thư viện công cộng Berkeley, Mortenson tìm tên tiến sĩ Jean Hoerni. Anh ngạc nhiên vì tìm thấy hàng trăm mục từ, chủ yếu là trong những tờ báo về công nghệ bán dẫn.

Hoerni là một nhà vật lí gốc Thụy Sĩ có học vị ở Cambridge. Cùng một nhóm nhà khoa học California, tự gọi mình là “Tám kẻ Phản bội” sau khi rời bỏ phòng thí nghiệm của nhà khoa học được giải Nobel nhiều tai tiếng William Shockley, ông đã phát minh ra một loại mạch tích hợp mở đường cho con chip silicon. Một ngày kia, trong khi đang tắm vòi sen, Hoerni giải được bài toán làm thế nào để chứa thông tin vào một mạch. Quan sát nước chảy thành từng dòng nhỏ trên hai bàn tay mình, ông nêu giả thuyết rằng silicon có thể được ghép lớp theo cách tương tự vào một mạch dẫn, làm tăng rất nhiều diện tích bề mặt và công suất của mạch. Ông gọi đó là “quy trình mặt phẳng” và đã đăng kí phát minh đó.

Hoerni, người mà vinh quang cũng bằng với tính tình kì quái, cứ sau vài năm lại nhảy từ chỗ làm này sang chỗ làm khác, luôn luôn đối đầu với những đối tác kinh doanh. Nhưng trên con đường sự nghiệp đáng nể của

mình, ông đã thành lập hơn nửa chục công ty mà sau cùng, khi ông ra đi đều lớn mạnh thành những công ty khổng lồ như Fairchild Semiconductors, Teledyne và Intel. Lúc Hoerni gọi cho Vaughan để thăm dò về Mortenson, ông đã bảy mươi tuổi và tài sản cá nhân của ông đã phát triển đến hàng trăm triệu đôla.

Hoerni cũng là một nhà leo núi. Khi còn trẻ, ông đã nỗ lực leo lên Everest và những đỉnh núi khắp năm châu. Với cơ thể dẻo dai như đầu óc của mình, ông đã từng sống sót qua một đêm lạnh trên núi cao, bằng cách nhồi giấy báo chiếc túi ngủ của mình. Sau đó ông viết một bức thư cho ban biên tập của tờ Wall Street Journal, ca ngợi “đây là tờ báo ấm nhất từng được phát hành.”

Hoerni đặc biệt yêu thích Karakoram, nơi ông đã trải qua một chuyến đi vất vả, và nói với bạn bè rằng ông bị sốc bởi sự khác biệt giữa khung cảnh núi non tuyệt đẹp và cuộc sống thô thiển của những phu khuân vác người Balti.

Mortenson đổi mười đôla thành những đồng hai mươi lăm xu và gọi cho Hoerni ở nhà ông tại Seattle từ máy điện thoại trả tiền của thư viện. “Xin chào,” anh nói, sau vài phút tốn kém trôi qua và sau cùng Hoerni đến bên điện thoại. “Tôi là Greg Mortenson, Tom Vaughan đã cho tôi số điện thoại của ông và tôi gọi vì...”

“Tôi biết anh muốn nói gì.” một giọng nói sắc bén với giọng Pháp ngắt lời.

“Hãy cho tôi biết, nếu tôi đưa tiền cho anh xây trường, anh sẽ không tiêu hoang ở một bãi biển nào đó tại Mexico, hút ma túy và làm tình với bạn gái chứ?”

“Tôi...” Mortenson nói.

“Anh nói sao?”

“Không thưa ông, dĩ nhiên là không. Tôi chỉ muốn giáo dục bọn trẻ.” Anh phát âm chữ “giáo dục” với giọng điệu chất phác miền trung tây mà anh luôn sử dụng cho từ ưa chuộng của mình. “Giáo... dục”. Ở Karakoram, chúng thật sự cần sự giúp đỡ của chúng ta. Ở đó chúng khá gian khổ.”

“Tôi biết.” Hoerni nói. “Tôi đã ở đó năm 74, trên đường đến Baltoro.”

“Ông đến đó cho một chuyến leo núi hay với...”

“VẬY nói chính xác, ngôi trường của anh tốn hết bao nhiêu?” Hoerni vặn lại.

Mortenson cho thêm những đồng hai mươi lăm xu vào điện thoại.

“Tôi đã gặp kiến trúc sư và các nhà thầu ở Skardu, và tính giá mọi nguyên vật liệu.” Mortenson nói. “Tôi muốn trường có năm phòng, bốn làm lớp học và một phòng chung để...”

“Cho một con số.” Hoerni ngắt ngang.

“Mười hai nghìn đôla.” Mortenson nói một cách sợ hãi. “Nhưng bất cứ khoản đóng góp nào của ông cho ngôi trường cũng...”

“Chỉ có vậy thôi sao?” Hoerni hỏi lại, có vẻ hoài nghi. “Anh không nói chuyện phiếm chứ, anh thật sự có thể xây một ngôi trường chỉ với mười hai nghìn đôla?”

“Vâng, thưa ông,” Mortenson nói. Anh có thể thấy nhịp đập của tim mình.

“Điều này tôi chắc chắn.”

“Vậy địa chỉ của anh?” Hoerni hỏi.

“Ôi, thật là một câu hỏi đáng quan tâm.”

Mortenson bước đi ngậy ngất qua đám đông sinh viên trên đại lộ Shattuck để tiến về xe của mình. Anh hình dung đêm nay mình có một lí do rất chính đáng để không ngủ trong La Bamba.

Một tuần sau, Mortenson mở hộp thư của mình. Bên trong là chiếc phong bì chứa một biên nhận cho tám ngàn phiếu mười hai nghìn đôla do Hoerni gửi, theo tên của Mortenson, cho AHF và một lá thư ngắn viết nguệch ngoạc trên mảnh giấy kẻ ô: “Đừng làm loạn nhé. Chúc tốt lành, J.H.”

□

Những ấn bản đầu tiên ra đi trước. Mortenson đã bỏ ra nhiều năm dạo cửa hàng sách Black Oak ở Berkeley, đặc biệt là trong căn phòng phía sau, nơi anh tìm thấy hàng trăm quyển sách lịch sử về leo núi. Từ xe mình, anh mang vào sáu giỏ sách. Cùng với vài quyển sách quý hiếm của cha anh ở Tanzania, người mua trả chưa đến sáu trăm đôla.

Trong khi đợi rút tiền từ ngân phiếu của Hoerni, Mortenson đã chuyển bất cứ thứ gì khác mà mình sở hữu thành tiền mặt, đủ để mua vé máy bay và chi tiêu trong khoảng thời gian dài phải có mặt ở Pakistan. Anh báo cho Marina biết anh sắp tiếp tục công việc đã bị gián đoạn từ khi gặp cô - cho đến khi hoàn thành lời anh đã hứa với những đứa trẻ ở Korphe. Anh hứa với cô khi anh quay trở về mọi việc sẽ khác. Anh sẽ làm việc toàn thời gian, tìm một nơi thực sự để sống và sống một cuộc sống ít bừa bãi hơn.

Anh bán lại dụng cụ leo núi của mình cho cửa hàng Wilderness Exchange trên đại lộ San Pablo, một nơi mà hằng năm anh đã tiêu đi phần lớn thu nhập mà mình có được kể từ khi trở thành một nhà leo núi tận tụy. Từ nhà kho của anh chỉ mất bốn phút để lái xe đến cửa hàng, nhưng anh nhớ rằng đoạn đường đó dài tương tự một chuyến hành trình xuyên quốc gia. “Tôi cảm thấy như mình đang lái xe đi xa khỏi cuộc sống mà mình đã từng sống kể từ khi đến California.” anh nói. Anh ra đi với gần một nghìn năm trăm đôla nữa trong túi.

Buổi sáng trước khi lên máy bay, Mortenson chở Marina đi làm, rồi thực hiện việc chia tay khó khăn nhất của mình. Tại một bãi xe cũ ở Oakland, anh lái chiếc La Bamba vào bãi và bán nó lấy năm trăm đôla. Chiếc xe ngón xăng đã chở anh một cách trung thành từ miền trung tây đến với cách sống mới như một nhà leo núi ở California. Nó là nhà của anh trong một năm khi anh đấu tranh để tìm ra con đường của mình qua việc gây quỹ một cách vô vọng. Giờ đây, tiền thu được từ chiếc xe sẽ giúp đưa anh đến bên kia trái đất. Anh vồ vào cái mui xe to lớn màu rượu chát, cho tiền vào túi và đeo chiếc túi vải của mình đi về phía chiếc taxi đang đợi để đưa anh sang một chương mới của đời mình.

CHƯƠNG 6

Hoàng hôn trên mái nhà Rawalpindi

□ □

Cầu nguyện thì tốt hơn là ngủ.

- trích từ hazzan, hay còn gọi là tôn kính

□

Anh thức dậy, cuộn lại số tiền, người ướt đẫm mồ hôi. Mười hai nghìn tám trăm đôla tờ tiền một trăm đếm nhiều lần được xếp gọn trong chiếc túi nilon màu xanh lá cây đã sờn. Mười hai nghìn cho ngôi trường. Tám trăm để anh sống trong vài tháng tới. Căn phòng quá thanh đạm nên không có chỗ cất giấu chiếc túi, ngoại trừ giấu bên dưới quần áo anh. Anh vỗ nhẹ vào số tiền như vẫn thường làm kể từ khi rời khỏi San Francisco và đóng đưa hai chân khỏi chiếc giường *charpoy*, chạm vào sàn xi măng ẩm ướt.

Mortenson vén một góc màn và nhìn thấy một góc trời hình nêm, bị chia đôi bởi ngọn tháp lợp ngói xanh gần Giáo đường Bộ Giao thông Chính phủ. Bầu trời màu đỏ tía nghĩa là đang bình minh hoặc hoàng hôn. Anh cố lau sạch cơn buồn ngủ khỏi mặt mình, xem xét, chắc chắn là hoàng hôn. Anh đã đến Islamabad vào lúc bình minh và hẳn là đã ngủ cả ngày.

Anh đã đổi nhiều chuyến bay trên nửa vòng trái đất trong một hành trình năm mươi sáu giờ được quy định bởi vé máy bay giảm giá của mình, từ San Francisco đến Atlanta, đến Frankfurt, Abu Dhabil, Dubai và, sau cùng, cuối đường hầm của các múi giờ và những sảnh khởi hành ngọt ngọt là sân bay Islamabad oi ả và điên cuồng. Và tại đây, anh đã ở thành phố sinh đôi của Islamabad đông người như lá cây, trong phòng trọ rẻ tiền Rawalpindi, mà người quản lí của khách sạn Khyaban đã đoán chắc với anh là “phòng rẻ tiền nhất.”

Giờ đây mỗi rupi đều quan trọng. Mỗi đôla phung phí đi sẽ là những viên gạch hay những quyển sách của ngôi trường bị lấy mất. Với giá tám mươi rupi một đêm, vào khoảng hai đôla, Mortenson sống trong suy nghĩ muộn màng này, một phòng ngủ sáu mét vuông ốp kính trên mái khách sạn có vẻ giống một phòng kho chứa dụng cụ làm vườn hơn là một phòng dành cho khách trọ. Anh xỏ quần, lấy chiếc áo *shalwar* ra khỏi tủ và mở cửa phòng. Không khí đầu giờ chiều không hề mát hơn, nhưng ít nhất nó cũng chuyển động.

Ngồi xồm trong bộ *shalwar kamiz* màu xanh dương nhạt ó bản, ông chủ khách sạn Abdul Shah quan sát Mortenson qua một con mắt còn sáng rõ của mmh. “*Salaam Alaikum, Sahib, Greg Sahib .*” người bảo vệ nói, như thể đã chờ Mortenson thức dậy suốt cả buổi chiều, sau đó đứng lên đi pha trà.

Trong chiếc ghế xếp gi sét kê trên mái nhà, kế bên chõng gạch ximăng gọi lên tham vọng trong tương lai của khách sạn, Mortenson nhận chiếc bình sứ sứ mẻ chứa trà sữa đặc dính và cố làm cho đầu óc tỉnh táo để đề ra một kế hoạch.

Khi còn ở Khyaban một năm trước, anh là thành viên của một đoàn thám hiểm đã được lên kế hoạch tỉ mỉ. Mỗi giây phút của từng ngày đều đầy những nhiệm vụ, từ đóng gói và phân loại những túi bột mì và thực phẩm khô đông lạnh, xin giấy phép và đặt vé máy bay, cho đến việc thuê mướn người khuân vác và những con la.

“Ông Greg, Sahib.” Abdul nói, cứ như đoán được dòng suy nghĩ của anh. “Tôi có thể hỏi vì sao ông quay trở lại hay không?”

“Tôi phải xây dựng một ngôi trường, *Inshallah.*” Mortenson đáp.

“Ở đây, tại Pindi sao, thưa ông Greg?”

Khi đã tỉnh táo nhờ ấm trà, Mortenson kể cho Abdul câu chuyện về thất bại của mình ở K2, chuyến đi lang thang trên sông băng và cách mà người dân Korphe đã chăm sóc một người xa lạ đi lạc vào làng họ.

Ngồi xồm trên gót chân, Abdul rít qua hàm răng và gãi cái bụng phệ của mình. “Ông là người giàu có?” ông ta hỏi, mắt nhìn đôi giày đã sờn và chiếc áo *shalwar* màu bùn của Mortenson một cách nghi ngại.

“Không.” Mortenson nói. Anh không nghĩ ra cách nào để kể lại nỗ lực dò dẫm trong năm qua của mình. Sau cùng Mortenson nói, “Nhiều người ở Mỹ gửi chút tiền cho trường học, ngay cả trẻ em.” Anh rút ra chiếc túi màu xanh lá cây từ bên dưới áo và đưa cho Abdul xem tiền. “Số tiền này vừa đủ cho một ngôi trường nếu như tôi chi tiêu thật cẩn thận.”

Abdul đứng dậy với vẻ hiểu biết. “Nhờ ánh sáng nhân từ của Allah toàn năng, ngày mai chúng ta sẽ mặc cả nhiều. Chúng ta phải mặc cả thật tốt.” ông ta nói, đưa hai tay cầm bộ bình trà và cáo lui.

Từ chiếc ghế xếp của mình, Mortenson nghe tiếng lách tách của các đường dây điện xoắn lại với nhau ở ngọn tháp giáo đường GTS, trước khi tiếng rền rĩ cầu kinh *hazzan*, được khuếch đại, khản cầu sự sùng đạo của người cầu nguyện buổi tối. Mortenson nhìn đàn chim én bay lên cùng lúc,

vẫn ở trong bóng cây me nơi chúng đậu trong vườn khách sạn, trước khi bay đi xa theo vòng tròn qua mái nhà.

Bên ngoài Rawalpindi, tiếng kêu gọi của các *muezzin*⁽¹¹⁾ từ nửa tá giáo đường Hồi giáo làm cho buổi chiều tối phảng phất hương vị những lời cổ vũ. Mortenson đã ở trên mái nhà này một năm trước, và đã nghe kết cấu của buổi hoàng hôn ở Rawalpindi như một phần trong đoạn nhạc nền của chuyến thám hiểm. Nhưng giờ đây một mình trên mái, các *muezzin* dường như đang nói trực tiếp với anh. Những giọng nói xa xưa của họ, mang màu sắc của một sự ủng hộ tích cực qua nhiều thế kỉ của đức tin và trách nhiệm, nghe như lời kêu gọi hành động. Anh gạt sang bên những nghi ngờ đã lảng vảng trong anh về khả năng xây dựng trường học từ năm ngoái, cũng giống như Abdul nhanh chóng dọn sạch khay trà. Ngày mai là thời điểm để bắt đầu một khởi đầu mới.

□

Tiếng gõ cửa của Abdul cũng là thời điểm hiệu triệu vào buổi sáng của các *muezzin*. Vào bốn giờ ba mươi sáng, khi tiếng lách tách điện tử của micro được bật lên và tiếng đàng hăng được khuếch đại trước khi Rawalpindi đang say ngủ được gọi dậy cầu kinh, Mortenson mở cửa căn phòng nhỏ của mình để thấy Abdul đang nắm chặt mép khay trà với một ý định lớn.

“Taxi đang chờ, nhưng trước hết hãy uống trà.”

“Taxi?” Mortenson vừa hỏi vừa dụi mắt.

“Đề đi mua xi măng.” Abdul nói, như giải thích bài học cơ bản về số học cho một học sinh đặc biệt chậm hiểu. “Anh làm sao có thể xây dựng một ngôi trường mà không có xi măng?”

“Dĩ nhiên là không.” Mortenson cười đáp và nhấm một ngụm trà, mong rằng chất cafein sẽ có tác dụng.

Lúc mặt trời mọc, bọn họ đi về phía tây, trên con đường đã từng thuộc tuyến đường Grand Trunk, kéo dài hai mươi sáu nghìn kilômét từ Kabul đến Calcutta, nhưng ngày nay đã xuống cấp thành đường quốc lộ Số Một, vì các đường biên giới với Afghanistan và Ấn Độ thường xuyên bị đóng. Chiếc Suzuki nhỏ màu vàng của họ dường như không hề có giàn nhún. Và khi họ lắc lư trên những ổ gà ở vận tốc một trăm kilômét một giờ,

Mortenson bị lèn chặt vào chiếc ghế sau nhỏ bé, cố để giữ cho cảm mình không đập vào hai đầu gối đang chụm sát vào nhau.

Khi họ đến Taxila lúc sáu giờ, trời đã nóng bức. Vào năm 326 trước công nguyên, Alexander Đại đế đã cho đội quân của mình trú đóng ở đây, trong đợt tiến quân cuối cùng, xa nhất về phía đông đến bờ cõi của đế quốc mình. Từ vị trí của Taxila, nơi họp lưu của những lộ trình mua bán giữa đông và tây vốn sẽ trở thành trục đường lớn, tại điểm mà nó giao cắt với con đường tơ lụa từ Trung Quốc, tỏa ra những cung đường dốc ngoặt xuống từ Himalaya, đã từng là trục đường chiến lược thời cổ đại. Ngày nay Taxila có chứa kiến trúc trôi nổi của thế giới cổ đại. Nó từng là địa điểm của tu viện Phật giáo lớn thứ ba trên thế giới và là căn cứ để truyền bá những lời dạy của Đức Phật lên những vùng núi non miền Bắc. Nhưng ngày nay, những giáo đường Hồi giáo lịch sử của Taxila được sửa chữa và sơn phết lại, trong khi những nơi linh thiêng của Phật giáo vỡ rời ra thành những phiến đá mà từ đó chúng đã được xây dựng nên. Vùng mở rộng ngồn ngang bụi bặm, nặng nề với những dãy núi thấp màu nâu của dãy Himalaya, nay là một thị trấn với đầy nhà xưởng. Ở đây, quân đội Pakistan sản xuất ra bản sao của những chiếc xe tăng già nua thời Xô Viết. Và bốn cột khói như lông chim đánh dấu bốn nhà máy xi măng lớn, cung cấp nền móng cho nhiều cơ sở hạ tầng của Pakistan.

Mortenson định vào nhà máy đầu tiên và bắt đầu mặc cả, nhưng một lần nữa Abdul lại rầy la anh như một chàng học sinh ngây thơ. “Nhưng ông Greg ơi, trước hết chúng ta phải uống trà và bàn về xi măng.”

Loạng choạng giữ thăng bằng trên chiếc ghế nhỏ như đồ chơi, Mortenson thổi ngậm trà xanh thứ năm và cố giải mã cuộc đối thoại giữa Abdul với ba người khách lớn tuổi của tiệm trà, bộ râu trắng của họ nhuộm màu vàng của nicotine. Họ dường như đang nói chuyện rất say mê và Mortenson chắc chắn những chi tiết về xi măng đang được tuôn ra.

“Tốt lắm.” Mortenson hỏi sau khi để lại vài tờ rupi bản thủ trên bàn. “Chúng ta sẽ mua xi măng của nhà máy nào? Fetco? Fauji? Askari?”

“Anh biết là họ không thể nói.” Abdul giải thích. “Họ giới thiệu một tiệm trà khác, nơi người bà con của chủ tiệm đã từng kinh doanh xi măng.”

Hai tiệm trà nữa và vô số tách trà xanh sau đó, trời đã trưa trước khi họ có được một câu trả lời. Xi măng Fauji nổi tiếng là có giá phải chăng và không có thêm quá nhiều phụ gia dễ vỡ vụn ra trong thời tiết ở Himalaya. Việc mua một trăm bao xi măng mà Mortenson ước tính cho việc xây trường

học có phần đáng thất vọng. Sẵn sàng cho việc mặc cả găt gao, Mortenson ngạc nhiên khi Abdul bước vào văn phòng nhà máy ximăng Fauji, khoan thai đặt một đơn hàng và yêu cầu Mortenson đặt cọc một trăm đôla.

“Vậy còn việc mặc cả?” Mortenson hỏi khi gấp tờ biên lai hứa hẹn sẽ giao một trăm bao ximăng đến khách sạn Khyaban trong vòng một tuần.

Kiên nhẫn đùa vui với đồ đệ của mình một lần nữa, Abdul đốt điều thuốc hiệu Tander khét nget trong chiếc taxi nóng rẫy và nhả khói ra xa cùng những thắc mắc của Mortenson. “Trả giá? Với ximăng thì không được. Kinh doanh ximăng là...” ông ta tìm một từ để giải thích rõ cho anh chàng người Mỹ chậm hiểu “...Mafia. Ngày mai, ở chợ Rajah, sẽ trả giá nhiều hơn.”

Mortenson lèn chặt hai đầu gối dưới cằm mình và chiếc taxi quay trở về Pindi.

□

Ở khách sạn Khyaban, khi kéo chiếc áo *shalwar* màu bụi qua đầu trong phòng tắm nam, Mortenson cảm thấy vải bị xé rách. Anh nâng mặt sau chiếc áo lên để xem và thấy vải đã bị rách thẳng từ giữa vai xuống đến ngực. Anh cố giữ bỏ hết bụi đường với cái vôi hoa sen chảy nhỏ giọt, rồi mặc lại bộ y phục Pakistan duy nhất của mình. Chiếc áo *shalwar* may sẵn đã đồng hành với anh suốt quãng đường đến K2 và quay về, nhưng nay anh cần một chiếc áo mới.

Abdul chắn ngang Mortenson trên đường anh về phòng, xuýt xoa chỗ rách và gợi ý rằng họ nên đến gặp thợ may.

Họ rời ốc đảo xanh tươi của Khyaban và bước vào thị trấn Pindi đích thực.

Qua đường phố, một chục chiếc taxi ngựa kéo đứng chờ sẵn, những con ngựa sùi bọt mép và giậm chân trong bụi bặm nóng bức trong khi một ông già với bộ râu nhuộm tranh cãi sôi nổi về giá cả.

Mortenson tìm kiếm và lần đầu tiên nhận ra một bảng quảng cáo sơn những màu rực rỡ ở một ngã tư đông người giữa đường Kashmir và đường Adamjee. Tấm bảng ghi: “Hãy đến với bác sĩ Azah” bằng tiếng Anh. Kế bên là hình vẽ thô thiển nhưng mạnh mẽ một bộ xương với những chiếc sọ thu nhỏ lấp lánh trong đôi mắt vô hồn của nó. Bảng quảng cáo của bác sĩ Azah hứa hẹn “Không có các hiệu ứng phụ!”

Ông thợ may không cần quảng cáo. Ông ở khuất trong một dãy các cửa hàng bằng bê tông cách xa đường Haider, vốn đổ nát cả chục năm hoặc đang

khổ sở chờ đợi việc xây dựng được hoàn tất. Manzoor Khan ngồi xổm trong một mặt tiền cửa hàng rộng một mét tám, trước cái quạt, vài xấp áo quần và một hình nộm nhưng ông vẫn toát ra vẻ đường hoàng oai vệ. Cái gọng kính màu đen nghiêm nghị và bộ râu trắng cắt tỉa cẩn thận tạo cho ông một vẻ học giả khi ông kéo thước dây đo quanh ngực Mortenson, nhìn kết quả đo một cách ngạc nhiên, đo lại rồi ghi các con số vào một tập giấy.

“Ông Manzoor muốn xin lỗi.” Abdul giải thích. “Nhưng chiếc áo *shalwar* của ông cần đến sáu mét vải, trong khi những người đồng bào của tôi chỉ cần có bốn. Do đó ông phải trả thêm năm mươi rupi. Tôi nghĩ ông ta nói đúng.” Abdul mời chào.

Mortenson đồng ý và đặt may hai bộ *shalwar kamiz*. Abdul leo lên trên bục của ông thợ may và nhiệt tình kéo ra hai xấp vải màu xanh trướng kết và màu hồ trăn xanh lục. Mortenson hình dung ra bụi bặm ở Baltistan, nhất định đặt hai bộ áo màu nâu đất như nhau. “Để không thấy bụi.” anh nói với Abdul đang thất vọng.

“Ông Greg.” Abdul nài nỉ. “Tốt hơn ông nên làm một quý ông ăn mặc bảnh bao, như thế nhiều người sẽ kính trọng ông.”

Mortenson hình dung làng Korphe nơi dân chúng sống qua những tháng mùa đông dài bất tận trong tầng hầm của những căn nhà bằng đá và bùn đất, gom gia súc lại quanh những đám lửa phân bò Tây Tạng, trong bộ y phục duy nhất của họ.

“Màu nâu được rồi.” Mortenson nói.

□

Khi Manzoor nhận tiền cọc của Mortenson, tiếng kêu rền rĩ của *muezzin* xuyên thấu vào dãy cửa hàng nhỏ. Ông thợ may nhanh chóng cắt tiền sang một bên và trải tấm thảm cầu nguyện màu hồng ra. Ông cẩn thận trải tấm thảm thẳng tắp.

“Ông chỉ cho tôi cách cầu nguyện nhé?” Mortenson háp tấp hỏi.

“Anh có phải là người đạo Hồi?”

“Tôi tôn trọng đạo Hồi.” Mortenson nói, trong khi Abdul nhìn anh tỏ vẻ tán thành.

“Lại đây.” Manzoor nói, vẻ hài lòng, gạt đầu ra hiệu cho Mortenson bước lên chiếc bục bừa bộn, kế bên một hình nộm không đầu, bị đâm thủng bằng những kim ghim. “Mỗi người Hồi giáo phải tắm rửa trước khi cầu nguyện.” ông nói. “Tôi đã thực hiện wudu⁽¹²⁾ vì thế tôi sẽ cho anh thấy nghi

thức đó vào lần tới.” Ông vuốt phẳng xấp vải màu nâu mà Mortenson đã chọn kẻ bên tấm thảm nhỏ và hướng dẫn anh chàng người Mỹ quỳ bên cạnh mình. “Trước hết, chúng ta phải quay mặt về hướng Mecca, nơi vị thánh tiên tri của chúng tôi yên nghỉ trong thanh bình. Rồi chúng ta phải quỳ trước Thánh Allah nhân ái, tôn kính gọi tên ngài.” Manzoor nói.

Mortenson cố gắng để quỳ trong không gian nhỏ của ông thợ may, và tình cờ đá vào hình nộm, nó lắc lư trên người anh như một vị thần đang phản đối.

“Không!” Manzoor nói, gỡ cổ tay Mortenson bằng đôi bàn tay mạnh mẽ của mình và gấp hai tay anh với nhau. “Chúng ta không xuất hiện trước thánh Allah như một người đang đợi xe buýt. Chúng ta thần phục một cách tôn kính ý chí của Allah.”

Mortenson cứng nhắc giữ hai tay khoanh chéo lại và lắng nghe khi Manzoor bắt đầu tụng nho nhỏ phần cốt lõi của tất cả những lời cầu nguyện đạo Hồi kinh *Shahad a* hay ý nghĩa của lời chứng.

“Ông ta đang nói rằng Allah rất thân ái và vĩ đại,” Abdul nói, cố tỏ ra hữu ích.

“Tôi hiểu.”

“*Yên lặng!*” Mazoor Khan nói một cách kiên quyết. Ông gập cứng người từ thắt lưng về phía trước và úp trán vào tấm thảm cầu nguyện của mình.

Mortenson cố bắt chước ông, nhưng chỉ gập người được một nửa, dừng lại khi anh cảm nhận thấy những vạt của chiếc áo rách hở ra một cách kém lịch sự và luồng hơi của chiếc quạt trên tấm lưng trần của anh. Anh nhìn về phía ông thầy của mình. “Được không?” anh hỏi.

Ông thợ may chăm chú nhìn Mortenson. Đôi mắt ông nhìn đồ đệ của mình một cách sâu sắc qua đôi gọng kính dày màu đen. “Hãy cố làm lại khi anh nhận bộ áo *shalwar kamiz*.” ông nói, cuộn chặt tấm thảm lại. “Chắc hẳn anh sẽ tiến bộ.”

Cái hộp kính trên mái Khyaban hút toàn bộ năng lượng mặt trời suốt trong ngày và tỏa nhiệt oi ả vào ban đêm. Vào ban ngày, tiếng cừu kêu chói với tiếng dao chặt thịt vọng lại từ tiệm bán thịt bên dưới. Khi Mortenson cố ngủ, tiếng nước kêu ồ ồ thán bí trong những đường ống bên dưới giường anh, và trên cao, nơi trần nhà, một bóng đèn huỳnh quang cứ sáng mãi một cách tàn nhẫn. Mortenson đã lục soát mọi bề mặt bên trong và bên ngoài

phòng để tìm công tắc đèn mà không tìm thấy. Vùi đầu trong các tấm khăn trải giường ẩm ướt và được chiếu sáng một vài giờ trước khi trời sáng, trong đầu anh lóe lên một ý tưởng. Anh đứng trên chiếc giường của mình, lắc lư và giữ thăng bằng, rồi cẩn thận với tay đến chốt đèn và thành công trong việc tháo lỏng bóng đèn. Chìm sâu trong bóng tối, anh ngủ vùi cho đến khi có tiếng gõ cửa mạnh mẽ đầu tiên của Abdul.

□

Lúc mặt trời mọc, chợ Rajarh là một cảnh tượng hỗn loạn có tổ chức mà Mortenson thấy li kì. Mặc dù chỉ hoạt động với một con mắt trái, Abdul nắm tay Mortenson và dẫn anh nhẹ nhàng len lỏi giữa mê lộ những người khuân vác đang di chuyển với những kiện dây điện đong đưa trên đầu và những chiếc xe lừa vội vã giao nước đá được phủ bằng vải bố trước khi cái nóng dữ dội làm nó tan chảy.

Bao quanh quảng trường lớn là những cửa hàng bán mọi dụng cụ mà anh có thể tưởng tượng là liên quan đến việc xây dựng và phá hủy các công trình xây dựng. Tám cửa hàng trong cùng một dãy trưng bày những chiếc búa tạ gần như giống hệt nhau. Một chục cửa hàng khác chỉ bán đinh với đủ mọi kích cỡ lóe sáng trong những cái máng có kích thước như những chiếc hòm. Thật là li kì sau khi đã mất quá nhiều thời gian cho công việc trừu tượng là quyên góp tiền kêu gọi hỗ trợ, để thấy những phần của ngôi trường được sắp xếp chỉnh tề quanh mình. Cái đình này có thể là cái đình cuối cùng được đóng để hoàn thành ngôi trường ở Korphe.

Nhưng trước khi bị rơi vào ngây ngất, anh tự nhắc mình phải mặc cả gấu gao. Bên dưới cánh tay anh, quán trong tờ báo, là bó tiền rupi to bằng hộp đựng giày mà anh đã nhận ở người đổi tiền khi đổi mười tờ một trăm đôla. Họ bắt đầu ở tiệm bán gỗ, thật khó để phân biệt các cửa hàng với nhau khi tất cả đều bán cùng một mặt hàng, nhưng Abdul rất chắc chắn về chọn lựa của mình. “Ông này là một người Hồi giáo tốt.” ông giải thích.

Mortenson dẫn mình đi dọc theo một hành lang dài và hẹp, qua một đám những cây đòn tay gỗ tựa hờ vào vách. Anh được mời ngồi trên chông thảm đã bạc màu, kế bên Ali, người chủ tiệm; chiếc *áoshalwar* không một vết bẩn của ông ta giống như một phép lạ giữa bụi bặm và sự huyền ảo của cửa hàng. Mortenson cảm thấy ngượng ngùng hơn bao giờ hết về chiếc *shalwar* rách và vấy dầu mỡ của mình mà Abdul ít nhất cũng đã khâu hờ lại cho đến khi chiếc áo mới của anh được may xong. Ali xin lỗi vì trà

vẫn chưa pha xong và sai một thằng bé chạy đi mua ba chai nước cam hiệu Thums Up.

Với hai tờ một trăm đôla mới cứng, Abdul Rauf, một kiến trúc sư có văn phòng nhỏ ở tiền sảnh khách sạn Khyaban, đã vẽ các bản vẽ ngôi trường năm phòng theo hình chữ L mà Mortenson hình dung. Ở lề giấy, ông ta ghi chi tiết những vật liệu xây dựng mà cấu trúc sáu trăm mét vuông này cần đến. Gỡ chắc chắn là khoản chi lớn nhất cho ngôi trường. Mortenson trải các bản vẽ ra và đọc ghi chú nhỏ li ti của kiến trúc sư: “Chín mươi hai cây hai nhân bốn dài hai mét rưỡi, năm mươi bốn tấm ván ép bốn nhân tám làm ván lót.” Về khoản này, kiến trúc sư đã dự trù là hai trăm năm mươi đôla. Mortenson đưa bản vẽ cho Abdul.

Khi nhấp thứ nước cam âm âm bằng ống hút, Mortenson quan sát Abdul đọc lớn những món vật tư và nháy mắt khi những ngón tay thành thạo của Ali gõ trên cái máy tính đặt thẳng bằng trên đầu gối.

Sau cùng, Ali chỉnh chiếc nón cầu nguyện màu trắng mới toanh trên đầu và vuốt bộ râu dài trước khi nêu ra con số. Abdul bật dậy khỏi ghế và vỗ vào trán mình như vừa bị bắn. Ông bắt đầu lớn tiếng than vãn, giọng trầm bổng đầy lời lẵng mạ. Mortenson, với khả năng ngôn ngữ đặc biệt, ngày càng biết được thêm nhiều tiếng Urdu. Nhưng những câu chửi rủa và than vãn mà Abdul sử dụng có chứa những lời lẵng mạ phức tạp mà Mortenson chưa bao giờ nghe. Sau cùng khi Abdul cong người xuống và cúi về phía Ali với hai bàn tay héch lên như vũ khí, Mortenson nghe rõ Abdul hỏi Ali rằng liệu ông ta có phải là một người Hồi giáo hay là một kẻ ngoại đạo. Quý ông đang đem lại vinh dự cho ông ta bằng cách muốn mua gỗ của ông ta là một vị thánh, đến để thực hiện một hành động *zakat*, có nghĩa là từ thiện. Một người Hồi giáo chân chính sẽ nhảy bổ vào cơ hội giúp đỡ những đứa trẻ thay vì cố đánh cắp tiền của chúng.

Suốt lúc Abdul diễn, nét mặt của Ali vẫn thản nhiên. Ông ta nhấp nước Thums Up một cách thoải mái và điềm tĩnh mặc cho thời gian mà Abdul công kích kéo dài như thế nào.

Trà được đưa đến trước khi ông ta thấy khó chịu và đáp trả lại những lời buộc tội của Abdul. Cả ba cho thêm đường vào trà xanh ướp hương, trong những tách sứ đẹp khác thường, và trong giây lát, âm thanh duy nhất trong phòng là tiếng lách cách của những cái thìa mà họ dùng để khuấy trà.

Ali nhấp một ngụm trà quyết định, gạt đầu ra về tán thưởng và rồi gọi vọng vào trong hành lang để ra chỉ thị. Abdul, vẫn cau có, đặt tách trà

xuống ké bên hai chân bắt chéo của mình mà không nếm. Đứa con trai tuổi thanh niên có bộ râu mép lún phún của Ali mang ra hai khúc gỗ hai nhân bốn. Nó đặt xuống thảm, hai bên chén trà của Mortenson như hai cái chặn giấy.

Súc súc trà trong miệng như rượu Bordeaux lâu năm, Ali nuốt trà rồi bắt đầu một bài diễn văn chuyên nghiệp. Ông chỉ vào khúc gỗ ở bên phải Mortenson. Bề mặt khối gỗ có các mắt gỗ màu đen và vạch lan của dầu mỡ. Những mảnh dăm như lông nhím nhô ra ở hai đầu. Ông ta nâng khúc gỗ lên, xoay nó theo chiều dài như một kính viễn vọng và nhìn Mortenson qua những lỗ mọt “Sản xuất theo cách thức địa phương.” ông ta nói bằng tiếng Anh.

Ali chỉ khúc gỗ còn lại. “Sản xuất theo cách thức của Anh.” ông nói. Khúc gỗ không có máu gỗ và được xẻ theo đường chéo bằng một đường xẻ gọn gàng. Ali nắm khúc gỗ đưa ra trước mũi Mortenson bằng một bàn tay và xòe bàn tay kia phía bên dưới, gợi ý thung lũng Kaghan, rừng thông nguyên sơ mà khúc gỗ này xuất phát từ đó.

Con trai Ali quay lại với hai tấm ván ép, đặt lên trên những viên gạch xỉ than. Nó tháo đôi sandal ra và trèo lên trên hai tấm ván ép. Nó không nặng quá bốn mươi lăm kí nhưng tấm ván thứ nhất oằn xuống, cong giãn ra với tiếng cọt két đáng ngại. Tấm thứ hai chỉ cong xuống vài centimet. Theo yêu cầu của Ali, thằng bé bắt đầu nhảy lên xuống. Tấm ván vẫn chắc chắn.

“Ba lớp.” Ali nói với Mortenson, nhếch môi trông đáng ghét, không thèm liếc nhìn tấm ván thứ nhất. “Bốn lớp.” ông ta nói một cách tự hào về tấm ván mà cậu con trai vẫn đang nhảy trên đó.

Ông chuyển sang tiếng Urdu. Không cần phải theo thứ ngôn ngữ chính xác của mình. Rõ ràng ông đang giải thích rằng người ta có thể mua gỗ với giá rẻ mạt. Nhưng loại gỗ nào? Có thứ sản phẩm tồi mà những nhà buôn kém đạo đức khác có thể bán. Thứ xây dựng trường học với sản phẩm đó, nó chỉ thọ được một năm. Rồi một cậu bé đáng yêu mới bảy tuổi một ngày kia đang đọc thuộc lòng kinh Koran thì những tấm ván sàn sẽ tét ra với đường nứt đáng sợ và các động mạch của cậu bé sẽ bị tổn thương trầm trọng bởi thứ vật liệu nguy hiểm và không đáng tin cậy đó. Ông có muốn tuyên án một cậu bé bảy tuổi bị chảy máu từ từ đến chết vì ông quá keo kiệt để mua gỗ ván có chất lượng?

Mortenson uống cạn tách trà thứ hai và sốt ruột trên đồng thảm bụi bặm trong khi những màn kịch tiếp diễn. Ba lần, Abdul đi về phía cửa như

muốn bỏ và ba lần Ali đề nghị xuống một mức giá. Mortenson châm thêm nước vào ấm trà cạn. Sang đến giờ thứ hai, Mortenson thấy mình đã hết kiên nhẫn. Anh đứng và ra hiệu cho Abdul bước ra cùng anh. Có đến chục cuộc thương lượng tương tự mà họ phải trải qua, nếu anh muốn chất hàng lên xe tải và đi Baltistan vào ngày kia và anh cảm thấy mình không thể chần chừ một phút nào nữa.

“*Baith, baith!* Ngồi xuống, ngồi xuống!” Ali nói, nắm lấy tay áo Mortenson. “Anh thắng. Ông ta đã phá giá của tôi.”

Mortenson nhìn Abdul. “Vâng, ông ta nói đúng. Greg Sahib. Anh chỉ phải trả tám mươi bảy nghìn rupi.” Mortenson nghiền ngẫm con số trong đầu - hai nghìn, ba trăm đôla. “Tôi đã nói với anh,” Abdul nói. “Ông ta là một người Hồi giáo tốt. Bây giờ chúng ta sẽ làm hợp đồng.”

Mortenson cố nén sự sốt ruột của mình khi Ali gọi thêm một ấm trà nữa.

□

Vào cuối buổi chiều của trọn một ngày trả giá thứ hai, bụng Mortenson căng phồng nước trà, lệch bệch đi về Khyaban, cùng Abdul ngồi phía sau chiếc xe thò đợc kéo bởi một con ngựa nhỏ, con ngựa có vẻ kiệt sức hơn cả họ. Trong túi áo *shalwar* của anh chứa đầy giấy biên nhận mua búa, cưa, đinh, tôn thiếc lợp mái và gỗ loại tốt có thể chịu đựng được bọn trẻ ở trường học. Tất cả nguyên vật liệu phải đợc giao vào rạng sáng hôm sau đến chiếc xe tải mà họ đã thuê cho chuyến đi ba ngày trên xa lộ Karakoram.

Abdul đề nghị đi taxi về khách sạn. Nhưng Mortenson, bị sốc bởi gói tiền rupi vơi đi nhanh chóng mỗi khi anh trả thêm một món tiền đặt cọc, đã khăng khăng phải tiết kiệm. Quãng đường hai dặm mất hơn một giờ, qua những con đường hôi hám bởi ống xả khói không đợc bao bọc của những chiếc taxi Morris màu đen.

Ở khách sạn, Mortenson gột rửa bụi bặm của một ngày trả giá bằng cách xối nước ấm hết xô này đến xô khác lên đầu, không thêm cởi áo *shalwar*, rồi vội vàng đến chỗ người thợ may với hi vọng nhận đợc áo quần trước khi tiệm đóng cửa để cầu nguyện tối thứ sáu.

Manzoor Khan đang ủi chiếc áo *shalwar* đã hoàn tất của Mortenson bằng cái bàn ủi than, và ngâm nga theo một giọng nữ đang rên rĩ một bài hát tiếng Urdu. Giai điệu loảng xoảng vang vọng qua khu phức hợp từ chiếc radio của người thợ giày ở cuối hành lang, kèm theo âm thanh buồn bã của những cánh cửa thép lá chớp đợc kéo xuống vào cuối ngày.

Mortenson mặc vào chiếc áo *shalwar* sạch sẽ, màu bột yến mạch, mới cứng và vẫn còn hơi ẩm từ bàn ủi. Rồi được che chắn một cách khiêm tốn bởi tà áo dài đến đầu gối, anh xỏ chiếc quần mới rộng thùng thình. Anh buộc chặt sợi dây lưng và quay sang Manzoor để kiểm tra.

“*Bohot Kharab!*” thật kinh khủng, Manzoor tuyên bố. Ông nhào về phía Mortenson, chộp sợi dây lưng được buộc bên ngoài quần của gã vô đạo, kéo nó vào bên trong cặp quần. “Cấm không được mặc như vậy.” Manzoor nói. Mortenson cảm thấy như có những sợi dây gài bẫy bao quanh mình trong văn hóa Pakistan - các quy tắc khắt khe về cách cư xử mà anh buộc phải vướng vào - và anh quyết định cố để tránh những vi phạm đột xuất như vậy thêm nữa.

Manzoor lau kính bằng vạt áo, để lộ chiếc quần được buộc vừa phải, và kiểm tra bộ áo quần của Mortenson một cách cẩn thận. “Bây giờ, anh giống người Pakistan năm mươi phần trăm.” ông nói. “Anh sẽ thử cầu nguyện nữa chứ?”

Manzoor đóng cửa hàng vì trời đã tối và dẫn Mortenson ra ngoài. Bụi nhiệt đới nhanh chóng làm dịu ánh sáng ban ngày, và cùng với nó là một phần hơi nóng. Mortenson bước đi, tay trong tay với ông thợ may, hướng về ngôi tháp lợp ngói của Giáo đường GTS. Ở cả hai bên đường Kashmir, những người đàn ông cũng đi như vậy theo từng nhóm hai hoặc ba người qua các cửa tiệm đã được đóng cửa hoặc đang đóng cửa. Vì việc lái xe không được tán thành trong giờ cầu nguyện tối nên xe cộ qua lại khá ít.

Hai tòa nhà trước ngọn tháp đáng sợ của nhà thờ Hồi giáo GTS, mà Mortenson cho là nơi đến của họ, Manzoor dẫn anh vào trạm xăng CalTex rộng và đầy bụi, nơi có hơn một trăm người đàn ông đang cúi xuống để *wudu*, nghi thức tẩy rửa cần thiết trước khi bắt đầu cầu nguyện. Manzoor hứng đầy một *lota*, nghĩa là vại nước, từ vòi nước và dặn dò Mortenson về trình tự chặt chẽ của việc tẩy rửa. Bắt chước ông thợ may, Mortenson ngòi xỏm, xắn ống quần và tay áo lên, bắt đầu từ những phần không sạch sẽ nhất, hất nước lên bàn chân trái, rồi bàn chân phải. Anh chuyển sang bàn tay trái và rửa bàn tay phải khi Manzoor, đang cúi người để lấy đầy một *lota* nữa trước khi rửa mặt, đánh rầm thành tiếng. Thở dài, ông thợ may quỳ gối và bắt đầu tẩy rửa lại bàn chân trái của mình. Khi Mortenson làm giống như vậy, ông chỉnh lại. “Không, chỉ tôi thôi, tôi không sạch.” ông giải thích.

Khi hai bàn tay đã tinh khiết đúng mức trở lại, ông thợ may nhét một tua vải vào lỗ mũi bên trái, rồi bên phải, hỉ ra, và Mortenson lại bắt chước y hệt những động tác của ông. Quanh họ, tiếng nói và khạc nhổ lộn xộn đi kèm với nửa chục tiếng kêu gọi cầu nguyện từ xa. Bắt chước Manzoor, Mortenson rửa tai, rồi cẩn thận vẩy nước vào những nơi mà người Hồi giáo xem như là thiêng liêng nhất của con người, miệng, nơi mà lời cầu nguyện đi lên trực tiếp đến tai Thánh Allah.

Từ nhiều năm, Mortenson đã biết, theo sách vở, từ “Hồi giáo” có nghĩa đen là “phục tùng”. Và cũng như nhiều người Mỹ tôn thờ ngôi đền chủ nghĩa cá nhân thô thiển, anh thấy ý tưởng phục tùng làm hạ thấp nhân phẩm. Nhưng lần đầu tiên, quỳ gối giữa hàng trăm người lạ, xem họ rửa đi không chỉ những thứ ô uế mà rõ ràng là những nỗi đau và lo lắng trong cuộc sống hằng ngày, anh thoáng thấy niềm vui tìm được trong sự phục tùng cho tình đồng đạo được nghi thức hóa của việc cầu nguyện.

Có ai đó tắt máy phát điện của trạm xăng, và những người tham dự đập những trụ bơm xăng lòe loẹt bằng những tấm trải khiêm tốn nhất. Manzoor lấy cái mũ cầu nguyện màu trắng trong túi và ép phẳng ra để nó có thể nằm yên trên cái đầu lớn của Mortenson. Nhập vào dòng người, Mortenson và Manzoor quỳ trên các tấm thảm mà Manzoor mang theo. Mortenson biết rằng ở xa ngoài bức tường mà họ quay mặt vào, nơi có một bảng hiệu khổng lồ màu cam và đỏ tía quảng cáo những phẩm chất của xăng CalTex, là Thánh địa Mecca. Anh không thể không cảm thấy rằng mình đang được yêu cầu cúi đầu trước nghệ thuật kinh doanh và kỹ năng lọc dầu của những nhà buôn dầu Texas và Ả Rập Saudi, nhưng anh cố dẹp tính ưa nhạo báng của mình sang một bên.

Cùng với Manzoor, anh quỳ và khoanh tay kính cẩn hướng về Thánh Allah. Những người đàn ông quanh anh không nhìn vào bảng quảng cáo trên tường, anh biết họ đang nhìn vào bên trong con người mình. Họ không quan tâm đến anh. Khi áp trán xuống nền đất còn ấm, Greg Mortenson nhận ra đó là khoảnh khắc đầu tiên trong những ngày anh ở Pakistan, không ai nhìn anh như người ngoài. Không ai nhìn anh cả. *Allah Akbhar*, anh hát khê, Chúa vĩ đại, anh góp giọng mình vào dàn đồng ca ở mặt đất tối đen. Đức tin vây quanh anh mạnh mẽ. Đủ mạnh để chuyển một trạm xăng thành chốn thiêng liêng. Ai mà biết được phía trước sẽ có sự chuyển biến kì diệu nào khác nữa?

CHƯƠNG 7

Con đường về nhà gian khổ □

□ □

Vùng đất khắc nghiệt và lộng lẫy này
Với những núi đá phủ tuyết, những dòng suối lạnh như pha lê,
Những cánh rừng bách, bách xù và tần bì thăm thẳm
Như chính cơ thể của ta trước khi nàng ở đây.
Ta không thể tách rời khỏi nơi này hay khỏi nàng.
Trái tim của chúng ta có chung một nhịp đập.
- trích từ *The Warrior Song of King Gezar*

□ □

Tiếng gõ cửa của Abdul đến từ rất sớm trước bình minh. Mortenson đang nằm không ngủ, trên chiếc giường lò xo, nhiều giờ liền. Giấc ngủ không thể nào sánh được với nỗi lo sợ rằng mọi việc trong ngày hôm nay có thể sẽ trở nên tồi tệ. Anh đứng dậy và mở cửa, cố gắng hiểu khi nhìn thấy người đàn ông một mắt đưa đôi giày bóng lưỡng cho anh kiểm tra.

Đó là đôi giày tennis của anh. Trong khi Mortenson ngủ, Abdul hẳn đã bỏ ra nhiều giờ để khâu lại, lau chùi và đánh bóng đôi giày Nike rách và bạc màu, cố biến chúng thành một thứ gì đáng tôn trọng hơn. Một thứ mà người đàn ông sắp thực hiện chuyến hành trình dài và khó khăn có thể thắt dây với sự kiêu hãnh. Abdul cũng tự biến đổi chính mình. Bộ râu bình thường màu bạc của ông được nhuộm màu cam sậm từ loại lá móng non.

Mortenson cầm lấy ly trà, rồi rửa mặt với một xô nước lạnh và phần còn lại của bánh xà phòng hiệu Tibet Snow mà anh được phát cho một tuần. Nhúm tài sản của anh chỉ chứa đầy nửa chiếc túi du lịch cũ. Anh để cho Abdul quàng túi lên vai mình, biết được sự giận dữ về việc phạm luật mà mình sẽ gặp nếu cô tự đeo túi, và trù mên tạm biệt căn phòng áp mái của mình.

Ý thức được đôi giày sáng bóng của mình và thấy rằng việc chăm chút hình thức đã làm cho Abdul hài lòng như thế nào, Mortenson đồng ý thuê một chiếc taxi cho chuyến đi đến khu chợ. Chiếc Morris đen từ thời thuộc địa bị bỏ trôi nổi ở Pindi do sự thoái trào của Đế quốc Anh, chạy nhanh một cách lạng lẽ giữa những con phố còn đang ngủ.

Ngay cả trong ánh đèn mờ của khu vực chợ đang đóng kín, họ dễ dàng tìm ra chiếc xe tải của mình. Cũng giống như phần lớn những chiếc Bedford

trong vùng, không còn lại gì nhiều của chiếc xe từ những năm 1940 đã phục vụ như một xe vận tải quân sự khi Pakistan còn là một phần đất Ấn Độ thuộc Anh. Hầu hết những bộ phận chuyển động đã được thay thế hàng chục lần bằng những phụ tùng được gia công nội địa. Nước sơn màu ôliu nguyên thủy, quá buồn tẻ cho ông vua của xa lộ Karakoram này, đã được chôn vùi bên dưới những tấm gương và những hình thoi kim loại trang trí. Và từng centimet vuông diện tích bề mặt không trang trí còn lại được nhấn chìm bên dưới lớp “sơn disco” tại một trong nhiều xưởng sửa chữa Bedford ở Rawalpindi. Hầu hết những thiết kế có màu sắc rực rỡ như vàng, vàng chanh và đỏ tươi đều là vòng xoắn và đường lượn trang trí phù hợp với sự cấm kỵ của Hồi giáo đối với hội họa miêu tả. Nhưng một chân dung bằng cỡ người thật của ngôi sao cricket Imran Khan ở cấp sau, đang đưa cây gậy lên cao như quyền trượng, là một hình thức sùng bái thần tượng kích thích lòng tự hào dân tộc mạnh mẽ mà một vài người Pakistan, ngay cả những người sùng đạo nhất có thể gặp phải sự chống đối.

Mortenson trả tiền cho tài xế taxi, rồi bước quanh chiếc xe to như con voi đang ngủ, tìm lái xe và phụ xe, lo lắng để bắt đầu một ngày làm việc. Một âm thanh ầm ầm làm anh quỳ gối xuống dưới sàn xe, nơi có ba người đang nằm đơng đưa trên võng, hai trong số đó đang ngáy uể oải.

Tiếng kêu gọi cầu nguyện đã đánh thức họ trước Mortenson, rền rĩ vọng ra từ ngọn tháp ở phía xa quảng trường với một âm lượng không thềm để ý đến giờ giấc. Trong khi họ lầm bầm, tự kéo mình ra khỏi võng, khạc nhổ lung tung và đốt điếu thuốc lá đầu tiên trong nhiều điếu khác, Mortenson quỳ xuống với Abdul và chuẩn bị cầu nguyện. Như hầu hết những người Hồi giáo khác, Abdul có một la bàn trong người luôn luôn định hướng về phía Mecca. Mặc dù họ quay mặt về một khung cảnh không gợi cảm hứng là công rào vẫn còn khóa cửa bãi gỗ, Mortenson cố nhìn ra xa ngoài cảnh vật xung quanh. Không có nước, Abdul xắn ống quần và tay áo lên, rồi vẫn thực hiện nghi thức tẩy rửa, chùi sạch một cách tượng trưng những ô uế có thể được tẩy rửa. Mortenson làm theo, rồi khoanh tay và cúi người để cầu nguyện buổi sáng. Abdul liếc nhìn anh một cách soi mói rồi gật đầu tỏ vẻ chấp nhận. “Vậy, tôi có giống người Pakistan chưa?” Mortenson nói.

Abdul phủ bụi khỏi trán chàng trai người Mỹ, vừa áp vào nền đất lạnh. “Không phải một người đàn ông Pakistan.” ông nói. “Nhưng nếu anh nói là một người Bosnia, thì tôi tin.”

□

Ali, trong bộ *shalwar* không vấy bẩn khác, đến mở khóa cổng cửa hàng của mình. Mortenson kính cẩn chào ông ta, rồi mở một quyển sổ tay học sinh nhỏ anh đã mua ở tiệm tạp hóa và bắt đầu ghi một vài phép tính. Khi chiếc Bedford đã chất đầy hàng, hơn hai phần ba trong số tiền mười hai nghìn đôla đã được chi. Anh chỉ còn ba nghìn đô để trả tiền nhân công, để thuê xe jeep chở vật liệu cho trường học trên những con đường mòn hẹp đến Korphe và để anh sinh sống cho đến khi ngôi trường hoàn tất.

Năm người trong đại gia đình của Ali chất gỗ lên trước trong khi tài xế và phụ xe giám sát. Mortenson đếm những tấm ván khi chúng được lèn chặt vào phía trước sàn xe tải và xác nhận đó chắc chắn là ván ép bốn lớp, anh theo dõi, hài lòng khi những cây gỗ rừng hai nhân bốn mới xẻ được chất lên trên.

Lúc mặt trời chiếu sáng khu chợ, nhiệt độ đã lên đến hơn 37 độ C. Với tiếng leng keng hòa điệu, những người chủ tiệm cuốn hoặc gấp những cánh cổng kim loại ở cửa hàng của mình. Những phần nhỏ của ngôi trường luôn lách qua đám đông trên đầu những người khuân vác hướng đến xe tải, hoặc được chở trên những chiếc xe cút kít do người đẩy, những chiếc xe lừa và một chiếc Bedford khác giao một trăm bao ximăng.

Trong sàn xe, công việc khá sôi nổi, nhưng Abdul lảng vảng quanh đội xe, gọi tên từng món hàng đang được xếp gọn gàng cho Mortenson để anh kiểm tra lại trên danh mục. Mortenson theo dõi, càng lúc càng thấy hài lòng khi mỗi một món trong số bốn mươi hai món hàng khác nhau mà anh và Abdul đã trả giá gấu gạc được xếp gọn gàng, những cái rìu nằm cạnh những cái bay, chèn vào nhau bởi một đội hình những cái xẻng.

Buổi chiều, một đám đông tụ tập quanh chiếc Bedford khi có tin đồn một kẻ ngoại đạo mặc bộ đồ ngủ màu nâu đang chất vật liệu của một ngôi trường cho trẻ em Hồi giáo lên xe tải. Những phu khuân vác phải xô đẩy qua một vòng người năm lớp để giao hàng. Bàn chân cỡ số mười bốn của Mortenson thu hút những cái nhướn mày và những câu nói đùa tục tĩu không ngớt từ người đứng nhìn. Các khán giả la hét đoán quốc tịch của Mortenson khi anh đang làm việc. Bosnia và Chechnya được cho là nguồn gốc có nhiều khả năng nhất của người đàn ông trông xơ xác này. Khi Mortenson, với tiếng Urdu tiến bộ nhanh chóng của mình, làm gián đoạn sự suy đoán bằng cách nói mình là người Mỹ; đám đông nhìn chiếc

áo *shalwar* dầm mồ hôi và bụi bặm, vào làn da bản và nhờn của anh, và nhiều người nói là họ không tin.

Hai trong những món hàng quý nhất - thuốc thủy và dây dọi - đã lạc mất. Mortenson đoán chắc là đã nhìn thấy chúng được giao, nhưng không thể tìm ra chúng trong chiếc xe tải đang được chất đầy một cách nhanh chóng. Abdul dẫn đầu việc tìm kiếm một cách nhiệt tình, kéo những baoximăng sang một bên cho đến khi tìm được chúng. Ông dùng vải cuộn chúng lại và cẩn thận dặn tài xế cất giữ những dụng cụ này an toàn trong cabin trên suốt quãng đường đến Skardu.

Đến tối, Mortenson đã kiểm tra xong bốn mươi hai món hàng trong danh sách của mình. Đống vật liệu đã cao đến sáu mét, và tài xế cùng phụ xe đang nỗ lực làm cho khối hàng được xếp đặt chắc chắn trước khi trời tối, trùm vải bạt lên trên và buộc chặt bằng những sợi dây thừng chằng chịt.

Khi Mortenson leo xuống từ biệt Abdul, đám đông vây chặt lại, đưa tặng thuốc lá và những tờ rupi nhàu nát để ủng hộ cho ngôi trường. Người tài xế sốt ruột muốn khởi hành và khởi động máy xe, thổi ra những đám khói diesel màu đen từ hai ống khói xe. Bất chấp sự ồn ào và huyên náo, Abdul đứng yên tuyệt đối ngay giữa đám đông, thực hiện một *dua* lời cầu nguyện cho một chuyến đi bình yên. Ông nhắm mắt lại và đưa hai bàn tay lên mặt, tự đắm mình vào tinh thần của Allah. Ông vuốt bộ râu nhuộm và ngâm nga lời cầu xin thành khẩn cho Mortenson được khỏe mạnh. Lời cầu xin chìm trong tiếng còi chát chúa của chiếc Bedford.

Abdul mở mắt, nắm lấy bàn tay to và bản của Mortenson bằng cả hai tay. Ông nhìn khắp người bạn mình, nhận ra đôi giày mà ông đánh bóng đêm trước đã đen vì bụi bản, cũng giống như chiếc áo *shalwar* mới may. “Tôi không nghĩ ông là người Bosnia nữa, ông Greg, lúc này ông giống hệt một người đàn ông Pakistan.” Ông vừa nói vừa vỗ vào lưng Mortenson.

Mortenson trèo lên nóc xe tải, gật đầu với Abdul đang đứng một mình và kiệt sức ở ngoài rìa đám đông. Tài xế sang số xe, “*Allah Akbhar!*” đám đông đồng loạt la lên, *Allah Akbhar!* Mortenson đưa tay lên cao làm dấu hiệu chiến thắng và vẫy chào từ biệt cho đến khi chòm râu được nhuộm bằng cây lá móng của ông bạn biến mất trong đám đông sôi sục.

Àm ĩ phóng ra khỏi Rawalpindi hướng về phía tây, Mortenson ngồi trên mui chiếc Bedford. Mohammed, người tài xế, thúc giục Mortenson ngồi vào cabin ám khói nhưng anh nhất định thưởng thức giây phút này

theo một phong cách đặc sắc. Những nghệ sĩ ở xưởng Bedford tại Pindi đã hàn thêm phần mở rộng ở sàn xe khá ngộ nghĩnh, phần mở rộng đó được treo trên cabin như một cái nón đội lệch. Trên nóc của vành nón lượn lờ trên cabin khua lạch cạch, Mortenson tạo cho mình một cái ổ tiện nghi bằng vải bạt với những bánh cỏ khô; cái ổ lắc lư trên đường xa lộ khi xe tăng tốc. Đồng hành với anh là những cái sọt chứa những con gà trắng như tuyết mà Mohammed mang theo để bán ở miền núi, và một điệu nhạc Punjabi mạnh mẽ vang lên qua cửa sổ để mở cửa chiếc Bedford.

Rời khỏi những khu chợ dày đặc của Rawalpindi, vùng đất nâu, khô cằn mở ra, tiếp nối một màu xanh bằng phẳng và những dãy núi thấp của Himalaya vẫy gọi với hơi nóng cuối ngày. Những chiếc xe nhỏ hơn nhường đường cho chiếc xe tải đồ sộ, nép vào lề đường sau mỗi tiếng kèn hơi của chiếc Bedford, rồi reo hò khi thấy chân dung của Imran Khan cùng chiếc gậy cricket vượt qua một cách hùng dũng.

Tâm trạng của Mortenson bình yên như phong cảnh cánh đồng thuốc lá thanh bình mà họ đi qua, màu xanh lung linh như mặt biển nhiệt đới có gió gập gợn sóng. Sau một tuần nóng bức trả giá và dè xèn từng rupi, anh cảm thấy sau cùng mình có thể thư giãn. “Trên nóc xe tải mát và lộng gió.” Mortenson nhớ lại. “Và tôi chưa hề thấy mát mẻ từ khi đến Rawalpindi. Tôi cảm thấy mình như một ông vua, ngự cao trong ngai vàng của mình. Và tôi cảm thấy mình đã thành công. Tôi đang ngồi trên đỉnh trường học của mình. Tôi đã mua mọi thứ mà chúng tôi cần và giữ đúng theo ngân sách. Giờ đây, ngay cả Jean Hoerni cũng không thể tìm ra một sai sót trong bất cứ chuyện gì mà tôi làm. Và tôi nghĩ rằng trong vài tuần, ngôi trường sẽ được xây dựng xong, và tôi có thể trở về nhà, hình dung về điều mình đã làm trong suốt quãng đời còn lại. Tôi không rõ mình đã bao giờ hài lòng đến vậy hay chưa.”

Mohammed đạp mạnh thắng rồi đưa xe ra khỏi đường, Mortenson đã phải bám vào những sọt gà để tránh bị quăng xuống mui xe. Anh nghiêng người sang bên và hỏi bằng tiếng Urdu vì sao họ dừng lại. Mohammed chỉ vào cái tháp trắng khiêm tốn ở bên rìa một cánh đồng thuốc lá, và những người đàn ông tuôn về phía đó. Trong sự im lặng sau khi bài nhạc Punjabi được tắt đi vội vã, Mortenson nghe tiếng kêu gọi cầu nguyện rõ ràng được gió mang đi. Anh không biết rằng người tài xế có vẻ như quá lo lắng suốt chuyến đi, lại đủ sùng đạo để dừng xe cho phiên cầu nguyện buổi chiều. Nhưng anh nhận ra rằng, ở phần này của thế giới, có nhiều điều mà anh chỉ

mới hiểu sơ sài. Ít nhất, anh tự nhủ mình sẽ có nhiều cơ hội để tìm kiếm một chỗ đứng ở cửa nhà một người xa lạ, để thực hành việc cầu nguyện.

□

Sau khi trời tối, được tặng sức bằng trà xanh đậm và ba đĩa *dhal chana*, một thứ cari đậu lăng vàng ở quán ven đường, Mortenson trở lại nằm vào ổ của mình trên mui xe tải và quan sát những ngôi sao đơn lẻ đâm thủng màn trời lúc chạng vạng.

Ba mươi cây số về phía tây của Rawalpindi, ở Taxila, họ rẽ về phía bắc ra khỏi trục đường chính của Pakistan hướng về những ngọn núi. Taxila từng là tâm điểm của các cuộc va chạm giữa Phật giáo và Hồi giáo hàng trăm năm trước, trước khi tranh đấu để giành quyền thống trị. Nhưng đối với ngôi trường đang đong đưa trên xe của Mortenson, sự va chạm của những mảng kiến tạo lục địa đã xảy ra ở vùng này hàng triệu năm về trước quan trọng hơn.

Ở tại nơi đồng bằng gặp núi, một phần của con đường tơ lụa ngày xưa trở nên dốc và không thể đoán định. Isabella Bird, một nữ thám hiểm gan dạ chỉ có thể sản sinh dưới thời đại Victoria ở Anh, đã ghi lại sự khó khăn trong việc đi từ những đồng bằng của tiểu lục địa Ấn Độ vào Baltistan, hay “Tiểu Tây Tạng” như bà gọi, trong chuyến đi năm 1876. “Khách lữ hành muốn đến vùng cao nguyên không thể đi bằng xe hai ngựa hay xe một ngựa đường đôi.” - bà viết. – “Phần lớn đoạn đường đi, khách phải giới hạn vào nhịp bước chân và nếu khách cưỡi ngựa thì cũng phải xuống ngựa ở tất cả những đoạn đường lỏm chỏm cũng như những con dốc, vốn rất nhiều. ‘Những con đường’, bà viết trong dấu móc để chỉ sự mỉa mai, được xây dựng với rất nhiều công sức và tiền của, vì thiên nhiên bắt những người làm đường phải theo sự chỉ dắt của mình, và dẫn họ qua những thung lũng hẹp, những hẻm núi, đèo và vực thẳm đã được tạo ra cho họ. Vào cùng thời điểm cách đó một vài dặm, con đường này chỉ là một rìa đá trên thác nước hung hãn. Khi hai đoàn lữ hành gặp nhau, súc vật của một đoàn phải nhường đường và trườn lên phía núi, nơi mà chỗ dừng chân thường là nguy hiểm. Khi đi qua đoàn lữ hành... con ngựa của người phục vụ của tôi bị một con lừa đang thò hàng đẩy khỏi vách núi và đã chết chìm.”

Xa lộ Karakoram (KKH), con đường mà chiếc Bedford của họ đang đi lên với tiếng gầm gừ như bò mộng từ hai ống khói của nó, là sự cải thiện một cách tốn kém trên những con đường mòn mà nhóm người của Bird đã đi qua. Bắt đầu từ năm 1958, khi nước Pakistan mới độc lập đang lo ngại

củng cố một tuyến đường vận tải nối với Trung Quốc, đồng minh chống Ấn Độ của mình, và không ngừng dựng xây kể từ đó, KKH là một trong những dự án kỹ thuật táo bạo nhất mà con người từng nỗ lực. Chủ yếu là xẻ dọc hẻm núi lởm chởm của sông Indus, KKH có cái giá là một sinh mạng nhân công làm đường cho mỗi bốn kilômét. “Xa lộ” này khó vượt qua đến mức các kỹ sư Pakistan đã phải tháo rời những chiếc xe ủi, chất các bộ phận lên lưng lừa và ráp trở lại trước khi có thể bắt đầu công việc nặng. Quân đội Pakistan đã thử đưa xe ủi vào bằng máy bay trực thăng hạng nặng MI-17 của Nga, nhưng chuyến bay đầu tiên, cố gắng bay trong gió lớn và qua khe núi hẹp, đã vướng vào vách đá và rơi xuống sông Indus, giết chết chín người trên máy bay.

Năm 1968, người Trung Quốc, mong muốn tạo ra con đường dễ dàng để đến với thị trường mới cho hàng hóa của họ, để hạn chế ảnh hưởng của Xô Viết trong vùng Trung Á và để củng cố liên minh chiến lược chống Ấn Độ, đã cung ứng việc giám sát và ngân sách để hoàn tất con đường dài một nghìn ba trăm kilômét từ Kashgar, ở tây nam Trung Quốc, đến Islamabad. Và sau hơn một thập niên triển khai một đội quân những người làm đường, con đường mới được đặt tên là “Xa lộ Hữu Nghị” đã tuyên bố hoàn thành vào năm 1978, như ngón tay cái đâm thọc vào con mắt của Ấn Độ.

Khi họ tiến lên, không khí mang theo cái lạnh đầu tiên của mùa đông và Mortenson quán chiếc chăn len quanh vai và đầu mình. Lần đầu tiên, anh tự hỏi không biết mình có thể hoàn tất ngôi trường trước khi thời tiết trở lạnh hay không, nhưng anh xua đi ý nghĩ đó, tựa đầu vào bành cở khô và được ru ngủ bởi sự đung đưa chậm chậm của xe tải, anh ngủ.

□

Con gà trống trong cái sọt đặt cao một mét rưỡi bên trên đầu Mortenson đã đánh thức anh dậy không hề thương xót ngay khi có tia sáng đầu tiên. Người anh cứng đờ, lạnh, và rất cần tắm rửa nghỉ ngơi. Anh chồm sang một bên xe tải yêu cầu dừng xe và nhìn thấy chòm đầu cắt tóc ngắn của người phụ xe cộc cần nhô ra ngoài cửa sổ, và xa hơn, ngay bên dưới bốn trăm năm mươi mét là đáy của một hẻm núi đá, nơi mà dòng sông màu cà phê đang sôi bọt trên những tảng đá. Anh nhìn lên, nhận thấy họ đang bị bao quanh bởi những vách đá hoa cương cao hơn ba nghìn mét ở cả hai bên dòng sông. Chiếc Bedford đang leo lên một đồi dốc và tụt lại gần đỉnh dốc trong khi Mohammed lóng ngóng với cần số, mạnh tay cho đến khi gài được số một. Mortenson, chồm ra ngoài phía trên cửa hành khách của cabin

có thể thấy những bánh xe sau lăn đi cách mép hẻm núi ba tấc bắn những hòn đá vào trong vực thẳm khi Mohammed điều khiển động cơ. Bất cứ khi nào bánh xe lệch ra quá gần mép, người phụ xe huýt gió mạnh và chiếc xe tải lắc lư sang trái.

Mortenson lăn trở lại trên nóc cabin, không muốn làm ảnh hưởng đến sự tập trung của Mohammed. Khi anh leo núi K2, anh quá chú tâm đến mục tiêu nên không chú ý lắm đến chuyến xe buýt đưa mình lên vùng Indus. Và trên đường trở về, anh lại bận tâm với kế hoạch quyên góp tiền cho ngôi trường. Nhưng nhìn thấy xứ sở hoang dã này một lần nữa, và nhìn chiếc Bedford đang chiến đấu trên “xa lộ” này với vận tốc mười lăm dặm một giờ, anh có một nhận thức mới là những ngọn núi và hẻm núi này đã cắt Baltistan ra khỏi thế giới một cách trọn vẹn như thế nào.

Khi đi đến khu vực hẻm núi mở rộng đủ để có một làng nhỏ bám vào rìa của nó, họ dừng lại ăn sáng bằng *chapatti* và *dudh patti*, trà đen pha với sữa và đường. Sau đó, Mohammed cố nài Mortenson, mạnh mẽ hơn tối hôm qua, rằng anh phải vào trong cabin; và anh đã miễn cưỡng đồng ý.

Anh ngồi giữa Mohammed và hai người phụ xe. Mohammed, nhỏ con trong chiếc Bedford to lớn, chỉ có thể vừa chạm đến bàn đạp. Người phụ xe cộc cằn hút thuốc hasit hết tẩu này đến tẩu khác, phả vào mặt của người phụ xe kia, một cậu trai nhỏ con đang còn phấn đấu để mọc râu mép.

Cũng như bên ngoài, bên trong chiếc Bedford được trang trí lung tung với những ngọn đèn đỏ lấp lánh, tượng gỗ Kashmiri, ảnh 3D của các ngôi sao Bollywood được ái mộ, hàng chục quả chuông bạc óng ánh nhỏ xíu và một bó hoa nhựa chạm vào mặt Mortenson bất cứ khi nào Mohammed thắng xe quá mạnh. “Tôi có cảm giác như mình đang ở trong một nhà xe lưu động.”

Mortenson nói. “Không phải vì chúng tôi lăn bánh được nhiều, mà giống như đang theo dõi một con sâu đo đang bò hơn.”

Ở những phần dốc nhất của xa lộ, hai người phụ xe nhảy ra khỏi xe và chèn những cục đá lớn vào hai bánh sau. Sau khi chiếc Bedford nhích lên được chừng mười centimet, họ nhặt cục đá và lại quăng vào dưới bánh xe, lặp lại tiến trình leo lên tụt xuống bất tận cho đến khi đến được con đường bằng phẳng. Đôi khi, một chiếc xe jeep tư nhân vượt qua mặt họ trên đồi cao, hay một chiếc xe buýt âm âm đến gần rồi vượt qua, những hành khách nữ trên xe che kín người vì bụi đường và những đôi mắt soi mói của hành khách nam. Nhưng phần lớn thời gian, họ lăn bánh một mình.

Mặt trời đã sớm biến mất đằng sau những vách núi dựng đứng và vào chiều tối chỉ có một màu đen kịt ở phía đáy của khe núi. Quanh một khúc quanh không nhìn thấy, Mohammed đứng lên trên bàn đạp thắng và suýt đâm vào đuôi một chiếc xe buýt ở khoảng cách hẹp. Trên đường, phía trước chiếc xe buýt, hàng trăm phương tiện giao thông - xe jeep, xe buýt, Bedford - đang đậu nối đuôi trước lối vào một cây cầu bê tông. Mortenson ra khỏi xe cùng với Mohammed để xem xét.

Khi họ đến gần cầu, rõ ràng là họ không bị kẹt lại bởi hiện tượng đá lở hay tuyết lở huyền thoại của KKH. Hai mươi người đàn ông có râu, dáng vẻ dữ dằn với khăn đội đầu màu đen đang đứng gác trên cầu. Ông phóng tên lửa và tiểu liên Kalasnikov được nhắm một cách uể oải theo hướng một đại đội lính Pakistan bành bao với vũ khí được trang bị cẩn thận. “Không tốt rồi,” Mohammed lặng lẽ nói, tận dụng hết vốn từ vựng tiếng Anh của mình.

Một trong những người vắn khăn đen hạ ống phóng tên lửa của mình xuống và ngoắc Mortenson về phía mình. Bản thủ sau hai ngày đi đường, với chiếc khăn len quấn trên đầu, Mortenson cảm thấy chắc chắn mình trông không giống một người nước ngoài.

“Anh từ đâu đến?” Người đàn ông hỏi bằng tiếng Anh. “Từ Mỹ?” Hắn đưa cao ngọn đèn propan lên và xem xét khuôn mặt của Mortenson. Trong ánh đèn, Mortenson thấy mắt của người đàn ông có màu xanh kiêu hãnh, và viền quanh bằng *surma*, chất liệu màu đen được phần lớn những người sùng đạo sử dụng, một số ắt hẳn là người cuồng tín, tốt nghiệp từ những *madrassas* chính thống. Những người đàn ông này đã tràn qua biên giới phía tây trong năm nay, 1994, những chiến binh chân đất của lực lượng mới vừa kiểm soát Afghanistan, Taliban.

“Vâng, từ Mỹ.” Mortenson nói một cách thận trọng.

“Nước Mỹ số một.” người đang thẩm vấn anh nói, hạ ống phóng tên lửa xuống và châm một điếu thuốc lá địa phương hiệu Tander, sau đó đưa cho Mortenson. Mortenson không thực sự hút thuốc, nhưng anh quyết định giờ là lúc nên bập thuốc một cách tán thưởng. Với lời xin lỗi, không nhìn vào mắt người đàn ông, Mohammed nắm khuỷu tay Mortenson nhẹ nhàng dắt ra xa, và trở lại chiếc Bedford.

Trong lúc pha trà bằng ngọn lửa nhỏ ở bửng sau của chiếc xe tải, dưới đôi mắt trông chừng của Imran Khan, và chuẩn bị để sắp xếp qua đêm, Mohammed hòa vào tiếng rầm rì đang luân chuyển giữa hàng trăm khách lữ hành khác bị kẹt lại. Những người đàn ông này đã phong tỏa cây cầu cả

ngày, và một đội quân đã được phái đến từ một căn cứ quân sự ở Pattan cách đó ba mươi kilômét để xem cầu đã được khai thông hay chưa.

Giữa thứ tiếng Urdu nhất gừng của mình và nhóm các đề tài mâu thuẫn nhau, Mortenson không thể biết chắc mình đã sắp xếp các chi tiết đúng hay không. Nhưng anh biết đây là ngôi làng Dasu, ở khu vực Kohistan, vùng hoang vu nhất của tỉnh biên giới phía bắc Pakistan. Nơi này nổi tiếng về thổ phi, và sự kiểm soát của Islamabad chỉ là trên danh nghĩa. Trong những năm tiếp sau 11/9 cuộc chiến tranh của Mỹ để lật đổ Taliban, các thung lũng xa xôi và hiểm trở này thu hút các băng nhóm Taliban và nhà tài trợ Al Queda của chúng, những người biết rõ sẽ dễ dàng ra sao để tiêu diệt bất cứ đội quân nào bước vào khu vực hoang dã này.

Những người vũ trang đang gác cây cầu sống ở thung lũng gần đó và tuyên bố rằng một nhà thầu của chính phủ ở vùng đồng bằng Islamabad xa xôi đã đến với hàng triệu rupi dành cho việc mở rộng những con đường mòn đi săn của họ thành những con đường khai thác gỗ, giúp họ có thể bán được gỗ. Nhưng họ nói rằng nhà thầu đã ăn cắp tiền và bỏ đi mà không cải thiện gì những con đường của họ. Họ đang phong tỏa xa lộ Karakoram cho đến khi nhà thầu quay lại, để có thể treo cổ hắn ngay cây cầu này.

Sau khi uống trà và ăn gói bánh quy mà Mortenson đưa ra, họ quyết định đi ngủ. Bất chấp cảnh báo của Mohammed rằng ngủ trong cabin thì an toàn hơn, Mortenson vẫn trèo lên cái ổ trên nóc xe tải. Từ chỗ của mình trên cao kế bên bầy gà đang ngủ, anh có thể thấy những người Kohistan kiêu hãnh, nói tiếng Pasho, trên cây cầu được chiếu sáng bởi những ngọn đèn. Những người Pakistan vùng đồng bằng đến thương lượng với họ nói tiếng Urdu, và trông giống một chủng tộc khác, sửa soạn như con gái, với những chiếc nón bê-rê màu xanh dương và những dây đan quần chạt quanh thắt lưng nhỏ bé. Đây không phải là lần đầu Mortenson tự hỏi liệu Pakistan có phải là một ý tưởng hơn là một quốc gia hay không.

Anh nằm gói đầu lên bành cỏ khô một lúc, biết rằng mình không thể ngủ được chút nào trong đêm nay, và thức dậy, khi trời đã sáng rõ, vì tiếng súng. Mortenson ngồi dậy và thấy những đôi mắt màu hồng không thể nhắm lại của những con gà trắng đang nhìn anh vô hồn, rồi những người Kohistan đứng trên cầu, bắn súng Kalasnikov của họ lên trời.

Mortenson cảm nhận chiếc Bedford đang gầm gừ thức giấc và thấy một cụm khói đen phun ra khỏi hai ống khói. Anh nghiêng người cúi xuống cửa

sở chỗ tài xế. “Mọi chuyện đều ổn!” Mohammed nói, và cười với anh, rõ máy xe. “Bắn vì vui mừng, *Inshallah!*” Anh ta đẩy cần gài số.

Mortenson thấy túa ra từ những ngôi nhà và lối đi trong làng là những nhóm phụ nữ mang mạng che mặt chạy vội về xe của mình, từ những chỗ họ đã chọn để tự tách mình ra qua một đêm dài chờ đợi.

Đi qua cầu Dasu, trong một hàng dài những chiếc xe bụi bặm đang bò đi, Mortenson thấy anh chàng Kohistan đã mời mình điều thuốc lá và đồng đội của anh ta đưa nắm tay lên và bắn súng máy một cách dữ dội. Chưa bao giờ, ngay cả trong một sân tập bắn của quân đội, Mortenson chứng kiến hỏa lực mạnh mẽ như vậy. Anh không thấy bất cứ nhà thầu vùng đồng bằng nào đang đưa trên những dầm cầu, và anh cho rằng những người cầm súng hẳn đã có được lời hứa bồi thường thiệt hại từ những người lính.

□

Khi xe đi lên, những vách đá của hẻm núi vươn cao cho đến khi che kín khoảng trời hẹp, trắng xóa hơi nóng. Họ đi men theo sườn phía tây của ngọn núi Nanga Parbat cao 8.125 mét, ngọn núi cao thứ chín trên thế giới, dính chặt vào rìa phía tây của dãy Himalaya. Nhưng, “Ngọn núi Trần trụi” đối với Mortenson bị lu mờ đi bởi những vực sâu của hẻm núi Indus. Với cái nhìn của một người leo núi, anh thấy nó hiện ra lơ mơ, hấp dẫn không thể cưỡng lại ở phía đông. Để kiểm chứng, anh quan sát bề mặt sông Indus. Những dòng suối mang nước băng tan chảy từ sông băng của ngọn Nanga Parbat sôi sục đổ xuống các khe núi và trên những tảng đá phủ địa y vào trong dòng Indus. Chúng điểm xuyết cho bề mặt màu trắng đục như lụa của dòng sông với những vũng nước màu xanh miền núi.

Ngay phía trước Gilgit, thành phố đông dân nhất ở miền bắc Pakistan, họ rời xa lộ Karakoram trước khi nó bắt đầu đoạn ngoặt dài hướng về Trung Quốc trên con đường tráng nhựa cao nhất thế giới, đèo Khunjerab, với các đỉnh cao 4.730 mét, và thay vào đấy đi theo sông Indus ở phía đông hướng về Skardu. Bất chấp cái lạnh tăng dần trong không khí, Mortenson cảm thấy ấm áp bởi những ngọn lửa quen thuộc. Đường hành lang hẹp ven sông được khoét vào giữa những đỉnh cao hơn sáu nghìn mét quá nhiều để đặt tên, là đường vào Baltistan của anh. Dù cảnh quan đá như trên mặt trăng ở miền tây Karakoram này là một trong những vùng nguy hiểm nhất trên thế giới, nhưng Mortenson cảm thấy như đã về đến nhà. Cảnh tối tăm bụi bặm dọc theo những vực sâu của hẻm núi và ánh nắng trên cao cọ rửa chớp những ngọn tháp đá hoa cương này có vẻ giống môi trường sống tự nhiên

của anh hơn là những căn nhà gỗ trát vữa màu lam nhạt ở Berkeley. Toàn bộ thời gian của anh ở Mỹ sau khi trở về từ đây, sự lúng túng ngày càng tăng với Marina, cuộc đấu tranh của anh để quyên góp tiền cho ngôi trường, những ca làm việc mất ngủ ở bệnh viện, có cảm giác không thật như một giấc mơ đang tan biến. Những vách đá cheo leo nhô ra này đã hiểu được anh.

Hai thập niên trước, một nữ y tá người Ireland tên là Dervla Murphy cũng đã cảm nhận được cùng một sức lôi kéo về phía những ngọn núi này. Du hành với tinh thần dũng cảm của Isabella Bird và bỏ qua lời khuyên khôn ngoan của những nhà thám hiểm dày dặn kinh nghiệm rằng Baltistan là không thể vượt qua trong tuyết, Murphy băng ngang Karakoram giữa mùa đông, trên lưng ngựa, với đứa con gái năm tuổi của bà.

Trong quyển sách về chuyến đi của mình, *Where Indus is young*, Murphy bình thường vốn hùng biện, cảm thấy không đủ khả năng trong nỗ lực mô tả hành trình của mình qua hẻm núi mà bà đã phải cố gắng hết sức để thoát ra một mô tả. “Không một tính từ nào thường được áp dụng cho phong cảnh núi non là thỏa đáng ở đây - thật vậy, chỉ riêng từ “phong cảnh” cũng không phù hợp một cách buồn cười. “Tráng lệ” hay “hùng vĩ” đều không hữu dụng để mô tả cảm tưởng về hẻm núi ghê gớm với những đoạn hẹp quanh co, vừa u tối vừa hoang vắng, vừa sâu thẳm từ dặm này đến dặm khác, nơi không bao giờ có một ngọn cỏ hay cây bụi nhỏ để nhắc ta rằng thế giới thực vật có tồn tại. Chỉ có dòng Indus xanh như ngọc - đôi khi nhào lộn thành một quầng sáng của bọt nước trắng xóa - làm nổi bật cái màu xám nâu của những vách đá cheo leo, vách đá thẳng đứng và những sườn dốc.”

Khi Murphy di chuyển chậm chạp dọc bờ nam cửa sông Indus trên lưng ngựa, bà suy tư về nỗi kinh hoàng của việc đi ngang qua con đường dành cho dê núi này bằng xe hơi. Tài xế ở đây phải chấp nhận định mệnh, bà viết, nếu không anh ta “sẽ không bao giờ có đủ can đảm để lái một chiếc xe jeep quá tải, kém cân bằng và máy móc không hoàn hảo, dọc theo con đường mòn mà trong nhiều giờ cho đến khi kết thúc, một phán đoán sai nhỏ nhất cũng đưa chiếc xe va vào vách đá cao hàng chục mét rồi rơi xuống dòng sông Indus. Vì dòng sông đã tìm ra con đường duy nhất có thể có qua cụm núi dữ dằn khủng khiếp này, do đó không thể làm gì hơn là đi theo dòng sông. Không đi qua hẻm núi Indus ta không thể hình dung được kịch tính của nó. Cách duy nhất có thể được để đi qua vùng này là đi bộ.”

Trên nóc của chiếc Bedford quá tải, mất cân bằng nhưng máy móc còn tốt, Mortenson đong đưa cùng với đồng vật liệu xây dựng trường học cao sáu mét, không khỏi há hốc mồm bên mép vực mỗi khi chiếc xe được chêm lại trên một đồng đá lở rời rạc. Cả trăm mét bên dưới, xác một chiếc xe buýt nát vụn gỉ sét đang yên nghỉ, cùng với sự đều đặn của những cột mốc đánh dấu dặm đường, những *shahid* trắng, nghĩa là “đài tưởng niệm” vinh danh cái chết của những công nhân làm đường của Tổ chức Lao động Biên giới, những người đã bỏ mạng trong cuộc chiến của họ với những vách đá. Nhờ hàng nghìn binh sĩ Pakistan, kể từ thời Murphy, con đường đến Skardu đã được cải thiện đáng kể, cho phép những chiếc xe tải có thể đi qua nhằm hỗ trợ cho nỗ lực chiến tranh chống lại Ấn Độ. Nhưng đá rơi và tuyết lở, nhựa phủ mặt đường bị phong hóa vỡ vụn bất ngờ rơi xuống vực sâu, và không đủ chỗ cho luồng giao thông theo chiều ngược lại, đồng nghĩa với việc mỗi năm có hàng chục chiếc xe rơi thẳng ra khỏi đường.

Một thập niên sau, thời kì sau 11/9, những người Mỹ thường hỏi Mortenson về sự nguy hiểm từ bọn khủng bố mà anh đã đối mặt trong vùng. “Nếu tôi chết ở Pakistan, tôi sẽ chết vì tai nạn giao thông, chứ không vì một trái bom hay một viên đạn.” anh luôn luôn nói với họ như vậy. “Nguy hiểm thực sự xảy ra khi bạn ở trên đường.”

Anh cảm thấy một khởi đầu mới trong chất lượng của ánh sáng trước khi nhận ra mình đang ở đâu. Khi xe nghiêng ken két đổ xuống một con dốc dài vào lúc chiều tà, không khí rực sáng. Những vách đá của vực sâu gây nỗi sợ bị giam hãm mở rộng ra rồi gập lại ở khoảng xa, dâng lên thành một vòng những chóp trắng khổng lồ bao quanh thung lũng Skardu. Vào lúc Mohammed tăng tốc trên vùng đất bằng ở đáy đèo, sông Indus rơi lỏng các cơ bắp và thư giãn thành một đoạn uốn khúc bùn lầy rộng như một cái hồ. Dọc theo đáy thung lũng, những đụn cát nâu đen rậm nắng trong ánh mặt trời buổi chiều, và nếu không nhìn lên những đỉnh tuyết trắng bùng cháy đau đớn trên cát, Mortenson có thể nghĩ rằng đó là bán đảo Ả Rập.

Vùng ngoại ô Skardu, tràn ngập những vườn mơ và óc chó, báo hiệu hành trình gian khổ dọc sông Indus đã kết thúc, Mortenson chở ngời trường của mình vào Skardu, vẫy tay chào những người đàn ông đội chiếc nón len trắng topi đặc biệt của người Balti đang thu hoạch trái cây, và họ cười toe toét, vẫy tay chào lại. Trẻ em chạy bên hông chiếc Bedford, hét vang tán thành Imran Khan và người nước ngoài ngồi trên hình của anh ta. Đây là chuyến trở về khải hoàn mà anh đã từng tưởng tượng ra kể từ khi ngồi viết

bức thư đầu tiên trong số 580 bức thư được gửi đi. Ngay bây giờ, ngay khúc quanh tiếp theo, Mortenson cảm thấy chắc chắn rằng kết thúc hạnh phúc của anh chỉ vừa mới bắt đầu.

CHƯƠNG 8

Bầm dập bởi Bradu

□

Tin vào Thánh Allah, nhưng hãy buộc chặt lạt đà của mình.
- bản viết tay ở lối vào căn cứ không quân Phi đoàn Năm, Skardu

□

Nhánh dương đầu tiên đập vào mặt Mortenson, trước khi anh có thời gian để cúi đầu xuống tránh. Nhánh thứ hai giạt chiếc chăn khỏi đầu anh và treo nó trong lằn xe của chiếc Bedford. Anh nằm bẹp xuống trần xe tải và quan sát Skardu hiện ra phía dưới một vòm những thân cây quắn vải, bị bóc vỏ bởi những con dê đói.

Một chiếc trực thăng quân sự Lama màu xanh lá cây đang bay chậm và thấp trên chiếc Bedford, trên đường bay từ sông băng Batltoro trở về căn cứ Phi đoàn Năm của Skardu. Mortenson nhìn thấy một khuôn mặt người quân trong bao vải và được buộc vào một xe đẩy ở càng đáp. Etienne đã được mang đi cũng bởi chiếc máy bay này trong lần cứu hộ anh, Mortenson nghĩ, nhưng ít nhất thì anh ấy cũng sống sót.

Từ căn cứ hậu cần ở độ cao gần hai trăm năm mươi mét trên Karpocho hay núi đá của Skardu, với pháo đài đồ nát đứng canh chừng trên thị trấn, chiếc Bedford đi chậm lại nhường đường cho một bầy cừu băng qua chợ Skardu. Con đường nhộn nhịp, đầy những sạp hàng chật hẹp bán những quả cầu phù thủy, những chiếc áo len tay dài rẻ tiền của Trung Quốc, và những món hàng ngoại quý giá như Ovaltine và Tang, xếp gọn gàng như những kim tự tháp, có vẻ như quá đô hội sau sự trống vắng chói tai của hẻm núi Indus.

Thung lũng này, nơi mà cát không trôi giạt, khá phì nhiêu. Nó đem lại sự khuây khỏa sau những khắc nghiệt của những hẻm núi, và là nơi dừng chân của những đoàn lữ hành trên con đường thương mại từ Kargil, bây giờ là Kashmir thuộc Ấn Độ, đến Trung Á. Nhưng từ khi chia tách, và đóng cửa biên giới, Skardu lâm vào cảnh không sinh lợi ở bờ rìa hoang vu của Pakistan. Cứ thế cho đến khi nó được tái sinh như một nơi cung cấp trang thiết bị cho các đoàn leo núi hướng về những ngọn núi khổng lồ vùng Karakoram.

Mohammed đưa xe vào lề đường, nhưng không đủ xa để cho nửa chục chiếc xe jeep đi qua. Anh ta nhào người ra khỏi cửa xe và la lên, hỏi

Mortenson hướng đi qua những tiếng kèn âm ỉ cảm phần của những chiếc xe jeep. Mortenson leo xuống từ chiếc ngai đong đưa của mình và chen người vào trong cabin.

Đi đâu? Korphe còn cách tám giờ đi xe jeep và Karakoram, và không có cách nào để gọi điện báo cho họ biết anh đã đến để hoàn thành lời hứa của mình. Changazi, người chỉ dẫn leo núi và điều hành tour đã tổ chức cho nỗ lực lên K2 của họ, chắc hẳn là người có thể sắp xếp để mang được vật tư của trường học lên đến thung lũng Braldu. Họ dừng xe ngay trước khu nhà quét vôi trắng của Changazi, và Mortenson gõ vào cánh cửa gỗ to lớn màu xanh lá cây.

Đích thân Mohammed Ali Changazi mở cửa. Ông ta mặc bộ *shalwa* hồ cứng không một vết bẩn báo hiệu rằng ông ta sẽ không hạ mình để làm những việc dơ bẩn trong thế giới này. So với người Balti, Changazi có dáng cao. Và với bộ râu cắt tỉa tỉ mỉ của mình, cái mũi thanh tú và đôi mắt nâu sáng có viền quanh màu xanh, ông ta có một khuôn mặt quyến rũ. Trong tiếng Balti, “Changazi” có nghĩa là thuộc dòng họ Thành Cát Tư Hãn, và có thể được dùng như một tiếng lóng để chuyển tải ý nghĩa về tính tàn nhẫn đáng sợ. “Changazi là một nhà điều hành xét về mọi mặt.” Mortenson nói. “Dĩ nhiên, cho đến lúc đó tôi chưa biết.”

“Bác sĩ Greg.” Changazi nói, ôm Mortenson hết sức mình bằng một cái ôm kéo dài. “Anh đang làm gì ở đây? Mùa leo núi đã kết thúc rồi cơ mà.”

“Tôi mang đến trường học!” Mortenson trả lời một cách kín đáo, hi vọng được chúc mừng. Sau K2, anh đã bàn các kế hoạch của mình với Changazi; ông đã giúp anh ước tính ngân sách cho các vật liệu xây dựng. Nhưng Changazi có vẻ như không nhớ gì về những điều mình đã nói. “Tôi đã mua mọi thứ để xây dựng một ngôi trường và chở nó đến đây từ Pindi.”

Changazi vẫn có vẻ lúng túng. “Lúc này đã quá trễ để xây dựng bất cứ thứ gì. Sao anh không mua vật liệu ở Skardu?” Mortenson không biết là mình có thể mua được vật liệu ở đây. Khi anh đang tìm điều gì để nói thì bị gián đoạn bởi một tiếng còi hơi của chiếc Bedford. Mohammed muốn dỡ hàng xuống và trở về Pindi ngay. Hai người phụ xe tháo dây buộc hàng và Changazi đã nhìn một cách ngưỡng mộ những chồng vật liệu đáng giá chất trên xe.

“Anh có thể cắt tất cả ở chỗ tôi.” Changazi nói. “Rồi chúng ta uống trà và bàn về việc cần làm với ngôi trường của anh.” ông ta nhìn Mortenson từ đầu đến chân, nhăn mặt khi thấy bộ áo *shalwar* dính dầu mỡ, khuôn mặt

sạm đen vì bụi bẩn và đầu tóc rối bù của Mortenson. “Nhưng sao anh không tắm rửa trước đi.” ông ta nói.

Người phụ xe cộ cần đưa cho Mortenson dây dọi và thước thủy vẫn còn quần gọn trong lớp vải của Abdul. Khi những bao ximăng và những tấm ván ép bốn lớp được đưa xuống với sự hào hứng càng lúc càng tăng của Changazi, Mortenson mở cục xà phòng Tibet Snow mới mà chủ nhà đưa cho mình. Anh tắm gội cho sạch cái bản của bốn ngày đường bằng một chậu nước mà người giúp việc Yakub của Changazi đã đun nóng trên chiếc bếp gas Epigas mà Mortenson biết chắc là được lấy trộm từ một đoàn thám hiểm.

Đột nhiên, Mortenson lo ngại, muốn kiểm kê hết thầy hàng hóa, nhưng Changazi nài ép anh để việc đó sau hẵng làm. Cùng với tiếng gọi của *muezzin*, Changazi dẫn Mortenson đến văn phòng của mình, nơi những người giúp việc đã trải ra chiếc túi ngủ Marmot phẳng phiu, ít khi dùng đến, trên một *charpoy* mà họ đã đặt sẵn giữa bàn làm việc và tấm bản đồ thế giới trên bức tường cũ kĩ. “Bây giờ hãy nghỉ ngơi.” Changazi nói, với cái giọng không muốn tranh cãi nữa. “Tôi sẽ gặp anh sau giờ cầu nguyện buổi sáng.”

Mortenson thức dậy bởi âm thanh của những giọng nói cất cao trong căn phòng kế bên. Anh đứng dậy và nhìn thứ ánh sáng núi gay gắt đâm xuyên qua cửa sổ mà anh đã che lại một lần nữa và ngủ thẳng cho đến sáng. Trong căn phòng kế bên, ngòai chèo chân trên sàn, kế bên tách trà chưa được động tới, một người Balti nhỏ con, cau có, đầy cơ bắp mà Mortenson nhận ra là Akhmalu, người đầu bếp đã đi cùng đoàn thám hiểm K2 của anh. Akhmalu đứng và ra dấu nhỏ vào chân Changazi, kiểu si nhục cao nhất của người Balti, rồi cùng lúc đó, thấy Mortenson đứng ở cửa.

“Bác sĩ Greg.” anh ta nói, khuôn mặt thay đổi nhanh chóng như vách núi đá sáng bởi ánh mặt trời. Anh ta chạy đến bên Mortenson, cười rạng rỡ và ôm anh bằng một cái ôm như gấu kiểu người Balti. Trong khi uống trà, cùng sáu lát bánh mì nướng do Changazi hãnh diện dọn ra với lọ mứt dâu Áo mà hẳn có được một cách bí mật, Mortenson hiểu được đôi chút về cuộc đời đã xảy ra. Tin tức về những vật liệu xây dựng của anh đã lan truyền khắp Skardu. Rồi người đàn ông đã nấu món *dal* và *chapatti* cho Mortenson trong nhiều tháng, Akhmalu, đã đưa ra yêu sách của mình.

“Bác sĩ Girek, ông từng hứa với tôi là sẽ đến buổi *salaam*⁽¹³⁾ ở làng tôi.” Akhmalu nói. Và đó là sự thật.

“Tôi có một chiếc xe jeep đợi sẵn để đến làng Khane.” hắn nói. “Vì thế chúng ta sẽ đi ngay.”

“Có thể là ngày mai hoặc ngày kia.” Mortenson nói. Anh nhìn lướt qua khu nhà của Changazi. Toàn bộ vật liệu xây dựng trị giá hơn bảy nghìn đôla được hạ xuống từ chiếc Bedford vào tối hôm qua, và bây giờ anh không thấy gì nhiều hơn một cái búa, không có trong phòng này, hay phòng bên, hay trong sân mà anh có thể nhìn rõ qua cửa sổ.

“Nhưng cả làng tôi đang mong chờ ông, thưa ông.” Akhmalu nói. “Chúng tôi đã chuẩn bị một bữa cơm đặc biệt.” Cái tội phung phí bữa tiệc mà một làng người Balti chật vật lắm mới có thể tổ chức là quá lớn đối với Mortenson. Changazi đi cùng anh đến chiếc xe jeep thuê của Akhmalu và trèo vào ghế sau trước khi có ai xem xét đến việc mời ông ta.

Con đường chạy khỏi phía đông Skardu. “Khane cách bao xa?” Mortenson hỏi, khi chiếc Toyota Land Cruiser đỏ màu gỉ sắt bắt đầu nảy lên phía trên những hòn đá không nhỏ hơn bánh xe, đến một chỗ ngoặt vào một mép rìa bên trên sông Indus.

“Rất xa.” Changazi gắt gỏng nói.

“Rất gần.” Akhmalu phản công. “Chỉ mất từ ba đến bảy giờ.”

Mortenson ngồi lúi lại trong chiếc ghế danh dự, kế bên tài xế, mỉm cười. Anh phải biết nhiều hơn là chỉ hỏi thời gian chuyến hành trình đến Baltistan. Phía sau anh, trên những ghế hàng hóa, anh cảm thấy sự căng thẳng giữa hai người đàn ông cũng rõ ràng như hệ thống giảm xóc không khoan nhượng của chiếc Toyota. Nhưng phía trước, qua kính chắn gió đầy những đường nứt như màng nhện, anh thấy cảnh quan cao bốn nghìn tám trăm mét của những dãy núi thấp vùng Karakoram vụt qua trên bầu trời xanh trong vắt với những đỉnh núi lờm chờm như chiếc răng gãy sạm nâu, và anh cảm thấy vô cùng hài lòng.

Chiếc xe nảy hàng giờ dọc theo một nhánh sông Indus cho đến khi rẽ sang phía nam, về hướng Ấn Độ, rồi leo lên thung lũng Hushe, dọc theo bờ sông Shyok, với dòng nước băng tan xanh chảy lạnh giá đổ ầm ầm như sấm trên những tảng đá mới, tính theo tuổi địa chất, từ những vách đá đang bị bào mòn ở cả hai bên của thung lũng cao gầy. Khi con đường ngày càng tối tệ, tấm ảnh 3D ép nhựa mô tả khối vuông lớn nhuộm màu đen, Kaabba ở Mecca, treo trên kính chiếu hậu của chiếc Toyota, đập nhiều lần vào kính chắn gió với sự nhiệt thành của một người cầu nguyện.

Al-Hajarul Aswad, khối đá đen lớn chôn bên trong những bức tường của Kaaba, được cho là một tiểu hành tinh. Nhiều người Hồi giáo tin rằng nó rơi xuống trái đất vào thời Adam, là quà tặng của thánh Allah, và màu đen nhánh của nó chỉ ra khả năng hấp thu tội lỗi của những người tin tưởng và có đủ may mắn để chạm vào bề mặt từng là màu trắng của nó. Nhìn lên những bậc dốc rải rác những tảng đá treo trên đường, Mortenson hi vọng những thiên thạch kia sẽ chọn một thời điểm khác để đến trái đất.

Những bức tường màu xanh nâu lờ mờ viền quanh những mảnh ruộng bậc thang chấp vá trồng khoai tây và những cánh đồng lúa mì khi họ lên dốc, giống như những bức tường có lỗ châu mai của các tòa lâu đài được xây dựng với tầm cỡ vượt ngoài sự hiểu biết của con người. Vào lúc xế chiều, trời có sương mù ở nơi thung lũng Hushe thu hẹp lại thành một đường đèo nhưng Mortenson đã nghiên cứu bản đồ địa hình Karakoram nhiều tháng khi anh chờ cho hết bão ở trại căn cứ K2, biết rằng Masherbrum, một trong những đỉnh núi đáng sợ nhất thế giới, cao 7.821 mét nằm bất động ở phía trước.

Không như những đỉnh cao khác ở miền trung Karakoram, Masherbrum có thể được nhìn thấy rõ từ phía nam, vốn là viên ngọc trên vương miện của Ấn-Anh, Kashmir. Đó là lí do mà vào năm 1856, T.G Montgomerie, một trung úy công binh Hoàng gia Anh, đã đặt tên cho bức tường xám vĩ đại dựng cao trên tuyết là “K1” hay Karakoram I, là đỉnh núi đầu tiên trong vùng hẻo lánh mà ông có thể khảo sát chính xác. Ngọn núi lóng giềng cao hơn và ở cách hai mươi kilômét về phía đông bắc mặc nhiên trở thành K2, do ngày tháng phát hiện ra nó trẻ hơn. Mortenson ngắm nhìn đỉnh núi trắng, nơi những người Mỹ là George Bell, Willi Unsoeld và Nick Clinch đã thực hiện chuyến leo núi lần đầu cùng với người bạn đồng hành Pakistan của họ là đại úy Jawed Aktar vào năm 1960, mong muốn lên đến đỉnh chóp của Masherbrum để nhìn xuyên những đám mây, nhưng ngọn núi đã buông kín tấm áo choàng của nó: Ánh sáng tuyết từ những sông băng lớn treo trên núi đã soi sáng sương mù từ bên trong.

Chiếc xe jeep dừng lại kế bên cầu treo, đung đưa phía trên Shyok, và Mortenson bước ra. Anh chưa bao giờ cảm thấy thoải mái khi đi trên những cây cầu được làm từ lông bò Tây Tạng này, vì chúng được thiết kế để chịu đựng sức nặng của người Balti - chỉ bằng một nửa cân nặng của anh. Và khi Akhmalu và Changazi bước vào ngay phía sau anh, cây cầu treo rung lên dữ dội, anh đã phải cố gắng giữ vững đôi chân mình. Mortenson nắm chặt hai

thanh vịn và lê bàn chân cỡ số mười bốn của mình theo kiểu đi thăng bằng trên dây dọc theo sợi dây được bện chặt, ngăn anh với các ghềnh đá cao mười lăm mét bên dưới. Cây cầu trơn tuột vì bụi nước, và anh quá tập trung vào bước chân của mình nên không nhận thấy đám đông đang chờ đón để chào mừng anh ở bờ bên kia, cho đến khi anh đi đến gần họ.

Một người Balti nhỏ con, có râu, mặc chiếc quần leo núi Gore-Tex màu đen và chiếc áo thun màu cam ghi “Những nhà leo núi hãy leo cao hơn” giúp Mortenson bước lên mặt đất vững chắc của làng Khane. Đó là Janjungpa, người khuân vác dẫn đường cho đoàn thám hiểm người Hà Lan tham lam lên ngọn K2 trong thời gian Mortenson ở trên núi, và là người có khả năng kì lạ là luôn đến trại căn cứ vào đúng lúc bạn mình là Akhmalu đang dọn bữa ăn. Nhưng Mortenson thích nhóm của Janjungpa cùng sự can đảm của ông ta, và đã khai thác từ ông ta những câu chuyện về hàng chục đoàn thám hiểm mà ông ta đã dẫn đường lên Baltoro. Đủ Tây hóa để đưa tay ra bắt tay với người nước ngoài mà không cần cầu khẩn thánh Allah, Janjungpa dẫn Mortenson qua những lối đi hẹp giữa những ngôi nhà bằng bùn và đá của làng Khane, nắm khuỷu tay anh khi họ vượt qua những nương tưới chảy tràn bờ đầy rác.

Janjungpa dẫn người nước ngoài to lớn đi đầu một đoàn diễu hành hai chục người đàn ông và hai con dê nâu đi theo với đôi mắt vàng van xin. Đám đàn ông rẽ vào ngôi nhà quét vôi trắng và trèo lên cái thang dẻo bằng gỗ hương về nơi tỏa mùi gà nấu.

Mortenson tự mình ngồi trên những chiếc gối sau khi vị chủ nhà đã đập bụi một cách miễn cưỡng. Những người đàn ông làng Khane chen chúc trong căn phòng nhỏ và tự sắp xếp thành một vòng tròn trên chiếc thảm hoa bạc màu. Từ chỗ ngồi, Mortenson có một tầm nhìn đẹp qua phần mái của những căn nhà lân cận, hướng về hẻm núi đá dốc cung cấp nước uống cho làng Khane và nước tưới cho những cánh đồng của làng.

Những người con trai của Janjungpa trải tấm khăn trải bàn bằng nhựa dẻo màu hồng trên sàn, ở ngay giữa vòng tròn và sắp đặt những đĩa gà rán, rau trộn củ cải trắng, một đĩa gan và óc cừu hầm ở phía chân Mortenson. Chủ nhà chờ cho đến khi Mortenson cắn một miếng gà để bắt đầu: “Tôi muốn được cảm ơn ông Girek Mortenson đã cho chúng tôi vinh dự và đã đến để xây dựng một ngôi trường ở làng Khane.” Janjungpa nói.

“Một ngôi trường cho Khane?” Mortenson thốt lên, suýt bị hóc miếng thịt gà.

“Vâng, một ngôi trường, như ông đã hứa.” Janjungpa nói, nhìn chăm chú một cách có chủ đích quanh vòng tròn những người đàn ông khi đang nói, như chuyển một lời tổng kết cho bồi thẩm đoàn. “Một ngôi trường dạy leo núi.”

Mortenson suy nghĩ nhanh trong đầu khi nhìn từ khuôn mặt này sang khuôn mặt khác, tìm kiếm những dấu hiệu cho thấy đó là một trò đùa tinh vi. Nhưng những khuôn mặt thô kệch của những người đàn ông làng Khane trông thật nhiên như những vách đá bên ngoài cửa sổ, hiện ra một cách đĩnh đạc trong ánh nắng lúc hoàng hôn. Anh duyệt lại trong kí ức những tháng ở K2 của mình. Anh và Janjungpa đã bàn về sự cần thiết của việc cung ứng những kĩ năng leo núi chuyên nghiệp cho những người khuân vác Balti, vốn thường không biết đến những kĩ thuật cứu hộ cơ bản nhất trên núi, và Janjungpa đã nhắc đi nhắc lại về tỉ lệ bị thương tích cao và tiền công thấp của những phu khuân vác Balti. Mortenson có thể nhớ lại rõ ràng ông ta đã kể về Khane và mời anh đến thăm làng. Nhưng anh chắc chắn là mình chưa bao giờ thảo luận hay hứa hẹn về một ngôi trường.

“Ngài Girek, đừng nghe Janjungpa. Hắn bị khùng.”

Akhmalu nói, và Mortenson cảm thấy nhẹ nhõm. “Hắn ta nói trường dạy leo núi.” Akhmalu nói tiếp, lắc mạnh đầu. “Khane cần một ngôi trường bình thường, cho trẻ em ở Khane, không phải để làm giàu cho Janjungpa. Đó là điều ông cần làm.” Sự nhẹ nhõm tan biến nhanh chóng như lúc nó đến.

Ở bên trái, Mortenson thấy Changazi nghiêng người trên một chiếc gối nhồi căng phòng, khéo léo rút cái chân gà ra khỏi thịt bằng những móng tay và thoáng mỉm cười. Mortenson cố liếc hi vọng Changazi sẽ nói gì đó và kết thúc câu chuyện điên rồ này, nhưng một cuộc tranh cãi nóng bỏng đã nổ ra bằng tiếng Balti, khi hai phe nhanh chóng được hình thành sau Akhmalu và Janjungpa. Những người phụ nữ trèo lên các mái nhà kề bên, giữ chặt khăn quàng của họ trong cơn gió mạnh thổi xuống từ Masherbrum, và cố nghe lỏm cuộc tranh cãi đang tăng dần âm lượng.

“Tôi chưa bao giờ hứa.” Mortenson cố nói, trước hết bằng tiếng Anh, và khi dường như không có ai nghe, anh lặp lại bằng tiếng Balti. Nhưng nó y như thể người to lớn nhất trong phòng đã trở nên vô hình. Do đó anh theo dõi cuộc tranh cãi, trong khả năng của mình. Nhiều lần anh nghe Akhmalu gọi Janjungpa là tham lam, nhưng Janjungpa phản đòn lời buộc tội hướng

về mình bằng cách lặp lại lời mà hắn khẳng định là Mortenson đã hứa với hắn.

Sau hơn một giờ, Akhmalu đột nhiên đứng lên và kéo Mortenson đứng dậy bằng cánh tay. Cứ như hắn có thể điều khiển kết cục bằng cách dẫn Mortenson về ngay nhà mình. Akhmalu dẫn đầu đoàn diễu hành vẫn đang la hét xuống chiếc thang bằng gỗ sục, qua một mương tưới bùn lầy và bước lên thang vào nhà hắn. Khi nhóm người đã an tọa trên những chiếc gối trong phòng khách nhỏ, đưa con trai tuổi thanh niên của Akhmalu, từng là phụ bếp trong đoàn thám hiểm của Mortenson, sắp đặt các đĩa thức ăn khác ở cạnh chân Mortenson. Một vòng hoa đại trang trí cho đĩa rau trộn củ cải trắng, và những quả cật bóng bẩy nổi rõ trên bề mặt của món nội tạng cừ hầm, còn những món khác thì giống hệt với bữa tiệc nhà Janjungpa.

Con trai của Akhmalu múc một quả cật, được chọn kĩ nhất, đặt trên một bát cơm và đưa cho Mortenson mỉm cười bên lễn trước khi dọn cho những người khác. Mortenson đẩy quả cật sang một bên bát cơm và chỉ ăn cơm chan nước thịt béo ngậy, nhưng dường như không có ai để ý cả. Anh lại trở nên vô hình. Những người đàn ông Khane ăn cũng nhiệt tình như khi tranh cãi cứ như là cuộc tranh cãi và bữa cơm vừa rồi đã bị xé vụn hoàn toàn như khúc xương gà và xương cừ họ cắn xé bằng răng mình.

Mãi đến giờ thứ tư của cuộc tranh cãi, mắt cay xè vì khói thuốc lá ngọt ngạt trong phòng, Mortenson trèo lên mái nhà Akhmalu và nghiêng người tựa vào một bó lúa mạch mới gặt dùng để chắn gió. Mặt trăng, đang lên, âm ỉ sau dãy nóc nhà phía đông. Gió làm sạch đỉnh Masherbrum, và Mortenson nhìn một lúc lâu vào những đỉnh núi như các sống dao, được mài sắc cạnh một cách kì quái bởi ánh trăng. Ngay bên kia, bằng cảm nhận của mình, Mortenson biết ngọn kim tự tháp K2 hiện ra sừng sững. Anh nghĩ, việc đến Baltistan như một nhà leo núi mới đơn giản làm sao. Con đường thật rõ ràng. Tập trung về đỉnh núi, như anh đang làm lúc này, và tổ chức những người đàn ông cùng hàng tiếp tế cho đến khi bạn lên được đó. Hoặc nỗ lực mà không thành công.

Qua ô vuông lớn trên mái nhà, khói thuốc lá và phân bò Tây Tạng đang cháy xông lên từ căn phòng bên dưới, làm ô ứ chỗ của Mortenson trên cao. Và giọng tranh cãi của những người đàn ông Khane dâng lên cùng với khói, làm ô ứ tâm trạng của Mortenson. Anh lấy chiếc áo khoác mỏng trong túi đi đường của mình, nằm ngửa trên lúa mạch và đắp chiếc áo lên ngực như một tấm chắn. Mặt trăng đang từ từ vươn lên qua khỏi dãy nóc nhà lờm

chờm. Trăng nằm cân bằng trên đỉnh vách đá như một tảng đá trắng sắp rơi xuống và đê bẹp làng Khane.

“Cứ rơi xuống đi.” Mortenson nghĩ và chìm vào giấc ngủ.

□ □ □

Vào buổi sáng, mặt phía nam của Masherbrum một lần nữa bị che khuất trong những đám mây, và Mortenson trèo xuống từ mái nhà bằng đôi chân tê cứng để thấy Changazi đang nhám nháp trà sữa. Anh van nài Changazi đưa họ trở lại Skardu trước khi một bữa tiệc và những cuộc tranh cãi khác có thể bắt đầu. Janjungpa và Akhmalu gia nhập cùng họ trong chiếc xe jeep, không muốn từ bỏ cơ hội thắng cuộc tranh cãi bằng cách để cho Mortenson trốn đi.

Suốt con đường trở lại Skardu, Changazi vẫn giữ nụ cười như cũ trên đôi môi mỏng. Mortenson trách ông ta đã làm mất quá nhiều thời gian. Và như để nhấn mạnh sự kết thúc của thời tiết ấm đủ để xây dựng ngôi trường đang hiện ra lơ mờ, Skardu chìm trong cái lạnh mùa đông khi họ quay trở về. Những đám mây thấp chắn những đỉnh núi bao quanh và mưa phùn dường như luôn lượn lơ trong không khí, thay vì khoan dung rơi xuống rồi kết thúc.

Bất chấp tấm nhựa dẻo gập xuống trên cửa sổ xe jeep, bộ áo *shalwar kamiz* của Mortenson đã ướt đẫm khi xe đỗ lại phía trước khu nhà của Changazi. “Xin mời.” Changazi nói và nhìn chăm chăm vào chiếc áo *shalwar* màu bùn bê bết bùn đất của Mortenson. “Tôi sẽ bảo Yakub đun ít nước.”

“Trước khi chúng ta làm bất cứ điều gì khác, hãy làm rõ một vài chuyện.” Mortenson nói, không thể kìm được sự nóng giận trong giọng nói. “Chuyện đầu tiên, tất cả hàng hóa của tôi giờ ở đâu? Tôi không thấy chúng đâu cả.”

Changazi đứng yên, đẹp như chân dung của một vị tiên tri đáng kính.

“Tôi đã chuyển chúng vào căn nhà khác của tôi.”

“Đã chuyển?”

“Vâng... đã chuyển. Đến một nơi an toàn hơn.” Ông ta nói, với giọng buồn rầu của một người bị buộc phải giải thích một điều hiển nhiên.

“Ở đây thì có gì không được?” Mortenson hỏi.

“Có nhiều thổ phỉ quanh đây.” Changazi nói.

“Tôi muốn đi xem mọi thứ ngay bây giờ.” Mortenson nói, vươn thẳng người và bước lại gần Changazi. Mohammed Ali Changazi nhắm mắt và

đan chéo các ngón tay, bập bập hai ngón cái vào nhau. Hấn mở mắt ra như hi vọng Mortenson đã biến mất. “Đã khuya và người trợ lí của tôi mang chìa khóa về nhà rồi.” Changazi nói. “Tôi phải tắm rửa và chuẩn bị cầu nguyện buổi tối. Nhưng tôi hứa với ông, ngày mai, ông sẽ được thỏa mãn một trăm phần trăm. Và cùng nhau, chúng ta sẽ để những người đàn ông đang la hét này sang một bên và bắt đầu làm việc cho ngôi trường của ông.”

□ □

Mortenson thức dậy ngay tia sáng đầu tiên. Đeo chiếc túi ngủ của Changazi như một chiếc khăn choàng, anh bước ra ngoài đường phố ẩm ướt. Chóp của những đỉnh núi cao năm nghìn năm trăm mét ôm vòng quanh thị trấn vẫn còn ẩn sau những đám mây thấp. Và không có những ngọn núi, Skardu, với khu chợ đóng cửa đầy rơm rác, với những tòa nhà gạch bùn và gạch xỉ than bẹp sát đất, có vẻ xấu xí không thể tả. Trong thời gian ở California, anh đã nghĩ đến Skardu như một kinh đô giàu có của một vương quốc miền núi huyền thoại. Và anh nhớ đến người Balti sống ở đó như những người thanh khiết và tốt lành. Nhưng đứng trong mưa phùn, anh tự hỏi có phải mình đã tưởng tượng ra xứ Baltistan mà mình tin tưởng hay không. Phải chăng chỉ do quá hạnh phúc đã sống sót sau K2 khiến cho tình cảm dồi dào của anh tô hồng nơi chốn này cùng những con người ở đó, vượt mọi lí lẽ?

Anh lắc đầu, như cố xóa đi những nghi ngờ của mình, nhưng chúng vẫn ở lại. Korphe chỉ cách một trăm mười hai kilômét về phía bắc, nhưng cứ như là xa cách cả thế giới. Anh phải tìm ra hàng hóa của mình. Rồi anh sẽ tự sắp xếp theo cách nào đó để đến Korphe. Cho đến lúc này, anh phải tin tưởng vào một điều gì đó, và do đó đã chọn nơi chốn heo hắt treo trên hẻm núi Braldu. Anh sẽ đến đó trước khi từ bỏ hi vọng.

Trong bữa ăn sáng, Changazi dường như có vẻ quan tâm lo lắng khác thường; ông ta rót tràn tách trà của Mortenson và cam đoan với anh rằng họ sẽ khởi hành ngay khi người tài xế đến cùng với chiếc xe jeep. Lúc chiếc Land Cruiser màu xanh lá cây đến, Janjungpa và Akhmalu đã đi đến nhà Changazi từ nhà trọ rẻ tiền của tài xế xe tải, nơi họ đã qua đêm. Cả nhóm khởi hành cùng nhau trong im lặng.

Họ đi về phía tây qua những đụn cát. Ở nơi cát bớt đi, những túi khoai tây vừa thu hoạch đang đợi để được thu gom ở rìa những cánh đồng. Chúng cao như những người đàn ông, và lúc đầu, Mortenson nhầm chúng với những người đang yên lặng đứng đợi trong sương mù. Gió lấy lại sức mạnh

và thổi những mảnh mây che phủ sang bên. Sự thoáng hiện của những đồng tuyết lướt qua trên đầu như niềm hi vọng, và Mortenson cảm thấy tâm trạng mình khá hơn lên.

Một giờ rưỡi tính từ Skardu, họ rời đường chính và theo vết đường mòn đến một cụm nhà bằng bùn và đá trông có vẻ tiện nghi, được che chở bởi những cây liễu gầy yếu. Đó là Kuardu, làng quê của Changazi. Ông ta dẫn đám người lúng túng qua bãi nhốt cừu, thúc cừu sang một bên bằng đôi chân đi sandal, và lên tầng hai của ngôi nhà rộng nhất làng.

Trong phòng khách, họ nằm tựa, không phải trên những chiếc gối hoa bụi bặm như bình thường, mà trên những tấm đệm cắm trại tự bơm hơi Thermarest màu đỏ tía hay xanh lá cây. Những bức tường được trang trí bởi hàng chục tấm lồng khung chụp Changazi, dễ nhận ra trong màu trắng không tì vết, đứng làm dáng cùng những thành viên lếch thếch của các đoàn thám hiểm người Pháp, Nhật, Ý và Mỹ. Mortenson nhìn thấy chính mình, khoác tay một cách vui nhộn trên vai Changazi, trên đường lên K2, và anh khó có thể tin rằng tấm hình chỉ mới được một năm. Khuôn mặt của chính anh nhìn trở lại mình từ tấm hình chụp dường như nhìn vào một người nào trẻ hơn mình mười tuổi. Qua một cánh cửa, anh có thể thấy những người phụ nữ trong nhà bếp đang chiêm thú gì đó trên hai chiếc bếp dã chiến của các đoàn thám hiểm.

Changazi biến mất vào căn phòng khác rồi quay lại, mặc chiếc áo cổ tròn kiểu Ý màu nâu bằng vải casomia bên ngoài chiếc *shalwar*. Năm người đàn ông khác với bộ râu lùm xùm và đội chiếc nón *topi* bằng len nâu ẩm ướt trên đầu đi vào, chộp lấy bàn tay của Mortenson một cách nhiệt tình trước khi vào chỗ của họ trên những tấm đệm cắm trại. Thêm năm mươi người đàn ông Kuardu nữa nối đuôi đi vào và lèn chặt vào nhau quanh một tấm khăn trải bàn bằng nhựa.

Changazi điều khiển một đoàn những người giúp việc đặt rất nhiều chiếc đĩa trong khoảng trống giữa những người đàn ông mà Mortenson đã phải gập hai chân sang bên để có chỗ trống, và còn nhiều người nữa tiếp tục đến. Năm con gà rán, củ cải đỏ và củ cải trắng tía hình hoa lá, một đĩa biryani được trang trí bằng quả hạch và nho khô ứ hự, bông cải tằm bột rau thơm chiên giòn, và những phần có vẻ như ngon nhất của bò Tây Tạng “bơi” trong món hầm với ớt và cà. Mortenson chưa bao giờ thấy nhiều thức ăn như vậy ở Baltistan và nỗi kinh hãi mà anh đã đấu tranh để làm lắng

xuống khi đi trên xe jeep dâng lên cho đến khi anh có thể ném thấy vị chua chát của nó trong họng.

“Chúng ta đang làm gì ở đây, Changazi?” anh nói. “Hàng hóa của tôi ở đâu?”

Changazi xếp thịt bò Tây Tạng trên đĩa cơm *biryani* đầy ứ hự và đặt trước mặt Mortenson trước khi trả lời. “Đây là những bô lão trong làng tôi.” ông ta nói, chỉ vào năm người đàn ông nhăn nheo. “Ở Kuardu này, tôi có thể hứa với ông là không có tranh cãi. Họ đã nhất trí để thấy ngôi trường của ông được xây trong làng chúng tôi trước mùa đông.”

Mortenson đứng dậy không trả lời và bước qua thức ăn. Anh biết từ chối lòng hiếu khách này là thô lỗ như thế nào. Và anh cũng biết rằng quay lưng lại với những bô lão và bước trên thức ăn với bàn chân không sạch sẽ theo cách đó là điều không thể tha thứ, nhưng anh phải đi ra ngoài.

Anh chạy cho đến khi bỏ Kuardu lại phía sau và chạy nhanh lên một lối đi dốc của các mục đồng. Anh cảm thấy độ cao xé toang ngực mình nhưng tự thúc mình mạnh mẽ hơn, chạy cho đến khi cảm thấy nhẹ đầu và cảnh vật bắt đầu quay cuồng. Ở một khoảng rừng thưa trông xuống Kuardu, anh sụp xuống, cố gắng thở. Anh đã không khóc kể từ cái chết của Christa. Nhưng ở đây, một mình trong đồng cỏ chặn dề lộng gió, anh ôm mặt và điên cuồng lau những giọt nước mắt không thể dừng lại.

Sau cùng khi nhìn lên, anh thấy một chục đứa trẻ đang nhìn anh chằm chằm phía xa của một cây dâu. Chúng đã đem đàn dê lên đây để cho ăn cỏ. Nhưng cảnh một người *Angrezi* xa lạ ngồi khóc trong bùn đất đã làm chúng quên mất những con vật đi lang thang lên trên đồi xa. Mortenson đứng lên, phủi sạch áo quần và bước về phía bọn trẻ. Anh quỳ xuống bên đứa lớn nhất, một bé trai khoảng mười một tuổi. “Ông... là... ai...?” cậu bé hỏi một cách ngượng ngùng, đưa tay ra cho Mortenson bắt. Bàn tay của bé trai biến mất trong cái nắm tay của Mortenson. “Tôi là Greg, tôi là người tốt.” anh nói.

“Tôi là Greg, tôi là người tốt.” tất cả bọn trẻ đồng thanh lặp lại.

“Không, tôi là Greg. Tên em là gì?” anh thử một lần nữa.

“Không, tôi là Greg. Tên em là gì?” bọn trẻ lặp lại, cười rúc rích.

Mortenson chuyển sang tiếng Balti: “*Tên tôi là Greg. Tôi đến từ nước Mỹ. Tên em là gì?*”

Bọn trẻ vỗ tay, vui vẻ hiểu được *Angrezi*.

Mortenson lần lượt bắt tay từng đứa, trong khi bọn trẻ tự giới thiệu. Các bé gái quấn tay mình một cách cẩn thận trong khăn choàng trước khi chạm vào kẻ ngoại đạo. Rồi anh đứng lên, và tựa lưng vào cây dâu, anh bắt đầu dạy. *Angrezi*, anh nói và chỉ vào mình. “Người nước ngoài.”

“Người nước ngoài.” bọn trẻ đồng thanh la lên. Mortenson chỉ vào mũi, tóc, tai, mắt và miệng mình. Khi nghe âm thanh của từng tiếng lạ lùng, bọn trẻ đồng thanh xướng lên, lặp lại trước khi phá ra cười.

Nửa giờ sau, khi Changazi tìm ra Mortenson, anh đang quỳ gối cùng bọn trẻ, vẽ ra những bản nhân trên đất bằng một cành dâu.

“Bác sĩ Greg. Hãy xuống đây. Hãy về làng. Uống chút trà đã. Chúng ta có nhiều điều để bàn.” Changazi van nài.

“Chúng ta chẳng có gì để bàn chừng nào ông chưa đưa tôi đến Korphe.” Mortenson nói, không hề rời mắt khỏi bọn trẻ.

“Korphe rất xa và dơ bẩn. Ông thích bọn trẻ này, vậy tại sao ông không xây dựng ngôi trường của mình ở ngay đây?”

“Không.” Mortenson nói, chùi bỏ bài làm của một bé gái chín tuổi sột sắng nhất bằng lòng bàn tay và vẽ ra con số đúng. “Sáu lần sáu là ba mươi sáu.”

“Greg, Sahib, xin vui lòng.”

“Korphe.” Mortenson nói. “Cho đến lúc đó tôi không có gì để nói với ông.”

□

Dòng sông ở phía bên phải họ chảy tràn qua những tảng đá lớn như những căn nhà. Chiếc Land Cruiser nảy lên và quay tại chỗ khi cố vượt qua những thác ghềnh màu cà phê chảy xiết, thay vì theo “con đường” men theo bờ bắc của Braldu.

Akhmalu và Janjungpa sau cùng đã bỏ cuộc. Họ nói lời từ biệt một cách vội vàng, với vẻ thất vọng và bắt một chiếc xe Jeep khác quay về Skardu thay vì tiếp tục theo đuổi Mortenson đến thung lũng sông Braldu. Trong tám giờ mà chiếc Land Cruiser phải mất để đến Korphe, Mortenson có nhiều thời gian để suy nghĩ. Changazi nằm ưỡn ra trên bao gạo basmati ở ghế sau với chiếc nón len *topi* kéo che mắt và ngủ, hay có vẻ như ngủ, trong sự dằn xóc liên tục của chuyến đi.

Mortenson cảm thấy có một chút thương tiếc với Akhmalu. Anh ta chỉ muốn trẻ em làng mình có được ngôi trường mà chính quyền Pakistan đã không thể mang lại. Nhưng sự tức giận của Mortenson đối với Janjungpa và

Changazi, bởi sự mưu mô và không trung thực của họ, vượt quá lòng biết ơn mà anh cảm thấy đối với những tháng phục vụ không nề hà của Akhmalu ở trại căn cứ K2, cho đến khi nó trở nên xám xịt gây nản lòng như bề mặt của dòng sông xấu xí nhất này.

Dường như anh đã quá thô lỗ đối với những con người này. Đơn giản là sự chênh lệch về kinh tế giữa anh và họ là quá lớn. Có thể nào ngay cả một người Mỹ chỉ có việc làm bán thời gian, sống ở một phòng kho có khóa như anh, lại là dấu hiệu đồng đôla bằng đèn neon nhấp nháy đối với người dân ở vùng nghèo nhất trong một quốc gia thuộc loại nghèo nhất thế giới này sao? Anh kết luận rằng, nếu như người dân ở Korphe giành giật của cải của anh, cứ cho là như vậy, thì anh phải kiên nhẫn hơn nữa. Anh phải nghe tất cả bọn họ, ăn những bữa ăn cần thiết, trước khi khẳng định rằng trường học sẽ làm lợi cho tất cả, thay vì làm giàu cho vị trưởng làng Haji Ali, hay bất cứ ai khác.

Lúc họ đứng đối diện Korphe thì trời đã tối từ lâu. Mortenson nhảy ra khỏi xe và nhìn lướt qua bờ sông xa xa, nhưng anh không thể nói là có ai ở đó hay không. Theo hướng dẫn của Changazi, người tài xế bóp còi xe và chộp đèn pha. Mortenson bước vào trong luồng sáng và vẫy tay sang phía bóng tối cho đến khi anh nghe một tiếng la hét từ bờ nam của dòng sông. Tài xế quay xe sao cho ánh sáng đèn xe hướng qua sông. Họ nhận ra một người đàn ông nhỏ con đang tiến tới, ngồi trong cái thùng ọp ẹp treo trên sợi dây cáp bắc qua hẻm núi, đang tự kéo mình về phía họ.

Mortenson nhận ra con trai của Haji Ali, Twaha, ngay trước khi anh ta nhảy ra khỏi thùng cáp treo và va vào anh. Twaha choàng tay mình quanh eo Mortenson rồi siết chặt, ép đầu mình vào ngực anh chàng người Mỹ. Người anh ta bốc ra mùi khói và mùi mồ hôi đậm đặc. Sau cùng khi nói lỏng cái ôm, Twaha nhìn Mortenson, cười nói, “Cha tôi, Haji Ali nói rằng Thánh Allah sẽ gửi ông trở lại vào một ngày nào đó. Haji biết mọi chuyện thừa ông.”

Twaha giúp Mortenson cúi người bước vào thùng cáp treo. “Thật sự nó chỉ to đúng bằng một cái hộp.” Mortenson nói. “Giống như một thùng trái cây lớn được giữ với nhau chỉ bằng vài cây đinh. Bạn tự kéo mình trên dây cáp đầy dầu mỡ này và cố không nghĩ đến âm thanh ken két mà nó tạo ra - nếu cáp đứt, bạn sẽ rơi. Và nếu rơi, bạn sẽ chết!”

Mortenson tự kéo mình chậm chậm dọc theo sợi cáp một trăm mét, đung đưa tới lui trong gió rát. Anh có thể chạm vào bụi nước trong không

khí. Và hơn ba mươi mét bên dưới, anh có thể nghe, dù không thấy, thác nước hung hãn của dòng Braldu đang bào nhả những tảng đá. Rồi từ một dốc đứng cao bên trên bờ sông bên kia, lờ mờ trong ánh đèn pha của chiếc xe jeep, anh thấy hàng trăm người đứng thành hàng để chào đón anh. Dường như toàn bộ dân cư Korphe. Và xa xa phía bên phải, ở điểm cao nhất của dốc đứng, anh thấy một dáng không thể nào nhầm lẫn. Đứng vững như được tạc bằng đá hoa cương, đôi chân dang rộng, cái đầu lớn có râu cân đối như một tảng đá trên đôi vai rắn chắc, Haji Ali theo dõi Mortenson đang lóng ngóng tiến đến qua dòng sông.

Cháu gái Jahan của Haji Ali nhớ rất rõ buổi tối đó. “Nhiều nhà leo núi hứa hẹn với người dân Balti và đã quên lời khi họ tìm được đường về nhà. Ông nội tôi đã nói rất nhiều lần rằng bác sĩ Greg thì khác, ông ấy sẽ trở lại. Nhưng chúng tôi ngạc nhiên khi thấy ông trở lại sớm như vậy. Và tôi rất ngạc nhiên khi nhìn thấy, một lần nữa, cơ thể cao lớn của ông. Không một ai ở Balti trông giống như vậy cả. Ông ấy rất... đáng kinh ngạc.”

Trong khi Jahan và những người còn lại của Korphe nhìn theo, Haji Ali lớn tiếng cầu nguyện Thánh Allah vì đã mang người khách trở về an toàn, rồi ôm tấm thân cao lớn của anh. Mortenson ngạc nhiên khi thấy đầu của người đàn ông, vốn hiện ra rất to lớn trong trí tưởng tượng của anh trong năm qua, chỉ cao đến ngang ngực mình.

Bên ngọn lửa lách tách ở nơi nấu ăn của Haji Ali, ngay chỗ mà Mortenson đã từng giạt vào, lạc lối và kiệt sức, anh hoàn toàn cảm thấy như ở nhà mình. Anh ngồi hạnh phúc, bao quanh là những người dân mà anh đã nghĩ đến trong suốt những tháng tẻ nhạt ngồi viết những đề nghị xin tài trợ, những bức thư và lằng xằng tìm một con đường quay lại đây với tin tức là anh có thể giữ lời hứa của mình. Anh háo hức muốn nói ngay cho Haji Ali, nhưng anh và mọi người cần phải tham gia vào các nghi thức tiếp đón khách.

Từ một hộc kín nào đó trong nhà mình, Sakina mang ra một gói bánh quy đường đã cũ và trao cho Mortenson trên cái khay gỗ cùng với trà bơ. Anh bẻ bánh thành những miếng nhỏ, lấy một miếng rồi chuyền cái khay để chia sẻ chúng với đám đông những người đàn ông Korphe.

Haji Ali đợi cho đến khi Mortenson nhấp xong ngụm trà *paiyu cha*, rồi vỗ vào đầu gối anh, cười toe. “*Cheezaley!*” Ông nói, giống hệt như lần đầu khi Mortenson đến căn nhà này một năm trước đây, “Quý tha ma bắt gì đây?” Nhưng lần này Mortenson không lang thang, ôm đồm, đi lạc vào

Korphe. Anh đã lao động cả năm để trở lại địa điểm này, với tin tức này, và anh đau đầu chuyển giao nó.

“Tôi đã mua mọi thứ chúng ta cần để xây một ngôi trường.” Anh nói bằng tiếng Balti đã tập nhẩm trong đầu. “Toàn bộ gỗ, xi măng và những dụng cụ, ngay bây giờ, tất cả đều đã ở Skardu.” Anh nhìn Changazi đang nhúng miếng bánh vào tách trà của mình, và đổ mặt trong giây lát, anh cảm thấy mến ông ta hơn. Cuối cùng, sau vài lần vòng vo, ông ta cũng đã đưa anh đến đây. “Tôi đến đây để giữ lời hứa của mình.” Mortenson nói, nhìn thẳng vào mắt Haji Ali. “Và tôi hi vọng chúng ta có thể sớm bắt đầu việc xây dựng, *Inshallah*.”

Haji Ali thọc tay vào túi áo khoác, lơ đãng nhìn vào chỗ dự trữ khô dê của mình. “Bác sĩ Greg,” ông nói bằng tiếng Balti. “Nhờ phước lành của Thánh Allah, anh đã trở về Korphe. Tôi tin anh sẽ trở về và đã nói như vậy thường xuyên như gió thổi qua thung lũng Braldu. Đó là lí do mà tất cả chúng tôi đã bàn bạc về ngôi trường trong khi anh còn ở Mỹ. Chúng tôi rất muốn có một trường học ở Korphe.” Haji Ali nói, liếc nhanh về phía Mortenson. “Nhưng chúng tôi đã quyết định. Trước khi con sơn dương có thể leo lên ngọn núi K2, nó phải học cách qua sông. Trước khi có thể xây dựng một ngôi trường, chúng tôi phải xây dựng một cây cầu. Đó là thứ mà lúc này Korphe đang cần.”

“*Zamba?*” Mortenson lặp lại, hi vọng là có một sự hiểu lầm khủng khiếp nào đó. Lỗi chắc là do tiếng Balti của mình. “Một cây cầu?” Anh nói bằng tiếng Anh, để không mắc sai lầm.

“Phải, một cây cầu lớn, cây cầu bằng đá.” Twaha nói. “Để chúng ta có thể mang ngôi trường đến Korphe.”

Mortenson nhấp một ngụm trà, suy nghĩ, *suy nghĩ*. Anh nhấp một ngụm trà nữa.

CHƯƠNG 9

Nhân dân đã lên tiếng

□

Hỡi tất cả các bạn, sao không áp đặt việc cấp giấy phép lên đôi mắt đẹp của một phụ nữ đẹp? Chúng cũng bắn vào đàn ông như một viên đạn. Chém như một lưỡi gươm.
- dòng chữ sơn trên bức tượng Phật bằng đá cổ xưa nhất thế giới ở thung lũng Satpar, Baltistan

□

Sân bay quốc tế Francisco ngập trong những ánh mắt ngây dại của những bà mẹ đang ôm con. Đã gần kê Giáng sinh và hàng nghìn hành khách mệt rã rời chen lấn nhau, vội vàng hướng về những chuyến bay mà họ hi vọng sẽ đưa họ về với gia đình đúng lúc. Nhưng mức độ hoang mang trong bầu không khí tẻ nhạt đã đến hồi cảm nhận được, khi những giọng nói gần như không thể nghe được vang vọng trong ga đến, báo hiệu việc trễ hết chuyến này đến chuyến khác.

Mortenson đi sang khu vực nhận hành lí và chờ chiếc balô quân đội nhàu nhĩ chứa đầy một nửa của mình xuất hiện trên băng tải chèn đầy những chiếc vali. Quàng balô lên vai, anh nhìn lướt qua đám đông, hi vọng thấy Marina, khi đi lên tầng trên lúc bước ra khỏi chuyến bay đến từ Bangkok. Nhưng trong lúc anh giữ nụ cười mỉm đặc trưng của những hành khách đến, anh không thể tìm thấy mái tóc đen của cô trong số hàng trăm cái đầu trong đám đông.

Họ đã nói chuyện với nhau bốn ngày trước đó, trên một đường dây bị nhiễu từ buồng điện thoại công cộng từ Pindi, và anh chắc chắn là cô đã nói dự định đến gặp anh ở sân bay. Nhưng cuộc gọi sáu phút trả tiền mà anh đăng kí đã bị cắt trước khi anh có thể lặp lại thông tin về chuyến bay của mình. Anh đã quá lo lắng về số tiền phải trả cho một cuộc gọi khác. Anh quay số của Marina ở một quầy điện thoại trả tiền và nói được với máy trả lời tự động của cô. “Chào em yêu.” anh nói và có thể nghe được giọng nói kéo dài vui vẻ của chính mình.

“Greg đây, Giáng sinh vui vẻ. Em khỏe không? Anh nhớ em. Anh đến sân bay San Francisco bình yên, và anh định đón chuyến tàu điện nhanh để đến chỗ em.”

“Greg.” cô ấy nhắc máy và nói. “Chào anh.”

“Chào, em khỏe không?” anh nói. “Giọng em nghe như...”

“Anh nghe này,” cô nói. “Chúng ta cần nói chuyện, mọi chuyện đã thay đổi kể từ khi anh ra đi. Chúng ta có thể nói chuyện chứ?”

“Chắc chắn rồi.” anh nói. Anh có thể cảm thấy mồ hôi tuôn ra dưới cánh tay mình. Đã ba ngày kể từ khi anh tắm vòi sen lần cuối. “Anh sẽ sớm về nhà.” Anh nói và gác máy.

Anh sợ trở về nhà sau thất bại không có được bất cứ tiến bộ nào về ngôi trường. Nhưng ý nghĩ về Marina, Blaise và Dana làm anh dụi đi nỗi kinh hãi về chuyến bay dài vượt Thái Bình Dương. Anh nghĩ ít nhất mình cũng đang bay về với những người mà mình yêu thương, không phải chỉ đi xa khỏi một thất bại.

Anh đón xe buýt để đến ga tàu điện ngầm gần nhất, đi tàu điện, rồi chuyển chuyển ở San Francisco, sang một xe điện khác đến Outer Sunset. Anh nhớ lại những lời của Marina qua điện thoại, thắc mắc, cố rút ra bất cứ ý nghĩa nào khác hơn cái điều hiển nhiên - cô đang rời bỏ anh. Anh nhận ra là cho đến lúc có cuộc nói chuyện từ Pindi, anh đã không gọi cho cô từ nhiều tháng. Nhưng cô phải hiểu đó là do anh không thể trả tiền cho những cuộc gọi quốc tế vì anh đang cố giữ để không thâm hụt ngân sách cho ngôi trường. Cô có hiểu như vậy không? Anh làm điều đó vì cô. Anh sẽ đưa Marina và hai cô con gái đến một nơi nào đó với số tiền ít ỏi còn lại trong tài khoản ngân hàng Berkeley của mình.

Lúc anh đến gần nhà Marina, hai giờ đã trôi qua và mặt trời đã lặn xuống Thái Bình Dương màu xám. Anh đi qua những dãy nhà trát vữa sạch sẽ trang trí những bóng đèn Giáng sinh, bước vào một ngọn gió biển thổi mạnh và lên cầu thang dẫn đến căn hộ của cô.

Marina mở cửa, ôm Mortenson bằng một tay, rồi đứng ở lối đi, rõ ràng là không muốn mời anh vào.

“Em chỉ nói điều này,” cô nói. Anh chờ, chiếc túi vẫn đeo trên vai. “Em đã bắt đầu gặp Mario trở lại.”

“Mario?”

“Anh biết Mario mà. Chuyên viên gây mê ở UCSF.” Mortenson đứng và nhìn ngây ra. “Bạn trai cũ của em, anh có nhớ em đã nói bọn em...”

Marina tiếp tục nói, dường như cô đang nói với anh hàng chục lần rằng anh đã gặp Mario, những buổi tối họ ở cùng nhau trong phòng cấp cứu, nhưng cái tên đó không có ý nghĩa gì với anh. Anh nhìn miệng cô khi cô nói. Đó là đôi môi đầy đặn của cô, anh quyết định. Đó là điều đẹp nhất về cô. Anh không thể tập trung vào bất cứ điều gì khác khi họ nói chuyện cho

đến khi anh nghe. “Do đó em đã đặt cho anh một phòng ở khách sạn bình dân.”

Mortenson quay đi trong khi Marina vẫn nói và anh đi ngược vào gió biển. Trời đã tối hẳn và chiếc túi vải thô mà cho đến lúc đó anh không hề để ý bỗng nhiên trở nên quá nặng khiến anh nghĩ không biết mình có thể mang nó đi được một tòa nhà nữa hay không. May mắn là bảng quảng cáo đèn neon đỏ của một khách sạn bình dân nơi bãi biển đã lấp ló ở góc như một vết thương hở cần được quan tâm ngay.

Trong căn phòng ốp gỗ giả hôi mùi thuốc lá, nơi anh được nhận vào sau khi chi hết tiền mặt trong túi, Mortenson tắm vòi sen, rồi lục tìm trong chiếc túi vải một chiếc áo thun sạch để mặc ngủ. Anh quyết định chọn chiếc áo ít vết bẩn nhất mà anh tìm được và rơi vào giấc ngủ với đèn và tivi còn bật sáng.

Một giờ sau, giữa sự kiệt sức hoàn toàn khiến cho những giấc mơ không đến, Mortenson bị đánh thức bởi tiếng đập cửa thình thịch. Anh ngồi dậy và nhìn quanh căn phòng, tưởng mình vẫn còn đang ở Pakistan. Nhưng tivi đang phát đi những từ tiếng Anh, bởi một người nào đó tên là Newt Gingrich. Hình ảnh một ngôi sao lấp lánh trên màn hình nói một điều gì đó có thể là bằng tiếng nước ngoài với toàn bộ ý nghĩa mà Mortenson có thể rút ra là: “Người tổ chức của phe thiểu số, những người Đảng cộng hòa tiếp quản.”

Lảo đảo như thể gian phòng đang bồng bềnh trên mặt biển động, Mortenson đến cửa và kéo mở ra. Marina đứng đó, quấn mình trong chiếc áo trùm đầu Gore-Tex màu vàng ưa thích của cô. “Em rất tiếc, đây không phải là điều mà em tưởng tượng ra. Anh không sao chứ?” cô hỏi, kéo sát áo vào ngực.

“À... anh chắc là... không.” Mortenson nói.

“Anh đang ngủ?” Marina hỏi.

“Ừ.”

“Anh này, em không muốn chuyện lại xảy ra như thế này. Nhưng em không có cách nào để đến với anh ở Pakistan.” Trời lạnh và cửa thì mở và Mortenson đứng run trong bộ đồ lót của mình.

“Anh đã gửi bưu thiếp cho em.” anh nói.

“Chỉ để nói với em về giá của vật liệu lợp mái và, ôi, tiền thuê xe tải đến Skardu là bao nhiêu. Thật quá lãng mạn. Anh không bao giờ nói gì về chúng ta, chỉ trừ việc tiếp tục lùi lại ngày anh trở về.”

“Em bắt đầu hẹn hò với Mario từ bao giờ?” anh cố không nhìn vào môi của Marina và hướng cái nhìn của mình lên đôi mắt cô, nhưng anh nghĩ tốt hơn hết cũng không nên nhìn vào đó và nhanh chóng cụp mắt xuống. Đôi mắt này cũng quá nguy hiểm.

“Đó không phải là vấn đề.” cô nói. “Từ những tấm bưu thiếp, em có thể nói đối với anh, em không tồn tại kể từ khi anh ra đi.”

“Không phải vậy.” Mortenson nói, tự hỏi có phải vậy hay không.

“Em không muốn anh ghét em. Anh không ghét em chứ?”

“Chưa bao giờ.” anh nói.

Marina buông hai tay ra và thở dài. Cô cầm một chai rượu Baileys trong tay phải. Cô đưa ra và Mortenson cầm lấy. Chai rượu chỉ đầy đến nửa.

“Anh là một chàng trai tốt, Greg.” Marina nói. “Tạm biệt.”

“Tạm biệt.” Mortenson nói, anh đóng cửa trước khi nói điều gì mà mình có thể hối tiếc.

Đứng trong căn phòng trống, cầm chai rượu còn một nửa trong tay. Hay có còn một nửa không? Anh không phải loại người thích uống rượu, và anh nghĩ Marina biết về anh rõ để hiểu điều đó. Mortenson không thường uống rượu, chắc chắn là không uống một mình, và không có gì làm anh miễn cưỡng hơn là rượu trái cây ngọt.

Trên truyền hình, một người phỏng vấn nói giọng the thé, cao ngạo. “Chúng ta đang bước vào cuộc cách mạng Mỹ lần thứ hai và tôi long trọng thề với các bạn rằng, với đa số phiếu của một Đảng Cộng hòa mới ở Quốc hội, đời sống nước Mỹ sẽ khác đi một cách sâu sắc. Nhân dân đã lên tiếng.”

Mortenson đi băng qua phòng, đến bên sọt rác. Cái sọt lớn, làm bằng kim loại, và bị mòn vẹt bởi những tạp chất của hàng nghìn người khá kém may mắn phải qua đêm trong phòng này. Anh đưa chai rượu lên cao bên trên sọt, duỗi thẳng tay và thả nó ra. Chai Baileys kêu lanh canh đập vào thùng kim loại với một âm thanh, mà Mortenson nghe giống như tiếng cửa đóng sầm lại. Anh ngã sụp xuống giường.

Chuyện tiền bạc cạnh tranh với nỗi đau thống trị tâm trí Mortenson. Sau ngày lễ Giáng sinh, khi anh định rút ra hai trăm đôla từ tài khoản của mình, giao dịch viên báo cho anh biết số dư của anh chỉ còn tám mươi ba đôla.

Mortenson gọi điện cho người giám sát của anh ở trung tâm y khoa UCSF, hi vọng được xếp ca làm việc ngay, trước khi đợt khủng hoảng tiền

tệ của anh lên tới cực điểm. “Anh đã nói sẽ quay lại làm việc trong lễ Tạ ơn.” người đó nói. “Và bây giờ anh đã bỏ qua cả lễ Giáng sinh. Anh là một trong những người tốt nhất mà chúng tôi có, Greg à, nhưng nếu anh không xuất hiện, thì anh là vô dụng đối với tôi. Anh đã bị sa thải.” Một câu nói từ phát thanh viên truyền hình tối hôm trước còn đọng lại trong đầu Mortenson, và anh lặp lại nó một cách chua chát trong những ngày của mình: “Nhân dân đã lên tiếng.”

Mortenson đã gọi điện cho nửa chục người quen trong nhóm những nhà leo núi cho đến khi tìm được một nơi ở tạm cho người leo núi mà anh có thể ở lại đến khi hình dung được cần làm gì tiếp theo. Trong căn nhà thời Victoria màu xanh lá cây đã đổ nát trên đường Lorina, Berkeley, Mortenson ngủ trên sàn hành lang gác trong một tháng. Những sinh viên cao học ở Cal Berkeley và những người leo núi trở về hoặc trên đường đến Yosemite tổ chức những buổi liên hoan chè chén ở tầng trệt đến tận khuya. Trong túi ngủ của mình, nằm uốn người trên hành lang, Mortenson cố để không nghe những âm thanh làm tình lớn một cách khó chịu qua những bức vách mỏng. Khi anh ngủ, người ta bước qua anh trên đường vào phòng tắm.

Một y tá có khả năng hiếm khi thất nghiệp lâu. Chỉ là vấn đề chuyển chỗ làm. Và sau vài ngày mờ mắt dùng phương tiện giao thông công cộng đi phỏng vấn và những ngày mưa khi anh nhận thức sâu sắc sự thiếu vắng chiếc La Bamba, anh đã được thuê vào làm việc trong những ca ít người thích làm nhất ở Trung tâm Chăm thương Tổng quát San Francisco, và Khoa Bông thuộc Trung tâm Y tế Alta Bates ở Berkeley.

□ □ □

Anh xoay xở để có đủ tiền thuê căn phòng ở tầng ba một khu căn hộ không thang máy trên đường Wheeler do một thủy thủ người Ba Lan tên Witold Dudzinski cho thuê lại. Mortenson đã trải qua vài buổi chiều bầu bạn cùng Dudzinski, anh chàng này hút thuốc liên tục và uống không ngừng nghỉ những chai rượu vodka Ba Lan không nhãn hiệu màu xanh mà anh ta mua hàng lố. Nhưng mặc dù anh ta thích những mẫu độc thoại về Giáo hoàng John Paul, Mortenson đã nhận ra rằng, sau khi uống đủ vodka, Dudzinski thường nói về một người không cụ thể nào đó. Do đó, hầu hết các buổi tối, Mortenson rút vào trong phòng mình và cố không nghĩ đến Marina.

“Trước đây, tôi từng bị bạn gái bỏ.” Mortenson nói. “Nhưng lần này hoàn toàn khác. Lần này tôi thật sự đau đớn, và chẳng thể làm gì ngoài việc

đương đầu với nó. Điều này cần phải có thời gian.”

Trong một số đêm may mắn, Mortenson quên đi bản thân và những nỗi ưu phiền vào vòng xoáy của công việc. Đương đầu với những nhu cầu cấp bách của một đứa trẻ năm tuổi bị bỏng độ ba nửa thân người, anh không thể nào dằn mình trong sự tự thán. Và anh cảm thấy hết sức hài lòng khi làm việc một cách nhanh chóng, và làm giảm nhẹ nỗi đau, trong một bệnh viện tây y được trang bị tốt, nơi mà mọi thứ thuốc men, máy móc và bông băng cần thiết đều sẵn có, thay vì ở cách xa tám giờ đường mà xe jeep thường xuyên không đi qua được như trường hợp của anh trong bảy tuần ở Korphe.

Ngồi tại *balti* ở nhà Haji Ali, sau khi ông cụ đưa ra thông tin có sức tàn phá về cây cầu, Mortenson cảm thấy đầu óc mình chạy đua dữ dội, như một con thú đang cố thoát khỏi cái bẫy, rồi chậm lại và lắng xuống, cho đến khi anh thấy bình thản một cách đáng ngạc nhiên. Anh nhận thức rằng mình đã đến cuối con đường - số mệnh của anh, Korphe, ngôi làng cuối cùng trước mặt vùng băng tuyết vĩnh cửu. Bỏ ra ngoài khi những điều phức tạp xuất hiện, như anh đã làm ở Kuardu sẽ không giải quyết được gì. Không có nơi nào khác để mà đi. Anh đã thấy nụ cười trên đôi môi mỏng của Changazi nở rộng ra, và hiểu rằng người đàn ông này nghĩ rằng ông đã thắng trong cuộc kéo co giành ngôi trường của Mortenson.

Bất chấp sự thất vọng của mình, anh không thể thấy giận người dân Korphe. Dĩ nhiên họ cần một cây cầu. Anh dự tính xây trường học của mình bằng cách nào? Mang đến từng tấm ván, từng tấm tôn, từng thứ một, trong chiếc giỏ đựng đầy nguy hiểm qua dòng Braldu? Thay vào đó, anh cảm thấy giận chính bản thân mình đã không lập kế hoạch tốt hơn. Anh quyết định ở lại Korphe cho đến khi hiểu được mọi chuyện khác mà mình phải làm để đưa trường học vào cuộc sống. Một loạt các bước ngoặt đã đưa anh đến làng này. Thêm một bước nữa thì đã sao?

“Hãy nói với tôi về cây cầu.” anh đã yêu cầu Haji Ali, phá vỡ sự im lặng trông đợi trong căn nhà chật cứng hết thảy những người đàn ông của làng Korphe. “Chúng ta cần gì? Chúng ta sẽ bắt đầu như thế nào?”

Lúc đầu, Mortenson đã hi vọng việc xây dựng cây cầu là một việc có thể được hoàn thành nhanh chóng, ít tốn kém.

“Chúng tôi cần nhiều mìn để phá đá và xẻ rất nhiều đá.” Twahal, con trai Haji Ali nói với Mortenson. Rồi một cuộc tranh cãi bắt đầu ở Balti, về việc phải đục đá tại chỗ hay chở đá đến từ xa dưới thung lũng. Nhiều cuộc tranh luận sôi nổi về những ngọn đồi cụ thể nào có đá hoa cương chất lượng

tốt nhất. Về những điểm khác, mọi người nhất trí tuyệt đối. Dây cáp thép và ván sẽ được mua và vận chuyển từ Skardu hoặc Gilgit, tốn hàng nghìn đôla. Công nhân lành nghề cần được trả lương cả nghìn nữa. Hàng nghìn đôla nữa mà Mortenson không có.

Mortenson nói với họ rằng anh đã chi phần lớn số tiền của mình vào trường học và anh phải trở lại Mỹ để cố quyền góp thêm tiền cho cây cầu. Anh hi vọng những người đàn ông Korphe hành động đoàn kết như anh nghĩ. Nhưng chờ đợi là một phần trong bản chất của họ cũng như việc thở không khí loãng ở độ cao ba nghìn mét. Họ đã chờ nửa năm, trong những căn phòng ngột ngạt khói từ những đám lửa phân bò, đợi thời tiết hòa thuận hơn để họ có thể ra ngoài trời trở lại. Một thợ săn Balti sẽ chỉ theo dấu một con dê núi trong nhiều ngày, di chuyển từ giờ này sang giờ khác để đến đủ gần, và bắn một phát bằng viên đạn đắt tiền duy nhất mà họ cho phép mình bỏ tiền mua. Một chú rể người Balti phải đợi hôn lễ của mình nhiều năm, cho đến khi người con gái mười hai tuổi mà cha mẹ đã chọn cho mình đủ lớn để rời gia đình. Người dân Braldu đã được chính quyền Pakistan xa xôi hứa hẹn về những ngôi trường trong nhiều thập niên, và họ vẫn đợi. Kiên nhẫn là kỹ năng lớn nhất của họ.

“Thanyouvermuch.” Haji Ali cố nói bằng tiếng Anh vì Mortenson. Được cảm ơn vì làm hỏng việc một cách tồi tệ dường như là quá sức chịu đựng của Mortenson. Anh ghi chặt ông cụ vào ngực mình, hít thở hỗn hợp mùi khói củi và len ướt. Haji Ali cười tươi và gọi Sakina, đang nấu nướng, rót thêm cho vị khách một tách trà bơ mà cứ mỗi lần thưởng thức, Mortenson lại thích hơn.

Mortenson yêu cầu Changazi quay về Skardu một mình và thỏa mãn khi thấy biểu hiện bị sốc thoáng qua trên khuôn mặt ông ta trước khi ông ta nhanh chóng kiểm chế lại. Mortenson sẽ tìm hiểu mọi điều mình cần biết về việc xây dựng cây cầu trước khi trở về nhà.

Cùng với Haji Ali, anh đi xuôi dòng sông bằng xe jeep để nghiên cứu những cây cầu của thung lũng hạ Braldu. Trở lại Korphe, Mortenson phác họa trong sổ tay kiểu cầu mà dân làng yêu cầu anh xây dựng. Và anh gặp các bô lão Korphe để bàn về mảnh đất mà anh có thể xây dựng ngôi trường, khi, *Inshallah*, anh trở lại từ nước Mỹ.

Khi gió thổi xuống Baltoro mang theo những tinh thể tuyết phủ trắng Korphe, báo hiệu sự bắt đầu của những tháng dài ở trong nhà, Mortenson bắt đầu nói lời tạm biệt. Đến giữa tháng mười hai, hơn hai tháng sau khi

đến đây cùng Changazi, anh không thể tránh né việc ra đi lâu hơn nữa. Sau khi thăm viếng một nửa số gia đình ở Korphe để uống chén trà tiễn biệt, Mortenson xuôi xuống bờ nam sông Braldu trong chiếc xe jeep quá tải chở theo mười một người đàn ông làng Korphe khăng khăng đòi tiễn anh ở Skardu. Họ ngồi chen chúc, chật đến nỗi mỗi khi chiếc xe rung lắc trên một chướng ngại vật, tất cả những người đàn ông đều lắc lư dựa vào nhau để vừa giữ thăng bằng vừa giữ ấm.

Trở về nhà sau một ca làm việc ở bệnh viện, về căn phòng trống trải trong căn hộ ám khói của Dudzinski, trong bóng tối âm u giữa đêm và ngày, khi thế giới dường như không có người ở, Mortenson cảm thấy mệt mỏi bởi sự cô độc. Anh dường như cách xa không thể cứu vãn với sự thân thiết của cuộc sống làng mạc ở Korphe. Và việc gọi điện cho Jean Hoerni, có vẻ như quá đáng sợ để anh xem xét một cách nghiêm túc.

Cả mùa đông đó, Mortenson luyện tập ở bức tường của câu lạc bộ leo núi City Rock, trong một khu nhà kho giữa Berkeley và Oakland. Việc đi lại khó khăn hơn so với khi anh có chiếc La Bamba, nhưng anh đã đi xe buýt đến đó để có thêm bạn bè cũng là để tập thể dục. Khi đang chuẩn bị cho K2 và tự giữ vóc dáng cho mình, anh đã là một người hùng đối với các thành viên của City Rock. Nhưng giờ đây, mỗi khi anh mở miệng thì những câu chuyện đều là về những thất bại: một đỉnh cao chưa đến được, một phụ nữ đã mất, một cây cầu và một ngôi trường chưa được xây dựng.

Một đêm, sau ca làm việc muộn, Mortenson bị cướp trên đường về nhà bởi bốn cậu choai không quá mười bốn tuổi. Trong khi một đứa run rẩy chĩa súng vào ngực Mortenson, những đứa còn lại lột sạch mọi túi quần túi áo của Mortenson. “Mẹ kiếp. Thằng chó này chỉ có hai đôla.” thằng bé nói, nhét tiền vào túi và đưa trả cho Mortenson chiếc ví rỗng. “Sao chúng ta lại gặp phải gã da trắng bần cùng nhất Berkeley này chứ?”

Bần cùng. Khán kiệt. Bần cùng. Đến mùa xuân, Mortenson chìm trong nỗi trầm cảm của mình. Anh hồi tưởng những gương mặt hi vọng của người dân làng Korphe khi họ tiễn anh lên xe buýt đi Islamabad, chắc chắn, *Inshallah*, rằng anh sẽ sớm quay trở lại cùng với tiền. Sao họ lại có thể tin tưởng vào anh nhiều như vậy trong khi anh lại quá ít niềm tin vào bản thân?

Vào một chiều muộn tháng năm, Mortenson đang nằm trong túi ngủ, suy nghĩ rằng mình rất cần giặt áo quần, và cân nhắc xem có nên tốn tiền để đi đến tiệm giặt ủi tự động hay không thì điện thoại đổ chuông. Đó là bác sĩ

Louis Reichardt. Vào năm 1978, Reichardt và người bạn leo núi của mình là Jim Wickwire đã là những người Mỹ đầu tiên lên đến đỉnh K2. Mortenson đã gọi điện cho ông trước khi bắt đầu chuyến leo núi K2 để xin lời khuyên, và kể từ đó họ đã trò chuyện với nhau, không thường xuyên nhưng nhiệt thành. “Jean cho tôi biết về những gì anh đang định làm cho ngôi trường của mình.” Reichardt nói. “Nó đến đâu rồi?”

Mortenson kể cho ông nghe mọi chuyện, từ bức thư cho đến việc đình trệ vì cây cầu. Anh cũng kể cho người đàn ông đáng tuổi cha mình về những phiền muộn của anh, từ việc đánh mất người phụ nữ của mình, mất việc, cho đến điều mà anh sợ nhất - lạc mất con đường của mình.

“Hãy bình tĩnh, Greg. Dĩ nhiên anh có thể va vấp.” Reichardt nói. “Nhưng những gì anh đang cố làm còn khó hơn nhiều so với việc leo lên ngọn K2.”

“Những lời nói đó từ Louis Reichardt có ý nghĩa rất lớn đối với tôi.” Mortenson nói. “Ông là một trong những người hùng của tôi.” Những gian khổ mà Reichardt và Wickwire đã ném trái để lên đến đỉnh là huyền thoại trong giới leo núi. Đầu tiên, Wickwire đã thử lên đỉnh vào năm 1975. Và nhiếp ảnh gia Galen Rowell, một thành viên trong đoàn, đã viết một cuốn sách về công việc vất vả của nhóm, ghi lại một trong những thất bại cay đắng nhất trong lịch sử leo núi cao.

Ba năm sau, Reichardt và Wickwire quay trở lại và đã lên đến được nơi cách đỉnh trong vòng chín trăm mét trên sườn núi đáng sợ phía tây, ở đó họ đã phải quay trở lại vì một vụ tuyết lở. Thay vì rút lui, họ đã băng ngang K2 ở độ cao 7.620 mét để đến lộ trình truyền thống mà phần lớn các nhà leo núi đã thử, đỉnh Abruzzi, và họ đã lên đến đỉnh một cách xuất sắc. Reichardt, gần cạn oxy, đã khôn ngoan vội quay xuống núi. Nhưng Wickwire ở lại trên đỉnh, định lau chùi ống kính máy hình để chụp những tấm hình và thưởng thức thành tích đạt được mục tiêu của cả đời mình. Tính toán sai lầm này suýt phải trả giá bằng sinh mạng của ông.

Không có đèn đeo trán, ông không thể thực hiện việc xuống núi kỹ thuật trong bóng tối và đã buộc phải chịu đựng một đêm ngoài trời ở độ cao cao nhất từng được ghi nhận. Oxy của ông cạn kiệt và ông đã mắc phải chứng công giá⁽¹⁴⁾, bị viêm phổi, viêm màng phổi trầm trọng và một đám cục nghẽn có khả năng gây chết người ở trong phổi. Reichardt và những người còn lại trong đội đã đấu tranh để giữ cho ông sống bằng sự chăm sóc

y tế liên tục cho đến khi ông được máy bay trực thăng đưa đến bệnh viện, rồi trở về nhà ở Seattle, ở đó ông trải qua ca phẫu thuật lớn để loại bỏ những cục nghẽn trong phổi.

Louis Reichardt biết một điều gì đó với việc trải qua đau khổ và đạt được những mục tiêu lớn. Sự công nhận của ông đối với sự gian khổ trên con đường mà Mortenson đang đi đã làm cho anh thấy mình không thất bại. Anh chỉ chưa hoàn thành cuộc leo núi của mình. Đúng như vậy.

“Hãy gọi cho Jean và kể cho ông ta về mọi chuyện mà anh đã kể với tôi.” Reichardt nói. “Hãy đề nghị ông ta chi tiền cho cây cầu. Hãy tin tôi, ông ta có thể tài trợ.”

Lần đầu tiên kể từ khi trở về, Mortenson cảm thấy giống như chính mình trước đây. Anh gác điện thoại và kéo dây kéo mở chiếc túi mà anh dùng như cuốn sổ điện thoại của mình cho đến khi tìm thấy một mảnh giấy có ghi tên và số điện thoại của Hoerni. “Đừng quýnh,” tờ giấy nhắc anh. Ừ, có thể mình đã quýnh lên, mà cũng có thể là không. Điều đó phụ thuộc vào người bạn sẽ nói chuyện. Nhưng dù sao những ngón tay của anh cũng đang quay số. Và rồi điện thoại đổ chuông.

CHƯƠNG 10

Xây cầu

□

Trong mênh mông của những dãy núi này, ở giới hạn của hiện hữu, nơi con người có thể đến viếng nhưng không thể ở lại, sự sống có một tầm quan trọng mới... nhưng những ngọn núi không hào hiệp; ta quên đi sự dữ dằn của chúng. Một cách dửng dưng, chúng quát người nào mạo hiểm giữa chúng bằng tuyết, đá, gió và cái lạnh.

- George Schaller, *Stones of Silence*

□ □

Giọng người đàn ông ở đầu dây bên kia nghe như được phát ra từ nửa vòng trái đất, mặc dù Mortenson biết là ông ta không ở cách xa hơn hai trăm kilômét. “Hãy nói lại?” giọng nói vang lên.

Salaam Alaikum, Mortenson hét vào ống nghe. “Tôi muốn mua năm cuộn cáp thép một trăm hai mươi mét, loại bện ba sợi. Ông có loại đó không?”

“Chắc chắn rồi.” ông ta trả lời, và đột nhiên đường dây nghe rõ. “Năm vạn rupi một cuộn cáp. Giá đó có chấp nhận được không?”

“Tôi có còn chọn lựa nào không?”

“Không.” nhà cung cấp cười. “Tôi là người duy nhất ở các thành phố phía bắc này có nhiều cáp như vậy. Tôi có thể biết tên ông không?”

“Mortenson, Greg Mortenson.”

“Ông đang gọi cho tôi từ đâu, thưa ông Greg? Có phải ông cũng đang ở Gilgit?”

“Tôi ở Skardu.”

“Tôi có thể biết vì sao ông cần nhiều cáp như vậy hay không?”

“Làng của các bạn tôi ở thung lũng thượng Braldu không có cầu. Tôi sẽ giúp họ xây dựng một cây cầu.”

“À, ông là người Mỹ, phải vậy không?”

“Đúng, thưa ông.”

“Tôi đã nghe nói về cây cầu của ông. Các đường phụ đến ngôi làng của ông, xe Jeep có thể đi không?”

“Nếu trời không chuyển mưa, ông có thể giao cáp được chứ?”

“*Inshallah.*”

Thánh Allah phù hộ. Không phải là “không”. Đó là câu trả lời tuyệt vời nhất mà Mortenson được nghe sau một chục cuộc gọi không thành công, và là phương thức thực tế duy nhất để trả lời cho bất cứ câu hỏi nào liên quan đến việc vận chuyển ở những vùng phía bắc. Anh đã có cáp của mình, thứ sau cùng và khó nhất mà anh cần để bắt đầu xây cầu. Chỉ mới đầu tháng 6 năm 1995, và nếu không có bất cứ trở ngại nào không khắc phục được, cây cầu sẽ hoàn thành trước mùa đông, và công việc xây trường có thể bắt đầu vào mùa xuân tiếp theo.

Đáp lại mọi lo ngại của Mortenson khi gọi điện cho ông, Jean Hoerni đã từ tế đến kinh ngạc khi viết cho anh tám ngàn phiếu về một khoản tiền bổ sung mười nghìn đôla. “Anh biết đấy, mấy người vợ cũ của tôi có thể tiêu nhiều hơn số tiền đó chỉ trong một ngày cuối tuần.” ông nói. Tuy nhiên ông đã yêu cầu Mortenson một lời hứa. “Hãy xây ngôi trường nhanh nhất trong khả năng của anh. Và khi hoàn thành, hãy mang cho tôi một tấm hình chụp nó.” Hoerni yêu cầu, “Tôi không còn trẻ nữa.” Mortenson dĩ nhiên hạnh phúc cam đoan với ông rằng anh sẽ làm như vậy.

“Người đàn ông này có cấp chứ?” Changazi hỏi.

“Ông ta có.”

“Vậy giá cả thế nào?”

“Cũng như giá anh nói, tám trăm đôla một cuộn.”

“Ông ta sẽ giao cáp trên đó chứ?”

“*Inshallah*,” Mortenson nói, đặt lại điện thoại của Changazi lên bàn trong văn phòng của ông ta. Sung túc với số tiền của Hoerni và quay trở lại con đường của mình, Mortenson vui vì lại có Changazi bầu bạn. Cái giá mà anh phải trả bằng tiền rupi do bị Changazi hót bớt trong mọi giao dịch bù lại mạng lưới quan hệ rộng rãi của người đàn ông này. Ông ta từng làm cảnh sát và dường như quen biết mọi người trong thị trấn. Và sau khi Changazi viết biên nhận cho tất cả những vật liệu xây dựng mà ông ta giữ cho ngôi trường của Mortenson, thì dường như không có lí do gì để không tận dụng những kĩ năng của Changazi.

Trong một tuần ngủ ở *charpoy* trong văn phòng của Changazi, dưới tấm bản đồ thế giới treo tường đã cũ khiến anh thích thú nhớ lại quá khứ khi nhận ra anh vẫn xem Tanzania là Tanganyika, anh được khuấy khỏa bởi những chuyện kể tình nghịch của Changazi. Thời tiết tốt một cách lạ thường trong cả mùa hè và công việc trôi chảy. Changazi đã giúp trang bị cho nhiều đoàn thám hiểm, một nỗ lực của người Đức và người Nhật lên K2, một

nhóm người Ý cố theo con đường lên núi thứ hai của Gasherbrum IV. Kết quả là Changazi có những thanh protein mang nhãn hiệu Đức nhét ở mọi góc ngách trong văn phòng, như nguồn dự trữ quả hạch cho mùa đông của một con sóc. Và sau chiếc bàn của ông ta là thùng nước uống thể thao Nhật, gọi là Pokhari Sweat, đặt trên nửa chục hộp bánh biscotti.

Nhưng món ngon nước ngoài mà Changazi thích thưởng thức nhất có những cái tên như Hildegund và Isabella. Bất chấp thực tế là người đàn ông này đã có một vợ và năm con yên ổn tại ngôi nhà ở Pindi xa xôi và người vợ hai giầu riêng ở căn nhà thuê gần khu văn phòng sĩ quan cảnh sát ở Skardu, ông ta vẫn dành phần lớn thời gian trong mùa du lịch để đến ăn ngon lành các bữa ăn của những du khách và nhà leo núi nữ đang đến Skardu ngày càng nhiều.

Changazi đã kể cho Mortenson nghe cách mình thu xếp giữa chuyện yêu đương nhãng nhít và sự sùng tín đạo Hồi của mình. Đến giáo đường ngay sau khi có một Inge hay Aiko nào khác lọt vào tầm ngắm, Changazi đã thuyết phục vị giáo sĩ của mình cho phép có một *muthaa*, nghĩa là hôn nhân tạm thời. Phong tục này vẫn còn phổ biến ở nhiều vùng người Shiite ở Pakistan, dành cho những người đàn ông phải đối mặt với những khoảng thời gian không có sự an ủi của vợ lúc đang chiến đấu nơi xa, hay đang trong những chuyến đi dài. Nhưng Changazi được cho phép có khá nhiều *muthaa* kể từ khi mùa leo núi bắt đầu vào tháng năm. Trong cái nhìn của Thánh Allah, tốt hơn là công nhận sự kết hợp, dù chỉ ngắn hạn, thay vì chỉ là quan hệ tình dục, Changazi vui vẻ giải thích cho Mortenson.

Mortenson hỏi liệu những phụ nữ Balti có chồng ở xa có được cho phép *muthaa* hay không.

“Không, dĩ nhiên là không.” Changazi nói, lắc lư cái đầu với câu hỏi ngây thơ của Mortenson, trước khi mời anh một cái bánh biscotti để nhúng vào trà.

Giờ đây, dây cáp được đặt hàng đang trên đường đến. Mortenson đã giữ trước một chỗ trên chuyến xe jeep đến Askole. Suốt đường lên thung lũng Shigar, họ đi dưới những vườn táo và mơ đang chín như đi dưới một đường hầm. Không khí trong trẻo đến mức những dãy núi thấp lờm chờm màu gỉ sắt và màu đất son cao gần năm nghìn năm trăm mét vùng Karakoram có vẻ như đủ gần để có thể chạm vào. Và con đường dường như

có thể qua lại được như một con đường đất lát đá được đục ra từ mép của một vách đá.

Nhưng khi họ rẽ lên thung lũng Braldu, những đám mây thấp di chuyển nhanh từ phía nam đuổi theo và vượt qua xe họ. Đó chỉ có thể là gió mùa, thổi đến từ Ấn Độ. Và vào lúc họ đến Askole, mọi người trên chiếc xe jeep không cửa kính đó đều ướt và vấy bẩn những vết bùn xám.

Mortenson trèo xuống ở điểm dừng cuối cùng, trước làng Askole, bên dưới cơn mưa dày đặc làm nhô lên những vết hằn trên con đường bùn lầy. Korphe vẫn còn cách xa nhiều giờ đi bộ, và không thể thuyết phục tài xế tiếp tục đi trong bóng tối, do đó Mortenson miễn cưỡng ở lại qua đêm, nằm ườn ra trên những bao gạo của một cửa tiệm quen biết với *nurmadhar* của Askole, Haji Mehdi, gạt những con chuột cổ leo lên từ sàn nhà ngập nước.

Buổi sáng, trời vẫn còn mưa theo kiểu đại hồng thủy và tài xế xe jeep đã hợp đồng để chở hàng hóa về lại Skardu. Mortenson bắt đầu đi bộ, anh vẫn cố đến gần Askole. Giống như con đường cho tất cả các đoàn thám hiểm hướng về đông bắc, lên Baltoro, con đường này đã bị hư hỏng bởi sự tiếp xúc lặp đi lặp lại những gì tồi tệ nhất của những người leo núi phương Tây cần thuê mướn phu khuân vác hay mua một vài sản phẩm mà họ đã quên, và những người cơ hội hi vọng kiếm chác từ họ. Như ở nhiều nơi tận cùng khác, những thương nhân Askole thường thổi phồng giá cả và từ chối việc trả giá một cách tàn nhẫn.

Lội qua một lối đi có dòng nước chảy sâu hơn nửa mét, giữa những căn chòi làm từ đá và bùn, Mortenson thấy vạt áo của mình bị kéo lại phía sau. Anh quay lại và thấy một bé trai, đầu của nó đầy chấy, bàn tay đưa ra hướng về phía *Angrezi*. Nó không biết tiếng Anh để xin tiền hay một cây viết, nhưng ý nghĩa của nó thì không gì có thể rõ ràng hơn. Mortenson lấy ra một quả táo và đưa cho thằng bé; nó ném xuống rãnh nước.

Đi qua một cánh đồng phía bắc Askole, Mortenson phải lấy vạt áo bịt mũi vì mùi hôi. Cánh đồng, một địa điểm cắm trại đã từng được một chục đoàn thám hiểm sử dụng trên đường lên Baltoro, bị ô nhiễm bởi hàng trăm đồng chất thải của con người.

Quyển sách anh mới đọc, *Ancient Futures*, của Helena Norberg-Hodge, luẩn quẩn trong tâm trí anh. Norberg-Hodge đã dành mười bảy năm sống ngay ở phía nam của những ngọn núi này, ở Ladakh, một vùng rất giống Baltistan, nhưng bị cắt khỏi Pakistan bởi những đường biên giới độc đoán ngang qua Himalaya của các chính quyền thời thuộc địa. Sau gần hai thập

niên nghiên cứu văn hóa Ladakh, Norberg-Hodge đã buộc phải tin rằng việc bảo toàn lối sống truyền thống ở nơi đây - những đại gia đình sống hài hòa với đất đai - sẽ mang lại nhiều hạnh phúc hơn là “cải tiến” tiêu chuẩn sống của người Ladakh bằng sự phát triển không kiểm soát.

“Tôi đã từng cho rằng hướng của “tiến bộ” là không thể tránh được, không thể bàn cãi.” bà viết. “Tôi đã chấp nhận một cách thờ ơ việc một con đường mới xuyên qua công viên, một ngân hàng bằng kính và thép ở nơi từng là ngôi nhà thờ 200 năm tuổi... và thực tế cho thấy cuộc sống dường như vất vả hơn và nhanh hơn từng ngày. Tôi đã không làm gì nữa. Ở Ladakh tôi đã học được rằng có nhiều hơn một con đường để đến tương lai và tôi đã có may mắn chứng kiến một cách sống khác, lành mạnh hơn - một mô hình tồn tại dựa trên sự đồng tiến hóa giữa con người và trái đất.”

Norberg-Hodge tiếp tục lập luận rằng không chỉ những công nhân của các nước phương Tây phát triển phải không áp đặt một cách mù quáng “những cải thiện” lên những nền văn hóa cổ xưa, mà cả những quốc gia công nghiệp hóa đã có những bài học từ những người dân như người Ladakh về việc xây dựng những xã hội bền vững. “Tôi đã nhận ra rằng,” bà viết “cộng đồng và mối quan hệ gần gũi với đất có thể làm giàu cho cuộc sống con người hơn hẳn mọi so sánh với của cải vật chất hay kỹ thuật tinh vi.”

Khi bước đi trên con đường trơn trượt vì mưa dẫn vào Korphe, nương theo dòng Braldu đang cuộn chảy phía bên phải, Mortenson hình dung ra tác động của cây cầu đối với ngôi làng bị cô lập. “Người dân ở Korphe có một cuộc sống khó khăn, nhưng họ vẫn sống với sự thuần khiết đáng quý.” Mortenson nói. “Tôi biết cây cầu sẽ giúp họ đến bệnh viện trong vòng một vài giờ thay vì mất một vài ngày, và nó cũng giúp việc mua bán vụ mùa của họ được dễ dàng hơn. Nhưng tôi không thể ngừng lo lắng về những gì mà thế giới bên ngoài, vượt qua cây cầu đến đây, sẽ làm với Korphe.”

Những người đàn ông Korphe gặp Mortenson ở bờ sông và đưa anh qua bờ bên kia trong chiếc giỏ treo lưng lửng. Ở cả hai bên bờ sông, nơi hai tháp cầu sẽ dựng lên, hàng trăm phiến đá hoa cương đẽo thô xếp chồng lên nhau, chờ công việc xây dựng. Thay vì kéo đá qua sông và phụ thuộc vào sự thất thường của việc vận chuyển trên những con đường mòn, Haji Ali, sau cùng đã thuyết phục được Mortenson sử dụng đá đục ở những sườn đồi chỉ cách hai bờ sông vài trăm mét. Korphe nghèo về mọi thứ vật liệu, nhưng có nguồn đá vô tận.

Ngược lên ngôi làng đắm chìm trong nước mưa, Mortenson dẫn đầu đoàn người về nhà Haji Ali để dự buổi họp về cách xây dựng cây cầu. Một con bò đen lông dài đứng chắn ngang đường đi của họ giữa hai căn nhà, trong khi Tahira, đưa con gái mười tuổi của Hussein, người đàn ông có học nhất ở Korphe, kéo nó bằng sợi dây cương gắn vào mũi của con vật và cố lôi nó ra khỏi đường. Con bò có ý khác. Nó nhàn rỗi bài tiết ra một đồng lớn bốc hơi trong bùn, rồi bước về phía nhà Tahira. Tahira vung chiếc khăn trùm đầu màu trắng của mình xua đuổi và cúi người nhặt ngay những bánh phân bò. Cô bé đập chúng vào vách đá của căn nhà gần nhất, dưới mái hiên, trước khi thứ chất đót quý giá bị rửa trôi bởi mưa.

Ở nhà Haji Ali, Sakina nắm tay Mortenson chào đón, và anh nhận ra đó là lần đầu tiên một phụ nữ Balti chạm vào anh. Bà cười toe toét, như thể vì đã dám làm cho anh ngạc nhiên. Để đáp lại, anh bước qua ngưỡng cửa, rồi đi vào “bếp” của bà, chỉ là một bếp lửa trên những hòn đá, vài cái kệ và một tấm ván dài cong oằn trên nền đất nện để làm thớt. Mortenson cúi xuống đồng củi mồi và chào hỏi đứa cháu gái Jahan của Sakina; cô bé cười bẽn lễn, nhét chiếc khăn trùm đầu màu rượu chát của mình vào giữa hai hàm răng và núp đằng sau đó.

Sakina, cười khúc khích, cố xua Mortenson ra khỏi bếp của mình. Nhưng anh bốc một nắm *tamburok*, loại trà núi màu xanh có vị thảo dược, từ chiếc bình đồng thau mờ xỉn và rót đầy ấm trà đen xỉn bằng cái thùng nhựa bốn mươi lít nước sông. Mortenson cho thêm vài nhúm củi mồi vào bếp lửa đang cháy âm ỉ và đun sôi trà.

Anh tự rót nước trà xanh chát cho hội nghị bô lão làng Korphe, rồi lấy một chén và ngồi xuống chiếc gổ giữa Haji Ali và lò sưởi, nơi mà ngọn lửa phân bò làm cho căn phòng đầy khói cay mắt.

“Bà nội em rất bất ngờ khi bác sĩ Greg đi vào bếp.” Jahan nói. “Nhưng bà thực sự đã coi ông ấy như con mình, thế nên bà chấp nhận việc ấy. Không lâu sau, bà đổi ý và bắt đầu gheo ông nội em rằng bà có thể học để có thể hữu ích hơn như đứa con trai người Mỹ của bà.”

Khi quan sát những lợi ích của Korphe, dù như thế nào, Haji Ali cũng hiếm khi nói lòng sự cảnh giác của mình. “Tôi luôn luôn ngạc nhiên vì sao, không có điện, điện thoại, hay vô tuyến mà Haji Ali nắm bắt được thông tin về mọi chuyện xảy ra trong thung lũng Braldu và xa hơn nữa.” Mortenson nói. Hai chiếc xe jeep chở dây cáp cho cây cầu đã vào gần Korphe trong vòng mười tám dặm, Haji Ali nói với mọi người, trước khi một vụ trượt đá

làm tắc nghẽn con đường. Vì con đường có thể bị nghẽn trong nhiều tuần, và thiết bị dọn đất hạng nặng sẽ khó lòng được đưa đi từ Skardu trong thời tiết xấu, Haji Ali đề nghị mọi người đàn ông có sức khỏe trong làng nhiệt tình tham gia vận chuyển cáp đến Korphe để họ có thể bắt đầu ngay công việc xây cầu.

Sự hân hoan giữa những người đàn ông tham gia vào một nhiệm vụ mệt nhọc như vậy làm cho Mortenson thấy ngạc nhiên; ba mươi lăm người, từ thanh thiếu niên cho đến Haji Ali và những người đồng niên râu bạc của ông, đi bộ cả ngày hôm sau trong mưa, bốc dỡ và trải qua mười hai giờ nữa để mang cáp về Korphe. Mỗi cuộn cáp cân nặng ba trăm sáu mươi kí và phải mất mười người đàn ông cho một lần khiêng những cọc gỗ dài mà họ xỏ qua giữa những cuộn cáp.

Cao hơn hết thấy những người đàn ông Korphe ba tấc, Mortenson có gánh phần của mình, nhưng anh khiến đòn gánh dốc xuống nên chỉ có thể nhìn những người khác làm việc. Không ai nề hà. Phần lớn họ đã phục vụ như những phu khuân vác cho các đoàn thám hiểm phương Tây, mang vác hàng hóa cũng nặng tương đương ngược lên Baltoro.

Những người đàn ông vui vẻ hành quân, nhai *naswar*, thứ thuốc lá nặng mà Haji Ali phân phát từ nguồn cung cấp dường như vô tận trong những túi áo khoác của ông. Làm việc vất vả để cải thiện cuộc sống trong ngôi làng của họ thay vì theo đuổi những mục tiêu mơ hồ của những người leo núi nước ngoài là một niềm vui, Twaha nói với Mortenson, cười toe toét dưới cái đòn gánh bên cạnh cha mình.

Ở Korphe, những người đàn ông đã đào những móng sâu ở hai bờ sông bùn lầy. Nhưng gió mùa kéo dài và bê tông không thể đông cứng trong thời tiết ẩm ướt. Twaha và một nhóm thanh niên trẻ đề nghị đi săn dê núi một chuyến trong khi mưa còn kéo dài và mời Mortenson đi cùng.

Chỉ với đôi giày chạy bộ, áo mưa, bộ *shalwar kamiz* và một chiếc áo khoác sợi acrylic Trung Quốc rẻ tiền mua ở chợ Skardu, Mortenson cảm thấy mình không được chuẩn bị đầy đủ cho một chuyến leo núi ở độ cao. Nhưng không ai trong số sáu người khác được trang bị tốt hơn. Twaha, con trai của *nurmadhar*, mang đôi giày da màu nâu cứng cáp mà một người leo núi qua đường đã cho anh. Chân của hai người đàn ông được quấn kín trong những sợi da sống, còn những người khác mang sandal nhựa.

Họ đi ra khỏi Korphe về phía bắc trong cơn mưa đều đều, qua những cánh đồng kiều mạch đang chín bám trên từng bề mặt nơi có nước tưới.

Những hạt lúa đã lớn hết cỡ trông như những hạt ngô nhỏ. Dưới những cơn mưa nặng hạt, hạt lúa phồng lên ở đầu cuống rạ đong đưa. Twaha hãnh diện mang theo cây súng duy nhất của cả nhóm trên vai, một cây súng hỏa mai Anh từ đầu thời thuộc địa. Và Mortenson thấy khó mà tin rằng họ hi vọng mang về một con dê núi với thứ vũ khí trong viện bảo tàng đó.

Mortenson nhận ra cây cầu mà anh đã lạc lối trên đường trở về từ K2, một cây cầu treo vông xuống bằng dây thừng lông bò Tây Tạng, bắc ngang giữa những tảng đá khổng lồ trên hai bờ Braldu. Anh vui vì nhìn thấy cảnh đó. Nó dẫn đến Askole và men theo nơi mà anh sắp xem như quê hương thứ hai của mình. Cũng giống như nhìn vào một con đường ít đáng chú ý mà cuộc đời anh có thể đã đi theo nếu anh không rẽ ngoặt vào con đường mòn dẫn đến Korphe.

Khi họ leo lên vách núi hai bên của hẻm núi ngán dần lại, mưa và cả bọt nước từ sông Braldu làm họ ướt hết cả. Con đường mòn dính vào mặt dốc nghiêng cao đến chóng mặt. Nhiều thế hệ người Balti đã gia cố nó để chống lại sự cuốn trôi bằng cách chèn những tảng đá phẳng vào với nhau tạo thành một bề mặt mỏng manh. Những người đàn ông Korphe, chỉ mang vác vật nhẹ trong những chiếc giỏ đan, đi bộ dọc theo mép đá cao hơn nửa mét vũng vàng như đang đi qua những cánh đồng bằng phẳng. Mortenson đặt từng bước chân một cách thận trọng, tựa vào vách hẻm núi. Anh dò bước bằng những đầu ngón chân. Anh cũng ý thức rõ về việc rơi xuống Braldu từ độ cao sáu mươi mét.

Ở đây, dòng sông cũng đáng sợ như những đỉnh băng đẹp sinh ra nó. Lượn qua một hầm mộ những tảng đá điêu khắc màu đen và nâu, xuống những hốc lõm ướt át nơi ánh nắng hiếm khi chiếu đến, dòng Braldu bùn nâu trông như một con rắn lăn lộn. Khó mà tin rằng dòng thác dữ dần này là nguồn sống cho những hạt lúa mạch vàng óng và tất cả hoa màu ở Korphe.

Ở thượng nguồn sông băng Biafo, mưa đã tạnh. Một luồng sét xuyên qua mây che phủ và làm lộ rõ Bakhor Das, một đỉnh núi phía đông, trong một tia sáng bùng lên màu vàng chanh. Những người đàn ông này gọi đỉnh tháp cao 8.839 mét là Korphe K2 vì hình dạng của nó giống như ngọn núi lớn anh em trên Baltoro, và nó hiện ra sừng sững trên những căn nhà của họ như một vị thần bảo vệ. Trong những thung lũng như Thượng Braldu, Hồi giáo chưa bao giờ chiến thắng hoàn toàn những tín ngưỡng vật linh cổ xưa hơn. Và người Korphe cho rằng hình ảnh này của ngọn núi như một điềm lành cho việc săn bắn. Dẫn đầu bởi Twaha, theo sau là những người đàn

ông, cùng ngâm nga một bài ca xoa dịu những vị thần của Karakoram, hứa rằng họ sẽ chỉ bắt một con dê núi.

Để tìm dê núi, họ phải leo lên cao. Nhà động vật học George Schaller đã theo đuổi dê núi và những động vật cùng họ với chúng trên khắp vùng Himalaya. Chuyến leo núi vào năm 1973 cùng với Schaller khắp miền tây Nepal để nghiên cứu bharal, hay còn gọi là cừu xanh đã trở thành nền tảng cho kiệt tác chân thật của Peter Matthiessen, *The Snow Leopard*. Matthiessen nghi thức hóa bản miêu tả chuyến đi dài qua những ngọn núi cao của họ với ý nghĩa của một chuyến hành hương.

Những ngọn núi lớn nhất thế giới yêu cầu nhiều hơn là sự tán thưởng vật chất đơn thuần. Trong quyển sách của chính mình, *Stones of Silence*, Schaller thú nhận chuyến leo núi qua Karakoram, mà ông gọi là “dãy núi lờm chờm nhất thế giới” đối với ông là những hành trình tâm linh cũng như những chuyến thám hiểm khoa học. “Sự vất vả và thất vọng đánh dấu cho những chuyến đi này.” Schaller viết, nhưng “Những ngọn núi trở thành một khát khao. Tôi muốn có Karakoram nhiều hơn nữa.”

Schaller đã leo lên cùng một hẻm núi hai thập niên trước thu thập dữ liệu về dê núi, cừu Marco Polo và những địa điểm cắm trại cho hương đạo sinh mà ông đã hi vọng chính phủ Pakistan có thể bảo tồn như là vườn quốc gia Karakoram. Nhưng trong những ngày dài còng lưng vào việc đánh dấu phạm vi của mình, Schaller tự thấy rằng mình chỉ biết ngưỡng mộ sự kì diệu mà loài dê núi đã thích nghi với những môi trường khắc nghiệt nhất.

Dê rừng núi Anpơ là loài dê có cơ bắp phát triển, dễ dàng được nhận ra bởi cặp sừng dài dạng mã tấu mà người Balti đánh giá cao cũng như món thịt dê mà họ thưởng thức. Schaller phát hiện rằng loài dê này ăn cỏ ở nơi cao hơn bất cứ động vật nào khác ở Karakoram. Bàn chân chắc khỏe cho phép chúng nhảy qua những khe đá hẹp ở độ cao đến năm nghìn mét, cao hơn so với những loài ăn thịt chúng, là chó sói và báo tuyết. Ở giới hạn cuối cùng mà thực vật có thể tồn tại, chúng gặm những chồi cây và cỏ vùng núi cao, và phải kiếm ăn từ mười đến mười hai giờ mỗi ngày để duy trì trọng lượng.

Twaha dừng lại ở doi đất đóng băng đánh dấu mép tiến của sông băng Biafo và lấy ra một vật hình tròn trong túi chiếc áo khoác lông cừu màu rượu chát mà Mortenson đã tặng trong chuyến viếng thăm lần đầu đến Korphe. Đó là một *tomar*, có nghĩa là “biểu tượng của lòng can đảm”. Người Balti đeo *tomar* quanh cổ mỗi đứa trẻ sơ sinh để bảo vệ chúng khỏi

quý dữ mà họ cho là đã gây ra tỉ lệ tử vong ở trẻ em cao một cách đau đớn trong cộng đồng của họ. Và họ không nghĩ đến việc di chuyển trên một thứ gì nguy hiểm hơn là trên dòng sông băng chuyển động mà không có biện pháp đề phòng tương tự. Twaha buộc tám bùa bằng len màu hạt dẻ và đỏ son thêu dệt phức tạp vào dây kéo áo khoác của Mortenson. Mỗi người đàn ông đều gắn *tomar* của mình vào đúng chỗ rồi bước lên trên sông băng.

Đi cùng một nhóm thợ săn để kiếm ăn, thay vì như những người Tây phương nhắm đến các đỉnh núi với những động cơ phức tạp, Mortenson nhìn sự hoang dã của băng giá với một cái nhìn mới. Không có gì đáng ngạc nhiên khi những đỉnh núi lớn của Himalaya vẫn còn chưa được chinh phục mãi cho đến giữa thế kỉ hai mươi. Từ hàng nghìn năm, người dân sống gần nhất với những ngọn núi không bao giờ nghĩ đến việc cố thử làm một chuyện như vậy. Việc kiếm đủ thức ăn và hơi ấm để sống còn trên nóc nhà của thế giới đã lấy hết năng lực của họ.

Theo ý nghĩa đó, những người đàn ông Balti không khác với con dê rừng núi Anpơ mà họ theo đuổi.

Họ leo về phía tây, tìm ra một lối đi qua những tảng băng chuyển động và những vũng nước sâu nhuộm màu xanh nhiệt đới. Tiếng nước vang vọng từ những độ sâu của các khe vực và những tảng đá rơi xé tan sự tĩnh lặng khi mà sự ấm lên và lạnh đi không thay đổi của thời tiết làm các tảng đá rã ra. Gần phía bắc chỗ họ, một nơi bên trong bức tường mây trắng, là Ogre, vách đá thẳng đứng cao 7.285 mét chỉ được chinh phục vào năm 1977, bởi nhà leo núi người Anh Chris Bonington và Doug Scott. Nhưng Ogre đã phục thù họ trong chuyến xuống núi, và Scott buộc phải bò trở về trại căn cứ với hai chân gãy.

Sông băng Biafo bắt nguồn ở độ cao 5.060 mét ở hồ Snow trước khi hợp lưu với sông băng Hispar, đổ xuống thung lũng Hunza. Dọc theo bảy mươi sáu dặm từ đầu này đến đầu khác, nó tạo thành hệ sông băng kề nhau dài nhất bên ngoài hai cực của trái đất. Con đường xa lộ tự nhiên này cũng là con đường mà những nhóm thổ phỉ người Hunza trong lịch sử đã đi để đến cướp bóc thung lũng Braldu. Nhưng nhóm thợ săn cũng đi theo con đường ngang trên cao đó, chỉ khác là Twaha thỉnh thoảng lại kích động chỉ ra những dấu vết của báo tuyết và hai con chim kền kền ảm đạm lượn vòng một cách tò mò trong một luồng khí nóng cao bên trên những người thợ săn.

Bước đi nhiều giờ trên băng lởm chởm trong đôi giày chạy bộ, bàn chân của Mortenson sớm bị lạnh cóng. Nhưng Hussein, cha của Tahira đã lấy cỏ khô từ balô của mình ra và chèn lót đôi giày Nike của Mortenson bằng những cọng cỏ khô gập lại. Khi đã được chèn như vậy, cái lạnh có thể chịu được. Mortenson cũng tự hỏi rằng không có lều hay túi ngủ, họ sẽ trải qua những đêm giá rét như thế nào. Nhưng người Balti đã đi săn ở Baltoro từ rất lâu trước khi người phương Tây bắt đầu đến đây với những trang thiết bị mới nhất.

Mỗi đêm, họ ngủ trong một dãy những hang động dọc theo băng tích bên, được người Balti biết rất rõ như một dãy những lỗ lấy nước quen thuộc đối với một đoàn lữ hành người Bedouin. Mỗi hang có trữ cây bụi khô, những miếng ngải cứu và bách xù để nhóm lửa. Dưới những chông đá nặng, những người đàn ông lấy ra gạo và đậu lăng mà họ đã để lại đó trong những chuyến đi trước. Và với những lát kurba hình sọ người, thứ bánh mì mà họ nướng trên những hòn đá nung trong lửa, họ đã có đầy đủ nhiên liệu cần thiết để tiếp tục chuyến đi săn.

Sau bốn ngày, họ phát hiện con dê núi đầu tiên. Đó là một bộ xương nằm trên tảng đá phẳng, bị rìa sạch như tuyết bởi bão và kèn kèn. Cao trên rìa đá bên trên những khúc xương, Twaha phát hiện ra một đàn dê núi mười sáu con đang gặm cỏ và kêu lớn *skiin! Skiin!*, là tên của chúng trong tiếng Balti. Những chiếc sừng lớn như chạm trổ của chúng in bóng trên bầu trời để thay đổi nhưng chúng ở quá xa để có thể săn bắn. Twaha đoán rằng một *rdo-rut*, một vụ tuyết lở, đã đưa con dê chết xuống, vì nó ở quá xa phía bên dưới khoảng đất gặm cỏ. Anh giật cái đầu bạc phéch cùng cặp sừng ra khỏi bộ xương và nhét vào balô của Mortenson, một món quà.

Sông băng Biafo khoan một rãnh qua những đỉnh núi sâu hơn rãnh khe núi Grand Canyon. Họ leo đến nơi Biafo gặp sườn núi dài Latok phía bắc, là sườn núi đã khước từ hơn một chục nỗ lực của các đoàn thám hiểm. Hai lần, họ lên đến phía dưới gió của đàn dê núi, nhưng lũ dê đã cảm nhận được họ bằng sự tinh ranh mà Mortenson không thể không thán phục, trước khi họ đến đủ gần để có thể cố bắn.

Ngay trước lúc hoàng hôn ngày thứ bảy, Twaha nhìn thấy một con dê đực lớn trên vĩa đất cao bên trên họ gần hai mươi mét. Anh ta dốc một lon thuốc súng vào nòng khẩu súng hỏa mai, cho thêm một viên đạn thép và hạ nó xuống. Mortenson và những người khác bò phía sau, ép mình vào đá một vách đá, mà họ hi vọng che giấu được họ. Twaha gập hai chân xuống

ngang nòng súng được tì chắc trên một tảng đá, và yên lặng kéo cò súng ra sau nhưng không đủ yên lặng. Con dê núi lao về phía họ. Họ ở đủ gần để nhìn thấy chòm râu dài dựng lên hốt hoảng. Mortenson thấy miệng Twaha chuyển động đọc một lời cầu nguyện khi anh bóp cò.

Tiếng nổ thật chói tai, và đem đến một cơn mưa đá cuội nẩy bật xuống từ trên cao. Một vệt thuốc súng dính trên khuôn mặt Twaha, đen như mặt người thợ mỏ. Mortenson tin chắc Twaha đã bắn hụt vì con dê vẫn đứng đó. Rồi hai chân trước của nó oằn xuống, và Mortenson thấy hơi khói bốc vào không khí lạnh từ vết thương ở cổ con vật. Con dê núi cố hết sức để đứng lên hai lần, lạng lã và nghiêng sang bên. Tất cả những người đàn ông Korphe đồng thanh la lên, “*Allah-u-Akbhar!*”

Việc xẻ thịt bắt đầu trong bóng tối. Rồi họ mang xác con dê vào một cái hang và đốt lửa lên. Hussein khéo léo sử dụng con dao cong dài bằng cẳng tay mình. Khuôn mặt thông minh râu rĩ của anh ta nhăn lại vì tập trung khi anh rọc lá gan và chia cho những người đàn ông. Mortenson thấy vui vì hơi nóng của thức ăn, nếu không phải vì thứ gì khác. Là người duy nhất trong số những cư dân Korphe, Hussein đã rời Braldu và được học đến lớp mười hai ở đồng bằng Lahore xa xôi. Cúi người trên xác dê trong cái hang này, cánh tay dính đầy máu, đối với Mortenson, Hussein có vẻ như hoàn toàn khác với những ngày đi học ở những đồng bằng oi ả của Punjab. Mortenson nhận ra rằng anh ta sẽ là người thầy tuyệt vời cho trường Korphe. Anh ta có thể là cầu nối giữa hai thế giới.

□

Lúc toán đi sẵn về đến Korphe, gió mùa đã ngớt, thời tiết chuyển sang khô và trong trẻo. Họ tiến vào làng như những người hùng được chào đón. Twaha dẫn đầu, nâng cái đầu con dê núi còn tươi lên cao. Mortenson, vẫn mang món quà của mình, theo sau với cặp sừng của nạn nhân trong vụ lở tuyết nhô lên cao trên đầu anh như cặp sừng của chính anh.

Đám đàn ông đưa những nắm mỡ dê xắt khối vuông cho những đứa trẻ chen chúc quanh họ; chúng mút những miếng ngon như mút kẹo. Mấy trăm cân thịt họ mang về trong những chiếc giỏ được chia đều cho gia đình những người thợ săn. Và sau khi thịt đã được nấu, óc được hầm với khoai tây và hành củ, Haji Ali thêm cặp sừng mà anh con trai mang về vào một hàng chiến lợi phẩm được đóng đinh trên lối vào nhà mình, bằng chứng tự hào về những ngày ông còn đủ mạnh mẽ để tự đi săn.

□

Mortenson đã đưa cho một kỹ sư quân đội Pakistan trong vùng thủ phủ Gilgit xem bản phác họa những cây cầu ở hạ Braldu. Ông ấy xem xét các bản vẽ của Mortenson, gợi ý một số chỉnh sửa để gia tăng kết cấu và vẽ bản vẽ chi tiết cho cây cầu của Korphe, chỉ ra chính xác việc đặt cáp. Kế hoạch của ông ấy đòi hỏi những tháp đá cao hai mươi mét, dựng bên trên là những vòm cuốn đổ bê tông đủ rộng để cho xe bò đi qua, và một nhịp cầu treo chín mươi mét cao trên mực nước gần hai mươi mét.

Mortenson thuê một toán thợ hồ có kinh nghiệm từ Skardu để giám sát việc xây dựng tháp. Mỗi lượt bốn người đàn ông Korphe nâng những khối đá xẻ và cố đặt chúng cho vuông vức trên lớp xi măng mà những người thợ hồ đã trét bằng tay. Bọn trẻ rủ nhau ra xem giải trí và hò hét động viên khi những khuôn mặt của người cha, người chú của chúng đỏ lên trong nỗ lực giữ cho những khối đá được vững chắc. Từng khối một, hai tháp ba tầng, thuôn hẹp lại về phía đỉnh đã được dựng lên mỗi bên bờ sông.

Thời tiết mùa thu trong trẻo khiến cho những ngày dài làm việc dễ chịu, và Mortenson say sưa với những kết quả hiển hiện mỗi đêm khi anh tính toán họ đã sắp đặt được bao nhiêu khối đá trong ngày. Trong hầu hết các ngày của tháng bảy, khi những người đàn ông xây dựng cầu thì phụ nữ chăm sóc hoa màu. Khi hai ngọn tháp vững chắc dựng lên trên dòng sông, phụ nữ và trẻ em ngấm nhìn chúng từ mái nhà của họ.

Trước nỗi sợ bị giam mình khi mùa đông đến gần, người dân Korphe cố sống ngoài trời càng nhiều càng tốt. Phần lớn các gia đình mang thức ăn dành cho hai bữa trong ngày lên trên mái nhà. Sau khi ăn hết một bát *dal* và cơm với chén trà *tamburok* đặc, sau một ngày làm việc hài lòng, Mortenson thích phơi mình trong ánh nắng cuối cùng với gia đình Haji Ali, và chuyện trò qua nóc nhà với hàng chục gia đình khác cũng đang làm giống họ.

Norberg-Hodge đã ngưỡng mộ trích dẫn lời vị vua của một quốc gia vùng Himalaya khác, Bhutan, người nói rằng thước đo thành công thật sự của một quốc gia không phải là tổng sản phẩm nội địa mà là “tổng hạnh phúc nội địa.” Trên những mái nhà khô ráo ấm áp, giữa các loại trái cây của vụ thu hoạch thành công, ăn uống, hút thuốc, tán gẫu với cùng một ý nghĩa nhân nhả như những người Pakistan ở các mái hiên của một quán cà phê bên đường, Mortenson cảm thấy một cách chắc chắn rằng bất chấp tất cả những thiếu thốn, người Balti vẫn nắm giữ chìa khóa của một loại hạnh phúc đơn giản đang dần biến mất ở thế giới trên đà phát triển nhanh chóng như những khu rừng già.

Buổi tối, những người độc thân như Twaha và Mortenson lợi dụng thời tiết mát dịu để ngủ dưới trời sao. Vào thời gian đó, tiếng Balti của Mortenson ngày càng lưu loát, và anh cùng Twaha ngồi trò chuyện với nhau cho đến khi gần hết cả làng Korphe đã đi ngủ. Đề tài lớn của họ là phụ nữ. Mortenson sắp bước vào tuổi bốn mươi, Twaha gần ba mươi lăm.

Twaha nói cho Mortenson biết anh nhớ vợ mình, Rhokia, như thế nào. Đã chín năm kể từ khi anh mất cô sau khi cô sinh cho anh đứa con duy nhất, Jahan. “Cô ấy rất đẹp.” anh nói, trong lúc họ nằm ngắm dải ngân hà dày đặc che phủ bên trên như một chiếc khăn choàng. “Cô ấy có khuôn mặt nhỏ nhắn, y hệt như Jahan, và cô ấy luôn luôn cười và hát như một con sáo.”

“Anh có định lấy vợ nữa không?” Mortenson hỏi.

“Ôi, đối với tôi, điều đó rất dễ dàng.” Twaha giải thích. “Một ngày kia tôi sẽ là *nurmadhar* và tôi có nhiều đất đai. Cho đến nay, tôi chưa yêu người phụ nữ nào khác.” Anh hạ thấp giọng bẽn lễn nói, “Nhưng đôi khi tôi... vui chơi.”

“Anh có thể làm thế mà không cưới à?” Mortenson hỏi. Đó là điều mà anh thắc mắc từ khi đến Korphe, nhưng chưa bao giờ thấy đủ tự tin để hỏi.

“Ừ, dĩ nhiên.” Twaha trả lời. “Với các bà góa. Chúng tôi có nhiều bà góa ở Korphe.”

Mortenson nghĩ về những khu nhà bên dưới, nơi hàng chục thành viên trong gia đình đang nằm ngủ kê bên nhau trên những chiếc gối “Anh có thể làm như vậy ở đâu anh hiểu chứ?”

“Dĩ nhiên là ở *handhok*.” Twaha nói. “Mỗi căn nhà ở Korphe có một *handhok*, cái chòi bằng tranh nhỏ trên mái nơi họ chứa thóc. Anh có muốn tôi tìm cho anh một bà góa không? Tôi nghĩ có vài ba người đã trót yêu bác sĩ Greg rồi.”

“Cảm ơn anh.” Mortenson nói. “Tôi không nghĩ đó là một ý hay.”

“Anh có người tình ở làng quê của anh?” Twaha hỏi. Vậy nên Mortenson nói vắn tắt những thất bại trong việc hẹn hò của anh trong mười năm qua, kết thúc với Marina. Anh không thể không nhận thấy rằng khi nói ra, vết thương lòng trở nên ít đau xót hơn.

“À, cô ấy bỏ anh vì anh không có nhà.” Twaha nói. “Điều này thường xảy ra ở Baltistan. Nhưng nay anh có thể nói với cô ấy rằng anh có một ngôi nhà và gần như một cái cầu ở Korphe.”

“Cô ấy không phải là người tôi cần.” Mortenson nói và nhận ra rằng mình đã nói một cách nghiêm túc.

“Thế anh nên nhanh chóng tìm người phụ nữ của mình đi.” Twaha nói. “Trước khi anh trở nên quá già và quá béo.”

□

Ngày họ căng sợi cáp đầu tiên giữa hai tháp, những người khuân vác vừa mới trở về từ Baltoro cho hay có một nhóm người Mỹ đang đến gần. Mortenson ngồi trên một tảng đá bên bờ bắc sông Braldu với các bản vẽ của kỹ sư. Anh giám sát hai nhóm kéo căng sợi cáp chính bằng những đội bò Tây Tạng, và buộc cáp vào tháp chắc nhất trong khả năng của họ khi không có dụng cụ điện cầm tay. Rồi người nhanh nhẹn nhất trong số họ căng dây lui tới, vòng những dây cáp đỡ quanh những điểm neo mà kỹ sư đã phác họa ra và siết vít chắc chắn vào vị trí bằng những cái kẹp.

Dưới bờ bắc Braldu, một người Mỹ có diện mạo ghê gớm, chống gậy và đội chiếc nón bóng chày màu trắng đang đến gần. Kế bên ông là hướng dẫn viên người địa phương đẹp trai, đầy cơ bắp, lượn lờ tỏ vẻ bảo vệ.

“Ý nghĩ đầu tiên của tôi là, có một anh chàng to lớn đang ngồi trên hòn đá đó.” George McCown nói, “Và tôi không thể hình dung ra cách bắt chuyện với anh ta. Anh ta có mái tóc dài, mặc y phục địa phương. Nhưng rõ ràng không phải là người Pakistan.”

Mortenson tuột xuống khỏi tảng đá và đưa tay ra. “Ông có phải là George McCown không?” anh hỏi. McCown bắt tay Mortenson và gật đầu một cách hoài nghi. “Vậy thì chúc mừng sinh nhật ông.” Mortenson nói, cười toe và đưa cho người đàn ông một bao thư dán kín.

George McCown làm việc trong ban điều hành Quỹ Tài trợ Himalaya Mỹ, cùng với Lou Reichardt và Sir Edmund Hillary. Ông muốn dùng sinh nhật lần thứ sáu mươi của mình leo lên ngọn núi K2 với hai người con, Dan và Amy, để viếng thăm trại căn cứ của một đoàn thám hiểm mà ông tài trợ. Thiệp sinh nhật từ ban giám đốc AHF đã đến Askole, rồi được chuyển cho Mortenson bởi những cơ quan chính quyền địa phương bối rối cho rằng một người Mỹ sẽ biết cách để tìm ra một người Mỹ khác.

McCown từng là Chủ tịch, Giám đốc Điều hành của Boise Cascade Home & Land Corporation, và đã đưa việc kinh doanh của tập đoàn từ 100 triệu đôla lên 6 tỉ đôla trong sáu năm, trước khi nó tách ra và chia nhỏ. Ông đã học tốt bài học của mình. Trong những năm 1980, ông thành lập công ty đầu tư tài chính của riêng mình ở Menlo Park, California, và bắt đầu mua

từng phần nhỏ của các công ty khác đã phát triển quá lớn và không sinh lợi. McCown vẫn đang phục hồi sau phẫu thuật đầu gối, và sau nhiều tuần đi bộ trên sông băng, tự hỏi đầu gối mình có đưa mình trở lại với thế giới văn minh hay không, ông hết sức vui khi thấy Mortenson.

“Sau một tháng xa nhà, tôi đột nhiên nói chuyện với một người nào đó rất giỏi giang ở một nơi có thể rất không thân thiện.” Mc Cown nói. “Tôi không thể hạnh phúc hơn khi gặp Mortenson.”

Mortenson kể cho McCown nghe ngân quỹ xây dựng cây cầu và trường học đã được quyên góp như thế nào chỉ sau khi có lời giới thiệu của Tom Vaughan viết cho bản tin của AH. Cả hai người đàn ông đều vui vì cuộc gặp tình cờ của họ. “Greg là một chàng trai mà bạn thích và tin tưởng ngay.” McCown nói. “Anh ta không thủ đoạn. Anh ta là một người khổng lồ dễ mến. Quan sát tất cả những người làm việc với anh ta để xây dựng cây cầu đó, thật rõ ràng là họ yêu quý anh ta. Anh ta làm việc như một người trong số họ, và tôi tự hỏi vì sao một người Mỹ lại có thể làm được như vậy.”

Mortenson tự giới thiệu mình với người đi cùng McCown bằng tiếng Balti và khi anh ta trả lời bằng tiếng Urdu, Mortenson biết rằng anh ta không phải là người Balti mà là người của bộ lạc Wakhi đến từ thung lũng Charpurson xa xôi, ở biên giới Afghanistan, và tên anh ta là Faisal Baig.

Mortenson hỏi người đồng hương liệu ông có thể xem xét làm giúp anh một việc được không. “Tôi thấy như mình chỉ có một tay ở Korphe, tự mình làm mọi việc.” Mortenson nói. “Và tôi muốn người dân có cảm tưởng rằng không phải chỉ một mình tôi, mà có nhiều người Mỹ trở về nhà, quan tâm đến việc giúp đỡ họ.”

“Anh ta nhét nhanh cho tôi một cuộn tiền rupi.” McCown nói. “Và đề nghị tôi hành động như một ông chủ bự đến từ Mỹ. Vì vậy tôi cũng đóng kịch. Tôi bước quanh như một ông chủ, trả tiền công cho mọi người, nói với họ rằng họ đang làm một công trình vĩ đại và cần thực sự hết mình cho công trình đó, hoàn tất nhanh nhất trong khả năng của họ.”

McCown bước đi, gia đình ông theo sau. Nhưng ngày càng cấp giữa hai tháp đó sẽ kết nối nhiều hơn là chỉ có bờ bắc và bờ nam sông Braldu. Khi cuộc sống của người nước ngoài ở Pakistan ngày càng trở nên nguy hiểm hơn, Braig tình nguyện làm người cận vệ cho Mortenson. Và với địa vị của mình ở Menlo Park, McCown sẽ trở thành một trong những người ủng hộ Mortenson mạnh mẽ nhất.

Vào cuối tháng tám, mười tuần sau ngày động thổ, Mortenson đứng giữa nhịp cầu chín mươi mét, ngắm nhìn những vòm bê tông gọn gàng ở cả hai đầu, móng cầu ba tầng chắc chắn và mạng lưới dây cáp neo giữ tất cả lại với nhau. Haji Ali đưa cho anh tấm ván cuối cùng và đề nghị anh đặt vào vị trí. Nhưng Mortenson nài ép ông trưởng làng Korphe hoàn tất cây cầu của Korphe. Haji Ali đưa tấm ván lên cao trên đầu và cảm ơn Thánh Allah nhân từ đã gửi một người ngoại quốc đến làng mình, rồi quỳ gối và bít lại khe hở cuối cùng phía trên dòng Braldu sủi bọt. Từ chỗ đứng cao trên bờ sông phía nam của họ, phụ nữ và trẻ em Korphe reo lên lời tán thành của họ.

Cạn kiệt tiền một lần nữa và lo ngại không dám thâm hụt vào số tiền còn lại cho ngôi trường, Mortenson đã chuẩn bị về lại Berkeley, trải qua mùa đông và mùa xuân để kiếm đủ tiền và quay trở lại. Đêm cuối cùng ở Korphe, anh ngồi trên mái cùng Twaha, Hussein và Haji Ali, và khẳng định lại kế hoạch cho việc động thổ ngôi trường vào mùa hè. Hussein đã hiến tặng một miếng ruộng bằng phẳng của Hawa, vợ anh, để làm trường. Miếng đất có một tầm nhìn về K2 Korphe không bị ngăn cách, tầm nhìn mà Mortenson nghĩ là sẽ động viên các học sinh hướng lên cao. Anh chấp nhận với điều kiện Hussein sẽ trở thành thầy giáo đầu tiên trong ngôi trường của Korphe.

Họ công nhận thỏa thuận thông qua thứ trà được làm ngọt quá mức cho dịp đó và qua những cái bắt tay, qua cuộc trò chuyện về ngôi trường một cách phấn khởi cho đến tối mịt.

Gần hai trăm năm mươi mét bên dưới, ánh sáng đèn lấp lánh giữa sông Braldu, khi người dân Korphe tò mò đi qua đi lại qua rào cản đã chia cắt họ hoàn toàn khỏi thế giới rộng lớn hơn, thế giới mà Mortenson miễn cưỡng chuẩn bị để quay trở về.

CHƯƠNG 11

Sáu ngày

□

Có một ngọn nến trong tim bạn, sẵn sàng được thắp lên.
Có một khoảng trống trong linh hồn bạn, sẵn sàng được lấp đầy.
Bạn có cảm nhận được nó hay không?

- Rumi

□

Ở khoa Bỏng thuộc Trung tâm Y tế Alta Bates, chùm đèn LED đỏ và lục nhấp nháy trên một dàn màn hình. Mặc dù lúc đó là 4 giờ sáng và đã ngồi sụp xuống sau chỗ nghỉ của y tá, cố mà không tìm được một tư thế thoải mái trong chiếc ghế nhựa được thiết kế cho một người nhỏ con hơn nhiều, Mortenson cảm thấy thiếu thốn một thứ gì đó kể từ buổi sáng anh buông rơi chai rượu Baileys vào thùng rác ở nhà nghỉ Beach - hạnh phúc.

Trước đó, Mortenson đã thoa kem kháng sinh vào hai bàn tay của một bé trai mười hai tuổi bị phỏng vì đưa tay vào bếp lò, rồi thay băng cho nó. Về thể xác, ít nhất thì đứa bé cũng đang lành lặn tốt. Ngoài ra, đó là một đêm yên tĩnh.

Mình không cần phải đi đến phía bên kia của thế giới để là người có ích, Mortenson nghĩ. Anh đang có ích ở đây. Nhưng mỗi ca trực và những đồng đôla tích tụ trong tài khoản ở ngân hàng Bank of America, đưa Mortenson đến gần cái ngày mà anh có thể bắt đầu lại việc xây dựng trường học Korphe.

Anh lại sống trong căn phòng thuê ở nhà Witold Dudzinski, và ở đây, trong phòng cấp cứu trông một nửa, anh vui với một đêm thanh bình xa khỏi khói thuốc và hơi rượu vodka. Chiếc áo choàng phẫu thuật màu việt quất của Mortenson thực tế là bộ pyjama, và ánh sáng dịu đủ để cho anh ngủ thiếp đi. Chỉ nếu như chiếc ghế cho phép.

Mortenson loạng choạng đi về nhà sau ca trực. Bầu trời đen đang xanh dần phía sau Berkeley Hills khi anh nhấp ngụm cà phê đậm với những miếng bánh từ tiệm bánh rán của người Campuchia. Một chiếc Saab màu đen đậu trước đầu chiếc xe tải không mui của Dudzinski ngay trước nhà Mortenson. Và ngồi sụp trong ghế của người lái là bác sĩ Marina Villard, toàn bộ, chỉ trừ đôi môi, bị che khuất bởi suối tóc đen. Mortenson liếm đường trên các ngón tay, rồi mở cửa xe.

Marina ngồi dậy, đuổi người và bừng tỉnh. “Anh không trả lời điện thoại.” cô nói.

“Anh đang làm việc.”

“Em đã để lại nhiều tin nhắn.” cô nói. “Anh hãy xóa chúng đi.”

“Em đang làm gì ở đây?” Mortenson nói.

“Anh có vui khi gặp em không?”

Mortenson quyết định sẽ nói là không. “Dĩ nhiên.” anh nói. “Em khỏe không?”

“Nói thật thì em không khỏe lắm.” Cô kéo tấm che nắng xuống và tự ngắm nhìn mình trong gương trước khi tô lại đôi môi bằng son đỏ.

“Điều gì xảy ra với Mario?”

“Một sai lầm.” cô nói.

Mortenson không biết phải làm gì với hai bàn tay của mình. Anh đặt tách cà phê xuống trên mui chiếc Saab của nàng, rồi giữ chặt tay hai bên hông.

“Em nhớ anh.” Marina nói, cô kéo cần gạt bên hông ghé để nâng lưng ghế, và nệm tựa đầu đập vào sau đầu cô. “Ôi! Anh có nhớ em không?”

Mortenson cảm thấy một thứ gì đó hiệu nghiệm hơn cả chất cafein ở tiệm bánh rán chạy khắp người mình. Chỉ xuất hiện, sau tất cả thời gian vừa qua. Tất cả những đêm trằn trọc trong túi ngủ trên sàn nhà bụi bặm của Dudzinski, cố xua đuổi cô và cảm giác về gia đình đã được tìm thấy rồi mất đi, để giấc ngủ có thể đến. “Mọi việc đã chấm dứt.” Mortenson nói, đóng cửa xe của Marina Villard và leo lên căn nhà nồng nặc mùi thuốc ôi thiu và mùi vodka đổ tràn để nằm bẹp xuống ngủ.

Giờ đây, cây cầu đã bắc qua Thượng Braldu, và các vật tư mà anh đã buộc Changazi làm biên nhận sắp biến thành một ngôi trường. Lúc này, anh không thấy thích ở mãi trong nhà Dudzinski, nhưng để tiết kiệm cho đến khi quay trở lại và hoàn thành công việc của mình ở Pakistan, anh thích nói chuyện với bất cứ ai có liên quan với Karakoram.

Anh đến thăm Jean Hoerni, người đã gửi cho anh một vé máy bay đến Seattle và yêu cầu anh mang theo những tấm hình về cây cầu. Trong căn hộ penthouse của Hoerni, với tầm nhìn bao quát hồ Washington và dãy núi Cascades đàng xa, Mortenson gặp người đàn ông mà anh thấy rất đáng sợ qua điện thoại. Nhà khoa học nhỏ con, với bộ ria rử xuống và đôi mắt đen huyền, đang đánh giá Mortenson qua cặp mắt kính quá khổ của mình. Ngay

cả ở tuổi bảy mươi, ông vẫn có sự cường tráng dẻo dai của một nhà leo núi trọn đời. “Lúc đầu, tôi sợ Jean.” Mortenson nói. “Ông ấy nổi tiếng là một gã khó chịu, nhưng ông đối với tôi không thể nào tốt hơn.”

Mortenson mở chiếc túi vải của mình ra và không lâu sau, anh cùng Hoerni cúi người bên bàn cà phê để nghiên cứu những tấm ảnh, những bản vẽ và bản đồ trải tràn trên tấm thảm màu kem sậm. Hoerni, người đã hai lần lên trại căn cứ K2, đã bàn với Mortenson về tất cả những ngôi làng, giống như Korphe, không xuất hiện trên các bản đồ. Và ông rất thích thú thực hiện một bổ sung vào tấm bản đồ, bằng bút lông đen. Cây cầu mới bắc qua Thượng Braldu.

“Jean thực sự hưởng ứng Greg ngay.” người vợ góa của Hoerni, Jennifer Wilson, về sau trở thành thành viên của ban giám đốc Viện Trung Á nói. “Ông ấy đánh giá cao việc Greg là người khờ khạo và vô tư lợi như thế nào. Ông ấy thích thú với thực tế rằng Greg là người tự do. Anh biết đó, Jean là doanh nhân và ông ấy quý trọng một cá nhân dám làm một chuyện gì đó khó khăn. Lần đầu tiên đọc về Greg trong bản tin AHF, ông ấy đã nói với tôi, ‘Người Mỹ quan tâm đến Phật giáo, không phải Hồi giáo. Chàng trai này sẽ không nhận được sự giúp đỡ nào cả. Tôi sẽ làm cho điều đó xảy ra.’”

“Jean đã đạt được nhiều điều trong cuộc đời mình.” Wilson nói. “Nhưng thách thức của việc xây dựng trường Korphe đã kích thích ông ấy cũng nhiều như công trình khoa học của ông ấy. Ông ấy thực sự cảm thấy có một mối liên hệ với vùng đất đó. Sau khi Greg ra đi, ông ấy đã nói với tôi, ‘Anh nghĩ chàng trai trẻ này có năm mươi trên năm mươi cơ hội để hoàn tất công việc. Và nếu anh ta làm xong, anh ta có thêm sức mạnh.’”

Trở lại Bay Area, Mortenson gọi điện cho George McCown, và cả hai hồi tưởng lại nút xoắn của số phận đã đưa họ đến với nhau ở phía bên kia trái đất, trên con đường mòn đến Thượng Braldu. McCown mời anh đến dự một sự kiện của Quỹ Tài trợ Himalaya Mỹ vào đầu tháng chín, và Sir Edmund Hillary sẽ có một bài phát biểu trong sự kiện đó. Mortenson nói sẽ gặp ông ở đó.

Vào thứ tư ngày 13 tháng 9 năm 1995, Mortenson, trong chiếc áo thể thao bằng len màu nâu vốn là áo kaki của cha mình và đôi giày da không vớ, đến khách sạn Fairmont. Trên đồi Nob, khách sạn Fairmont sang trọng tọa lạc ở giao lộ duy nhất nơi hội tụ của tất cả các tuyến xe điện của thành

phố, một địa điểm thích hợp cho buổi tối sẽ kết dính nhiều phần trong cuộc đời Mortenson.

Năm 1945, các nhà ngoại giao từ bốn mươi quốc gia đã gặp nhau ở Fairmont để thảo ra hiến chương Liên Hiệp Quốc. Năm mươi năm sau, đám đông tụ tập ở phòng khiêu vũ kiểu Venice sang trọng cho bữa tiệc gây quỹ thường niên của Quỹ Tài trợ Himalaya Mỹ cũng đặc trưng cho sự đa dạng về văn hóa. Các nhà đầu tư mạo hiểm và các nhà quản lý quỹ ăn mặc tinh tế đứng đầy ở quầy rượu, chen vai với những nhà leo núi, sột soạt trong những chiếc áo khoác và cà vạt không đặc biệt. Các quý bà San Francisco mặc áo nhung đen cười khúc khích trước những câu chuyện đùa của các nhà sư Tây Tạng mặc áo cà sa màu nâu vàng.

Mortenson khom người khi đi vào phòng, nhận *kata*, dải lụa cầu nguyện chào đón được quàng vào cổ mọi khách mời. Anh đứng thẳng người lên, sờ vào dải lụa và để cho đợt triều của gần một nghìn giọng nói sinh động tràn qua khi nhận huy hiệu của mình. Căn phòng này toàn là những người quen biết nhau từ trước, một nơi mà anh không bao giờ tìm thấy chính mình, và anh thấy mình đứng ngoài lề. Rồi George McCown vẫy tay với anh từ quầy rượu, nơi ông đang cúi người để nghe một điều gì đó từ người đàn ông thấp hơn, và Mortenson nhận ra đó chính là Jean Hoerni. Anh bước đến và ôm cả hai.

“Tôi vừa mới nói với George rằng ông ấy cần cho anh một khoản tiền.” Hoerni nói.

“À, tôi có đủ tiền để hoàn thành ngôi trường nếu có thể giữ được các chi phí ở mức thấp.” Mortenson nói.

“Không phải cho ngôi trường.” Hoerni nói. “Cho anh, anh định sống bằng gì cho đến khi hoàn thành việc xây dựng?”

“Hai mươi nghìn đôla được không?” McCown nói.

Mortenson không thể nghĩ ra cách nào để trả lời. Anh cảm thấy máu đang

dồn lên gò má mình.

“Tôi có thể coi đây là sự đồng ý?” McCown nói.

“Hãy đem đến cho anh ấy một ly cocktail.” Hoerni nói, cười rạng rỡ. “Tôi nghĩ Greg sắp ngất xỉu.”

□ □

Trong bữa tiệc, một phóng viên báo ảnh bảnh bao, ngồi ở bàn Mortenson quá kinh hãi khi nhìn thấy mắt cá chân của anh để trần trong

một buổi tiệc trang trọng, đã đi mua cho anh một đôi vớ ở cửa hàng trong khách sạn. Ngoài điều đó ra, Mortenson không nhớ gì nhiều về bữa tiệc đêm hôm đó, ngoài việc ngồi ăn trong sững sờ ngạc nhiên vì những vấn đề tài chính của mình dường như đã được quét sạch bằng một cái phẩy tay.

Nhưng được nghe một trong những người anh hùng của mình nói chuyện sau bữa ăn là một trải nghiệm không thể nào quên đối với anh. Sir Edmund Hillary lóng ngóng bước lên sân khấu, trông giống như một người nuôi ong như ông đã từng làm hơn là một người nổi tiếng đã được Nữ hoàng Anh phong tước hiệp sĩ. “Ed từ Đỉnh núi” như ông thường tự giới thiệu mình, có hai hàng lông mày bờm xờm, bên dưới mái tóc bông bênh và hàm răng khùng khiếm. Ở tuổi bảy mươi lăm, người công dân New Zealand nổi tiếng nhất đã hơi có bụng và không còn trông giống một người có thể sải bước lên một đỉnh núi tám nghìn mét. Nhưng đối với buổi họp mặt của những người hâm mộ Himalaya này, ông vẫn là một kho tàng sống.

Hillary bắt đầu trình chiếu những phim slide về chuyến thám hiểm Everest tiên phong của mình vào năm 1953. Những hình ảnh có màu sáng với những tông màu không thực của phim Kodachrome thuở ban đầu và ở đó ông được giữ lại trong tuổi trẻ vĩnh cửu, rậm nắng và đang nheo mắt. Hillary cho chiếu lại chuyến leo núi đầu tiên của mình, nói rằng nhiều người khác có thể vượt trước ông và Tenzing Norgay để đến đỉnh Everest. “Tôi chỉ là một người leo núi nhiệt tình có khả năng khiêm tốn, là người sẵn lòng làm việc vất vả và có sự tưởng tượng cùng quyết tâm cần thiết.” ông nói với đám đông im lặng. “Tôi chỉ là một gã nhà quê tầm thường. Chính giới truyền thông đã cố biến tôi thành một nhân vật anh hùng. Nhưng qua năm tháng, tôi đã học được rằng chừng nào bạn không tin tất cả những chuyện rác rưởi đó về mình thì chúng cũng không làm hại bạn gì nhiều.”

Duyệt qua những hình ảnh bắt buộc về Everest, Hillary lướt qua những khung hình được chụp vào khoảng giữa những năm 1960 và 1970, về những người đàn ông phương Tây vạm vỡ và những người Sherpa nhỏ nhắn, cùng nhau làm việc để xây dựng trường học và bệnh xá ở Nepal. Một tấm hình được chụp trong thời gian xây dựng dự án nhân đạo đầu tiên của ông, một trường học ba phòng được hoàn tất vào năm 1961, một Hillary mình trần sải bước nhẹ nhàng qua một dầm mái, tay cầm búa. Trong bốn thập niên sau khi lên đến nóc nhà của thế giới, thay vì yên nghỉ trong danh tiếng của mình, Hillary thường xuyên quay trở lại vùng Everest, và cùng người em trai Rex của mình, ông đã xây dựng hai mươi bảy ngôi trường,

mười hai bệnh xá và hai sân bay dã chiến để hàng tiếp liệu có thể đến vùng Khumbu dễ dàng hơn.

Mortenson thấy rất phấn khích nên không thể ngồi yên. Tự cho phép mình rời khỏi bàn, anh đi nhanh đến cuối phòng và rảo bước tới lui trong khi lắng nghe bài trình bày của Hillary, nóng lòng muốn hấp thu từng lời và đáp chuyến bay kế tiếp có thể đưa mình đến Korphe để làm việc ngay.

“Tôi không biết liệu tôi có muốn nhớ một điều đặc biệt nào hay không.” Anh nghe Hillary nói. “Tôi đã tự hài lòng với chuyến leo Everest của mình. Nhưng những thứ có giá trị nhất của tôi là việc xây dựng những ngôi trường và trạm y tế. Chúng đã đem lại cho tôi sự mãn nguyện nhiều hơn việc đặt chân lên một ngọn núi.”

Mortenson nhận thấy có ai vỗ trên vai mình và anh quay lại. Một phụ nữ xinh đẹp mặc trang phục màu đen đang cười với anh. Cô có mái tóc đỏ cắt ngắn và dường như quen thuộc theo một cách mà Mortenson không thể nhớ ra.

“Tôi biết Greg là ai.” Tara Bishop nói. “Tôi được nghe về những gì mà anh ấy đang cố làm và tôi nghĩ anh ấy có một nụ cười rạng rỡ, do đó tôi đã quyết định đi rón rén đến bên anh ấy.” Cùng nhau, cả hai bắt đầu một cuộc trò chuyện liên tục không dừng lại được; mỗi chi tiết lại đưa đến một vấn đề cả hai cùng quan tâm, một cuộc trò chuyện còn tiếp diễn cho đến tận hôm nay.

Thì thầm bên tai, để không làm phiền những người khác đang lắng nghe Hillary, họ kê đầu vào nhau. “Greg đoán chắc rằng tôi thực sự đã tựa đầu mình vào vai anh ấy.” Tara nói. “Tôi không nhớ điều đó, nhưng có thể là như vậy. Tôi bị cuốn hút bởi anh ấy. Tôi nhớ mình đã nhìn vào đôi bàn tay của anh ấy. Chúng mới to lớn và mạnh mẽ làm sao, và ước muốn được nắm lấy đôi bàn tay ấy.”

Cha của Tara, Barry Bishop, một phóng viên ảnh cho *National Geographic*, đã lên đến đỉnh Everest vào ngày 22 tháng 5 năm 1963, là thành viên trong đoàn thám hiểm người Mỹ đầu tiên lên đến đỉnh. Ông đã chọn con đường lên đỉnh núi bằng cách nghiên cứu những hình ảnh chụp lộ trình do bạn ông là Sir Edmund Hillary cung cấp. Bishop đã ghi chép lại cuộc leo núi gian khổ cho *National Geographic*. “Chúng tôi làm gì khi cuối cùng lên đến đỉnh và ngồi phịch xuống?” Bishop viết. “Chúng tôi đã khóc. Tất cả mọi trở ngại đều đã được vượt qua, và chúng tôi khóc như những

đứa trẻ. Với niềm vui đã leo lên những ngọn núi hùng vĩ nhất với sự nhẹ nhõm rằng chuyến leo núi cực hình đã kết thúc.”

Sự nhẹ nhõm của ông là quá sớm. Trên chuyến xuống núi, Bishop suýt bị trượt khỏi một rìa đá trên con đường hướng về Tây Tạng. Nguồn oxy gần cạn, ngã vào một khe núi và mắc phải chứng chóng giá trầm trọng đến mức ông phải được đưa xuống làng Namche Bazaar bởi những đội cò hiệu người Sherpa trước khi được di tản bằng trực thăng đến bệnh viện Katmandu. Vào cuối chuyến thám hiểm, Bishop đã mất các đầu ngón tay, các ngón chân, và sự tôn trọng đối với những nhà tiên phong như Hillary đã lên đỉnh Everest trước ông không mất đi chút nào. “Trong sự tĩnh lặng của bệnh viện, tôi suy ngẫm về những bài học mà chúng tôi đã được học.” ông viết. “Everest là sự mê mông khắc nghiệt và thù địch. Bất cứ ai thách thức nó là tuyên chiến với nó. Người đó phải thực hiện cuộc tấn công của mình với kỹ năng và tính liên tục của một chiến dịch quân sự. Và khi trận chiến kết thúc, ngọn núi vẫn không bị khuất phục. Không có những người chiến thắng thực sự, chỉ có những người sống sót.”

Barry Bishop đã sống sót trở về nhà ở Washington, nơi mà Tổng thống Kennedy đã chào đón ông cùng đồng đội của ông như những người hùng tại Vườn Hồng trong Nhà Trắng. Năm 1968, với chiếc Airstream Camper ông đã đưa vợ mình là Lila, con trai Brent và con gái Tara đi từ Amsterdam đến Katmandu. Họ chuyển đến Jumla, miền tây Nepal trong hai năm, trong khi Bishop hoàn thành luận án tiến sĩ của mình về những lộ trình mâu dịch xưa kia. George Schaller đã đến thăm gia đình họ trên đường đến và trở về từ những chuyến leo núi để khảo sát động vật hoang dã đang biến mất ở Nepal.

Bishop sống sót để đưa gia đình mình trở về Washington D.C, nơi ông trở thành Chủ tịch Hội đồng Nghiên cứu và Thám hiểm của *National Geographic*. Ở Washington, Tara nhớ lại, bạn của cha mình là Ed Hillary ghé thăm và hai nhà leo núi không mệt mỏi trải qua những tối uể oải nằm trước máy thu hình, uống thứ bia rẻ tiền, hồi tưởng lại Everest, và xem những bộ phim miền Viễn Tây xa xưa mà cả hai đều ưa thích. Ông còn sống để cùng vợ đi đến Bozeman, Montana, và xây dựng một trong những thư viện tư nhân tốt nhất thế giới về Himalaya trong tầng hầm nhà mình vào năm 1994.

Nhưng Bishop không sống sót sau chuyến lái xe đến San Francisco. Một năm trước đó, cùng với vợ, Lila, trên đường đến dự buổi nói chuyện tại

cùng sự kiện này, bữa tiệc gây quỹ thường niên của Quỹ Tài trợ Himalaya Mỹ, chiếc Ford Explorer của Bishop, chạy với vận tốc tám mươi lăm dặm một giờ đã chệch khỏi đường ở Pocatello, Idaho và lộn bốn vòng trước khi dừng lại trong một hào cát. Mẹ của Tara có thắt dây an toàn đã sống sót với những vết thương nhẹ. Nhưng cha của Tara không thắt dây an toàn. Ông bị ném khỏi xe và đã chết vì những vết thương ở đầu.

Tara Bishop nhận ra mình đã kể toàn bộ câu chuyện cho một người đàn ông hoàn toàn xa lạ đang đứng bên mình trong phòng khiêu vũ tối: Chiếc Explorer đầy những hình ảnh thời thơ ấu của Tara và những tập san mà cha cô đang mang đến cho cô như thế nào. Những người lạ ở địa điểm lật xe đã gom tất cả những vật lưu niệm quý báu của cô, vương vãi trên xa lộ, và đã trả lại chúng như thế nào. Cô cùng em trai Brent đã đến viếng địa điểm đó, treo những lá cờ cầu nguyện trên những bụi cây bên lề đường và đổ chai rượu gin Bombay mà cha cô ưa thích trên vết máu vẫn còn trong cát như thế nào. “Điều kì lạ nhất là tôi không hề thấy xa lạ với anh ấy.” Tara nói. “Việc tâm sự với Greg có ý nghĩa hơn bất cứ chuyện gì mà tôi đã làm kể từ ngày cha tôi qua đời.”

Khi đèn trong căn phòng kiểu Venice bật sáng, nơi mà Tony Bennett từng trình diễn lần đầu ca khúc đặc trưng của mình *I Left My Heart in San Francisco*, Mortenson thấy con tim mình đang hướng về phía người phụ nữ mà anh vừa mới gặp. “Tara đi giày cao gót, là thứ mà tôi chưa bao giờ thực sự thấy thích.” Mortenson nhớ lại. “Cuối buổi tối đó, chân cô ấy đau và cô ấy đã thay bằng đôi giày ống cổ cao. Tôi không biết vì sao điều đó làm tôi chết mê chết mệt, nhưng nó đã làm thế. Tôi cảm thấy mình như một anh chàng mới lớn. Nhìn cô ấy trong bộ váy đen và đôi ủng to, tôi biết chắc cô ấy là người phụ nữ của đời mình.”

Họ cùng kính trọng Hillary; ông đã nói với Tara rằng ông rất buồn khi nghe tin về cái chết của cha cô. “Thật không thể tin được,” Mortenson nói. “Tôi thấy mình bị kích động bởi việc gặp Tara còn hơn là được nói chuyện với người đàn ông là thần tượng của mình từ nhiều năm.” Mortenson giới thiệu Tara với Jean Hoerni và George McCown, rồi hòa cùng đám đông đi vào tiền sảnh. “Đến lúc đó, Tara mới biết tôi không có xe hơi và đề nghị lái xe đưa tôi về nhà.” Mortenson nói. “Tôi đã sắp xếp để đi xe cùng với các bạn của mình, nhưng tôi giả vờ là chưa có xe và gạt bạn bè sang một bên để đi cùng cô ấy.” Mortenson đã đến khách sạn Fairmont trong tình trạng

thường lệ của mình, túng quẫn và cô đơn. Anh rời khách sạn với ước hẹn sẽ có được tiền lương một năm và người vợ tương lai.

Luồn lách qua khu tài chính của San Francisco trong chiếc Volvo xám của Tara, qua luồng giao thông tắc nghẽn trên xa lộ 101, và qua cầu Bay, Mortenson đã kể cho Tara nghe những câu chuyện của mình. Về thời thơ ấu ở Moshi. Về cây hồ tiêu, bệnh viện của cha anh và trường học của mẹ. Về cái chết của Christa. Và rồi về Dempsey. Cao bên trên mặt nước đen của vịnh San Francisco, hướng về những ngọn đèn của Oakland Hills đang vẫy gọi như một chòm sao chưa được phát hiện, Mortenson đang xây dựng một cây cầu khác nữa, bắc qua những biển cố để kết nối hai cuộc sống lại với nhau.

Họ đỗ xe trước căn hộ của Dudzinski. “Anh mời em vào.” Mortenson nói. “Nhưng nơi đó là một ác mộng.” Họ ngồi trong chiếc ghế dài bọc nệm và nói chuyện hơn hai tiếng về Baltistan và những trở ngại mà anh đối diện trong việc xây dựng ngôi trường ở Korphe. Về người em trai của Tara, Brent, đang lên kế hoạch cho chuyến thám hiểm Everest của chính mình. “Ngồi trong xe hơi bên cạnh anh tôi nhớ rằng mình có một ý nghĩ rất cân nhắc.” Tara Bishop nói. “Chúng tôi thậm chí còn chưa chạm vào nhau, nhưng tôi nhớ mình đã nghĩ, ‘Minh sẽ ở cùng con người này trong suốt phần đời còn lại của mình’. Đó là một cảm giác rất bình yên và thú vị.”

“Anh có phiền không nếu em bắt cóc anh?” cô nói. Trong căn hộ nhỏ của cô, một nhà để xe được chuyển đổi ở vùng ngoại ô xinh đẹp Rockridge, Oakland, Tara Bishop rót hai ly rượu và trao cho Mortenson nụ hôn đầu tiên, kéo dài. Tashi, chú chó săn Tây Tạng của cô, chạy giữa chân hai người sủa dữ dội với người lạ.

“Chào đón anh đến với cuộc đời em.” Tara nói, lùi lại nhìn vào mặt Mortenson.

“Chào đón em đến với trái tim anh.” anh nói và ôm cô trong vòng tay.

Sáng hôm sau, thứ năm, họ lái xe trở lại cầu Bay, đến sân bay quốc tế San Francisco. Mortenson đã đăng kí chuyến bay của Bristish Airways đến Pakistan, khởi hành vào chủ nhật. Nhưng họ đã cùng kể lại câu chuyện của mình cho một nhân viên ở quầy vé, thuyết phục người này cho đăng kí lại chuyến bay vào chủ nhật kế tiếp và không phải đóng thêm tiền.

Tara lúc đó là sinh viên cao học, đang hoàn thành luận văn tiến sĩ tại trường Tâm lí California, trước khi theo đuổi nghề nghiệp mà cô dự định là

nhà tâm lí lâm sàng. Với những lớp học đã hoàn tất, cô hoàn toàn tự do về giờ giấc. Và Mortenson không còn có thể đổi chuyến bay được nữa, do đó họ đã trải qua mọi giây phút của từng ngày bên nhau, chệnh choáng trong vận may của mình. Trong chiếc Volvo cũ của Tara, họ lái xe ba giờ về phía nam đến Santa Cruz và ở lại cùng những người thân của Mortenson bên bãi biển. “Greg thật thú vị.” ara nói. “Anh ấy thoải mái chia sẻ cuộc đời và gia đình của mình cùng tôi. Trước đây tôi đã có một vài mối quan hệ khá tồi tệ và tôi biết rằng ‘Ồ, đây là những gì sẽ xảy ra khi được chung sống với một nửa của đời mình.’”

Vào chủ nhật, chuyến bay ban đầu của Mortenson cất cánh đi Pakistan mà không có anh; họ đang lái xe trở về Bay Area, qua những ngọn đồi nâu vàng có những lùm cây sồi đan xen nhau trên đỉnh đồi. “VẬY khi nào chúng ta thành hôn?” Tara Bishop hỏi và quay lại nhìn người hành khách bên cạnh mình, người đàn ông mà cô chỉ vừa gặp bốn ngày trước đó.

“Thứ ba thế nào?” Mortenson nói.

Vào thứ ba, ngày 19 tháng 9, Greg Mortenson mặc quần kaki, áo sơ mi lụa và chiếc áo khoác thêu Tây Tạng, bước đi tay trong tay lên những bậc thang của Tòa Thị chính Thành phố Oakland cùng vị hôn thê của mình, Tara Bishop. Cô dâu mặc áo len ngắn tay và chiếc váy hoa ngắn. Và chiều theo ý người đàn ông sắp trở thành chồng mình, cô để đôi giày khiêu vũ ở nhà và mang đôi sandal gót thấp đến lễ cưới của mình.

“Chúng tôi chỉ nghĩ là sẽ kí một số giấy tờ, lấy giấy đăng kí và có một buổi tiệc nhỏ với gia đình chúng tôi khi Greg trở về từ Pakistan.” Tara nói. Nhưng Tòa Thị chính Thành phố Oakland cung cấp đầy đủ dịch vụ hôn lễ. Với giá 83 đôla, đôi vợ chồng được một vị thẩm phán thành phố hộ tống đến phòng hội nghị và được hướng dẫn để đứng tựa vào bức tường, dưới một công vòm hoa nhựa trắng đã được ghim vào một bảng thông báo. Một phụ nữ trung niên gốc Tây Ban Nha tên là Margarita, làm việc trong nhóm thư kí của thẩm phán, tình nguyện làm nhân chứng và đã khóc trong suốt nghi lễ.

Sáu ngày sau khi thì thào với nhau trong phòng khiêu vũ tối ở khách sạn Fairmont, Greg Mortenson và Tara Bishop đã đọc lời thề nguyện thành hôn. “Khi vị thẩm phán nói đến đoạn khi giàu hơn hay nghèo hơn, Greg và tôi cùng cười lớn.” Tara nói. “Sau đó tôi được thấy chỗ anh ấy sống ở nhà Witold và cách anh rút tấm nệm khỏi chiếc ghế dài hàng đêm để có một chỗ êm ái mà đặt chiếc túi ngủ của mình lên như thế nào. Tôi nhớ mình đã suy

nghĩ về hai thứ cùng một lúc: Tôi lấy một người đàn ông không có giường. Và Chúa ơi, tôi yêu anh ấy.”

Đôi vợ chồng mới cưới điện thoại thông báo cho bạn bè và mời họ đến ăn mừng ở một nhà hàng Ý tại San Francisco. Một trong số những người bạn của Mortenson, James Bullock, là người điều khiển xe điện cáp. Anh ta nài ép họ gặp mình ở bờ biển San Francisco, ngay chỗ quay vòng của xe điện cáp Embarcadero. Vào giờ cao điểm, Bullock đã đưa họ vào chiếc xe điện cáp màu vàng và đỏ thẫm chật cứng người, rồi rung chuông báo hiệu đám cưới của họ với các hành khách. Khi xe điện kêu leng keng đi qua khu tài chính, người dân San Francisco dồn dập tặng xì gà, tiền và những lời chúc mừng.

Sau trạm dừng cuối, Bullock khóa cửa và đưa đôi vợ chồng son đi một chuyến tham quan vùng San Francisco; anh ta rung chuông trong suốt đường đi. Chiếc xe đi lên cao một cách kì diệu trên đường cáp không nhìn thấy, và lên đến đỉnh đồi Nob, vượt qua khách sạn Fairmont, đến những đường phố sang trọng và nhộn nhịp, nơi mà những quang cảnh quyến rũ nhất của San Francisco mờ xa về phía bắc. Tay trong tay với vợ mình, Greg Mortenson ngắm nhìn mặt trời lặn đang hôn Thái Bình Dương bên dưới cầu Cổng Vàng, và quét lên đảo Angel một màu hồng mà từ đó về sau anh mãi mãi xem là sắc màu đích thực của hạnh phúc. Có cảm giác mới bất thường ở gò má, và Mortenson nhận ra mình đã cười không ngừng trong sáu ngày.

“Mọi người luôn bị sốc khi nghe kể về việc tôi và Tara đã kết hôn như thế nào.” Mortenson nói. “Nhưng cưới cô ấy sau sáu ngày đối với tôi không có gì lạ. Đó cũng là cách mà cha mẹ tôi đã làm và cũng đã có kết quả đối với họ. Điều làm tôi ngạc nhiên là tôi đã gặp Tara. Tôi đã tìm được một người có ý nghĩa với mình trong thế giới này.”

□ □

Chủ nhật tiếp theo, Mortenson sắp xếp hành lí, nhét chiếc túi nhỏ chứa những tờ 100 đôla vào túi áo khoác và lái xe đến sân bay. Sau khi đỗ xe ở lối vào ga khởi hành, anh đã không thể rời khỏi xe. Anh quay về phía vợ, cô đang cười toe với cùng một ý nghĩ. “Anh sẽ đề nghị.” Mortenson nói. “Nhưng không biết họ có để cho mình làm điều đó một lần nữa hay không.”

Mortenson đã trì hoãn chuyến bay hai lần nữa, mỗi lần anh đều mang theo hành lí đến sân bay để đề phòng trường hợp họ không cho phép anh làm thế nữa. Nhưng anh không cần phải lo lắng. Câu chuyện của Greg và Tara đã trở thành chuyện tình lãng mạn ở quầy vé British Airways, và nhân

viên quầy vé đã liên tiếp điều chỉnh các quy định để Mortenson có thêm thời gian tìm hiểu cô vợ mới của mình. “Hai tuần đó thật đặc biệt, một khoảng thời gian bí mật.” Mortenson nói. “Không ai biết tôi vẫn còn ở thành phố và chúng tôi chỉ tự phong tỏa mình trong căn hộ của Tara, cố bù lại những năm tháng mà chúng tôi chưa biết nhau.”

“Sau cùng, tôi xuất hiện và gọi điện cho mẹ tôi.” Tara nói. “Bà đang ở Nepal và sắp khởi hành cho một chuyến leo núi.”

“Sau khi Tara gọi được cho tôi ở Katmandu, nó nói tôi ngồi xuống. Bạn sẽ không quên được một cuộc gọi như vậy.” Lila Bishop nói. “Con gái tôi cứ lặp đi lặp lại từ ‘tuyệt vời’, nhưng tất cả những gì tôi có thể nghe là ‘sáu ngày’.”

“Tôi nói với bà, ‘Mẹ, con vừa kết hôn với một người đàn ông tuyệt vời’. Mẹ tôi dường như bị sốc. Và tôi có thể nói rằng bà hoài nghi, nhưng bà đã gượng lại và cố gắng hết sức để tỏ ra vui với tôi. Bà nói, ừ, con đã ba mươi mốt và đã hôn thật nhiều các chú cóc. Nếu con nghĩ đây là hoàng tử của mình, thì mẹ tin đúng là như vậy.”

Lần thứ tư chiếc Volvo xám đậu trước British Airways, Mortenson hôn từ biệt người phụ nữ mà anh cảm thấy như đã quen biết suốt cả cuộc đời và kéo lê chiếc túi xách vào quầy vé. Lần này anh đã thực sự muốn đi chưa? Cô nhân viên quầy vé trêu chọc. “Anh có chắc rằng mình đang làm đúng không đấy?”

“Ồ, tôi đang làm đúng.” Mortenson trả lời, và quay lại vẫy tay lần cuối qua cửa kính với người vợ đang vẫy tay. “Tôi chưa bao giờ có được sự chắc chắn như vậy về bất cứ điều gì.”

CHƯƠNG 12

Bài học của Haji Ali



Có vẻ như phi lí để tin rằng một nền văn hóa sơ khai trong vùng Himalaya lại có điều gì để dạy cho xã hội công nghiệp hóa của chúng ta. Nhưng việc tìm kiếm của chúng tôi cho một tương lai tốt đẹp tiếp tục đi theo đường xoắn ốc để trở về một mối liên hệ giữa chính chúng ta và trái đất, một sự liên hệ qua lại mà những nền văn hóa cổ xưa chưa bao giờ bỏ đi.

- Helena Norberg-Hodge



Ở cổng khu nhà của Changazi tại Skardu, gã gác cổng nhỏ con, ngay cả theo tiêu chuẩn của người Balti, từ chối không cho Mortenson vào. Yakub, người trợ lí của Changazi có cái cằm nhọn và tầm vóc nhỏ nhắn của một cậu bé mười hai tuổi. Nhưng Yakub là một người đàn ông trưởng thành ở độ tuổi ba mươi lăm. Hắn đứng với trọng lượng 90 pound của mình chặn ngay lối đi của Mortenson.

Mortenson lôi chiếc túi Ziploc đã sờn, nơi anh cất giữ mọi thứ giấy tờ quan trọng của mình ra khỏi balô và lục tìm cho đến khi anh đưa ra tờ biên nhận các vật tư của trường học mà Changazi đã viết trong chuyến đi trước của Mortenson.

“Changazi Shahib đang ở Pindi.” Yakub nói.

“Khi nào ông ta quay lại Skardu?” Mortenson hỏi.

“Một, hoặc ít nhất là hai tháng nữa.” Yakub nói, cố đóng cửa lại. “Khi đó ông hãy quay lại.”

Mortenson chống hai tay vào cửa. “Hãy gọi điện cho hắn ngay bây giờ.”

“Không thể được.” Yakub nói. “Đường dây đến Pindi đã bị cắt.”

Mortenson tự nhắc mình để không thể hiện sự giận dữ. Có phải tất cả những người làm việc cho Changazi đều có được những lời bào chữa vô tận của ông chủ họ hay không? Mortenson đang cân nhắc có nên đẩy Yakub ra, hay quay trở lại với cảnh sát, thì một người đàn ông lớn tuổi trông dường hoàng, đội chiếc nón *topi* bằng thứ len đẹp khác thường và bộ ria cắt tỉa cẩn thận xuất hiện đằng sau Yakub. Đó là Ghulam Parvi, nhân viên kế toán mà Changazi đã chuyển sang để giúp xử lí sổ sách. Parvi đã nhận được bằng cấp về kinh doanh tại một trong những trường tốt nhất của Pakistan, trường

đại học Karachi. Thành tích học tập của ông là hiếm có đối với một người Balti và ông được kính trọng khắp vùng Skardu như một học giả Shiite sùng đạo. Yakub cung kính lách người sang một bên, nhường đường cho người đàn ông lớn tuổi. “Tôi có thể giúp được gì không, thưa ông?” Parvi nói, bằng thứ tiếng Anh có học nhất mà Mortenson đã từng được nghe ở Skardu.

Mortenson tự giới thiệu mình và vấn đề của mình, và đưa cho Parvi xem tờ biên nhận. “Đây là điều lạ lùng nhất.” Parvi nói. “Ông đang đấu tranh để xây dựng một ngôi trường cho trẻ em Balti, và mặc dù biết rằng tôi sẽ rất quan tâm đến dự án của ông, Changazi lại không cho tôi biết gì cả.” ông ta lắc đầu nói. “Thật lạ lùng.”

Ghulam Parvi đã có một thời gian làm giám đốc cho một tổ chức gọi là SWAB, Hiệp hội An sinh Xã hội Baltistan. Dưới sự lãnh đạo của ông, SWAB đã xây hai trường tiểu học ở ngoại ô Skardu, trước khi ngân quỹ được chính quyền Pakistan hứa hẹn cạn kiệt và ông buộc phải nhận những công việc kế toán lặt vặt. Ở bên này cửa, trong khung cửa gỗ màu xanh lá cây, là một người nước ngoài với số tiền để giúp trường học của Korphe trở thành hiện thực. Bên kia cửa là người đàn ông có học nhất khắp cả miền bắc Pakistan để trợ giúp anh, một người để chia sẻ những mục tiêu cùng anh.

“Tôi có thể lãng phí thời gian với những số cái của Changazi trong hai tuần và chúng vẫn chưa có ý nghĩa.” Parvi nói, quần chiếc khăn quàng màu lông lạc đà quanh cổ. “Chúng ta sẽ xem điều gì đã xảy ra với các nguyên vật liệu của ông.”

Bị Parvi dọa nạt, Yakub lái chiếc Land Cruiser đến một địa điểm xây dựng bản thủ gần bờ sông Indus, cách thị trấn một dặm về phía tây nam. Đó là phần khung của một khách sạn mà Changazi đã bắt đầu xây dựng, trước khi hết tiền. Tòa nhà bằng đất bùn đang xây đến phần mái, giữa một biển rác đã được vớt qua hàng rào cao ba mét với những cuộn dây kẽm gai được kéo phủ ở trên. Qua những chiếc cửa sổ không kính, họ có thể thấy những đồng vật liệu được phủ bằng tấm nhựa màu xanh. Mortenson lắc cái móc khóa dày trên hàng rào và quay sang Yakub. “Chỉ Shahib Changazi mới có chìa khóa.” hắn nói, lảng tránh đôi mắt của Mortenson.

Chiều hôm sau, Mortenson quay trở lại cùng Parvi; ông lấy ra một cái kim cắt từ xe taxi và khua khua nó khi họ bước về phía cổng. Một người bảo vệ có vũ trang nhắc mình lên khỏi tảng đá mà anh ta đang ngủ và tháo

dây đeo một khẩu súng săn gỉ sét trông giống súng kiểng hơn là một thứ vũ khí. Rõ ràng là việc gọi điện thoại đến Pindi sau cùng đã có thể thực hiện, Mortenson nghĩ. “Ông không được vào.” Người bảo vệ nói bằng tiếng Balti. “Tòa nhà này đã được bán.”

“Gã Changazi này có thể mặc áo thụng trắng, nhưng tôi nghĩ gã là người đàn ông có lòng dạ hết sức đen tối.” Parvi nói với Mortenson một cách hối tiếc.

Không có chút hối tiếc nào trong giọng nói khi Parvi quay sang đối mặt với gã bảo vệ làm thuê. Tiếng Balti có thể có một chất lượng âm họng nghe gay gắt. Lời nói của Parvi đập vào gã bảo vệ như một cái đục đục vào tảng đá, làm mẻ đi ý chí muốn cản đường của anh ta. Sau cùng, khi Parvi im lặng và nâng cái kim cắt đưa vào ổ khóa, gã bảo vệ bỏ súng xuống, lấy trong túi ra một cái chìa khóa và đi theo một bên họ.

Trong những căn phòng ẩm của khách sạn xây dang dở, Mortenson giở tấm nhựa màu xanh dương lên và thấy khoảng hai phần ba số xi măng, gỗ và tôn lợp mái của mình. Mortenson không bao giờ có thể ghi chép sổ sách toàn bộ số hàng hóa mà anh đã chở bằng xe tải trên xa lộ Karakoram. Nhưng như vậy cũng đủ để bắt đầu cho việc xây dựng. Với sự trợ giúp của Parvi, anh sắp xếp để gửi số vật tư còn lại đến Korphe bằng xe jeep.

“Nếu không có Ghulam Parvi, tôi đã không bao giờ có thể hoàn thành được bất cứ việc gì ở Pakistan.” Mortenson nói. “Cha tôi đã có thể xây dựng bệnh viện của ông vì ông có John Moshi, một đối tác người Tanzania thông minh, có năng lực. Parvi là John Moshi của tôi. Khi đang cố để xây dựng ngôi trường đầu tiên, tôi thực sự không biết mình phải làm gì. Parvi đã chỉ cho tôi cách để thực hiện mọi việc.”

Trước khi bắt đầu đi Korphe bằng xe jeep, Mortenson bắt tay Parvi một cách nồng ấm và cảm ơn ông ta về sự giúp đỡ. “Hãy cho tôi biết nếu như tôi có thể giúp thêm gì.” Parvi nói, hơi cúi người xuống. “Việc mà ông đang làm cho các học sinh Baltistan thật đáng ca ngợi.”

Những tảng đá trông giống một phế tích cổ xưa hơn là những khối đá xây dựng một ngôi trường mới. Dù đứng trên một cao nguyên cao bên trên sông Braldu, trong thời tiết tuyết vời của mùa thu làm cho ngọn tháp K2 Korphe dựng lên sừng sững, Mortenson vẫn thấy nản lòng bởi viễn cảnh trước mắt mình.

Mùa đông năm ngoái trước khi tới Korphe, Mortenson đã đóng mười cái cọc lều vào trong đất đóng băng và buộc những túm dây nylon đỏ và xanh vào đó để vạch ra một sơ đồ mặt bằng của năm phòng học mà anh đã tưởng tượng ra cho trường học. Anh đã để lại cho Haji Ali đủ tiền để thuê nhân công từ những làng dưới sông nhằm giúp khai thác và vận chuyển đá. Và khi anh đến, anh đã trông chờ thấy được ít nhất là một nền móng của trường học đã được đào. Thay vào đó, anh thấy hai đồng đá đứng trong một cánh đồng.

Khi đi kiểm tra địa điểm với Haji Ali, Mortenson cố nén sự thất vọng của mình. Giữa bốn chuyến đi đến sân bay cùng vợ và vụ gây gỗ để đòi lại vật liệu xây dựng, anh đã đến đây vào giữa tháng mười, gần một tháng sau khi anh nói Haji Ali hãy đợi mình. Họ phải xây dựng những bức tường trong tuần này, anh nghĩ. Mortenson nén tức giận vào trong lòng, anh tự trách chính mình. Anh không thể quay lại Pakistan mãi. Giờ đây anh đã có gia đình, anh cần một sự nghiệp. Anh muốn ngôi trường được hoàn tất để có thể bắt đầu hình dung ra nghề nghiệp cho cuộc đời của mình sẽ như thế nào. Và bây giờ, mùa đông sẽ làm chậm trễ việc xây dựng một lần nữa. Mortenson giận dữ đá một hòn đá.

“Có việc gì vậy?” Haji Ali nói bằng tiếng Balti. “Anh trông như con cừu đực non đang húc đầu.”

Mortenson hít sâu. “Vi sao ông chưa bắt đầu?” anh hỏi.

“Bác sĩ Greg, chúng tôi đã bàn về kế hoạch của anh sau khi anh quay về quê hương mình.” Haji Ali nói. “Và chúng tôi đã quyết định rằng thật điên rồ khi phung phí tiền của anh để trả cho những người đàn ông lười biếng ở Munjung và Askole. Bọn họ biết ngôi trường được xây dựng bởi một người nước ngoài giàu có, do đó bọn họ sẽ làm ít mà tranh cãi thì nhiều. Vì vậy chúng tôi tự xẻ đá. Việc đó đã mất cả một mùa hè, do có nhiều người phải rời làng để làm công việc khuân vác. Nhưng anh đừng lo, tôi đã cất giữ tiền của anh một cách an toàn ở nhà tôi.”

“Tôi không lo ngại về tiền.” Mortenson nói. “Nhưng tôi muốn lợp xong mái trường trước khi mùa đông bắt đầu để cho bọn trẻ có chỗ học hành.”

Haji Ali đặt bàn tay mình lên vai Mortenson và bóp vai anh chàng người Mỹ như một người cha. “Tôi cảm ơn Thánh Allah nhân từ vì tất cả những gì anh đã làm. Nhưng dân Korphe đã ở đây mà không có trường học từ sáu trăm năm.” ông nói và mỉm cười. “Thêm một mùa đông nữa thì đã sao?”

Trên đường trở về nhà Haji Ali, ngang qua một hành lang những bó lúa mì đang đợi đập, Mortenson dừng lại cách đó vài mét, chào những dân làng đã bỏ gánh xuống để chào mừng anh. Những người phụ nữ đang trở về từ những cánh đồng, khom người tới trước để đỡ những cọng lúa mì từ trong những chiếc giỏ mà họ mang trên lưng, trước khi quay trở lại để gặt tiếp một bó khác bằng liềm. Được kết vào *urdwas* họ quấn trên đầu, sáng lấp lánh giữa vỏ lúa mì xỉn màu bám vào lớp len, Mortenson nhận ra những dải dây nylon xanh và đỏ của mình. Không một thứ gì bị lãng phí ở Korphe.

Đêm hôm đó, nằm dưới những vì sao trên mái nhà Haji Ali, kề bên Twaha, Mortenson nghĩ lại là mình đã cô đơn như thế nào trong lần cuối nằm ngủ tại đây. Anh hình dung ra Tara, nhớ lại kiểu cách đáng yêu mà nàng vẫy tay với anh qua cửa kính ở sân bay San Francisco, và một bong bóng hạnh phúc dâng lên mạnh đến nỗi anh không thể giữ nó cho riêng mình.

“Twaha, anh thức chứ?” Mortenson hỏi.

“Phải, còn thức.”

“Tôi có chuyện này muốn kể cho anh. Tôi đã kết hôn.”

Mortenson nghe một tiếng lách cách, rồi nhúu mắt lại vì ánh sáng của cây đèn pin mà anh vừa mang từ Mỹ sang cho bạn mình. Twaha ngồi dậy kề bên anh, đang nhìn nét mặt anh dưới ánh sáng của bóng đèn pin mới để xem anh có nói đùa hay không.

Rồi cây đèn pin rơi xuống đất và Mortenson cảm thấy một loạt những nắm đấm vào tay và vai anh để chúc mừng. Twaha nằm sụp xuống đồng trải giường của mình và thở dài hạnh phúc. “Haji Ali nói bác sĩ Greg lần này trông rất khác.” Twaha cười nói. “Ông ấy thực sự biết mọi chuyện.” Anh ấy bật tắt cây đèn pin để thử. “Tôi có thể biết tên cô ấy không?”

“Tara.”

“Ta... ra.” Twaha nói, cân nhắc cái tên mà theo tiếng Urdu có nghĩa là ngôi sao. “Tara của anh đáng yêu chứ?”

“Ừ.” Mortenson nói, cảm thấy mặt mình đỏ lên. “Rất đáng yêu.”

“Anh phải đưa cho cha cô ấy bao nhiêu dê và cừu?” Twaha hỏi.

“Cha cô ấy đã chết, như cha tôi vậy.” Mortenson nói. “Và ở Mỹ, chúng tôi không trả tiền cho cô dâu.”

“Cô ấy có khóc khi xa rời mẹ mình không?”

“Cô ấy chỉ nói cho mẹ mình về tôi sau khi chúng tôi kết hôn.”

Twaha im lặng trong giây lát, suy nghĩ về những phong tục hôn nhân kì lạ của người Mỹ.

Mortenson đã được mời dự hàng chục đám cưới kể từ khi anh đến Pakistan. Các chi tiết hôn lễ ở Balti khác nhau từ làng này sang làng khác, nhưng có một đặc điểm chính không hề thay đổi - sự đau buồn của cô dâu khi rời gia đình mình mãi mãi.

“Thông thường trong lễ cưới, có một chi tiết long trọng khi bạn thấy cô dâu và bà mẹ ôm chặt lấy nhau khóc.” Mortenson nói. “Cha chú rể xếp những bao đường, bột mì, và hứa hẹn về số lượng dê và cừu, trong khi cha cô dâu khoanh tay và quay lưng lại, đòi hỏi khát khe; khi cân nhắc thấy cái giá phù hợp, ông quay lại và gật đầu. Rồi mọi chuyện trở nên lộn xộn. Tôi đã thấy những người đàn ông dùng hết sức cố kéo cô dâu ra khỏi bà mẹ, trong khi những người phụ nữ khóc và rên rỉ. Nếu cô dâu rời khỏi một làng hẻo lánh như Korphe, thì cô ta biết rằng mình không bao giờ có thể gặp lại gia đình mình nữa.”

Sáng hôm sau, Mortenson thấy có một quả trứng luộc quý hiếm trên đĩa của mình, kế bên món ăn sáng bình thường gồm *chapatti* và *lassi*. Haji Ali bóc vỏ trứng cho Mortenson và giải thích. “Để anh có sức mạnh đủ tạo ra nhiều con.” ông nói, trong khi Sakina cười rúc rích bên dưới tấm khăn choàng.

Haji Ali kiên nhẫn ngồi bên anh cho đến khi anh uống hết chén trà sữa thứ hai. Một nụ cười tươi thoáng hiện rồi bùng lên giữa bộ râu của ông. “Chúng ta đi xây trường nào.” ông nói.

Haji Ali leo lên mái nhà và kêu gọi tất cả đàn ông tụ họp lại ở giáo đường làng. Mortenson, mang theo năm cái xẻng mà anh đã lấy lại được từ khách sạn bỏ hoang của Changazi, đi theo Haji Ali dọc theo những lối đi hướng về giáo đường, khi những người đàn ông trong làng túa ra từ mọi ngôi nhà.

Giáo đường làng Korphe đã được sửa lại cho phù hợp với môi trường đang thay đổi qua nhiều thế kỉ, rất giống những tín đồ mang đầy niềm tin vào trong đó. Người Balti, không có ngôn ngữ viết, bù trừ bằng cách truyền lại chính xác sử truyền miệng. Mỗi người Balti đều có thể thuộc lòng về tổ tiên của họ, trở ngược lại đến hai mươi thế hệ. Và bất cứ người nào ở Korphe cũng đều biết truyền thuyết của tòa nhà viên gỗ được chống đỡ bằng những bức tường đất. Nó đã ở đó gần năm trăm năm, và đã được sử

dụng như một đèn thờ Phật giáo trước khi Hồi giáo thiết lập một thành trì vững chắc ở Baltistan.

Lần đầu tiên kể từ khi đến Korphe, Mortenson bước qua cổng và đặt chân vào bên trong ngôi đền. Trong những chuyến viếng thăm, anh đã kính cẩn đứng xa giáo đường và vị lãnh đạo tôn giáo của Korphe, Sher Takhi. Mortenson không biết chắc là vị giáo sĩ Hồi giáo cảm thấy như thế nào khi có một kẻ ngoại đạo trong làng, một kẻ ngoại đạo đề nghị giáo dục những bé gái ở Korphe. Sher Takhi mỉm cười với Mortenson và dẫn anh đến tắm rửa cầu nguyện ở cuối phòng. Ông ta gầy và có bộ râu điểm muối tiêu. Như hầu hết những người Balti sống ở miền núi, ông trông già hơn cái tuổi bốn mươi của mình hàng chục tuổi.

Sher Takhi, người đã kêu gọi lòng tin vào việc cầu nguyện năm lần mỗi ngày cho cả làng Korphe rải rác khá rộng mà không cần đến máy khuếch âm, cất giọng như quét khắp gian phòng. Ông hướng dẫn những người đàn ông thực hiện một *dua* đặc biệt, cầu xin Thánh Allah phù hộ và chỉ dẫn họ khi họ bắt đầu làm việc cho ngôi trường. Mortenson cầu nguyện như ông thợ may đã dạy, khoanh hai cánh tay và gập người ngang thắt lưng. Những người đàn ông Korphe giữ cứng hai tay hai bên hông và ép mình gần như úp sấp xuống đất.

Mortenson nhận ra rằng ông thợ may đã chỉ anh cách cầu nguyện kiểu Sunni. Vài tháng trước, Mortenson đã đọc trên báo Islamabad về làn sóng bạo động Sunni-Shiite mới nhất. Một chiếc xe buýt từ Skardu đi qua hẻm núi Indus trên đường lên xa lộ Karakoram, ngay khi đi qua Chilas, một vùng do người Sunni kiểm soát, một chục người đàn ông che kín mặt, vũ trang tiểu liên Kalashnikov đã phong tỏa con đường và buộc hành khách ra khỏi xe. Họ tách người Shia ra khỏi người Sunni và cắt cổ mười tám người đàn ông Shia trước sự chứng kiến của vợ con họ. Giờ đây anh cầu nguyện như một người Sunni ở ngay trong lòng người Shiite Pakistan. Với những giáo phái đang có giao tranh, Mortenson biết, đàn ông bị giết mà không có lí do gì cả.

“Tôi phân vân giữa việc học cho nhanh cách cầu nguyện như một người Shia hay nên tận dụng tốt nhất cơ hội của mình để nghiên cứu những hình Phật bằng gỗ chạm trên tường,” Mortenson nói. Nếu người Balti tôn kính Phật đủ để thực hành tín ngưỡng khắc khổ của họ bên cạnh chũr vạ và bánh xe luân hồi đạo Phật, Mortenson quyết là như thế khi mắt anh nấn ná

nơi những hình chạm, thì chắc họ sẽ đủ rộng lượng để dung thứ cho cách cầu nguyện ngoại giáo mà ông thợ may đã dạy cho anh.

Lần này Haji Ali đưa cho anh một sợi dây. Nó được bện tại địa phương, không phải là sợi dây thừng xanh và đỏ. Mortenson đo chính xác chiều dài, nhúng dây vào hỗn hợp canxi và vôi, rồi dùng phương pháp kiểm tra thời gian của làng để đánh dấu các kích cỡ của địa điểm xây dựng. Haji Ali và Twaha kéo căng dây và quất nó xuống mặt đất, để lại những đường thẳng màu trắng trên nền đất nện, nơi sẽ là vị trí của những bức tường trường học. Mortenson đưa ra năm cái xẻng, và năm mươi người đàn ông khác thay phiên nhau đào liên tục cả buổi chiều cho đến khi có được một cái mương rộng một mét và sâu một mét quanh chu vi trường học.

Khi mương đã đào xong, Haji Ali gạt đầu về hướng hai tảng đá lớn đã được đục đẽo cho mục đích này, và sáu người đàn ông nâng những tảng đá này lên, khó nhọc lê bước về phía đường mương và hạ xuống vào trong góc móng đối diện với Korphe K2. Sau đó, ông bảo mang đến một con *chogo rabak*.

Twaha nghiêm trang sai bước và quay trở lại với con vật lớn màu tro có cặp sừng thật đẹp. “Thông thường, bạn phải kéo con cừu đục đẽo làm cho nó di chuyển.” Mortenson nói. “Nhưng đây là con cừu đục đẽo lớn nhất của làng. Nó lớn đến nỗi có thể kéo Twaha đi; anh ta cố hết sức để giữ và kéo con vật đến nơi hành hình.”

Twaha giữ con *rabak* bên trên tảng đá và nắm chặt sừng của nó. Anh ta nhẹ nhàng xoay đầu nó về hướng Mecca trong khi Sher Takhi ngâm tụng câu chuyện Thánh Allah yêu cầu Abraham hiến tế con trai mình, trước khi cho phép ông dùng một con cừu đục đẽo thay thế sau khi ông vượt qua được thử thách về lòng trung thành của mình. Trong kinh Koran, câu chuyện này xuất hiện rất giống như thỏa ước mà Abraham và Isaac thực hiện trong kinh Torah và kinh Thánh. “Chúng kiến cảnh này xuất phát trực tiếp từ những câu chuyện trong kinh Thánh mà tôi đã được học trong lớp giáo lí ngày chủ nhật ở nhà thờ.” Mortenson nói. “Tôi nghĩ các tín ngưỡng khác nhau có biết bao nhiêu đặc điểm chung, bạn có thể dò ra rất nhiều tập quán của các tôn giáo này có chung một nguồn gốc như thế nào.”

Hussain, một người khuôn vác leo núi thành đạt, với vóc dáng như một võ sĩ sumo trong kích thước của người Balti, là đồ tể của làng. Những người khuôn vác Balti được trả tiền tính theo tải trọng hai mươi lăm kí.

Hussain nổi tiếng vì vận chuyển một tải trọng gấp ba trong những chuyến thám hiểm, mỗi lần không bao giờ ít hơn bảy mươi kí. Anh ta rút con dao dài bốn tấc ra khỏi vỏ và nhẹ nhàng đặt nó xuống đám lông lỏm chồm trên họng con cừu. Sher Takhi đưa cao hai tay lên, lòng bàn tay hướng lên trên đầu con *rabak* và xin Thánh Allah cho phép lấy mạng nó. Rồi ông gật đầu với người đàn ông đang run run cầm con dao.

Hussain gồng hai chân và đưa lưỡi dao một cách gọn gàng qua khí quản con cừu đực, rồi đưa vào tĩnh mạch cảnh. Dòng máu nóng trào ra, tung tóe trên những tảng đá, rồi phun thành từng đợt, chậm dần cùng với những nhát dao cuối cùng đâm vào tim con vật. Gầm gừ gấng sức, Hussain rọc dao xuyên qua tủy sống, và Twaha nắm sừng đưa cao cái đầu con vật lên. Mortenson nhìn chăm chú vào mắt con vật, và đôi mắt của nó cũng nhìn lại không kém sinh động hơn đôi mắt trước đó khi Hussain đâm dao.

Phụ nữ chuẩn bị cơm và *dal* trong khi đàn ông lột da và xẻ thịt con cừu đực. “Chúng tôi không làm gì khác trong ngày hôm đó.” Mortenson nói. “Trên thực tế, chúng tôi hầu như không làm được chuyện gì khác trong mùa thu năm đó. Haji Ali đang vội để cầu thần thánh cho ngôi trường, chứ không phải để xây trường. Chúng tôi chỉ có một bữa tiệc lớn. Đối với người dân, có lẽ chỉ ăn thịt vài lần trong một năm, thì bữa tiệc đó là một chuyện nghiêm túc hơn nhiều so với ngôi trường.”

Mỗi người dân Korphe đều có phần thịt của mình. Sau khi khúc xương cuối cùng được đập ra và chút tủy cuối cùng đã được mút hết, Mortenson nhập vào một toán đàn ông, nhóm ngọn lửa ở nơi mà anh hi vọng rằng một ngày gần đây sẽ trở thành sân của ngôi trường hoàn chỉnh. Khi trăng mọc lên trên Korphe K2, họ nhảy múa quanh đám lửa và dạy cho Mortenson những bài thơ từ Trường ca Người Himalaya của Gezar được khắp vùng nóc nhà của thế giới yêu thích, và giới thiệu anh với nguồn bài hát dân gian Balti nhiều vô tận.

Cùng nhau, người Balti và người Mỹ cao to nhảy múa như những tu sĩ Hồi giáo và ca hát về những vương quốc phong kiến vùng núi, về sự hung bạo của những chiến binh Pathan tràn vào từ Afghanistan, và những trận chiến giữa các vị vua người Balti với người châu Âu xâm lược trước hết đến từ phương Tây vào thời Alexander, và sau đó, có sự tham gia của bọn tay sai Gurkha, từ vùng đất Ấn Độ của Anh đến phía nam và phía đông. Phụ nữ Korphe, lúc này đã quen với kẻ ngoại đạo giữa bọn họ, đứng ngoài rìa ánh lửa, mặt họ bừng sáng lên khi vỗ tay và hát cùng những người đàn ông.

Mortenson nhận ra rằng người Balti có một lịch sử, một truyền thống phong phú. Việc nó không được ghi chép lại không hề làm cho nó giảm bớt tính xác thực. Những khuôn mặt bao quanh ngọn lửa này không cần phải được dạy nhiều như họ cần có sự trợ giúp. Và ngôi trường là một nơi để họ có thể tự giúp chính mình. Mortenson xem xét kỹ địa điểm xây dựng. Không có gì nhiều hơn là một đường mương cạn vơi máu cừu đục. Anh sẽ không thể hoàn thành được gì nhiều hơn nữa trước khi trở về nhà với Tara, nhưng trong đêm tuyết mùa đó, ngôi trường đã vươn thành một khối rất quan trọng trong tâm trí anh - nó trở nên thực đối với anh. Anh có thể thấy ngôi trường hoàn chỉnh dựng lên trước mặt mình rõ ràng như núi Korphe K2, được chiếu sáng bởi ánh trăng ngà. Mortenson quay trở lại đối diện với ngọn lửa.

Chủ nhà của Tara Bishop từ chối không cho hai vợ chồng sống trong căn hộ được sửa chữa từ nhà xe tiện nghi, vì vậy Mortenson đã chở đi vài món đồ của vợ, thích hợp với căn phòng thuê ở nhà Dudzinski, và chất đầy số còn lại vào khoảng kho của mình. Nhìn thấy những quyển sách và cây đèn của cô tựa sát vào những chú voi tạc bằng ngà của cha mình, Mortenson cảm thấy cuộc đời của họ quyện vào với nhau như những chú voi - từ vòi đến đuôi, từ dây đèn đến thùng đựng sữa.

Tara rút ra từ khoản thừa kế nhỏ mà cha mình đã để lại để mua chiếc giường gỗ cỡ lớn, chiếm nhiều không gian trong phòng ngủ nhỏ của họ. Mortenson thích thú vì những tác động tích cực mà hôn nhân đã mang lại cho cuộc sống của anh. Lần đầu tiên kể từ khi đến California, anh rời khỏi túi ngủ của mình và bước vào chiếc giường. Và lần đầu tiên sau nhiều năm, anh đã có người để cùng bàn cãi về cuộc phiêu lưu mà anh đã dấn vào kể từ khi đặt chân đến Korphe.

“Greg càng nói về công trình của anh, tôi càng nhận ra mình may mắn như thế nào.” Tara nói. “Anh ấy quá say mê vùng đất Pakistan, và niềm say mê đó đã bộc lộ ở bất cứ thứ gì khác mà anh làm.”

Jean Hoerni cũng lấy làm kinh ngạc về sự đam mê của Mortenson đối với người dân Karakoram. Ông mời Mortenson và Bishop đến dự lễ Tạ ơn tại Seattle. Hoerni và vợ ông, Jennifer Wilson, dọn một bữa ăn hoành tráng nhắc Mortenson nhớ đến những bữa tiệc mà anh đã được ăn ở Baltistan, trong cuộc chiến giành giật ngôi trường. Hoerni thích nghe từng chi tiết và Mortenson đã mô tả những vụ bắt cóc bằng xe jeep, bữa ăn kếp ở Khane và

nguyên một con bò Tây Tạng mà Changazi dọn ra ở Kuardu, và rồi trở về với hiện tại. Anh không chạm đến thức ăn của mình, mô tả việc động thổ ngôi trường Korphe, việc hiến tế con *chogo rabak* và một đêm thức trắng nhảy múa bên ngọn lửa.

Vào lễ Tạ ơn năm đó, Mortenson có nhiều điều để tạ ơn. “Nghe này,” Hoerni nói khi họ ngồi trước ngọn lửa của lò sưởi với những cốc rượu vang lớn. “Anh yêu thích những gì mà anh đang làm ở Himalaya và dường như anh làm cũng không đến nỗi tệ. Tại sao anh không chọn nó làm sự nghiệp? Bọn trẻ ở những ngôi làng có mua chuộc anh cũng cần trường học, và không một ai trong giới leo núi sẽ động một ngón tay để giúp những người Hồi giáo. Họ có quá nhiều người Sherpa và Tây Tạng, có quá nhiều người Phật giáo trong suy nghĩ của họ. Anh nghĩ sao nếu như tôi thành lập một quỹ tài trợ và bổ nhiệm anh làm giám đốc? Anh có thể xây dựng trường học mỗi năm. Anh nghĩ sao?”

Mortenson bóp chặt tay vợ mình. Ý tưởng thật quá đúng đắn khiến anh không dám nói gì. Chỉ sợ Hoerni có thể đổi ý. Anh nhấp rượu của mình.

Mùa đông năm đó, Tara Bishop có thai. Với một đứa con sắp chào đời, căn hộ ám khói của Dudzinski càng lúc càng có vẻ không thích hợp. Mẹ của Tara, Lila Bishop, nghe được những tường thuật sáng láng về cá tính của Mortenson từ những quan hệ của mình trong giới leo núi, đã mời hai vợ chồng đến thăm ngôi nhà đầy chất nghệ thuật của bà ở trung tâm lịch sử của Bozeman, Montana. Mortenson lập tức đi đến thành phố mộc mạc, nằm bên dưới dãy Gallatin hoang vu. Anh rời khỏi Berkeley, thành phố gắn liền với cuộc đời leo núi mà anh đã bỏ lại đằng sau. Lila Bishop đề nghị cho họ vay đủ số tiền đặt cọc để mua một căn nhà nhỏ gần đó.

Vào đầu mùa xuân, Mortenson đóng cửa gian phòng kho tự giữ số 114 lần cuối cùng và lái chiếc xe tải U-Haul cùng vợ mình đến Montana. Họ chuyển vào căn nhà gỗ một tầng sạch sẽ cách nhà mẹ Tara hai tòa nhà. Căn nhà có khoảnh sân với hàng rào bao quanh, nơi trẻ con có thể chơi đùa, cách xa với thứ khói gián tiếp của thủy thủ Ba Lan và đám trẻ con mười bốn tuổi vẫy súng.

Tháng 5 năm 1996, khi Mortenson điền vào những biểu mẫu nhập cảnh ở sân bay Islamabad, cây bút của anh ngập ngừng trên ô ghi “nghề nghiệp”. Trong nhiều năm, anh đã ghi “nhà leo núi”. Lần này anh nguệch ngoạc dòng chữ in hoa “Giám Đốc, Viện Trung Á”. Hoerni đã gợi ý cái tên này. Nhà khoa học đã hình dung ra một hoạt động có thể phát triển nhanh như

một trong những công ty bán dẫn của mình, mở rộng để xây dựng những ngôi trường và những dự án nhân đạo vượt ra ngoài Pakistan, qua hàng hà sa số “stan” tràn ra những tuyến đường tơ lụa. Mortenson chưa chắc chắn như vậy. Anh gặp quá nhiều rắc rối trong việc dựng nên một ngôi trường từ mặt đất để nghĩ theo tầm cỡ của Hoerni. Nhưng anh đã có lương hằng năm 21.798 đôla để có thể trông cậy, và một sự ủy thác để bắt đầu suy nghĩ dài hạn.

Từ Skardu, Mortenson gửi thông báo đến làng của Mouzafer, mời ông đến Korphe với một mức lương cố định để giúp cho ngôi trường. Anh cũng đến thăm Ghulam Parvi trước khi ông “lên đường”. Parvi sống tại vùng ngoại ô với những vườn cây tươi tốt ở những ngọn đồi phía bắc Skardu. Khu nhà tường của ông nằm sát một thánh đường Hồi giáo lộng lẫy mà ông đã giúp sức xây dựng trên mảnh đất cha ông hiến tặng. Qua buổi uống trà trong sân nhà Parvi, được bao quanh bởi những cây táo và cây mơ đang nở hoa, Mortenson trình bày kế hoạch khiêm tốn nhất của mình cho tương lai - hoàn tất ngôi trường ở Korphe và xây dựng một trường khác ở đâu đó trong vùng Baltistan vào năm sau - và mời Parvi tham gia. Được ủy quyền bởi Hoerni, Mortenson nhã ý gửi Parvi một khoản lương nhỏ để bổ sung vào thu nhập từ nghề kế toán của ông. “Tôi có thể thấy ngay sự vĩ đại trong tâm lòng của Greg.” Parvi nói. “Cả hai chúng tôi đều mong muốn những chuyện giống nhau cho trẻ em Baltistan. Vì sao tôi có thể từ chối một con người như vậy?”

Cùng với Makhmal, một thợ nề có tay nghề mà Parvi đã giới thiệu ở Skardu, Mortenson đến Korphe vào chiều thứ sáu. Đi trên cây cầu mới dẫn vào làng, Mortenson ngạc nhiên thấy một chục phụ nữ Korphe đi thong thả về phía anh, trong những chiếc khăn quàng và những đôi giày đẹp nhất mà họ chỉ mang vào những dịp đặc biệt. Họ cúi chào anh trước khi vội vàng đến thăm con cái ở những ngôi làng lân cận trong dịp *Juma*, ngày lễ thánh. “Giờ đây khi có thể trở về trong cùng buổi chiều, những phụ nữ Korphe đã đều đặn mỗi thứ sáu đi thăm con mình.” Mortenson giải thích. “Cây cầu đã làm bền vững những mối quan hệ mẹ con và giúp phụ nữ cảm thấy hạnh phúc hơn và ít bị cô lập hơn. Có ai biết được một điều đơn giản như một cây cầu lại có thể đem lại sức mạnh cho phụ nữ?”

Ở bờ bên kia sông Braldu, Haji Ali đứng như tượng như mọi khi, trên điểm cao nhất của một vách đá. Kế bên là Twaha và Jahan; ông chào đón

đưa con trai người Mỹ của mình trở về bằng một cái ôm như gấu và nồng nhiệt chào người khách mà anh đưa từ thành phố lớn đến đây.

Mortenson thích thú khi thấy người bạn cũ Mouzafer đứng bên lén phía sau Haji Ali. Ông cũng ôm Mortenson rồi đặt tay mình lên tim để tỏ lòng kính trọng khi họ rời ra để nhìn nhau. Mouzafer trông già đi rất nhiều kể từ khi Mortenson gặp ông lần cuối và có vẻ không được khỏe.

“*Yong chiina yot?*” Mortenson nói đầy sự quan tâm, chào bằng câu chào truyền thống của người Balti. “Ông có khỏe không?”

“Hôm nay tôi khỏe, tất cả là nhờ ơn Thánh Allah.” Mouzafer nói, mãi một lúc sau ông mới nói tiếp bằng nhịp điệu nhẹ nhàng của một người sắp điếc. “Chỉ một một chút.” Đêm hôm đó, trong bữa ăn gồm *dal* và cơm ở nhà Haji Ali, Mortenson được biết Mouzafer vừa hoàn tất mười tám ngày anh hùng. Lại một vụ lở đất nữa làm nghẽn con đường mòn duy nhất từ Skardu đến Korphe, và Mouzafer, vừa trở về từ chuyến đi 130 dặm trên Baltoro cùng đoàn thám hiểm người Nhật, đã dẫn đầu một nhóm nhỏ những người khuân vác, chuyển những bao ximăng bốn mươi kí qua mười tám dặm ngược sông đến Korphe. Một người nhỏ nhắn giữa tuổi lục tuần, Mouzafer đã thực hiện hơn hai mươi chuyến mang vác nặng, bỏ nhiều bữa ăn và đi bộ ngày đêm để chuyển ximăng đến địa điểm xây dựng đúng thời gian Mortenson đến.

“Khi tôi gặp Greg Mortenson lần đầu tiên ở Baltoro, anh ta là một chàng trai ăn nói rất thân thiện.” Mouzafer nói, “Luôn luôn đưa và chia sẻ lòng mình với những người nghèo như phu khuân vác. Khi tôi lạc mắt anh và nghĩ rằng anh có thể chết ngoài băng giá, tôi đã thức cả đêm, cầu nguyện Thánh Allah cho tôi có thể cứu anh. Và khi tìm thấy anh, tôi đã tự hứa sẽ bảo vệ anh mãi mãi với tất cả sức lực của mình. Kể từ đó, anh ấy đã cho Balti nhiều. Tôi nghèo, và tôi chỉ có thể cho anh lời cầu nguyện của mình. Ngoài ra còn có sức mạnh của lưng tôi. Mà tôi vui lòng cho đi để anh có thể xây dựng ngôi trường của mình. Về sau, khi trở về làng mình sau thời gian vận chuyển ximăng, vợ tôi đã nhìn khuôn mặt nhỏ của tôi và hỏi ‘Điều gì đã xảy ra với anh? Anh bị bắt giam hả?’” Mouzafer nói với tiếng cười the thé.

Sáng hôm sau, trước khi trời sáng, Mortenson bước tới bước lui trên mái nhà của Haji Ali. Bây giờ anh đã ở đây như giám đốc của một tổ chức. Anh có những trách nhiệm lớn hơn là chỉ một ngôi trường ở một ngôi làng hẻo lánh.

Niềm tin mà Jean Hoerni đã dành cho anh đè nặng trên đôi vai rộng của anh, và anh xác định sẽ không có thêm những buổi họp bất tận và những buổi tiệc; anh sẽ thúc đẩy việc xây dựng nhanh chóng hoàn tất.

Khi người làng tập trung tại địa điểm xây dựng, Mortenson gặp họ với dây dọi, thước thủy và sổ cái trên tay. “Để việc xây dựng tiến triển cũng giống như điều khiển một dàn nhạc.” Mortenson nói. “Trước hết, chúng tôi phải sử dụng thuốc nổ để phá những tảng đá lớn thành những tảng đá nhỏ hơn. Rồi cần có hàng chục người luồn lách qua đồng cỏ nát như một giai điệu, mang đá đến cho thợ hồ. Makhmal sẽ tạo hình những khối đá thành những viên gạch đều đặn đến không ngờ chỉ với một vài nhát đục. Những nhóm phụ nữ mang nước đến từ dòng sông, để trộn với xi măng trong những hố lớn đã được đào trên nền đất. Rồi thợ hồ sẽ trát vữa lên xi măng và xếp gạch thành từng hàng dần lên cao. Sau cùng, hàng chục trẻ em trong làng sẽ ném những mẩu đá vụn vào khe hở ở giữa những viên gạch.

“Tất cả chúng tôi đều rất phấn khởi để hỗ trợ.” Cô con gái Tahira của thầy giáo Hussein, khi đó mới mười tuổi nói. “Cha tôi nói rằng trường học sẽ là một thứ gì rất rộng rãi, nhưng tôi không biết một ngôi trường là như thế nào; do đó tôi đến để xem điều gì làm mọi người phấn khởi như vậy và để giúp họ. Mọi người trong gia đình đều phụ một tay vào việc xây dựng.”

“Bác sĩ Greg đem sách từ nước ông đến.” cháu gái Jahan của Haji Ali, khi đó lên chín, người tốt nghiệp cùng Tahira trong lớp đầu tiên của trường Korphe nói. “Và họ có những hình ảnh về ngôi trường, do đó em hình dung được đôi điều mà chúng em đang hi vọng xây dựng. Em nghĩ bác sĩ Greg rất khác biệt với bộ quần áo sạch sẽ của ông. Và tất cả trẻ em trong hình trông cũng rất sạch sẽ. Em cũng nhớ mình đã nghĩ nếu được đến trường này, một ngày kia em cũng có thể trở nên khác biệt.”

Đến hết tháng sáu, các bức tường của ngôi trường đã mọc lên vững chãi, nhưng với một nửa đội ngũ xây dựng vắng mặt trong bất cứ ngày nào vì phải đi chăm sóc mùa màng và súc vật, việc xây dựng diễn tiến chậm hơn mong muốn của Mortenson. “Tôi cố tỏ ra là một người đốc công cứng cỏi nhưng công bằng.” Mortenson nói. “Tôi có mặt cả ngày ở địa điểm xây dựng, từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn, sử dụng thước thủy để đảm bảo các bức tường bằng phẳng và dây dọi để kiểm tra là chúng thẳng đứng. Tôi luôn luôn có sổ ghi chép trong tay và để mắt đến mọi người, lo lắng tính toán từng rupi. Tôi không muốn làm Jean Hoerni thất vọng, do đó tôi thúc giục mọi người gặt gao.”

Một buổi chiều tối trời đầu tháng tám, Haji Ali vồ vào vai Mortenson ở địa điểm xây dựng và rủ anh đi dạo. Người đàn ông già dẫn nhà cừu leo núi lên đồi trong một giờ, trên đôi chân còn vững vàng đủ để vượt qua chàng trai trẻ hơn mình nhiều. Mortenson cảm thấy thời gian quý báu đang trôi đi và vào lúc Haji Ali đứng lại trên một rìa hẹp cao bên trên ngôi làng, Mortenson thở hổn hển, phần vì nghĩ về những việc mà anh không giám sát được phần vì sự rảnh sức của mình.

Haji Ali chờ cho đến khi Mortenson lấy lại được hơi thở rồi yêu cầu anh nhìn quang cảnh trước mắt. Không khí trong lành như mới được chùi rửa mà chỉ có ở trên cao mới cảm nhận được. Xa xa ngoài Korphe K2, những đỉnh núi băng của vùng bên trong Karakoram đâm lên như những mũi dao không thương xót vào bầu trời xanh không phòng vệ. Ba trăm mét bên dưới, Korphe, đầy sức sống với những cánh đồng kiều mạch đang chín, trông nhỏ bé và tầm thường, một chiếc bè của sự sống trôi dạt trên một biển đá.

Haji Ali đứng lên và đặt tay mình lên vai Mortenson. “Những ngọn núi này đã đứng đây một thời gian dài.” Ông nói. “Và chúng tôi cũng vậy.” Ông vươn tay lên chiếc nón *topi* màu nâu bằng lông cừu, biểu tượng quyền lực duy nhất của *nurmadhar* ở Korphe, nằm ngay giữa mái tóc bạc của ông. “Anh không thể bảo những ngọn núi phải làm gì.” ông nói với vẻ nghiêm nghị làm Mortenson sững sờ như cảnh vật xung quanh anh. “Anh phải học để lắng nghe chúng. Vì thế bây giờ tôi yêu cầu anh lắng nghe tôi. Với lòng nhân từ của Thánh Allah toàn năng, anh đã làm được nhiều điều cho nhân dân tôi và chúng tôi đánh giá cao điều đó. Nhưng giờ đây anh phải làm cho tôi thêm một điều nữa.”

“Bất cứ điều gì.” Mortenson nói.

“Hãy ngồi xuống. Và ngậm miệng lại.” Haji Ali nói. “Anh đang làm cho mọi người phát điên lên.”

“Sau đó ông đưa tay cầm lấy sợi dây dọi, cây thước thủy và sổ ghi chép của tôi, rồi đi trở xuống Korphe.” Mortenson nói. “Tôi đi theo ông suốt đoạn đường về nhà, lo lắng về những gì ông đang làm. Ông lấy chiếc chìa khóa lúc nào cũng đeo quanh cổ bằng một sợi dây da, mở chiếc tủ nhỏ có trang trí hình Phật đã cũ mờ và cất mọi thứ của tôi vào trong đó, cùng với một xương ống chân dê núi, chuỗi hạt cầu nguyện và cây súng hỏa mai Anh của ông. Rồi ông bảo Sakina mang trà lên cho chúng tôi.”

Mortenson sốt ruột chờ đợi nửa tiếng đồng hồ trong khi Sakina pha *paiya cha*, Haji Ali lướt những ngón tay trên cuốn kinh Koran mà ông quý hơn bất cứ tài sản nào của mình, lật ngẫu nhiên các trang và đọc gần như thì thầm lời cầu nguyện bằng tiếng Ả Rập khi ông nhìn chăm chú vào nội tâm mình.

Khi các chén sứ trà bơ nóng bốc khói trong tay họ, Haji Ali lên tiếng. “Nếu muốn sống ở Baltistan, anh phải tôn trọng lễ thói của chúng tôi.” Haji Ali vừa nói vừa thổi chén trà của mình. “Lần đầu tiên anh uống chung trà với một người Balti, anh là người lạ. Lần thứ hai anh uống trà, anh là vị khách được trân trọng. Lần thứ ba chia sẻ chén trà, anh trở thành người nhà, và đối với gia đình mình, chúng tôi sẵn sàng làm bất cứ điều gì thậm chí là bỏ mạng.” ông nói, đặt bàn tay mình một cách ấm áp lên tay Mortenson. “Bác sĩ Greg, anh phải dành thời gian để chia sẻ ba chén trà. Chúng tôi có thể không được giáo dục. Nhưng chúng tôi không ngốc nghếch. Chúng tôi đã ở đây và đã sống sót trong một thời gian dài.”

“Ngày hôm đó, Haji Ali đã dạy cho tôi bài học quan trọng nhất mà tôi từng được học trong đời.” Mortenson nói. “Người Mỹ chúng ta nghĩ rằng anh phải hoàn tất mọi chuyện thật nhanh chóng. Chúng ta là một quốc gia của những bữa ăn quyền lực ba mươi phút và những bài tập luyện bóng bầu dục hai phút. Các nhà lãnh đạo của chúng ta nghĩ rằng chiến dịch gây sốc và hoảng sợ của họ có thể kết thúc cuộc chiến Iraq thậm chí trước khi nó bắt đầu. Haji Ali dạy tôi chia sẻ ba chén trà, chậm lại và xây dựng những mối quan hệ cũng quan trọng như việc xây dựng những dự án. Ông dạy tôi rằng tôi còn nhiều điều phải học hơn nữa từ những con người mà tôi cùng làm việc, thay vì hi vọng có thể dạy cho họ.”

Ba tuần sau, với Mortenson đã từ anh đốc công trở thành một khán giả, những bức tường của trường học đã được dựng lên cao hơn đầu anh chàng người Mỹ và tất cả những gì còn lại đã được đặt lên mái. Những dầm mái mà Changazi chôn chĩa không bao giờ thu hồi lại được, và Mortenson quay trở lại Skardu, ở đó anh và Parvi giám sát việc mua và cấu tạo những dầm gỗ đủ chắc chắn để chống đỡ những trận tuyết đã ướp xác Korphe trong suốt mùa đông.

Như có thể đoán trước, những chiếc xe jeep chở gỗ lên Korphe bị chặn lại bởi một vụ lở đất khác làm đường bị chia cắt cách nơi đến mười tám dặm. “Sáng hôm sau, trong khi tôi và Parvi đang bàn xem phải làm gì thì chúng tôi thấy một đám bụi lớn bốc lên từ thung lũng.” Mortenson nói.

“Haji Ali phần nào đã được nghe về vấn đề của chúng tôi và những người đàn ông Korphe đã đi suốt đêm. Họ đến, vỗ tay, ca hát và có tinh thần cao không thể tin được đối với những người đã không hề chớp mắt. Và điều đáng kinh ngạc nhất đã xảy ra. Sher Takhi đã đến với họ và khăng khăng để được vận chuyển chuyên hàng đầu tiên.”

“Người đàn ông thánh thiện không nề hà tới việc tự hạ thấp mình với công việc tay chân. Nhưng ông sẽ không cong lưng xuống, và ông sẽ dẫn đầu đoàn ba mươi lăm người đàn ông vận chuyển những dầm mái suốt quãng đường dài mười tám dặm đến Korphe. Sher Takhi bị sốt bại liệt từ khi còn bé và ông đi cà nhắc, do đó việc mang vác là một cực hình đối với ông. Nhưng ông đã dẫn đầu chúng tôi lên đến thung lũng Braldu, cười vui vẻ bên dưới tải trọng của mình. Đó là cách mà vị giáo sĩ bảo thủ này thể hiện sự ủng hộ của mình đối với việc giáo dục tất cả trẻ em ở Korphe, ngay cả các em gái.”

Không phải hết thảy người dân Braldu đều chia sẻ quan điểm với Sher Takhi. Một tuần sau, Mortenson đang đứng đặt tay trên vai Twaha, chiêm ngưỡng sự khéo léo mà Makhmal và toán người của ông đặt các dầm mái vào vị trí thì có tiếng kêu từ các bé trai rải rác trên các nóc nhà ở Korphe. Một tốp người lạ đang băng qua cầu, chúng cảnh báo, và đang trên đường đến làng.

Mortenson theo Haji Ali đến điểm quan sát của ông trên vách đá cao bên cầu. Anh thấy năm người đàn ông đang đến gần. Một người, có vẻ là người chỉ huy, dẫn đầu đoàn người. Bốn người đàn ông lực lưỡng đi sau mang theo những cái chày làm bằng cành dương mà chúng đập vào lòng bàn tay theo nhịp bước chân. Người cầm đầu là một gã đàn ông lớn tuổi, nhỏ con, trông không được khỏe, chống gậy khi leo lên Korphe. Ông ta dừng lại, vẻ bất lịch sự, cách Haji Ali khoảng năm mươi mét, và yêu cầu *nurmadhar* của Korphe bước ra chào mình.

Twaha nghiêng người về phía Mortenson. “Người này là Haji Mehdi. Không phải người tốt.” anh thì thầm.

Mortenson đã từng gặp Haji Mehdi, *nurmadhar* của Askole. “Ông ta ra vẻ là người tôn sùng đạo Hồi.” Mortenson nói. “Nhưng ông ta thao túng kinh tế toàn thung lũng Braldu như một ông trùm mafia. Ông ta ăn phần trăm từng con cừu, con dê, con gà mà người Balti bán được và bóc lột những người leo núi, đặt ra những giá cả hàng tiếp tế cắt cổ. Nếu có ai bán

cho một đoàn thám hiểm nhiều hơn một quả trứng mà không trả phần cho ông ta, ông ta sẽ phái bọn tay sai dùng chày đánh họ.”

Sau khi Haji Ali ôm Mehdi, *nurmadhar* của Askole từ chối lời mời trà. “Tôi sẽ nói công khai để tất cả các anh có thể nghe.” ông ta nói với đám đông tụ tập quanh vách đá. “Tôi nghe nói có một kẻ ngoại đạo đã đến đầu độc trẻ em Hồi giáo, trai cũng như gái, bằng những lời dạy của hắn.” Haji Mehdi gầm gừ. “Thánh Allah cấm việc dạy học cho con gái, và ta cấm việc xây dựng ngôi trường này.”

“Chúng tôi sẽ hoàn thành ngôi trường này.” Haji Ali nói giọng đều đều. “Cho dù ông có cấm hay không.”

Mortenson bước tới, hi vọng xoa dịu bạo lực đang tích tụ lại trong không khí. “Sao chúng ta không uống trà và nói về chuyện này nhỉ.”

“Tôi biết anh là ai, *kafir*⁽¹⁵⁾.” Mehdi nói, sử dụng từ xấu xa nhất dành cho người ngoại đạo. “Và tôi không có gì để nói với anh.”

“Thế còn anh, anh có phải là một người Hồi giáo không?” Mehdi nói, quay sang Haji Ali đầy đe dọa. “Chỉ có một Thượng đế. Anh thờ phụng Thánh Allah hay tên *kafir* này?”

Haji Ali vỗ vào vai Mortenson. “Chưa bao giờ có một ai khác đến đây để giúp dân làng tôi. Tôi đã trả tiền cho ông hằng năm nhưng ông chưa bao giờ làm gì cho làng tôi cả. Người đàn ông này còn Hồi giáo hơn cả ông. Anh ta xứng đáng được tôi tôn sùng hơn ông.”

Bọn người của Haji Mehdi chạm tay vào chùy với vẻ bồn chồn. Haji Mehdi đưa một bàn tay lên để làm cho chúng vững tin. “Nếu ông khẳng giữ ngôi trường *kafir* của mình, ông phải trả giá.” Mehdi nói, mi mắt hạ xuống. “Tôi đòi mười hai con cừ đực lớn nhất của ông.”

“Như ông muốn.” Haji Ali nói, quay lưng về phía Mehdi, để nhấn mạnh rằng ông ta đã thoái hóa như thế nào khi đòi một khoản hối lộ. “Hãy đem *chogo rabak* lại đây!” ông ra lệnh.

“Bạn phải hiểu là trong những ngôi làng này, một con cừ đực cũng giống như một đứa con đầu lòng, một con bò cái đoạt giải thưởng và một con vật yêu trong gia đình - tất cả quyện lại làm một.” Mortenson giải thích. “Nhiệm vụ thiêng liêng nhất của người con trai cả trong từng gia đình là chăm sóc con dê đực của họ, và họ đã bị cướp.”

Haji Ali tiếp tục quay lưng về những người khách cho đến khi mười hai thanh niên đến gần, kéo theo những con đại gia súc có móng và sừng dày.

Ông nhận dây cương từ họ rồi buộc những con cừu đực lại với nhau. Tất cả thanh niên đều khóc khi giao chỗ tài sản thân yêu nhất của mình cho *nurmadhar*. Haji Ali dắt bầy cừu đang kêu rống thảm thiết, đến chỗ Mehdi, và ném đầu dây cho hắn mà không nói một lời. Rồi ông quay gót và dẫn người dân về địa điểm trường học.

“Đó là một trong những hành động nhún mình nhất mà tôi từng thấy.” Mortenson nói. “Haji Ali vừa giao đi một nửa của cái của làng cho gã khốn đó, nhưng ông vẫn cười như vừa trúng xổ số.”

Haji Ali dừng lại trước tòa nhà mà mọi người trong làng đã lao động vất vả để dựng lên. Ngôi trường đứng vững chãi trước Korphe K2, với những bức tường đá ẩm cứng được trát vữa và sơn vàng, cùng những cánh cửa gỗ dày để chống chọi với thời tiết. Trẻ em Korphe sẽ không bao giờ phải quỳ gối học bài trên nền đất băng giá nữa. “Đừng buồn nữa,” ông nói với đám đông đang choáng váng. “Sau khi những con cừu đực đó chết và bị ăn thịt thì ngôi trường này vẫn đứng vững. Hôm nay, Haji Mehdi có thức ăn. Giờ đây, con em chúng ta có giáo dục mãi mãi.”

Sau khi trời tối, bên ánh sáng của ngọn lửa âm ỉ trong *balti* của mình, Haji Ali ngoắc Mortenson đến ngồi bên cạnh. Ông cầm cuốn kinh Koran quăn góc, lóm đóm dầu mỡ và giữ nó trước ngọn lửa. “Anh có thấy cuốn kinh Koran đẹp như thế nào không?” Haji Ali hỏi.

“Có.”

“Tôi không thể đọc nó.” ông nói. “Tôi không thể đọc gì cả. Đó là nỗi buồn lớn nhất trong đời tôi. Tôi sẽ làm bất cứ điều gì để bọn trẻ ở làng tôi không bao giờ phải biết đến cảm giác đó. Tôi sẽ trả bất cứ giá nào để chúng có được sự giáo dục mà chúng đáng được hưởng.”

“Ngồi bên ông ấy,” Mortenson nói, “Tôi nhận ra rằng mọi điều, tất cả những khó khăn mà tôi đã trải qua từ lúc hứa xây dựng ngôi trường cho đến cuộc đấu tranh dài để hoàn thành nó, không có nghĩa gì khi so sánh với những hi sinh mà ông đã chuẩn bị để thực hiện cho dân làng mình. Đây là người đàn ông mù chữ, một người gần như chưa bao giờ rời khỏi ngôi làng nhỏ bé của mình ở Karakoram, vậy mà ông lại là một trong những người khôn ngoan nhất mà tôi đã từng gặp.”

CHƯƠNG 13

“*Một nụ cười phải hơn một kí ức*”



Người Waziri là bộ tộc lớn nhất ở vùng biên giới, nhưng còn rất kém văn minh. Họ là một chủng tộc của những kẻ trộm cắp và giết người, và cái tên Waziri bị nguyên rủa ngay cả bởi những bộ tộc Mahommedan láng giềng. Họ đã được mô tả như là những người tự do và tàn bạo, nóng nảy và nhẹ dạ, tự trọng nhưng kiêu ngạo. Người Mohammedan ở khu vực có cuộc sống ổn định xem họ như những người man rợ.

- Trích từ cuốn Bách khoa Toàn thư Anh, ấn bản năm 1911



Từ căn phòng trong khách sạn hai tầng ở haveli⁽¹⁶⁾ đồ nát, Mortenson nhìn theo bước đi của một cậu bé cụt chân, tự kéo lê mình qua khu chợ Khyber hỗn loạn trên miếng gỗ trượt. Trông nó không quá mười tuổi, và mô sẹo trên cẳng chân còn lại khiến Mortenson tin rằng nó là nạn nhân của mình. Cậu bé thực hiện hành trình khó nhọc của mình vượt qua những khách hàng ở một chiếc xe kéo, nơi một người đàn ông lớn tuổi đội khăn xếp đang khuấy chảo trà bạch đậu khấu, đầu ông ta ngang tầm với ống xả khói của những chiếc taxi đi qua. Ở tầm nhìn bên trên cậu bé, Mortenson thấy một người tài xế leo vào chiếc Datsun thùng hở chất đầy tay chân già và khởi động động cơ.

Mortenson đang suy nghĩ việc cậu bé cần một trong những đôi chân giả đang chất đống như củi trên chiếc xe thùng kia như thế nào, và khả năng mà nó nhận được ít ra sao, vì dường như chúng đã được tuồn ra từ một cơ sở từ thiện bởi một Changazi địa phương nào đó, thì anh nhận thấy chiếc xe lùi lại về phía thẳng bé. Mortenson không biết nói tiếng Pashto, thứ ngôn ngữ địa phương phổ biến nhất. “Cẩn thận!” anh la lên bằng tiếng Urdu, hi vọng cậu bé sẽ hiểu. Nhưng anh không cần lo lắng. Với ý thức tự sinh tồn phát triển cao để sống còn trên những đường phố Peshawar, cậu bé cảm nhận được nguy hiểm và lùi nhanh như cua lên lề đường.

Peshawar là thủ phủ của miền tây hoang dã Pakistan. Và với ngôi trường Korphe đã hoàn tất, Mortenson đã đến thị trấn biên giới này, rong ruổi trên con đường Grand Trunk cổ xưa trong vai trò mới của mình - Giám đốc Viện Trung Á. Ít nhất đó cũng là điều anh tự nói với mình.

Peshawar là cửa ngõ đi vào đèo Khyber. Qua tuyến đường vận chuyển này giữa Pakistan và Afghanistan, nhiều đạo quân trong lịch sử đã đi qua.

Những học viên của các *madrassas*, hoặc trường thần học Hồi giáo ở Peshawar, đã đổi sách của họ lấy những khẩu tiểu liên Kalashnikov cùng những dây đạn và hành quân về phía đèo để gia nhập vào một phong trào đang đe dọa quét các nhà cai trị bị xem thường của Afghanistan ra khỏi quyền lực.

Tháng 8 năm 1996, đạo quân chủ yếu là thanh niên này, tự gọi mình là *Taliban*, hay “sinh viên Hồi giáo”, đã phát động cuộc tấn công bất ngờ và tràn qua Jalalabad, thành phố lớn của Afghanistan bên đèo Khyber. Những đạo quân phòng vệ biên giới đã đứng sang một bên trong khi hàng nghìn chàng trai râu ria, đầu đội khăn xếp và viền mắt bằng surma sẫm màu đỏ tràn ra đèo trên hàng trăm chiếc xe mui trần thùng đôi, mang theo súng Kalashnikov và kinh Koran.

Những người tị nạn kiệt sức, chạy trốn trận chiến, tràn sang phía đông với số lượng tương đương, và gây căng thẳng cho sức chứa của các trại tị nạn bùn lầy ở biên giới Peshawar. Mortenson đã dự định rời khỏi đây từ hai ngày trước, trong một chuyến đi khảo sát các địa điểm khả dĩ cho những ngôi trường mới, nhưng không khí căng thẳng đã giữ anh ở lại Peshawar. Các quán trà rì rầm chuyện kể về những chiến thắng như sấm sét của Taliban. Và tin đồn lan đi nhanh hơn những viên đạn từ những người đàn ông mang vũ khí tự động ngẫu hứng bắn lên trời bất cứ lúc nào để ăn mừng: Những tiểu đoàn Taliban đang tập trung ở ngoại ô thủ đô Kabul, hay đã tràn vào. Tổng thống Najibullah, lãnh đạo chế độ tham nhũng hậu Xô Viết của Afghanistan, đã chạy sang Pháp hay đã bị hành hình ở một sân bóng đá.

Trong trận bão, đứa con trai thứ mười bảy của một gia đình Ả Rập Saudi giàu có đã bay trên chiếc máy bay phản lực riêng, thuê của hãng hàng không Arinana. Khi hạ cánh ở một sân bay bỏ hoang ở ngoại ô Jalalabad, với những chiếc hòm nhét đầy tiền giấy một trăm đôla không bị đánh dấu và một đoàn tùy tùng những chiến binh, cũng như hẳn, đã dày dạn kinh nghiệm từ những chiến dịch ở Afghanistan chiến đấu chống lại người Xô Viết, Osama Bin Laden được đưa tin là một người thô lỗ. Sức ép từ Mỹ và Ai Cập đã dẫn đến việc trục xuất hẳn khỏi một khu nhà liên hợp tiện nghi ở Sudan. Tiếp theo là việc tước quốc tịch Ả Rập Saudi của hẳn, hẳn đã chọn Afghanistan: Sự hỗn loạn ở đây hoàn toàn phù hợp với hẳn. Nhưng việc thiếu những tiện nghi sinh hoạt thì không. Sau khi than phiền với những chủ nhân Taliban về tiêu chuẩn của những nơi trú đóng mà họ đã tìm

cho hắn, hắn nhắm đến việc tập trung sự giận dữ vào những người mà hắn cho là chịu trách nhiệm cho sự lưu vong của mình - người Mỹ.

Trong tuần lễ mà Mortenson lưu lại gần Peshawar, Bin Laden công bố lời kêu gọi đầu tiên về đấu tranh vũ trang chống lại người Mỹ. Trong “Tuyên bố thánh chiến chống lại sự chiếm đóng của người Mỹ trên lãnh thổ của hai Thánh địa” tức Ả Rập Saudi, nơi năm nghìn quân Mỹ đóng căn cứ, hắn hô hào những môn đồ của mình tấn công người Mỹ ở bất cứ nơi đâu tìm thấy họ, “và gây ra cho chúng thiệt hại nhiều nhất có thể được.”

Như hầu hết người Mỹ, Mortenson chưa hề nghe nói tới Bin Laden. Anh cảm thấy mình có một chỗ ngồi trong đấu trường của lịch sử và miễn cưỡng để rời khỏi thị trấn. Cũng có vấn đề về việc tìm một người hộ vệ thích hợp. Trước khi rời khỏi Korphe, Mortenson đã thảo luận các kế hoạch của mình với Haji Ali. “Hãy hứa với tôi một chuyện,” vị *nurmadhar* già nói. “Đừng đi đến bất cứ nơi nào một mình, hãy tìm một vị chủ nhà mà anh tin cậy, tốt nhất là một ông trưởng làng, và chờ cho đến khi ông ta mời anh đến nhà để uống trà. Chỉ có theo cách đó, anh mới được an toàn.”

Việc tìm ra một ai đó đáng tin cậy ở Peshawar tỏ ra khó khăn hơn Mortenson nghĩ. Là một trục của nền kinh tế chợ đen Pakistan, thành phố này đầy những nhân vật ghê gớm. Thuốc phiện, vũ khí và những tám thảm là huyết mạch của thành phố, và những người đàn ông mà anh gặp kể từ khi đến đây dường như cũng đê tiện và tai tiếng như cái khách sạn rẻ tiền anh đang ở. *Haveli* đồ nát nơi anh đã ngủ trong năm đêm vừa qua là nhà của một thương gia giàu có trước đây. Phòng của Mortenson đã được sử dụng như một trạm quan sát cho phụ nữ trong gia đình. Vì phòng này mở ra đường phố qua một lưới mắt cáo bằng sa thạch chạm trổ nên phụ nữ có thể thấy hoạt động của khu phố bên dưới mà không cần xuất hiện trước công chúng và vi phạm *purdah*⁽¹⁷⁾.

□ □ □

Mortenson đánh giá cao lợi thế của mình sau bức bình phong. Sáng hôm đó, người bảo vệ khách sạn đã cảnh báo với anh rằng tốt nhất người nước ngoài không nên để cho người ta thấy. Hôm nay là ngày *Juma*, hay thứ sáu, ngày mà các giáo sĩ thốt ra những lời thề náy lửa nhất tại các giáo đường chật cứng những thanh niên khích động. Sự hăng say của ngày *Juma* kết hợp với những tin tức như các vụ nổ từ Afghanistan có thể là một hỗn hợp làm bốc hơi bất cứ người nước ngoài nào kẹt trong làn đạn.

Từ trong phòng mình, Mortenson nghe một tiếng gõ cửa và anh ra mở cửa. Badam Gul lướt qua mặt anh với điều thuốc lá đóng đũa trên môi, một cái gói kẹo dưới cánh tay, và một ấm trà trên cái khay. Mortenson đã gặp người đàn ông này, một người bạn của ông chủ khách sạn, vào đêm hôm trước, khi nghe radio trong tiền sảnh; cả hai cùng nghe một bản tin của BBC về những cuộc nổi dậy của Taliban đang làm rung chuyển Kabul.

Gul nói anh ta là một người Waziristan và có một nghề sinh lợi khác là thu thập những con bướm hiếm khắp Trung Á và cung cấp cho các bảo tàng châu Âu. Mortenson đoán rằng những con bướm không phải là tất cả những gì mà anh ta vận chuyển qua lại những tuyến đường biên giới khu vực, nhưng anh không cố hỏi chi tiết. Khi biết Mortenson muốn viếng thăm khu vực bộ lạc của mình ở phía nam Peshawar, Gul tình nguyện hướng dẫn anh đến Ladha, làng quê của mình. Haji Ali sẽ không ưng thuận nhưng Tara sắp đến ngày sinh trong vòng một tháng nữa, anh chàng Gul mày râu nhẵn nhụi có vẻ bề ngoài đáng kính, và Mortenson không có thời gian để kén chọn.

Gul rót trà trước khi mở cái gói mà anh ta quẩn trong mấy tờ báo đầy hình ảnh những chàng trai râu ria trong tư thế trên đường ra trận. Mortenson lấy ra một bộ *shalwar kamiz* rộng, màu trắng, không có cổ và được trang trí bằng những hình thêu óng ánh đẹp mắt nơi ngực, cùng một chiếc áo khoác xám xịt.

“Giống như y phục của một người đàn ông Wazir.” Gul nói, đốt điều thuốc thứ hai bằng mẫu thuốc của điều thứ nhất. “Tôi chọn bộ lớn nhất trong cả khu chợ, ông có thể trả tiền cho tôi ngay bây giờ chứ?”

Gul đếm những đồng rupi một cách cẩn thận trước khi nhét vào túi. Họ nhất trí rời thành phố lúc mờ sáng. Mortenson đã đăng kí một cuộc điện thoại ba phút với người trực tổng đài khách sạn và báo với Tara rằng anh sắp đi đến một nơi không có điện thoại trong vài ngày. Anh hứa sẽ trở về đúng thời điểm đón mừng đứa con của họ chào đời.

Chiếc Toyota mui kín màu xám đang đợi khi Mortenson thận trọng bước xuống cầu thang để ra xe lúc rạng sáng, lo sợ làm tét các đường khâu trên bộ áo của mình. Phần trên của chiếc áo *shalwar* căng chật trên đôi vai anh, và chiếc quần chỉ dài đến giữa bắp chân. Gul cười trấn an, nói rằng anh ta đột xuất bị gọi về Afghanistan vì công việc kinh doanh. Tuy nhiên tin tốt lành là người tài xế, ông Khan, quê ở một làng nhỏ gần Ladha đã đồng ý đưa anh đến đó. Mortenson thoáng nghĩ đến việc thoái lui, nhưng rồi lại rón rén lên xe.

Lăn bánh về phía nam lúc mặt trời mọc, Mortenson kéo tấm rèm ren trắng che kín phía sau tránh những đôi mắt tọc mạch. Những thành lũy vòng cung của pháo đài Bala Hisar, hiện ra mờ mờ trên thành phố đang lùi xa dần, rực rỡ trong ánh sáng đang cháy lên như ngọn núi lửa ngủ yên lâu ngày đang thức giấc.

Cách thành phố một trăm kilômét về phía nam, họ đi vào Waziristan, tỉnh biên giới phía bắc Pakistan, một nơi bất trị, nơi mà lãnh thổ của các bộ tộc hung dữ đã hình thành một vùng đệm giữa Pakistan và Afghanistan. Wazir là một dân tộc riêng, và vì vậy, họ thu hút sự chú ý của Mortenson. “Tôi cho rằng, một phần trong sự thu hút tôi đến với Balti, rõ ràng vì họ là những người bị thua thiệt.” Mortenson nói. “Những nguồn tài nguyên và những tài năng của họ bị chính quyền Pakistan cướp bóc, chỉ đáp trả lại cho họ rất ít và thậm chí còn không cho họ quyền được bầu cử.”

Wazir cũng là những người chịu thua thiệt, Mortenson nghĩ. Kể từ khi được Jean Hoerni chỉ định làm giám đốc của tổ chức mới, Mortenson đã nguyện trở thành một chuyên gia giống như cái danh hiệu xa lạ đối với anh - giám đốc Viện Trung Á. Qua mùa đông, giữa những chuyến đi đến miền trung hoang dã cùng Tara, và những ngày dán giấy tường, sửa sang phòng ngủ trên gác là nơi đứa con của họ sẽ chào đời, anh đã đọc mọi quyển sách mà mình có thể tìm được về Trung Á. Anh sắp tận mắt nhìn thấy vùng đất này - những nhóm bộ tộc nắm quyền lực, được phân chia thành những nhà nước do người châu Âu tùy tiện đặt ra, nhưng nhà nước không quan tâm gì nhiều đến sự liên minh giữa bộ tộc nguyên thủy với quyền lợi của nhân dân họ.

Không có bộ lạc nào thu hút sự tưởng tượng của anh như Wazir. Không trung thành với Pakistan lẫn Afghanistan, họ là người Pashtun, và liên minh với bộ lạc lớn hơn bất cứ bộ tộc nào khác. Từ thời Alexander, người nước ngoài đã gặp sự kháng cự kiên cường mỗi khi phái quân đội vào vùng này. Với mỗi thất bại của một lực lượng lớn hơn, được trang bị tốt hơn đã đến Waziristan, sự mất quyền công dân của họ dần tăng. Sau khi mất hàng trăm người vì một lực lượng du kích nhỏ, Alexander đã hạ lệnh cho quân lính từ nay về sau đi men theo những vùng đất “quỷ dữ của sa mạc” này. Người Anh cũng không thu được kết quả tốt hơn, đã thua trong hai cuộc chiến với Wazir và bộ tộc Pashtun lớn hơn.

Năm 1893, những lực lượng Anh vấy máu rút khỏi Waziristan đến giới tuyến Durand, đường biên giới mà họ tạo ra giữa Ấn-Anh và Afghanistan.

Giới tuyến Durand được vẽ ra qua trung tâm của bộ lạc Pashtun, một nỗ lực để chia nhỏ và chinh phục của người Anh. Nhưng không một ai chinh phục được Wazir. Mặc dù trên danh nghĩa, Waziristan là một phần của Pakistan kể từ năm 1947, nhưng ảnh hưởng nhỏ bé mà Islamabad từng có ở Wazir là vật phẩm phân bổ cho các lãnh tụ bộ tộc và các đơn vị đóng quân ít nắm quyền kiểm soát bất cứ thứ gì nằm ngoài tầm bắn từ những lỗ châu mai của họ.

Mortenson ngưỡng mộ những người dân này, họ đã kháng cự kiên cường chống lại những cường quốc lớn của thế giới. Anh cũng đọc những bài viết tiêu cực nhiều như vậy về Balti trước khi leo núi K2 và tự hỏi liệu Wazir có bị hiểu lầm giống như vậy hay không.

Chiếc Toyota đi qua sáu trạm kiểm soát trước khi vào Waziristan. Mortenson thấy chắc chắn mình sẽ bị chặn và phải quay trở lại. Ở mỗi trạm, lính canh kéo rèm xe sang bên và quan sát kỹ người nước ngoài to con, nhể nhại mồ hôi trong bộ cánh không vừa vặn một cách lố bịch. Và cứ mỗi lần như thế, Khan lại lục trong túi chiếc áo khoác da phi công đang mặc bắt chặp cái nóng và đếm đủ số rupi để cho xe tiếp tục đi về phía nam.

Ấn tượng đầu tiên của Mortenson về Waziristan là sự ngưỡng mộ những người đã thu xếp để sống còn trong một môi trường như vậy. Họ lái xe vào con đường đá sỏi, qua một thung lũng bằng phẳng, không cây cỏ được trải bằng đá cuội đen. Những viên đá thu ánh nắng sa mạc và rung rinh cùng nắng, tạo cho phong cảnh cái cảm giác của một giấc mơ đầy xao xuyến.

Một nửa những ngọn núi màu nâu trông như không có sự sống, cách họ mười dặm về phía tây, trên giấy tờ thuộc về Pakistan, nửa còn lại là của Afghanistan. Người Anh hẳn có óc hài hước khi vẽ ra một đường biên giới đi qua vùng đất hoang vu không thể phòng thủ được, Mortenson nghĩ. Năm năm sau, các đội quân của Mỹ sẽ học được sự vô ích của việc săn đuổi quân du kích quen thuộc với những quả đồi này. Hang động nhiều không kém gì những ngọn núi, dân buôn lậu nối nhau trên những con đèo này. Mê cung Tora Bora, nằm ngay bên kia biên giới, sẽ cản trở sự tiến công của lực lượng đặc nhiệm Mỹ, dùng để ngăn chặn Osama Bin Laden và lực lượng Al Qaeda lên vào Waziristan.

Qua lớp vỏ bọc đá cuội đen, Mortenson cảm thấy mình đang đi vào một xã hội trung cổ của những nhà nước đô thị có chiến tranh với nhau. Những pháo đài Anh trước đây, nay do các binh sĩ Pakistan đồn trú, phục vụ

nhiệm vụ gay go theo thời hạn luân phiên một năm, được đóng cửa cài then kín. Những khu nhà của bộ tộc Wazir dựng trên cao nguyên đá ở cả hai bên đường. Tất cả đều không thể nhìn thấy, được bao quanh bởi những bức tường thành bằng đất nện cao sáu mét, và bên trên là những pháo đài súng. Mortenson lầm tưởng những khuôn mặt đơn độc bên trên những pháo đài là người bù nhìn, cho đến khi họ đi qua đủ gần để thấy một người có súng dõng theo đường đi của họ dọc đáy thung lũng qua tầm ngắm của hắn.

Người Wazir áp dụng *purdah*, không chỉ đối với phụ nữ mà với cả người ngoài. Ít nhất là kể từ năm 600, Wazir đã chống lại ảnh hưởng của thế giới bên ngoài các tường thành của họ, thay vào đó họ ưa thích giữ cho toàn bộ Waziristan tinh khiết và được che mạng như những phụ nữ ở đó.

Họ đi qua những xưởng làm súng thấp lè tè, nơi các nghệ nhân Waziristan thực hiện những bản sao khéo léo nhiều loại vũ khí tự động của thế giới, và dừng lại ăn trưa ở Bannu, khu định cư lớn nhất Waziristan, ở đó họ phải luôn lách qua luồng giao thông dày đặc những chiếc xe lừa và xe mui trần thùng đôi. Ở một tiệm trà, Mortenson đuổi người hết cỡ trong bộ áo *shalwar*, và thử bắt chuyện với những người đàn ông, người lớn tuổi mà Haji Ali đã khuyên anh tìm, trong khi người tài xế đi tìm một cửa hàng có bán thứ thuốc lá của mình. Tiếng Urdu của Mortenson gây ra những ánh nhìn chăm chú không biểu lộ cảm xúc, và anh tự hứa khi trở về Bozeman sẽ dành một phần thời gian để nghiên cứu tiếng Pashto.

Bên kia con đường bụi bặm, sau những bức tường cao, là *Madrassa-I-Arabia* do Saudi xây dựng, nơi mà hai năm sau, John Walker Lindh, người “Taliban Mỹ” sẽ đến học một nhánh chính thống của đạo Hồi gọi là “Wahhabism”. Người ta tường thuật rằng Lindh, tươi mát từ vùng khí hậu khô lạnh của quận Marin, sẽ khô héo trong ánh nắng Waziristan và sẽ vượt qua những con đèo vào Afghanistan, để tiếp tục việc học của mình ở một *madrassa* trong vùng núi với khí hậu ôn hòa hơn, một *madrassa* được tài trợ bởi một người Saudi khác: Osama Bin Laden.

Suốt cả buổi chiều, họ lái xe đi sâu hơn vào Waziristan, trong khi Mortenson thực hành một vài câu chào lịch sự bằng tiếng Pashto mà người tài xế dạy cho anh. “Đó là vùng khắc nghiệt nhất mà bạn có thể tưởng tượng ra, nhưng cũng đẹp một cách tĩnh lặng.” Mortenson nói. “Chúng tôi thực sự đến khu trung tâm của những khu vực bộ tộc và tôi thấy phấn khởi vì đã đi được khá xa.” Ngay ở phía nam Ladha, khi mặt trời lặn xuống Afghanistan, họ đến Kot Langarkhel, quê tổ của Khan. Ngôi làng chỉ là hai

cửa hiệu tạp hóa kê một nhà thờ Hồi giáo bằng sa thạch và có cảm giác xấu về việc xem đây như là nơi cuối cùng của cả thế giới. Một con dê đốm bụi bặm đi thong thả giữa đường, bốn chân nó xiên xẹo bệt ra như bị xe cán. Khan lớn tiếng chào những người đàn ông ở trong nhà kho sau hai cửa hàng lớn hơn trong hai cửa hàng, và họ nói chuyện với nhau. Người tài xế cho xe vào trong nhà, nơi nó được an toàn qua đêm.

Cảnh bên trong nhà kho làm Mortenson ngay lập tức thấy ghê người. Sáu người đàn ông Wazir với những dây đạn quấn quanh ngực ngồi xồm trên những thùng hàng hút thuốc hasit từ một tàu thuốc nhiều vòi. Xếp chồng dựa tường, Mortenson thấy súng bazooka, súng phóng lựu và những thùng AK-47 mới còn nguyên dầu mỡ. Anh trông thấy mấy chiếc ăngten roi của những máy vô tuyến quân sự đã chiến nhô lên sau những hộp phan có mùi trái cây của Gatorade và Oil of Olay, và nhận ra rằng mình đã lọt vào trong pháo đài của một nhóm buôn lậu lớn, có tổ chức.

Người Wazir, cũng như Pashtun, sống theo luật *Pashtunwali*. Badal, báo thù những mối thù đẫm máu và bảo vệ *zan*, *zar* và *Zameen*, có nghĩa là gia đình, kho báu và đất đai, là những trụ cột của *Pashtunwali*.

Cũng như *nenawatay*, lòng hiếu khách và nơi trú ẩn an toàn cho những vị khách đến tìm sự giúp đỡ. Vấn đề là đến như một người khách chứ không phải như một kẻ xâm lược. Mortenson leo ra khỏi xe trong bộ trang phục quái đản của mình và bắt đầu cố gắng để trở thành một vị khách, vì sẽ quá nguy hiểm để tìm kiếm một chỗ khác để ở lại sau khi trời tối.

“Tôi đã sử dụng mọi điều học được ở Baltistan và chào từng người một cách kính trọng nhất mà tôi được biết.” Mortenson nói. “Với một ít tiếng Pashto mà Khan dạy cho tôi trong chuyến đi, tôi hỏi thăm gia đình và sức khỏe của họ.” Nhiều đàn ông Wazir đã chiến đấu cùng với các lực lượng đặc nhiệm Mỹ trong cuộc thập tự chinh để đánh đuổi người Xô Viết ra khỏi đất Pashtun ở Afghanistan. Năm năm trước khi những chiếc B52 bắt đầu ném bom rải thảm những ngọn đồi này, họ vẫn chào đón nồng nhiệt một số người Mỹ.

Người có vẻ bản thủ nhất trong đám buôn lậu, bốc mùi cứ như là dầu hasit tóa ra từ các lỗ chân lông, mời Mortenson thử hookah, anh từ chối một cách lịch sự nhất. “Lẽ ra tôi phải hút để kết bạn, nhưng tôi không muốn bị hoang tưởng thêm chút nào nữa.” Mortenson nói.

Khan và người lớn tuổi nhất trong nhóm, một người đàn ông cao đeo kính phi công màu hồng và có bộ ria đen dày nằm cao như một con dơi đậu

ở môi trên, nóng nảy nói bằng tiếng Pashto về điều cần làm với người ngoài trong đêm nay. Sau khi họ nói xong, người tài xế hút một hơi dài từ cái tẩu và quay sang Mortenson. “Haji Mirza hân hạnh mời ông đến nhà ông ta.” anh ta nói, khói thuốc tỏa ra qua răng. Sự căng thẳng bó chặt đôi vai Mortenson trong chiếc áo shalwar chật tan biến đi. Lúc này anh đã ổn. Anh là một vị khách.

Họ leo lên đồi nửa giờ trong bóng tối, qua những cây sung quả chín tỏa mùi dịu ngọt như khói hasit bốc ra từ áo quần của người Wazir. Nhóm người đi trong im lặng, trừ tiếng lách cách nhịp nhàng của những khẩu súng chạm vào dây đạn. Một vệt đỏ như máu dọc theo chân trời là ánh sáng cuối cùng đang mờ đi ở phía Afghanistan. Tại khu nhà trên đỉnh đồi, Haji Mirza gọi lớn và những cánh cửa gỗ đồ sộ đặt trong bức tường đất sáu mét được mở chét bên trong từ từ mở ra. Một tay lính canh mắt to xem xét kĩ Mortenson trong ánh sáng của cây đèn dầu và có vẻ như hấn thích xả hết đạn trong khẩu AK-47 của mình vào người khách nước ngoài, chỉ để cho an toàn. Sau một tiếng làu bàu khó nghe từ Haji Mirza, hấn bước sang một bên và để cho cả đoàn người đi qua.

“Chỉ một ngày đi xe từ thế giới hiện đại, tôi thật sự cảm thấy như mình đã đến thời Trung cổ.” Mortenson nói. “Không vượt qua hào, nhưng tôi có cảm giác giống như vậy khi bước vào bên trong.” Những bức tường đồ sộ và những gian phòng như trong hang động được chiếu sáng lờ mờ bởi những ngọn đèn lung linh. Một tháp súng nhô cao mười lăm mét trong sân để cho những tay bắn tia có thể bắn hạ bất cứ ai đến gần mà không được mời.

Mortenson và người tài xế được dẫn vào một phòng chát đầy thảm ở giữa khu nhà. Vào giờ *shin chai* truyền thống, trà xanh ướp hương bạch đậu khấu được đưa tới, người tài xế đã sụp xuống tám đệm, quăng chiếc áo khoác lên đầu và khiến cho mọi sợi dây thần kinh của Mortenson sôi sục bằng cách bắt đầu một giọng gáy đầy đờm dãi. Haji Mirza rời phòng kiểm tra việc chuẩn bị bữa ăn, và Mortenson nhấp trà của mình trong sự yên lặng khó chịu suốt hai giờ, cùng bốn người hầu cận của Mirza cho đến khi bữa ăn được dọn ra.

Mahnam do die, Mirza thông báo bắt đầu “ăn tối”. Mùi thơm ngon của thịt cừu kéo Khan ra khỏi chiếc áo khoác. Dù bề ngoài đã tỏ ra là người thành thị nhưng khi nhìn thấy món thịt cừu nướng, Khan vẫn rút con dao găm, cùng với hàng chục người Wazir khác nhập tiệc. Người hầu của Haji

Mirza đặt một *Kabuli pilau* bốc khói, gạo nấu với cà rốt, đinh hương và nho khô, trên sàn kê bên thịt cừ, nhưng những người đàn ông chỉ nhìn vào con vật. Họ tấn công nó bằng những con dao găm dài, lóc từng miếng thịt mềm ra khỏi xương và tọng vào miệng bằng lưỡi dao của họ. “Tôi đã nghĩ người Balti ăn thịt với sự khoái trá.” Mortenson nói. “Nhưng đây là bữa ăn nguyên sơ, man rợ nhất mà tôi từng tham dự. Sau mười phút cắn xé và càu nhàu, con cừ chỉ còn trơ những khúc xương, còn đám đàn ông thì ợ lên và chùi mỡ khỏi bộ râu của họ.”

Những người Wazir tựa người vào gối nằm rên rỉ và đốt những tẩu thuốc hash, thuốc lá. Mortenson nhận điều thuốc thơm mùi thịt cừ từ tay của một trong những người Wazir và hút cho đến hết, như cách một vị khách danh dự cần làm. Đến nửa đêm, mí mắt của Mortenson nặng như chì, và một trong những người đàn ông đã trải một tấm thảm cho anh ngủ. Anh nghĩ mình không ngủ quá say, vì hoạt cảnh những người đàn ông đội khăn xếp đi vào và đi ra lờ mờ. Anh đã tiếp xúc với ít nhất là một bô lão trong bộ tộc, dù đã bị đờ đẫn vì thuốc hash, và ngày mai anh sẽ thúc giục ông ta giới thiệu thêm với nhiều người khác nữa và bắt đầu khám phá xem làng này nghĩ như thế nào về một ngôi trường.

Tiếng la hét đi vào giấc mơ của Mortenson. Ngay trước khi chìm vào giấc ngủ, anh quay trở lại Khane, lắng nghe Janjungpa quát Akhmalu về việc vì sao làng của họ cần một trường leo núi thay vì một ngôi trường cho trẻ em. Sau đó anh ngồi dậy và không hiểu mình nhìn thấy gì. Một ngọn đèn áp suất đóng đưa trước mặt anh tạo ra những cái bóng lắc lư kịch cớm trên tường. Phía sau ngọn đèn, Mortenson thấy một nòng súng AK-47 chĩa vào ngực mình, anh thấy mình tỉnh táo hơn một chút với thông tin này.

Phía sau khẩu súng, một người đàn ông hung hãn quấn khăn xếp màu xám có bộ râu rôi la hét bằng thứ ngôn ngữ mà anh không hiểu. Lúc đó là 2 giờ sáng, Mortenson chỉ mới ngủ được hai giờ, và trong khi anh cố gắng để hiểu điều gì đang xảy ra với mình, thì việc bị thiếu ngủ đang rất cần được bù đắp làm phiền anh nhiều hơn là tám người đàn ông đang chĩa vũ khí vào anh và kéo anh dậy.

Họ xô mạnh anh đứng dậy và lôi anh về phía cửa. Mortenson cố tìm Khan hoặc những người của Haji Mirza trong căn phòng tối mờ, nhưng anh chỉ có một mình cùng với những người lạ mặt có vũ trang. Những bàn tay chai sạn nắm lấy hai bên bắp tay anh và dẫn anh ra khỏi cánh cửa đã mở then của khu nhà.

Có ai đó cởi chiếc khăn xếp trên đầu Mortenson từ phía sau và buộc chặt lại. “Tôi nhớ mình nghĩ rằng Bên ngoài tối đến vậy thì tôi có thể nhìn thấy gì?” Mortenson nói. Họ dẫn anh đi xuống đường mòn trong cảnh tối tăm gấp hai lần, thúc anh đi nhanh và đỡ anh lên khi đôi giày sandal không gót của anh vấp phải những hòn đá. Ở đầu lối mòn, một đội hình những cánh tay hướng dẫn anh vào thùng xe của một chiếc xe tải không mui và dồn động lên sau anh.

“Chúng tôi đi khoảng bốn mươi lăm phút.” Mortenson nói. “Sau cùng tôi hoàn toàn tỉnh ngủ và run lẩy bẩy, phần vì cái lạnh trong chiếc xe không mui nơi hoang mạc, phần vì giờ đây tôi thực sự thấy sợ.” Những người đàn ông ép sát anh tranh cãi dữ dội bằng tiếng Pashto, và anh nhanh chóng đoán được rằng họ cãi nhau về việc cần phải làm gì với anh. Nhưng vì sao họ không bắt anh ngay từ đầu? Và những người lính canh có vũ trang của Haji Mirza ở đâu khi *lashkar* này, tức toán vũ trang, đột nhập vào không một tiếng súng? Ý nghĩ cho rằng những người đàn ông này là đồng bọn của Mirza giống như một cái tát vào mặt Mortenson. Ép sát người anh, những kẻ bắt cóc bốc mùi khói và mùi không tắm rửa, và đối với anh, cứ mỗi phút chiếc xe đi sâu hơn vào bóng đêm cũng giống như một dặm đường cách xa hơn việc nhìn thấy vợ mình một lần nữa.

Chiếc xe tải lao trên xa lộ, rồi xóc nảy leo dốc trên con đường mòn nhiều vết lún. Mortenson cảm thấy người lái xe đạp thắng và chiếc xe tải đột ngột xoay vòng trước khi dừng lại. Những bàn tay thô bạo kéo anh xuống đất. Anh nghe có người nào đó dò dẫm ổ khóa, rồi một cánh cửa kim loại bật mở ra. Mortenson vấp chân vào khung cửa, những bàn tay bóp bầm tím bắp tay anh, kéo anh xuống một hành lang vang vọng tiếng bước chân của họ, và vào một căn phòng tối. Anh nghe cánh cửa bên ngoài nặng nề đóng sầm lại. Rồi tấm bịt mặt của anh được lấy đi.

Anh ở trong căn phòng dành cho khách có trần cao, rộng ba mét và dài sáu mét. Một ngọn đèn dầu cháy sáng trên ngạch cửa của cái cửa sổ nhỏ duy nhất, đóng lá chớp phía bên ngoài. Anh quay về phía những người đàn ông đã đưa mình đến, tự nhủ không được hoảng loạn, cố vận dụng đầu óc để đưa ra vài lời nhận xét hài hước, bất kì điều gì để chiếm được sự đồng cảm của họ, và quan sát cánh cửa nặng nề kêu lách cách đóng lại phía sau họ. Qua lớp gỗ dày, anh có thể nghe được tiếng động gây nản lòng của cái móc khóa bập khóa lại.

Trong vùng tối ở cuối phòng, Mortenson thấy một cái chăn và một tấm đệm trên sàn nhà bụi bặm. Có điều gì thuộc về bản năng báo cho anh rằng ngủ là chọn lựa tốt hơn việc bước đi bước lại trong phòng, lo lắng về điều gì đó sắp xảy đến. Vì vậy anh nằm xuống tấm đệm mỏng, hai chân thò ra khỏi mép nệm cả hai ba tấc, kéo tấm chăn lên có mùi mốc lên ngực và chìm vào giấc ngủ sâu, không mộng mị.

Khi mở mắt ra, anh thấy hai trong số những tên bắt cóc đang ngồi xồm bên cạnh mình và ánh nắng lọt vào qua cửa sổ lá chớp gỗ. “Chai,” người ngồi gần anh nhất nói, rót cho anh tách trà xanh nhạt nhẽo. Anh nhấp trà trong cái ca nhựa, tỏ ra nhiệt tình, cười với những người đàn ông trong khi quan sát họ. Họ có cái vẻ nghiêm khắc, nhọc nhằn của những người đàn ông đã trải qua phần lớn cuộc đời ở bên ngoài, chịu thiếu thốn khổ đau. Cả hai đều đã ngoài ngũ tuần, anh đoán, với những bộ râu mờ xỉn và rậm rạp như bộ lông chó sói mùa đông. Một lần sâu màu đỏ chạy ngang trán của một trong hai người đưa trà cho anh. Và Mortenson cho rằng đó là vết thương do đạn pháo, hoặc nếp nhăn là dấu vết của một viên đạn suýt gây chết người. Họ là những *mujahadeen*, anh đoán chắc, cựu chiến binh của du kích Afghan chống người Xô Viết. Nhưng giờ đây họ đang làm gì? Họ có dự định gì với anh?

Mortenson uống cạn ca trà và diển đạt bằng điệu bộ là mình muốn đi vệ sinh. Những người lính canh quàng khẩu Kalashnikov lên vai và dẫn anh ra ngoài, đi vào một khoảng sân. Những bức tường sáu mét quá cao để Mortenson có thể thấy được bất cứ thứ gì của miền quê, và anh chú ý đến người lính canh pháo đài trên cao ở góc xa của khu nhà. Người đàn ông có sọc thúc Mortenson về phía cửa bằng nòng súng khẩu Kalashnikov, và Mortenson đi vào một ô nhỏ có bàn cầu xồm. Anh đặt tay lên cửa để đóng lại nhưng người không có sọc giữ cho cửa mở bằng bàn chân của mình và bước vào trong với anh trong khi người kia nhìn chăm chăm từ bên ngoài. “Tôi đã sử dụng bàn cầu xồm dội nước bằng xô nhiều lần.” Mortenson nói. “Nhưng bị hai người đàn ông quan sát, anh biết đấy, rửa sạch cơ thể sau đó trong khi họ nhìn chăm chăm vào mình thì thật căng thẳng thần kinh.”

Sau khi anh xong việc, những người lính canh xốc anh bằng nòng súng đi trở lại con đường mà họ đã đi qua và thúc anh về phía phòng. Anh ngồi chéo chân trên tấm đệm ngủ và thử bắt chuyện. Nhưng đám lính canh không quan tâm đến việc giải mã những điệu bộ và cử chỉ bằng tay của anh. Họ đứng bên cửa, hút hasit từ tẩu này sang tẩu khác, và không để ý đến anh.

“Tôi bắt đầu thấy thật sự chần nản.” Mortenson nói. “Tôi nghĩ, ‘Điều này có thể tiếp diễn rất lâu’. Và bạn biết đấy, như vậy dường như còn tồi tệ hơn là giải quyết một lần cho xong.” Với cái cửa sổ nhỏ duy nhất đóng lá chớp, và ngọn đèn treo thấp, căn phòng mờ mờ như ban đêm. Sự trầm uất của Mortenson nặng nề hơn nỗi sợ và anh thiếp đi, nửa thức nửa tỉnh khi thời gian trôi qua.

Lơ mơ trong ý thức, anh nhận ra một thứ gì đó trên sàn ở cuối tấm đệm. Anh nhặt lên. Đó là tờ tạp chí *Time* cũ rách số tháng 11 năm 1979, cũ đã mười bảy năm. Dưới dòng tít “Một Sự Thử Thách Ý Chí” là hình vẽ lờ loẹt Ayatollah Khomeini quắc mắt hiện ra lờ mờ như thần chết trên tấm ảnh được ghép vào của Jimmy Carter trông như người bại trận.

Mortenson lướt qua các trang báo mềm rũ vì cũ, mô tả chi tiết những ngày đầu của vụ khủng hoảng con tin Iran. Với cái giạt thót rung chuyển dạ dày, anh đối diện với những tấm ảnh chụp người Mỹ tay không bị bịt mắt, bị pho mặc cho đám đông cuồng tín, cay độc. Tờ tạp chí *Time* đặc biệt này có được để đây như một hình thức thông điệp nào đó chăng? Hay chỉ là một cử chỉ hiếu khách, tài liệu đọc bằng tiếng Anh duy nhất mà những vị chủ nhân có trong tay? Anh liếc nhìn đám lính canh để xem nét mặt của họ có chứa đựng một ý nghĩa mới nào không, nhưng họ vẫn lặng lẽ nói chuyện với nhau qua thứ thuốc hasit, vẫn có vẻ như không quan tâm đến anh.

Không có việc gì khác để làm, ngoại trừ đọc. Đặt nghiêng các trang báo hướng về ngọn đèn dầu, anh đọc một bài tường thuật đặc biệt, theo phong cách sang sảng của *Time*, về sự thử thách của những con tin Mỹ ở Teheran. Các chi tiết được năm nữ thư kí tòa đại sứ và bảy lính hải quân người da đen cung cấp - những người sớm được thả sau khi tòa đại sứ bị chiếm. Mortenson biết được rằng những con tin người da đen đã được thả ra tại một buổi họp báo bên dưới tấm biểu ngữ “Hỡi những người da đen bị áp bức, chính quyền Mỹ là kẻ thù chung của chúng ta.”

Trung sĩ hải quân Ladell Maples thuật lại rằng anh bị ép phải ghi âm những phát biểu ca ngợi cuộc cách mạng Iran và được báo rằng sẽ bị bắn nếu anh nói sai.

Kathy Jean Gross, biết chút ít tiếng Farsi, nói rằng cô đã tạo được mối quan hệ sơ sài với một trong những nữ bảo vệ và tự hỏi có phải điều này dẫn đến việc mình được phóng thích hay không.

Mortenson đọc thấy những con tin bị buộc phải ngủ trên sàn với hai tay và hai chân bị trói như thế nào. Họ được cởi trói khi ăn, đi vệ sinh và hút

thuốc để thỏa mãn thói quen của họ. “Một số người trong chúng tôi liều lĩnh đến nỗi để được cởi trói nhiều hơn đã từ việc không hút thuốc bắt đầu hút thuốc.” *Time* trích lời một phụ nữ tên là Elizabeth Montagne.

Bài tường thuật đặc biệt kết thúc bởi một nhận xét mà những cây bút của *Time* xem như là một điềm báo mạnh mẽ: “Nhà Trắng đã chuẩn bị để tỏ ra bình tĩnh nhưng có khả năng rất thật rằng những con tin sẽ trải qua lễ Giáng sinh cùng với những chiến binh của Khomeini trong tòa đại sứ ở Teheran.” Với nhận thức muộn màng sau mười bảy năm, Mortenson biết rằng các kí giả không bao giờ ngờ là vào tháng 11 năm 1977 - thêm hai lễ Giáng sinh nữa sẽ trôi qua trước khi các con tin vụ thử thách con tin 444 ngày đi đến kết thúc.

Mortenson đặt tờ tạp chí xuống. Ít nhất không ai trói hay đe dọa bắn anh. Tuy vậy, mọi việc có thể là tồi tệ, anh nghĩ. Nhưng 444 ngày trong căn phòng lờ mờ này thì quá khủng khiếp để suy ngẫm. Anh không thể nói bằng tiếng Pashto, nhưng anh sẽ tìm ra cách để làm theo Kathy Jean Gross, Mortenson quyết định. Anh sẽ tạo ra một cách nào đó để giao tiếp với những người đàn ông này.

Sau khi nhấm nháp bữa ăn gồm *dal* và *Kabuli pilau*, Mortenson nằm mà không ngủ được nhiều trong đêm thứ hai, xem xét thử và loại trừ nhiều chiến lược khác nhau. Tờ tạp chí *Time* nói rằng những kẻ bắt cóc người Iran nghi ngờ một số con tin của họ làm việc cho CIA. Anh bị bắt cóc vì lí do này chăng? Họ có nghi ngờ anh là một điệp viên được gửi đến để theo dõi hiện tượng tương đối chưa được biết nhiều là Taliban hay không? Có thể là như vậy, nhưng với những kĩ năng ngôn ngữ có giới hạn của mình, anh không có cách nào để giải thích về công việc mà anh đã làm cho trẻ em Pakistan, do đó anh không tính đến việc thuyết phục họ nữa.

Anh bị cầm giữ để đòi tiền chuộc? Bất chấp thực tế là anh vẫn bám vào hi vọng cho rằng người Wazir có ý định tốt và chỉ hiểu lầm, anh phải chấp nhận rằng tiền có thể là một động cơ. Nhưng một lần nữa, anh không biết tiếng Pashto để thuyết phục họ rằng số tiền mặt mà anh có ít ỏi đến nực cười như thế nào. Có thể nào anh bị bắt cóc vì anh là một người ngoại đạo xâm phạm vào đất của người Hồi giáo chính thống? Lật đi lật lại những câu hỏi đó trong khi những gã coi tù hưởng giấc ngủ được tăng cường bởi hóa chất, anh nghĩ có thể là như vậy. Và nhờ người thợ may, anh có thể gây ảnh hưởng đến những kẻ bắt giữ anh dù không nói được ngôn ngữ của họ.

Buổi sáng thứ hai ở trong phòng, khi những người lính canh dựng anh dậy với trà, anh đã sẵn sàng. “El Koran?” anh nói, làm điệu bộ như một đàn ông sùng đạo lật từng trang quyển sách thánh. Đám lính canh hiểu ngay, vì tiếng Ả Rập là thứ ngôn ngữ cho việc thờ phụng được sử dụng khắp thế giới. Người có vết sẹo trên trán nói gì đó bằng tiếng Pashto mà Mortenson không thể giải mã được, nhưng anh chọn cách hiểu là yêu cầu của anh đã được ghi nhận.

Đến chiều ngày thứ ba, một người đàn ông lớn tuổi mà Mortenson cho là giáo sĩ của làng đã đến, tay cầm cuốn kinh Koran bụi bặm, bọc nhung xanh. Mortenson cảm ơn ông ta bằng tiếng Urdu, đúng lúc, nhưng không thấy có gì lung linh trong đôi mắt ông già này. Mortenson mang cuốn sách đến tấm đệm của mình và thực hiện *wudu*, nghi thức tẩy rửa khi không có nước, trước khi mở cuốn sách ra một cách tôn kính.

Mortenson cúi người trên cuốn kinh, giả vờ như đang đọc, lặng lẽ đọc những đoạn thơ Koran mà anh đã học dưới cái nhìn vô hình của hình nộm nhà ông thợ may ở Rawalpindi. Giáo sĩ tóc hoa râm gật đầu như hài lòng, và để Mortenson ở lại một mình cùng những người canh gác. Mortenson nghĩ đến Haji Ali, không biết chữ Ả Rập nhưng cũng lật những trang kinh Koran của mình một cách triu mến, và mỉm cười, tự sưởi ấm mình bằng thứ cảm xúc nhen nhóm đó.

Anh cầu nguyện năm lần mỗi ngày khi nghe tiếng gọi từ một giáo đường gần đó, thờ phụng Allah theo cách Sunni trên mảnh đất Sunni này và mãi mê nghiên cứu kinh Koran. Nhưng dường như kế hoạch của anh không có tác dụng gì, anh không nhận thấy có sự thay đổi gì trong thái độ của những người canh giữ. Khi không giả vờ đọc kinh Koran, Mortenson quay sang tờ *Time* để tìm sự khuây khỏa.

Nhận thấy đầu óc mình quay cuồng vì lo lắng như thế nào cứ mỗi lần đọc lại, anh quyết định tránh những câu chuyện về vụ khủng hoảng con tin. Anh cố quên đi cảnh vật xung quanh mỗi lần ba mươi phút với tám hình nhìn nghiêng xu nịnh của một ứng cử viên nổi tiếng vừa mới tuyên bố mong muốn của mình để ủng hộ Tổng thống Ronald Reagan. “Đây là lúc để chấm dứt sự lo âu về việc có ai thích chúng ta hay không, và quyết định rằng, một lần nữa, chúng ta sẽ được tôn trọng trên thế giới.” Reagan nói với phóng viên của tờ *Time*. “Để cho không có một nhà độc tài nào chiếm giữ tòa đại sứ và bắt giữ công dân của chúng ta một lần nữa.” Dưới thời Tổng thống Clinton, sự tôn trọng nước Mỹ trên thế giới đã tăng lên đều đặn,

Mortenson nghĩ. Nhưng ngay tại nơi này, điều đó có giúp gì được cho anh không? Ngay cả nếu như một nhà ngoại giao Mỹ có thể dựa vào uy thế đó để cố giải thoát anh, thì cũng không ai biết anh đang ở đâu.

Ngày thứ tư và ngày thứ năm đóng kịch đã trôi qua, chỉ được đánh dấu bằng chất lượng ánh sáng lọt qua cửa chớp. Về đêm, những loạt tiếng súng ngắn, dữ dội vang vọng bên ngoài khu nhà và được đáp lại bằng tiếng súng bắn trả rời rạc từ pháo đài.

Ban ngày, Mortenson lén nhìn qua lá sách cửa sổ. Nhưng cảnh nhìn - bề mặt trống trải của bức tường ngoài khu nhà - không giảm nhẹ sự tẻ nhạt trong căn phòng. Mortenson tuyệt vọng tự tìm cách giải khuây. Nhưng anh chỉ có thể đọc nhiều lần bài phê bình của tờ *Time*, chỉ trích gay gắt sự thiên lệch văn hóa trong việc kiểm tra IQ Stanford-Binet, hay những báo cáo vội vàng về việc cây hướng dương trở thành thứ hái ra tiền ở Bắc Dakota như thế nào.

Những mẫu quảng cáo là câu trả lời. Chúng là những ô cửa sổ nhìn về quê hương.

Vào lúc đoán là đã giữa đêm thứ năm, Mortenson cảm thấy một đợt sóng đen tối phủ lên chân anh, dâng lên đến đầu gối anh, đe dọa nhấn chìm anh trong tuyệt vọng. Anh nhớ đến Tara như một nơi để bầu vùi. Anh đã nói với nàng rằng anh sẽ quay lại sau một hay hai ngày và điều làm anh day dứt là không có cách nào để an ủi cô. Anh nghĩ mình có thể cho đi bất cứ thứ gì để thấy được tấm ảnh mà anh đã chụp cùng cô vào ngày cưới. Trong tấm ảnh đó, anh quàng tay cô trước chiếc xe điện đưa họ đi trên chuyến đi hạnh phúc. Tara rạng rỡ trước ống kính, trông hạnh phúc như chưa từng được hạnh phúc. Anh tự trách mình vì đã để lại cái ví trong chiếc túi vải tại khách sạn ở Peshawar.

Nhờ sức mạnh của ý chí, Mortenson ngăn lại đợt sóng đen tối và lật những trang tạp chí, tìm kiếm một chỗ đứng vững chắc trong cái thế giới ám áp mà anh để lại phía sau. Anh nhìn vào mẫu quảng cáo xe Chevrolet Classic Estate Wagon, một bà mẹ xinh đẹp vùng ngoại ô đang mỉm cười trước câu nói gì đó của hai đứa con đáng yêu ngồi ở ghế sau chiếc xe ốp gỗ, an toàn, tiết kiệm nhiên liệu.

Gần hai tiếng đồng hồ, anh mãi mê trên những trang quảng cáo máy ảnh Kodak tự động. Những cảnh cây Giáng sinh treo vật trang trí là những tấm ảnh của một gia đình hân hoan không thể chối cãi. Một người ông đáng kính, ẩn mình một cách ám áp trong chiếc áo choàng tẩm màu đỏ thoải mái,

dạy cho cậu bé tóc vàng thật lí tưởng cách sử dụng món quà mới của nó - một cái cần câu. Một bà mẹ rạng rỡ ngắm nhìn đứa con má hồng như quả táo đang mở bao gói những chiếc nón bóng bầu dục và vụng về với những con búp bê nhồi bông. Bất chấp sự thật là những ngày Giáng sinh thời thơ ấu của Mortenson đều trải qua ở Phi châu, và sự tiếp xúc gần gũi nhất với cây Giáng sinh truyền thống của anh là một cây thông nhân tạo được phủ bụi mỗi năm, anh bám vào hình ảnh từ cái thế giới mà anh đã biết này như một cái phao cứu sinh, thế giới không phải là căn phòng có mùi dầu hôi và những người đàn ông ác ý này.

Vào lúc bình minh của ngày thứ sáu bị giam giữ, đôi mắt của Mortenson đang dõi theo mẫu quảng cáo thuốc vệ sinh răng miệng WaterPik. Dòng chữ ghi “Một nụ cười phải hơn một kí ỨC.” và nội dung thể hiện thông tin lãnh đạm về “các vi khuẩn gọi là mảng bám tăng trưởng và sinh sôi bên dưới nướu răng”, nhưng Mortenson không chú ý đến câu chữ. Ảnh chụp một gia đình ba thế hệ bền vững người Mỹ đứng trước cổng một căn nhà gạch chắc chắn vượt quá điều mà anh có thể chịu đựng. Cái cách mà tất cả họ khoe những nụ cười sáng rỡ và tựa vào nhau toát lên mức độ yêu thương và quan tâm, những cảm xúc mà anh có đối với Tara, những cảm xúc mà không một ai ở đây có với anh.

Anh cảm nhận, trước khi thấy, có một người nào đó đứng trên bục chắn màn của mình. Anh ngược lên, nhìn vào mắt một người đàn ông cao lớn. Bộ râu bạc của ông ta được cắt tỉa theo kiểu học giả, và ông cười một cách tử tế khi chào Mortenson bằng tiếng Pashto, rồi nói, “Vậy ra anh là người Mỹ?” bằng tiếng Anh.

Mortenson đứng dậy để bắt tay ông ta và căn phòng quay cuồng không kiểm soát được. Đã bốn ngày, anh từ chối mọi thứ, trừ cơm và trà. Người đàn ông nắm lấy vai anh, giúp anh vững dạ, và gọi bữa sáng.

Giữa những miếng dày *chapati* nóng, Mortenson ăn bù cho sáu ngày của mình mà không nói gì. Khi anh hỏi tên người đàn ông tốt bụng, ông ta ngừng lại một cách ý nghĩa trước khi nói, “Chỉ cần gọi tôi là Khan.” trong tiếng Waziristan tương đương với từ “Smith”.

Mặc dù là người Wazir, nhưng “Khan” đã được học tại một trường Anh ở Peshawar, nói bằng giọng rõ và nhanh, nhịp nhàng như đã được dạy ở trường. Ông không giải thích vì sao ông đến, nhưng Mortenson hiểu rằng ông được phân công để phụ trách gã người Mỹ. Mortenson nói với ông về công việc của mình ở Baltistan, câu chuyện xoay quanh những ấm trà xanh.

Anh giải thích rằng mình dự định xây thêm nhiều trường học cho những trẻ em Pakistan bị lãng quên nhiều nhất, và anh đến Waziristan để xem ở đây có cần đến sự phục vụ của anh không.

Anh lo ngại chờ đợi câu trả lời của Khan, hi vọng rằng việc giam giữ anh chỉ là hiểu lầm và anh sẽ sớm lên đường trở về Peshawar. Nhưng anh không có được sự thoải mái đó từ người đàn ông to lớn như gấu trước mặt mình. Khan nhặt tờ tạp chí *Time* và lật một cách hờ hững, tâm trí rõ ràng là để ở nơi khác. Ông dừng lại ở trang quảng cáo cho quân đội Mỹ, và Mortenson cảm nhận sự nguy hiểm. Chỉ vào ảnh một phụ nữ có nguy trang đang sử dụng máy vô tuyến, Khan hỏi, “Ngày nay, quân đội Mỹ của anh đưa cả phụ nữ ra trận, phải không?”

“Không thường xuyên.” Mortenson nói, tỏ vẻ ngoại giao. “Nhưng trong văn hóa của chúng tôi, phụ nữ có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp.” Anh cảm thấy thậm chí câu trả lời đó cũng chứa mầm mống công kích. Anh suy nghĩ nhanh về những đề tài mà họ có thể tìm được tiếng nói chung.

“Vợ tôi sắp sinh con đầu lòng, *zoi*, một bé trai.” Mortenson nói. “Và tôi cần có mặt ở nhà trong ngày cháu chào đời.”

Nhiều tháng trước, Tara đi siêu âm và Mortenson đã thấy hình ảnh lò mờ của một bé gái trong nước ối. “Nhưng tôi biết đối với người Hồi giáo, sự ra đời của đứa con trai là một sự kiện lớn.” Mortenson nói. “Tôi thấy khó chịu khi phải nói dối, nhưng tôi nghĩ rằng sự ra đời của một đứa con trai có thể làm cho họ thả tôi.”

Khan tiếp tục cau mày trên mục quảng cáo của quân đội như không nghe thấy gì. “Tôi đã nói với vợ rằng tôi sắp trở về.” Mortenson khích động. “Và tôi biết chắc cô ấy thực sự lo lắng. Tôi có thể gọi điện báo với cô ấy rằng tôi vẫn ổn không?”

“Ở đây không có điện thoại.” người đàn ông tự gọi mình là Khan nói.

“Liệu ông có thể đưa tôi đến một đồn trú của quân đội Pakistan? Tôi có thể gọi điện thoại từ đó?”

Khan thở ra. “Tôi e điều đó là không thể được.” ông nói. Sau đó ông nhìn vào mắt Mortenson, một cái nhìn chần chừ như gợi lên những tình cảm mà ông không được phép thể hiện. “Đừng lo,” ông ta nói, thu dọn bộ đồ trà và rời đi, “Ông sẽ ổn thôi.”

Buổi chiều ngày thứ tám, Khan lại đến gặp Mortenson. “Ông là người hâm mộ bóng đá chứ?” ông ta hỏi.

Mortenson cân nhắc sự nguy hiểm ẩn chứa trong câu hỏi và đoán chắc là không có gì nguy hiểm. “Chắc chắn rồi, tôi đã chơi bóng ở trường cao đẳng, trường đại học.” Anh nói và khi chuyển nghĩa từ tiếng Mỹ sang tiếng Anh, anh nhận ra Khan muốn nói là bóng đá.

“Vậy ông sẽ được giải trí với một trận đấu.” Khan nói, ngoắc Mortenson về phía cửa.

“Lại đây.”

Anh đi theo tấm lưng rộng của Khan, trở lại cánh cổng trước không cài then và thấy ngợp vì khoảng không rộng mở, lần đầu tiên anh có cái nhìn về cảnh vật xung quanh sau một tuần lễ. Ở cuối con đường sỏi dốc, kề bên những ngọn tháp của một giáo đường Hồi giáo đồ nát, anh có thể thấy một xa lộ cắt qua thung lũng. Và ở phía xa, không quá một dặm, anh thấy những tháp vũ trang của một đồn quân Pakistan. Mortenson nghĩ đến việc bỏ chạy đến đó, rồi anh nhớ lại tay bắn tia trong pháo đài của những người bắt giữ anh. Vì vậy anh đi theo Khan lên đồi, đến một sân sỏi rộng, nơi hai mươi người thanh niên có râu mà anh chưa từng nhìn thấy đang chơi bóng hay đến kinh ngạc, cố gắng đưa bóng qua những trụ cầu môn bằng những thùng đạn rỗng.

Khan dẫn Mortenson đến chiếc ghế nhựa màu trắng đã được đặt sẵn bên rìa sân dành cho anh. Và Mortenson nghiêm túc theo dõi các cầu thủ đá tung những đám bụi bám dính vào chiếc áo *shalwar kamiz* ẩm mồ hôi của họ trước khi có tiếng kêu la vọng đến từ tháp súng. Người lính canh đã phát hiện có sự chuyển động ở đồn lính. “Tôi rất lấy làm tiếc.” Khan nói, rồi nhanh chóng đưa Mortenson trở lại đằng sau những bức tường đất của khu nhà.

Đêm hôm đó, Mortenson cố gắng ngủ nhưng không ngủ được. Qua tác phong và sự kính trọng mà những người khác thể hiện với Khan, Mortenson thấy rõ ông ta rất có thể là một nhà lãnh đạo Taliban đang nổi lên. Nhưng điều này có ý nghĩa gì với anh? Có phải trận bóng là một dấu hiệu cho thấy anh sắp được thả? Hay nó tương đương với điều thuốc lá cuối cùng?

Lúc 4 giờ sáng, khi họ đến, anh có được câu trả lời. Khan tự tay quấn khăn bịt mắt, phủ lên vai Mortenson tấm chăn, và nhẹ nhàng dẫn tay anh vào thùng xe của một xe thùng hở đầy người. “Cho đến lúc đó, trước ngày 11/9, chặt đầu người nước ngoài không phải là một.” Mortenson nói. “Và tôi không nghĩ rằng việc bị bắn là một cách chết tồi. Nhưng ý nghĩ cho rằng Tara sẽ phải một mình nuôi con và chắc hẳn không bao giờ biết được điều

gì đã xảy ra với tôi làm tôi phát hoảng. Tôi có thể hình dung ra cô ấy đau khổ và hoang mang, và đó dường như là điều khủng khiếp nhất.”

Trong thùng xe lộng gió, có ai đó mời Mortenson một điếu thuốc nhưng anh từ chối. Anh không cần làm ra vẻ hiếu khách chút nào nữa, và điếu thuốc không phải là mùi vị cuối cùng mà anh muốn có trong miệng mình. Nhưng sau nửa giờ đi xe, anh kéo chăn kín quanh vai và không thể ngừng run rẩy. Nhưng rồi chiếc xe rẽ xuống một con đường bụi bặm, hướng về phía tiếng vũ khí tự động đang bắn dữ dội, Mortenson toát mồ hôi.

Người tài xế cài thắng và xe lết đi rồi dừng lại giữa âm thanh chói tai của hàng chục khẩu AK-47 đang bắn liên thanh. Khan mở khăn bịt mắt cho Mortenson và đẩy vào ngực anh. “Anh thấy đó,” ông ấy nói. “Tôi đã nói với anh rằng mọi chuyện sẽ kết thúc tốt đẹp.” Qua vai Khan, Mortenson nhìn thấy hàng trăm người Wazir to lớn, có râu, đang nhảy múa quanh những đám lửa, bắn súng lên trời. Trên những khuôn mặt qua ánh lửa, Mortenson ngạc nhiên nhìn thấy không phải là vẻ khát máu mà là sự say mê.

Đám người cùng đi với anh nhảy khỏi xe và góp tiếng súng vào vụ bắn súng. Trời đã gần sáng nhưng Mortenson thấy có những nòi thịt dê hầm và quay trên ngọn lửa.

“Đây là gì vậy?” anh gào lên, đi theo Khan hòa vào đám đàn ông nhảy múa cuồng nhiệt, không tin nổi tám ngày hiểm nguy của anh đã qua đi. “Vì sao tôi lại ở đây?”

“Tốt nhất là tôi không kể gì nhiều cho anh.” Khan hét lên qua tiếng súng. “Chỉ có thể nói là chúng tôi đã xem xét... những điều bất ngờ. Có một cuộc tranh cãi và chúng tôi có thể có một vấn đề lớn, rất lớn. Nhưng nay thì mọi chuyện đã được *jirga* sắp xếp và chúng tôi tổ chức một buổi liên hoan. Một buổi liên hoan trước khi chúng tôi đưa anh trở lại Peshawar.”

Mortenson vẫn không tin ông ta, nhưng năm rupi đầu tiên đã thuyết phục anh rằng sự thử thách sau cùng đã qua. Người lính canh với vết đạn trên trán bước về phía anh, khuôn mặt tươi cười của hắn sáng lên bởi những ngọn lửa và cả bởi hasit. Hắn vẫy vẫy xấp giấy bạc một trăm rupi, cũng tả tơi và dơ bẩn như chính hắn, trước khi nhét vào túi áo *shalwar* của Mortenson.

Mortenson, không biết nói gì, quay sang Khan tìm lời giải thích. “Cho những ngôi trường của anh!” ông ta hét vào tai Mortenson. “ĐỂ, *Inshallah*, anh xây thêm nhiều trường nữa!”

Hàng chục người Wazir khác tạm ngừng tiếng súng đủ lâu để ôm Mortenson, đem lại cho anh những lát thịt dê bốc khói và những khoản hiến tặng tương tự. Khi trời hửng sáng, cả bụng và áo shalwar của anh đã căng phồng, Mortenson cảm thấy nỗi sợ đè nặng ngực mình trong tám ngày qua tan biến đi.

Chénh choáng, anh tham gia vào hoạt động ăn mừng, mỡ cừu nhỏ xuống bộ râu tám ngày của anh, thực hiện những bước nhảy kiểu Tanzania mà anh nghĩ rằng mình đã quên để hét lên những lời khích lệ Wazir, nhảy múa với niềm vui sướng tuyệt đối, với sự phóng túng hoang dại, được truyền lại bởi tự do.

CHƯƠNG 14

Sự cân bằng



Sự đối nghịch bề ngoài giữa sự sống và cái chết lúc này bị cắt đứt. Không quấy đạp, hay lồng lên, hay bỏ chạy. Không còn là một vật chứa hay bất cứ thứ gì bị chứa. Tất cả phân giải trong một thứ tự do chói lòa vô tận.

- Trích từ *Warrior Song of King Gezar*



Chiếc xe nhỏ lạ thường đậu ở lối vào nhà Mortenson ở Montana lộ ra bùn nhiều hơn là sơn. Biển đăng kí xe ghi “CÓ EM BÉ”.

Mortenson bước vào căn nhà xinh xắn của mình, ngạc nhiên, cũng như mỗi lần anh vào nhà, rằng căn nhà cũ xinh xinh này là của mình. Anh đặt mấy cái túi đầy những món mà Tara thêm - trái cây tươi và nửa chục lon Haagen-Dazs các loại - xuống bàn bếp và đi tìm vợ.

Anh thấy cô đang ở trong căn phòng ngủ nhỏ trên lầu, cùng với một phụ nữ to lớn. “Đây là Roberta, anh yêu.” Tara nói trong tư thế nằm sấp trên giường. Mortenson đã ở Pakistan ba tháng, chỉ mới về Bozeman một tuần và vẫn đang làm quen với hình ảnh người vợ nhỏ bé của mình trông như trái cây chín muối. Mortenson gật đầu với người nữ hộ sinh đang ngồi ở cuối giường.

“Chào.”

“Xin chào.” Roberta nói bằng giọng mũi của người vùng Montana, rồi quay sang Tara. “Tôi sẽ cho anh biết ngay chuyện mà chúng tôi đang nói. Chúng tôi đang bàn xem nên sinh con ở đâu, và Tara nói rằng cô muốn sinh đứa con gái của anh ngay tại đây, trên chiếc giường này, và tôi đã đồng ý. Căn phòng này có một sức mạnh bình yên.”

“Tôi cũng thấy vậy là tốt.” Mortenson nói, nắm tay Tara. Và thật vậy. Như một cựu y tá, anh vui khi giữ được vợ mình không phải đến bệnh viện. Roberta cho họ số điện thoại và dặn họ gọi đến căn nhà gỗ nhỏ trên núi của bà ở ngoại vi Montana bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm, khi các cơn co thắt bắt đầu.

Những ngày còn lại trong tuần đó, Mortenson luôn quanh quẩn bảo vệ Tara đến mức cô cảm thấy ngột bời sự quan tâm đó và bảo anh hãy ra ngoài đi dạo để cô có thể ngủ. Sau Waziristan, mùa thu lá vàng tuyệt đẹp ở Bozeman dường như quá đẹp để có thể là thật. Những chuyến đi dạo dài

qua những con đường trồng cây tuyết đẹp, ngang qua những sinh viên bang Montana đang ném đĩa nhựa cho những chú chó của họ trong công viên được chăm sóc cẩn thận, là thứ thuốc giải độc mà anh cần cho tám ngày trong một căn phòng thiếu không khí.

Sau khi an toàn trở về khách sạn ở Peshawar, túi áo nhét đầy gần bốn trăm đôla những tờ một trăm rupi màu hồng mà người Wazir trao tặng, Mortenson đã đem theo tám ảnh Tara chụp cùng mình đến buồng điện thoại công cộng và giữ tám ảnh trước mặt mình khi gọi điện cho vợ vào nửa đêm ngày chủ nhật theo giờ Mỹ.

Tara vẫn thức.

“Chào em yêu, anh vẫn ổn.” anh nói qua đường truyền kêu lách tách.

“Anh đang ở đâu? Chuyện gì đã xảy ra?”

“Anh bị bắt giữ.”

“Bắt giữ là sao? Bởi chính quyền ư?” anh nghe giọng sợ hãi của Tara.

“Thật khó giải thích,” anh nói, cố không làm vợ hoảng sợ thêm nữa.

“Nhưng anh đang trở về đây, anh sẽ gặp em sau vài ngày.”

Trên ba chuyến bay dài trở về nhà, nhiều lần anh lấy tám ảnh Tara ra khỏi ví, dán mắt mình vào đó, như nháp từng ngậm thuốc.

Ở Montana, Tara cũng đang bình tĩnh lại. “Những ngày đầu tiên không nghe Greg gọi, tôi nghĩ chỉ do anh quên mất thời gian. Nhưng sau một tuần thì thật tệ hại. Tôi dự định gọi cho Bộ Ngoại giao và báo cho mẹ tôi, nhưng tôi biết Greg ở trong một khu vực khép kín và chúng tôi có thể tạo ra một sự cố quốc tế. Tôi cảm thấy mình rất dễ bị tổn thương, một mình và đang mang thai, và với mọi thứ hoang mang mà bạn có thể nghĩ ra. Sau cùng khi anh ấy gọi về từ Peshawar, tôi đã bắt đầu buộc phải nghĩ đến thực tế là có thể anh sẽ chết.”

Lúc 7 giờ sáng ngày 13 tháng 9 năm 1996, đúng một năm kể từ cái đêm định mệnh ở Fairmont, Tara cảm nhận được cơn co thắt đầu tiên.

7 giờ 12 phút chiều hôm đó, Amira Eliana Mortenson chính thức xuất hiện trên hành tinh này, cùng với tiếng cầu kinh của những vị sư Tây Tạng mà cha em đã chọn. “Amira” vì nó có nghĩa là “nữ lãnh đạo” trong tiếng Ba Tư. “Eliana” có nghĩa là “quà tặng của Thượng đế” trong tiếng Chagga, một ngôn ngữ bộ tộc vùng Kalimanjaro, theo tên người em gái yêu thương đã mất của Mortenson, Christa Eliana Mortenson.

Sau khi người nữ hộ sinh về, Mortenson nằm trên giường, ôm lấy vợ và con gái. Anh đặt lá bùa *tomar* mà Haji Ali đã tặng mình quanh cổ con gái.

Rồi chậ vật với sợi dây mở nút chai champagne đầu tiên mà anh đã mua.

“Đưa cho em.” Tara cười nói, vừa đưa đưa bé cho Mortenson để nhận chai champagne. Khi vợ mở nút chai, Mortenson ôm cái đầu nhỏ mềm mại của con gái bằng bàn tay to lớn của mình. Anh cảm thấy một thứ hạnh phúc quá bao la khiến anh hoa mắt. Anh nghĩ, thật không thể tin được, tám ngày trong căn phòng hôi mùi dầu hỏa và giây phút này, trong phòng ngủ ấm cúng trên lầu một căn nhà trên con đường trồng cây hai bên, ấm áp trong vòng tay của gia đình, cũng là trong cùng một thế giới.

“Gì vậy anh?” Tara hỏi.

“Suyt.” anh nói, vuốt nếp nhăn trên trán cô bằng bàn tay còn rảnh trước khi nhận một ly champagne, “Suyt.”

□

Cuộc điện thoại gọi từ Seattle chứng tỏ hành tinh này đang chuyển động không ngừng nghỉ tiến đến một cân bằng. Jean Hoerni muốn biết chính xác khi nào ông có thể thấy ảnh chụp ngôi trường Korphe đã hoàn tất. Mortenson kể cho ông nghe về chuyện bị bắt cóc và kế hoạch của anh để quay lại Pakistan sau khi ở lại vài tuần để làm quen với con gái mình.

Hoerni quá hay hỏi thúc và nóng nảy về tiến trình của ngôi trường khiến cho Mortenson phải hỏi có điều gì làm ông phiền muộn. Hoerni gất lên, trước khi thú nhận rằng ông đã được chẩn đoán xơ hóa tủy xương, một dạng bệnh bạch cầu gây chết người. Các bác sĩ nói rằng ông có thể chết trong vòng vài tháng. “Tôi phải thấy ngôi trường đó trước khi chết.” Hoerni nói. “Hãy hứa với tôi rằng anh sẽ mang hình ảnh ngôi trường về cho tôi càng sớm càng tốt.”

“Tôi hứa.” Mortenson nói, họng anh như nghẹn lại bởi sự tiếc thương dành cho ông già trái tính này, một người đầy mâu thuẫn mà vì một số lí do nào đó đã lựa chọn để buộc chặt những hi vọng của mình vào một người hùng ít khả năng nhất - là anh.

□

Mùa thu năm đó ở Korphe trời trong nhưng lạnh bất thường. Thời tiết đã sớm đuổi những gia đình trong làng khỏi mái nhà của họ để quây quần bên những bếp lửa khói mù. Mortenson đã rời gia đình mới của mình vài tuần để cố thực hiện lời hứa với Hoerni. Hằng ngày anh cùng những người đàn ông trong làng quần chân ngoài bộ áo shalwar và trèo lên nóc trường để đặt những thanh dầm mái cuối cùng vào vị trí. Mortenson luôn để mắt đến bầu trời, lo ngại tuyết có thể làm họ phải dừng công việc lại một lần nữa.

Twaha nhớ rằng mình đã ngạc nhiên khi thấy Mortenson dễ dàng thích nghi với khí hậu lạnh ở Korphe như thế nào. “Tất cả chúng tôi đều lo ngại khi thấy bác sĩ Mortenson ngủ giữa khói và gia súc, nhưng ông ấy dường như không chú ý đến những chuyện đó.” Twaha nói. “Chúng tôi thấy ông có những thói quen khác lạ, rất khác với những người châu Âu khác. Ông không đòi hỏi phải có thức ăn và chỗ ở tốt. Ông ăn bất cứ thứ gì mà mẹ tôi dọn cho và ngủ với chúng tôi trong khói như một người Balti. Do cách cư xử rất tốt và không bao giờ nói dối của bác sĩ Greg, cha mẹ tôi và tôi đã yêu thương ông rất nhiều.”

Một buổi tối, với vẻ thẹn thùng, Mortenson kể cho Haji Ali câu chuyện anh bị bắt cóc ngay sau khi ông trưởng làng nhai đầy một miệng *naswar* sau bữa tối. Ông trưởng làng phun nhúm thuốc đang nhai trong miệng vào bếp lửa để có thể nói cho rõ ràng hơn.

“Anh đi một mình!” Haji Ali lên án anh. “Anh không tìm kiếm lòng hiếu khách của một ông trưởng làng! Nếu anh chỉ nghe theo một trong những điều tôi dặn thì hãy nhớ bài học này: Không bao giờ đi đâu ở Pakistan này mà chỉ có một mình. Hãy hứa với tôi điều đó.”

“Tôi hứa.” Mortenson nói, bổ sung thêm một lời thề nguyện vào những lời thề mà các bô lão đã yêu cầu anh phải hứa.

Haji Ali ngắt một nhúm *naswar* mới và làm mềm nó trong gò má của mình, suy nghĩ. “Anh định xây dựng trường học tiếp theo ở đâu?” ông hỏi.

“Tôi nghĩ là mình phải đi đến thung lũng Hushe.” Mortenson nói. “Đến thăm vài làng và xem ai...”

“Tôi có thể cho anh một vài lời khuyên chứ?” Haji Ali ngắt lời.

“Chắc chắn rồi.”

“Sao anh không để việc đó cho chúng tôi? Tôi sẽ triệu tập một cuộc họp tất cả các bô lão vùng Braldu và xem làng nào sẵn sàng hiến tặng đất và nhân công cho ngôi trường. Bằng cách đó, anh không phải bay khắp vùng Baltistan như một con quạ kiếm ăn chỗ này chỗ khác nữa.” Haji Ali cười nói.

“Như vậy một lần nữa, một ông già Balti mù chữ đã dạy cho một người phương Tây cách làm thế nào để phát triển một cách tốt nhất “sân sau” của mình.” Mortenson nói. “Kể từ đó, với tất cả trường học mà tôi xây dựng, tôi đều nhớ đến lời khuyên của Haji Ali và mở rộng dần từ làng này sang làng khác và từ thung lũng này sang thung lũng khác, đến những nơi mà tôi đã

xây dựng mối quan hệ, thay vì cố nhảy lò cò đến những nơi mà mình chưa tiếp xúc, như Waziristan.”

Đầu tháng mười hai, tất cả cửa sổ của ngôi trường Korphe đều đã được trám trét và các bảng đen đã được lắp đặt trong cả bốn phòng học. Mọi việc còn lại chỉ là đóng đinh những tấm tôn lợp mái vào vị trí. Những tấm tôn nhôm sắc cạnh và có thể gây nguy hiểm khi gió thổi rít từ hẻm núi quật vào như những lưỡi cưa. Mortenson mang theo bộ dụng cụ cấp cứu kè bên khi làm việc, và đã xử lí hàng chục vết thương do tôn bay gây ra.

Ibrahim, một người trong đội xây dựng, gọi Mortenson xuống từ mái trường với một yêu cầu chăm sóc y tế khẩn cấp. Mortenson nhìn người khuân vác đẹp trai, tìm kiếm những vết đứt, nhưng Ibrahim nắm cổ tay Mortenson và dẫn anh về phía nhà mình. “Đó là vợ tôi, thưa Sahib bác sĩ.” anh ta nói một cách bồn chồn. “Em bé của cô ấy không được tốt.”

Ibrahim là chủ cửa hàng duy nhất ở Korphe, một căn phòng tại gia nơi dân làng có thể mua trà, xà phòng, thuốc lá và những nhu yếu phẩm khác. Trên nền đất nện giữa góc phòng sinh hoạt của Ibrahim, Mortenson thấy vợ anh ta, Rhokia, bị bao quanh bởi một đám người đứng ngòai không yên và những thành viên trong gia đình đang phát rồ. Mortenson được biết Rhokia đã sinh một bé gái hai hôm trước, và cho đến giờ chưa tỉnh lại. “Mùi thịt phân hủy nồng nặc.” Mortenson nói. Trong ánh sáng của ngọn đèn dầu, anh khám cho Rhokia, đang nằm trên chiếc giường lót rơm vấy máu. Được Ibrahim đồng ý, anh bắt mạch cho Rhokia, nhịp mạnh nhanh đáng báo động. “Mặt cô ta xám xịt và không còn biết gì.” Mortenson nói. “Nhau thai đã không ra sau khi sinh và cô ta có nguy cơ chết vì sốc nhiễm khuẩn.”

Người em gái đau khổ của Rhokia bế đứa bé gái rõ ràng còn tỉnh táo. Đứa bé còn ẵm ngửa đã quá cận kề cái chết, Mortenson biết. Vì gia đình tin rằng Rhokia bị trúng độc nên đã không cho đứa bé bú mẹ. “Việc cho con bú sẽ kích thích dạ con, giúp tổng nhau thai ra khỏi cơ thể người mẹ.” Mortenson nói. “Do đó tôi yêu cầu họ để đứa bé bú sữa mẹ và tôi cho Rhokia uống thuốc kháng sinh để điều trị sốc.” Nhưng cả ngày, dù đứa bé đã bắt đầu khỏe trở lại, Rhokia vẫn nằm trên đệm rơm, rên rỉ vì đau và rồi bất tỉnh.

“Tôi biết mình phải làm gì.” Mortenson nói. “Nhưng tôi rất ngại không biết Ibrahim đón nhận chuyện đó như thế nào.” Mortenson kéo người khuân vác sang một bên. Ibrahim là một trong những người đàn ông có học nhất ở Korphe. Anh ta để tóc dài và cạo râu nhẵn nhụi theo phong cách của những

nhà leo núi nước ngoài mà anh ta đã mang vác hàng hóa cho họ. Nhưng anh ta vẫn là một người Balti. Mortenson giải thích một cách lặng lẽ rằng anh cần can thiệp bên trong cơ thể người vợ của Ibrahim và lấy đi thứ chất đã làm cho cô ấy ốm yếu.

Ibrahim vỗ vỗ hai bàn tay lên vai Mortenson và nói anh cứ làm những gì cần làm. Trong khi Ibrahim giữ cây đèn dầu, Mortenson rửa tay với một ấm nước nóng, rồi can thiệp trong tử cung Rhokia và kéo mớ nhau thai phân hủy ra.

Ngày hôm sau, trên mái trường học, Mortenson thấy Rhokia đã trở dậy và đang đi quanh làng, thủ thỉ với đứa con gái được bọc trong tấm chăn mà cô ẵm theo. “Tôi hạnh phúc khi có thể giúp được gia đình Ibrahim.” Mortenson nói. “Đối với người Balti, để cho một người đàn ông nước ngoài tiếp xúc mật thiết với vợ mình là một bước nhảy không thể tin được về lòng tin. Tôi cảm thấy mình thật thấp kém so với lòng tin mà họ đặt vào mình.”

Kể từ hôm đó, Mortenson thấy những phụ nữ Korphe vạch những vòng tròn trong không khí bằng bàn tay duỗi ra khi anh đi qua nhà họ, họ chúc phúc cho đường đi của anh.

Chiều ngày 10 tháng 10 năm 1996, Greg Mortenson khom người trên nóc mái của ngôi trường Korphe cùng Twaha, Hussein và một nhóm thợ xây dựng, hân hoan đóng cây đỉnh cuối cùng để hoàn tất việc xây dựng ngay lúc những hoa tuyết đầu mùa lượn quanh hai bàn tay đỏ, thô ráp của anh. Haji Ali reo mừng thành tích từ dưới sân trường. “Tôi đã cầu xin Thánh Allah toàn năng để tuyết rơi muện cho đến lúc anh hoàn tất.” Ông tươi cười nói. “Và Người đã làm điều đó trong sự sáng suốt vô hạn của Người. Giờ hãy xuống đây và uống chút trà.”

Tối hôm đó, bên ánh sáng của ngọn lửa được đốt lên trong *balti*, Haji Ali mở khóa cái tủ ly của mình và trả lại cho Mortenson cây thước thủy, dây dọi cùng quyển sổ ghi chép của anh. Rồi ông đưa cho anh một quyển sổ cái. Mortenson lật từng trang và ngạc nhiên nhìn thấy những cột số trải dài từ trang này sang trang khác. Đó là thứ mà anh có thể đưa cho Jean Hoerni xem một cách tự hào. “Làng đã ghi chép từng rupi chi tiêu cho ngôi trường, cộng dồn chi phí của từng viên gạch, cây đỉnh, tấm bảng và tiền công đã trả. Họ đã sử dụng phương pháp kế toán Anh kiểu thuộc địa ngày xưa. Và họ đã làm việc đó tốt hơn nhiều so với việc mà tôi có thể làm.”

Xuôi thung lũng Braldu, hướng về Skardu, Islamabad và về nhà, chiếc xe jeep của Mortenson bò qua một trận bão tuyết báo hiệu mùa đông đã đến

Karakarom với tất cả sức mạnh của nó. Tài xế, một người đàn ông lớn tuổi với một con mắt mờ đục, cứ vài phút lại vươn tay qua cửa xe để gỡ băng tuyết đang che khuất tấm kính chắn gió không có vành che. Khi chiếc xe jeep trượt theo một gờ băng, cao bên trên khe núi nơi dòng Braldu đang chảy trắng xóa, hành khách bám vào nhau để tìm sự ấm áp mỗi khi tài xế bỏ tay khỏi vô lăng và giờ lên cao, thốt ra những lời hốt hoảng cầu xin Thánh Allah giúp họ sống sót qua cơn bão.

□

Tuyết thổi hai bên với vận tốc năm mươi dặm một giờ che khuất cả con đường, Mortenson nắm chặt vô lăng trong hai bàn tay to lớn của mình và cố giữ chiếc Volvo trên nền đường không nhìn thấy được. Chuyến đi từ Bozeman đến bệnh viện nơi Jean Hoerni đã nhập viện ở Hailey, Idaho thông thường mất chưa đến bảy giờ. Họ đã rời nhà mười hai tiếng trước, với vài bông tuyết rơi xuống qua những cành cây trụi ở Bozeman. Và lúc này, 10 giờ chiều, trong cơn thịnh nộ của trận bão tuyết, họ vẫn còn cách điểm đến bảy mươi dặm.

Mortenson liếc nhìn chiếc ghế trẻ em đằng sau lưng nơi Amira đang ngủ. Tự mình lái xe qua trận bão ở Baltistan là một rủi ro có thể chấp nhận được, Mortenson nghĩ. Nhưng kéo vợ con vào chỗ hoang vu, gió tuyết này chỉ để anh có thể trao một tấm hình cho người đàn ông sắp chết thì không thể tha thứ được, nhất là khi họ chỉ cách vị trí của vụ lật xe đã giết chết cha Tara có vài dặm.

Nấp bên một tấm biển cho biết họ đang đi vào vùng những miệng núi lửa của công viên quốc gia Moon, nơi họ có thể nhìn thấy vệ đường, Mortenson cho chiếc Volvo cũ lùi ra khỏi đường và đỗ xe, với phần đuôi xe quay ra gió để chờ cho đến khi hết bão. Trong khi vội vàng đến với Hoerni, Mortenson đã quên cho chất chống đông vào két nước, và nếu tắt máy xe, anh sợ là không thể khởi động máy trở lại. Trong hai giờ, anh nhìn Tara và Amira đang ngủ, để mắt đến đồng hồ báo xăng trước khi cơn bão dịu đi đủ để họ tiếp tục hành trình.

Sau khi để vợ và đứa con đang buồn ngủ ở nhà Hoerni ở Hailey, Mortenson tìm đến Trung tâm Y tế Quận Blaine. Bệnh viện này chỉ có tám phòng, được xây dựng để điều trị chính hình những thương tích cho khách du lịch của khu trượt tuyết Sun Valley gần kề; và vào đầu mùa trượt tuyết, bảy phòng còn bỏ trống. Mortenson nhón chân bước qua một y tá trực đêm

đang ngủ sau quày tiếp nhận và bước về phía có ánh sáng rọi ra hành lang từ cửa đi cuối cùng bên phải.

Anh thấy Hoerni đang ngồi trên giường. Lúc đó là 2 giờ sáng.

“Anh đến trễ.” Hoerni nói. “Một lần nữa.”

Mortenson ngập ngừng ở cửa. Anh bị sốc vì bệnh tình của Hoerni đã tiến triển quá nhanh. Khuôn mặt gầy của ông chỉ còn tro xương. Và Mortenson cảm thấy như mình đang nói chuyện với một cái sọ người. “Ông thấy thế nào, Jean?” anh nói, bước tới đặt tay mình lên vai Hoerni.

“Anh có bức ảnh chết tiệt ấy chưa?” Hoerni nói.

Mortenson đặt balô xuống giường, cẩn thận để không vướng vào đôi chân gòn dễ gãy của Hoerni, đôi chân của nhà leo núi đã đưa ông đi một vòng quanh núi Kailash ở Tây Tạng chỉ mới một năm trước đây. Anh đặt một bao thư vào đôi tay xương xẩu và theo dõi nét mặt của Hoerni khi ông mở bao thư.

Jean Hoerni lôi ra tấm ảnh 8x10 mà Mortenson đã rửa ở Bozeman và run rẩy đưa nó lên. Ông nheo mắt để nhìn kỹ tấm ảnh ngôi trường Korphe được Mortenson chụp vào buổi sáng trước khi anh ra đi. “Tuyệt đẹp!” Hoerni nói, gật đầu tán thưởng cái kiến trúc màu bơ vững chắc với đường viền mới sơn màu đỏ thẫm, và lần ngón tay dọc theo một hàng bảy mươi học sinh nghèo đang tươi cười, là những học sinh sắp bắt đầu việc học hành chính thức của chúng trong ngôi trường.

Hoerni nhắc điện thoại bên giường và gọi y tá trực đêm. Khi cô y tá đứng ở ngưỡng cửa, ông nhờ cô mang đến một cái búa và đinh.

“Để làm gì anh yêu?” cô ta hỏi với giọng ngái ngủ.

“Để tôi có thể treo tấm ảnh ngôi trường mà tôi đang xây dựng ở Pakistan.”

“Tôi e mình không thể làm điều đó.” cô ta nói với giọng dõ dành có ý xoa dịu bớt. “Quy định.”

“Tôi sẽ mua cả bệnh viện này nếu cần.” Hoerni gầm gừ, ngồi dậy trên giường và đe dọa buộc cô y tá phải làm. “Mang đến cho tôi một cái búa!”

Một lát sau, cô y tá quay lại, mang theo một dụng cụ búa đinh. “Đây là thứ nặng nhất mà tôi có thể tìm thấy.” cô ta nói.

“Hãy tháo tấm hình kia khỏi tường và treo tấm này lên.” Hoerni ra lệnh. Mortenson tháo bức tranh màu nước vẽ hai con mèo con đang vờn quả cầu len bằng móng vuốt của chúng, gỡ cây đinh và đóng tấm ảnh chụp ngôi

trường Korphe lên ngang tầm nhìn của Hoerni bằng đỉnh bầm, làm vữa thạch cao văng tung tóe mỗi lần anh bầm đỉnh.

Anh quay lại phía Hoerni và thấy ông đang khom người trên máy điện thoại, lệnh cho người trực tổng đài gọi ra nước ngoài tìm vài số điện thoại ở Thụy Sĩ cho mình. “Chào.” sau cùng Hoerni nói với một người bạn từ thời thơ ấu ở Geneva. “Tôi đây Jean, tôi đã xây một trường học ở Karakoram, Himalaya.” ông khoe khoang. “Anh đã làm gì trong năm mươi năm qua?”

□ □ □

Hoerni có những ngôi nhà ở Thụy Sĩ và Sun Valley. Nhưng ông đã chọn để chết ở Seattle. Vào ngày Giáng sinh, Hoerni được chuyển đến bệnh viện Mason, Virginia. Trên đỉnh đồi Pill Hill của Seattle. Từ phòng riêng của mình, khi trời trong xanh, Hoerni có thể nhìn ra vịnh Elliot và những đỉnh nhọn của Olympic Peninsula. Nhưng với sức khỏe đang yếu đi nhanh chóng, Hoerni dành phần lớn thời gian chú tâm vào tập tài liệu pháp lí mà ông luôn giữ trong tầm tay, ở chiếc bàn bên giường.

“Jean đã dành những tuần lễ cuối đời để duyệt lại bản di chúc.” Mortenson nói. “Bất cứ khi nào ông bực tức ai, và thường thì có ai đó làm ông phát điên lên, ông dùng cây bút lông đen lớn gạch chéo tên họ ra khỏi bản di chúc. Rồi ông gọi cho luật sư được ủy quyền, Franklin Montgomery bất cứ lúc nào, ngày cũng như đêm, và đảm bảo rằng người đó phải bị cắt quyền thừa kế.”

Lần cuối cùng trong đời mình, Mortenson phục vụ như một y tá trực đêm. Anh rời gia đình ở Montana và ở lại cùng Hoerni suốt ngày, tắm, thay đệm giường và chỉnh ống thông tiểu cho ông, đáng mừng là anh có tay nghề để làm cho những ngày cuối của Hoerni được thoải mái.

Mortenson đóng khung một tấm ảnh trường Korphe cỡ 8x10 khác và treo trên giường bệnh viện. Và anh nối chiếc máy ghi hình mà Hoerni đã cho anh trước chuyến đi cuối sang Pakistan vào máy truyền hình của bệnh viện và chiếu cho ông thấy cảnh anh sống cuộc sống như người dân làng ở Korphe. “Jean không ra đi một cách thanh thản. Ông tức giận về cái chết.” Mortenson nói. Ông chỉ nằm trên giường, nắm tay Mortenson xem video hình ảnh những trẻ em Korphe đang ca hát một cách ngọt ngào “Mary, Mary, có một, có một, con cừu nhỏ, con cừu nhỏ.” bằng thứ tiếng Anh không hoàn hảo của chúng, và cơn giận dữ của ông tan biến đi.

Hoerni bóp mạnh tay Mortenson bằng một sức mạnh đáng kinh ngạc của người sắp chết. “Ông nói với tôi, ‘Ta yêu anh như con trai mình.’”

Mortenson nói. “Hơi thở của Jean đã có mùi ngọt dịu của xêton mà người ta thường có khi sắp chết, và tôi biết ông không còn sống lâu nữa.”

“Jean được mọi người biết đến với những thành tựu khoa học.” vợ góa của ông, Jennifer Wilson nói. “Nhưng tôi nghĩ ông cũng quan tâm đến ngôi trường nhỏ bé ở Korphe này nhiều như khoa học. Ông nghĩ rằng mình thực sự đã để lại một cái gì ở phía sau.”

Hoerni cũng muốn đảm bảo rằng Viện Trung Á phải đứng vững như ngôi trường Korphe. Ông đã hiến tặng cho CAI một triệu đôla trước khi nhập viện.

Trong ngày đầu năm 1997, Mortenson trở về từ quán cà phê, thấy Hoerni mặc chiếc áo casomi cộc tay và quần dài, và giật mạnh ống tiêm tĩnh mạch ở cánh tay. “Tôi cần quay về căn hộ của mình vài giờ.” Ông nói. “Hãy gọi một chiếc limousine.”

Mortenson thuyết phục các bác sĩ đang kinh ngạc giao Hoerni cho mình chăm sóc, và đã gọi một chiếc limousine đen đưa cả hai về căn hộ tầng áp mái ở bờ hồ Washington. Quá yếu để giữ máy điện thoại, Hoerni đọc lướt qua một quyển sổ điện thoại bìa da và yêu cầu gửi hoa đến cho nhiều người bạn đã lâu không liên lạc, Mortenson nói.

“Tốt.” ông nói, sau khi bó hoa cuối cùng đã được đặt hàng. “Giờ đây tôi có thể chết. Hãy đưa tôi trở về bệnh viện.”

Ngày 13 tháng 1 năm 1997, cuộc đời dài, gây nhiều tranh cãi của con người nhìn xa trông rộng, người đã góp phần lập nên công nghiệp bán dẫn và Viện Trung Á đã kết thúc. Tháng tiếp theo, Greg Mortenson lần đầu tiên mua một bộ vest tốt mà trong đời anh chưa bao giờ có, và đọc điều văn trước đám đông những người trong gia đình cùng những đồng nghiệp của Hoerni, tụ họp tại buổi lễ tưởng niệm ông ở nhà thờ trường Đại học Stanford, trái tim của văn hóa của Thung lũng Silicon mà Hoerni đã góp phần tạo ra. “Jean Hoerni đã có cái nhìn đi trước để dẫn dắt chúng ta vào thế kỉ 21 của công nghệ mũi nhọn.” Mortenson nói với đám đông người tưởng niệm. “Nhưng ông cũng đã có một cái nhìn hiếm hoi để nhìn ra sau, và thấy những con người đang sống như họ đã sống từ nhiều thế kỉ.”

CHƯƠNG 15

Mortenson trong dòng vận động

□

Không có những cú gõ búa mà là vũ điệu của nước, những bài ca của sỏi đá trở thành
hoàn thiện.

- Rabindranath Tagore

□

Lúc 3 giờ sáng, tại “văn phòng” Viện Trung Á ở Bozeman, một phòng giặt ủi trong tầng hầm nhà mình được cải tạo lại, Greg Mortenson được biết *sher* của làng Chakpo, ngôi làng trong thung lũng Braldu, đã tuyên bố một *fatwa*⁽¹⁸⁾ chống lại anh. Ở Skardu, lúc đó là giữa buổi chiều, Parvi hét vào chiếc điện thoại mà Mortenson đã trả tiền để lắp đặt tại nhà ông.

“Mulahh này không còn là một người Hồi giáo nữa!” Parvi rống lên. “Hắn là kẻ lừa đảo chỉ biết quan tâm đến tiền! Không có việc gì để hắn phải tuyên bố một *fatwa*.”

Từ sự giận dữ trong giọng nói của Parvi, Mortenson biết *fatwa* đặt ra một vấn đề nghiêm trọng như thế nào. Nhưng đang còn ngái ngủ trong bộ đồ ngủ, ở nhà mình cách xa nửa vòng trái đất, hai bàn chân trần gác một cách thoải mái trên ống sưởi, thật khó để hình dung lời báo động đó thực sự cần được xem xét như thế nào.

“Anh có thể nói chuyện với hắn để xem có thể thu xếp ổn thỏa chuyện đó không?” Mortenson hỏi.

“Ông cần sang đây. Hắn sẽ không chịu gặp tôi trừ khi tôi mang cho hắn một vali nhét đầy tiền rupi. Anh có muốn tôi làm như vậy không?”

“Chúng ta đã không hỏi lộ và chúng ta sẽ không bắt đầu làm chuyện đó.”

Mortenson nói, nén một cái ngáp để không làm Parvi khó chịu. “Chúng ta cần nói chuyện với một giáo sĩ nhiều quyền lực hơn hắn. Anh có biết ai như vậy không?”

“Có thể.” Parvi nói. “Chương trình ngày mai vẫn vậy chứ? Tôi vẫn gọi điện vào giờ này?”

“Ừ, cũng giờ này.” Mortenson nói. “*Khuda hafiz*.”

“Thánh Allah ở cùng ông, thưa ông.” Parvi thở dài.

Mortenson đã lập ra một thông lệ mà anh sẽ còn theo trong cả thập kỉ tới, chỉ đạo công việc theo sự chênh lệch mười ba giờ giữa Bozeman và

Baltistan. Anh lên giường lúc 9 giờ tối, sau khi gọi điện thoại “buổi sáng” cho Pakistan. Anh thức dậy lúc 2 hoặc 3 giờ sáng, là giờ liên lạc với những người Pakistan trước khi họ hết giờ làm việc. Lo việc chỉ đạo Viện Trung Á, anh hiếm khi ngủ hơn năm giờ một đêm.

Mortenson đi sang nhà bếp, pha một bình cà phê, rồi quay trở lại tầng hầm để soạn bức email đầu tiên trong ngày: “Gửi: Tất cả Thành viên Ban Giám đốc CAI.” Mortenson gõ. “Chủ đề: *fatwa* đã được tuyên bố cho Greg Mortenson. Nội dung: Xin gửi lời chào từ Bozeman! Vừa kết thúc cuộc nói chuyện qua điện thoại với Ghulam Parvi, người quản lý dự án Pakistan mới của CAI. (Ông ta cảm ơn, điện thoại của ông ta hoạt động tốt!!!) Parvi nói rằng một sher, người lãnh đạo tôn giáo địa phương, không thích ý tưởng chúng ta giáo dục cho các bé gái, vừa đưa ra một *fatwa* đối với tôi, cố ngăn cản CAI xây dựng thêm bất cứ trường học nào ở Pakistan.

Trong những ngôi làng nhỏ ở miền núi nơi chúng tôi làm việc, một giáo sĩ địa phương, ngay cả một giáo sĩ xấu xa, cũng có nhiều quyền lực hơn chính quyền Pakistan. Parvi hỏi tôi có muốn hỏi lộ hẩn không. (Tôi đã nói không đời nào.) Dù sao, hẩn cũng có thể gây nhiều rắc rối cho chúng ta. Tôi đã yêu cầu Parvi tìm gặp một giáo sĩ cấp cao có thể bác bỏ phán quyết của hẩn và tôi sẽ thông báo cho quý vị về cách giải quyết vấn đề của Parvi. Nhưng điều này có nghĩa tôi phải sớm trở lại đó để sắp xếp chuyện này, *Inshallah*. Chúc an lành, Greg.”

Jean Hoerni để lại cho Mortenson 22.315 đôla, số tiền riêng của Mortenson mà nhà khoa học già xét đoán là anh bạn trẻ của mình đã tiêu tốn ở Pakistan. Và ông đã để lại cho Mortenson một vị trí đặc biệt - chịu trách nhiệm về một tổ chức từ thiện với khoản hiến tặng gần một triệu đôla. Mortenson đã yêu cầu người vợ góa của Hoerni, Jennifer Wilson, giữ một vị trí trong ban giám đốc mới được thành lập của tổ chức, cùng với người bạn cũ của anh là Tom Vaughan, bác sĩ bệnh phổi và là nhà leo núi đến từ quận Marin, người đã giúp đỡ Mortenson trong những ngày đen tối nhất của anh ở Berkeley. Tiến sĩ Andrew Marcus, Chủ tịch Ban Khoa học Trái đất của bang Montana, cũng đồng ý phục vụ. Nhưng sự bổ sung đáng ngạc nhiên nhất cho ban giám đốc là từ một người em họ của Jennifer Wilson, Julia Bergman.

Vào tháng 10 năm 1996, Bergman đi du lịch đến Pakistan cùng một nhóm bạn, họ đã thuê chiếc trực thăng MI-17 lớn của Nga bay từ Skardu với hi vọng nhìn thấy K2. Trên đường quay về, viên phi công hỏi họ có

muốn viếng thăm một ngôi làng tiêu biểu hay không. Họ đã hạ cánh ngay bên dưới làng Korphe, và khi những bé trai địa phương biết Bergman là người Mỹ, chúng đã nắm tay bà và dẫn bà đến xem một điểm thu hút khách du lịch mới - một ngôi trường vững chắc màu vàng được xây dựng bởi một người Mỹ khác, tại một nơi trước đó chưa từng có trường học, ở một làng nhỏ gọi là Korphe.

“Tôi nhìn tấm biển ở mặt tiền ngôi trường và đọc thấy nó đã được tặng bởi Jean Hoerni, chồng của chị họ Jennifer của tôi.” Bergman nói. “Jennifer đã kể cho tôi rằng Jean đang cố xây một trường học ở nơi nào đó trong vùng Himalaya, nhưng để hạ cánh đúng ngay điểm đó trong một rặng núi trải dài hàng nghìn dặm thì còn hơn là một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Tôi không phải là một người mộ đạo.” Bergman nói. “Nhưng tôi cảm thấy mình được đưa đến đây vì một lí do nào đó và tôi không thể ngừng khóc.”

Vài tháng sau, tại buổi lễ tưởng niệm Hoerni, Bergman tự giới thiệu mình với Mortenson. “Tôi đã ở đó!” bà nói, ôm chầm lấy người đàn ông đang ngạc nhiên mà bà vừa gặp bằng một cái ôm thật chặt. “Tôi đã thấy ngôi trường!”

“Bà là người phụ nữ tóc vàng trên trục thẳng?” Mortenson nói, lắc đầu ngạc nhiên. “Tôi có nghe nói về một phụ nữ người nước ngoài đã đến làng nhưng tôi không tin!”

“Có một thông điệp ở đây. Ý tôi là,” Julia Bergman nói. “Tôi muốn giúp đỡ, tôi có thể làm điều gì để giúp đỡ cho tổ chức không?”

“Ồ, tôi đang muốn quyên góp sách và lập một thư viện cho trường Korphe.” Mortenson nói.

Bergman cảm thấy cùng một cảm giác tiền định như bà đã từng gặp vào ngày hôm đó ở Korphe. “Tôi là quản thủ thư viện.” bà nói.

Sau khi gửi email cho Bergman và những thành viên khác trong ban giám đốc, Mortenson viết thư cho một bộ trưởng chính phủ mà anh đã gặp trong chuyến đi vừa rồi, và cho Mohamed Niaz, Giám đốc Giáo dục vùng Skardu, hỏi xin lời khuyên về chuyện *sher* của Chakpo. Rồi anh quỳ gối trong ánh sáng mờ mờ từ ngọn đèn bàn và lục lọi trong những chồng sách xếp dựa tường, trước khi tìm được điều mà anh cần tìm, *fakhir* - một chuyên luận về việc áp dụng luật Hồi giáo trong xã hội hiện đại, được dịch từ tiếng Farsi. Anh uống hết bốn tách cà phê, đọc chăm chú cho đến khi nghe tiếng chân Tara nơi sàn bếp phía trên đầu anh.

Tara ngồi ở bàn bếp cho Amira bú và với một cốc lớn sữa cà phê. Mortenson không muốn quấy rầy khung cảnh bình yên với điều mà anh cần nói. Anh hôn chào buổi sáng vợ mình trước khi báo tin. “Anh phải sang đó sớm hơn dự định.” anh nói.

□

Vào một buổi sáng tháng ba giá lạnh ở Skardu, những người ủng hộ Mortenson gặp nhau uống trà ở tổng hành dinh không chính thức của anh, sảnh khách sạn Indus. Indus cực kì thuận tiện cho Mortenson. Không như những khu nghỉ dưỡng ít du khách ở Skardu, nằm khuất xa giữa những nơi có cảnh đẹp, khách sạn sạch sẽ và không đắt tiền này nằm trên đường chính của Skardu, không phô trương, giữa khu nhà của Changazi và một trạm xăng PSO, chỉ cách những chiếc Bedford âm âm trên đường trở về Islamabad khoảng một mét.

Trong sảnh khách sạn, bên dưới tấm bảng mà những nhà leo núi dán đầy ảnh về những chuyến thám hiểm gần đây, hai chiếc bàn gỗ dài được kê phù hợp cho những buổi tiệc trà kéo dài để thực hiện bất cứ công việc kinh doanh nào ở thị trấn. Buổi sáng hôm đó, tám người ủng hộ Mortenson ngồi quanh bàn, phết mút Trung Quốc lên món bánh chapati ngon tuyệt của khách sạn và nhâm nhi trà sữa theo cách mà Parvi ưa thích - thật ngọt.

Mortenson ngạc nhiên về việc mình đã có thể triệu tập những người đàn ông này một cách hiệu quả, từ những thung lũng xa xôi của miền bắc Pakistan, cho dù những nơi ấy chưa có điện thoại. Mất khoảng một tuần kể từ lúc anh gửi thư cùng với tài xế xe jeep cho đến lúc những người anh mời gọi đến được Skardu, nhưng trong thời kì trước khi điện thoại vệ tinh trở nên phổ biến ở phần này của thế giới, thì không có cách nào khác để vượt qua khoảng cách cheo leo của những dãy núi này.

Từ thung lũng Hushe, một trăm dặm về phía đông, Mouzafer đã lên đường đến dự buổi tiệc trà này cùng với bạn ông, một phu khuân vác và là đầu bếp ở trại căn cứ trước đây, được biết đến nhiều dưới cái tên “Apo” hay “ông già” Razak. Kế bên họ, Haji Ali và Twaha ngấu nghiến bữa ăn sáng, vui vì có lí do để rời khỏi thung lũng Braldu, vốn vẫn còn ngập sâu trong tuyết giữa mùa đông. Và Faisal Baig bước nhàn hạ vào sảnh khách sạn trong sáng hôm đó, sau khi đã đi hơn hai trăm dặm từ thung lũng Charpurson gồ ghề, ở biên giới Afghanistan.

Mortenson đã đến từ hai ngày trước, sau chuyến xe buýt bốn mươi tám giờ trên xa lộ Karakoram, cùng với thành viên mới nhất trong nhóm người

kì quặc của mình, một tài xế taxi bốn mươi tám tuổi ở Rawalpindi, tên là Suleman Minhas. Sau vụ bắt cóc Mortenson, Suleman đã có dịp đón anh ở sân bay Islamabad.

Trên đường về khách sạn, Mortenson đã kể lại những chi tiết về việc anh mới được thả ra ở Waziristan, và Suleman, nổi giận vì những người đồng hương của mình đã đẩy vị khách vào một sự thử thách kém thân thiện đến như vậy, đã trở thành người bảo vệ cho anh. Suleman thuyết phục anh lưu lại ở một nhà khách rẻ tiền mà mình biết ở Islamabad, tại một nơi an toàn hơn nhiều so với nơi ở cũ của anh, khách sạn Khyaban, nơi mà những vụ đánh bom của các giáo phái, hầu như vào mỗi thứ sáu, sau buổi cầu nguyện *Juma* đã bắt đầu gây khiếp sợ khắp vùng xung quanh.

Suleman đã quay lại mỗi ngày để theo dõi sự hồi phục của Mortenson, mang đến những túi bánh kẹo và thuốc chống kí sinh mà Mortenson bị nhiễm ở Waziristan, và đưa anh đi ăn thịt nướng ở một quán ven đường Kabuli mà mình ưa thích nhất. Sau khi chiếc taxi bị chặn lại ở một chốt cảnh sát trên đường đến sân bay cho chuyến trở về nhà của Mortenson, Suleman nói chuyện với cảnh sát một cách dịu dàng và đầy thuyết phục khiến Mortenson đã mời anh ta làm việc cho CAI như một “người dàn xếp” ở Islamabad trước khi lên máy bay.

Trong sảnh khách sạn Indus, Suleman ngồi như một vị Phật cười kè bên Mortenson, khoanh tay trước cái bụng đã bắt đầu lớn, giải khuây cho cả bàn giữa những ngụm khói thuốc Marlboro mà Mortenson đã đem từ Mỹ sang cho mình bằng những chuyện kể về cuộc sống của một tài xế taxi ở một thành phố lớn. Là một thành viên người Punjab chiếm đa số ở Pakistan, trước đây anh ta chưa bao giờ đến miền núi và liến thoắng về điều đó, làm phong phú thêm cho những người đàn ông, vốn sống ở rìa của cái thế giới nói tiếng Urdu ngoài tiếng mẹ đẻ của họ.

Mohammed Ali Changazi đi ngang qua trong bộ áo dài trắng, có thể nhìn thấy qua những vách kính, và ông già Apo Razak, với cái liếc mắt tinh nghịch dưới chiếc mũi khoằm của mình, nghiêng người tới trước và kể cho mọi người tin đồn về việc Changazi đã chinh phục thành công cặp chị em người Đức, đến Skardu cho một chuyến leo núi.

“Vâng, tôi có thể thấy ông ta là một người rất sùng đạo.” Suleman nói bằng tiếng Urdu, lúc lắc đầu để nhấn mạnh với cả bàn. “Ông ta hẳn phải cầu nguyện sáu lần mỗi ngày. Và tẩy uế chỗ này cũng sáu lần mỗi ngày,” anh ta nói và chỉ vào bụng mình. Tiếng cười rộ lên quanh bàn khiến Mortenson,

bằng trực giác của mình, biết rằng việc tập hợp nhóm người chệch choạc này là không tồi.

Mouzafer và những người đàn ông Korphe là người Hồi giáo Shiite, cùng với những cư dân Skardu là Ghulam Parvi và ông thợ hồ Makhma Apo Razak, một người tị nạn từ vùng Kashmir bị Ấn Độ chiếm đóng, là người Sunni, cũng như Suleman. Và người cận vệ gây ấn tượng dững mãi Faisal Baig thuộc giáo phái Ismaeli. “Tất cả chúng tôi ngồi cười và nhâm nhi trà một cách hòa bình.” Mortenson nói. “Một người ngoại đạo và những đại diện từ các giáo phái đang đánh nhau của Hồi giáo. Và tôi nghĩ nếu có thể hòa thuận mãi như thế này, chúng tôi có thể hoàn thành bất cứ điều gì. Chính sách của người Anh là chia rẽ và chiến thắng. Nhưng đối với tôi thì ngược lại, đoàn kết và chiến thắng.”

Ghulam Parvi lặng lẽ nói với cả nhóm về fatwa, cơn giận dữ của ông đã nguội đi nhiều. Ông nói với Mortenson rằng ông đã sắp xếp một cuộc gặp với Syed Abbas Risvi, lãnh đạo tôn giáo của Hồi giáo Shia miền bắc Pakistan. “Abbas là một người tốt, nhưng nghi ngại người nước ngoài,” Parvi nói. “Khi ông ta thấy anh tôn kính đạo Hồi và đường hướng của chúng ta, ông ta có thể giúp ích nhiều, *Inshallah*.”

Parvi cũng nói rằng Sheikh Mohammed, một học giả tôn giáo và là đối thủ của *sher* Chakpo, cùng với con trai là Mehdi Ali đang thỉnh cầu CAI xây dựng một ngôi trường ở làng Hemasil của họ đã viết một bức thư cho Hội đồng Giáo phẩm Tối cao ở Qom, hỏi các giáo sĩ lãnh đạo ở Iran, những người có quyền lực tối cao trong thế giới Hồi giáo Shia, rằng liệu *fatwa* có hợp lí không.

Haji Ali thông báo rằng mình đã gặp các bô lão của mọi ngôi làng Braldu và họ đã chọn Pakhora, một cộng đồng đặc biệt nghèo khó của thung lũng Hạ Braldu do người bạn thân của Haji là Mousin đứng đầu, như là địa điểm được chọn cho ngôi trường thứ hai của CAI.

Ông thợ hồ Makhmal, người đã thực hiện công việc ở Korphe rất chuyên nghiệp, hỏi xin một ngôi trường cho làng quê Ranga ở ngoại vi Skardu của mình, và nói rằng đại gia đình của ông, tất cả đều là những thợ xây có tay nghề, có thể góp sức để dự án được hoàn thành nhanh chóng.

Mortenson hình dung ra Hoerni sẽ hạnh phúc biết bao khi được ngồi tại chiếc bàn này. Lời khuyên của ông rằng đừng bực tức trước những làng cạnh tranh giành giật ngôi trường đầu tiên vang lên rõ ràng trong tai anh: “Trẻ em ở tất cả những ngôi làng cổ hủ lộ anh đều cần trường học.”

Mortenson nghĩ đến những đứa trẻ chăn dê mà anh đã dạy vào cái ngày anh nhảy bỏ ra khỏi bữa yến tiệc của Changazi, cái cách thèm khát mà chúng nuốt lấy bài học vụng về của anh về tên gọi tiếng Anh cho từ “cái mũ” và đề xuất xây dựng một ngôi trường ở làng quê Changazi, khi các bô lão đã đồng ý hiến đất. “VẬY, bác sĩ Greg,” Ghulam Parvi nói, gõ nhẹ đầu bút vào xấp giấy mà ông đang ghi chép. “Năm nay chúng ta sẽ xây trường nào?”

“Tất cả những ngôi trường đó, *Inshallah*.” Mortenson nói.

□ □

Greg Mortenson cảm thấy cuộc đời mình đang tăng tốc, anh đã có một căn nhà, một con chó, một gia đình, và trước khi anh đi, anh và Tara đã bàn đến việc có thêm con. Anh đã xây dựng một ngôi trường đang bị đe dọa bởi một giáo sĩ giận dữ, đã tập hợp được một ban giám đốc người Mỹ cùng đội ngũ nhân viên người Pakistan lôi thôi lếch thếch. Anh có năm mươi nghìn đôla tiền của CAI trong balô và còn có nhiều hơn nữa trong ngân hàng. Những trẻ em khốn khổ và bị bỏ quên ở miền bắc Pakistan đã cam chịu quá cao như những ngọn núi bao quanh Skardu. Với fatwa treo trên đầu như một thanh đao, có ai biết còn bao lâu anh mới có thể làm việc ở Pakistan? Giờ là lúc để hành động với tất cả năng lực mà anh có thể tập hợp.

Với năm mươi tám nghìn đôla, Mortenson mua một chiếc Toyota Land Cruiser màu xanh quân đội đã qua sử dụng hai mươi mốt năm, có cầu sau thấp để vượt qua bất cứ chướng ngại nào mà anh có thể gặp trên xa lộ Karakoram. Anh thuê một tài xế điềm tĩnh, có kinh nghiệm, hút thuốc lá luôn miệng tên là Hussain, anh này mua ngay một hộp thuốc nổ và chất dưới ghế hành khách, để họ có thể cho nổ mở đường qua những vụn đá mà không phải chờ đợi sửa chữa của chính quyền. Và cùng với Parvi và Makhmal, anh mặc cả không thương xót, mua đủ vật liệu xây dựng từ những thương nhân Skardu để khởi công ba ngôi trường ngay khi đất tan băng giá.

Lần thứ hai trong đời Mortenson, cây xăng lại là địa điểm liên hệ máu chót giữa anh với đạo Hồi. Một chiều tháng tư âm áp, đứng trong cơn mưa phùn nhẹ bên những trụ bơm xăng của trạm xăng PSO, Mortenson đã gặp Syed Abbas Risvi. Parvi giải thích rằng tốt nhất họ nên gặp nhau ở một nơi công cộng cho đến khi vị giáo sĩ đưa ra quyết định về người ngoại đạo, và gợi ý địa điểm náo nhiệt này gần khách sạn của Mortenson.

Abbas đến cùng hai trợ lí trẻ tuổi, cả hai đều để râu dài, họ lắng vâng bảo vệ quanh ông. Ông dáng cao gầy với bộ râu được cắt tỉa của một học giả Shia, là người đã tỏa sáng hơn các bạn học tại *madrassa* ở Najaf, Iraq. Ông đội chiếc khăn xếp đen quấn chặt quanh cái trán cao và xem xét anh chàng người Mỹ to lớn mặc trang phục Pakistan qua cặp mắt kính vuông kiểu xưa, trước khi đưa tay ra cho một cái bắt tay rắn rỏi.

“*As-Salaam Alaaikum.*” Mortenson nói, cúi người với bàn tay đặt trên tim mình một cách kính cẩn. “Rất hân hạnh được gặp ông, Syed Abbas.” anh tiếp tục bằng tiếng Balti. “Ông Parvi đã kể cho tôi nghe nhiều về sự khôn ngoan và lòng trắc ẩn của ông dành cho người nghèo khó.”

“Có một số người châu Âu dứt khoát đến Pakistan để phá đạo Hồi.” Syed Abbas nói. “Và lúc đầu tôi đã lo rằng bác sĩ Greg là một trong số họ. Nhưng ngày hôm đó, ở trạm xăng, tôi đã nhìn vào trái tim anh ta và thấy rõ anh ta là người như thế nào - một người ngoại đạo nhưng lại là một người cao quý, tận hiến đời mình cho việc giáo dục trẻ em. Tôi đã quyết định ngay tại đó là phải giúp anh ta bằng mọi cách có thể.”

Mortenson đã phải mất hơn ba năm, với những hướng đi sai lầm, những thất bại và những khoảng thời gian trễ nải, để đưa ngôi trường Korphe từ một lời hứa cho đến hoàn tất. Với những sai lầm được nhớ kĩ trong lòng, với số tiền mà sau cùng đã biến ước mơ của anh thành hiện thực và một đội ngũ nhân viên cùng những người tình nguyện say mê cống hiến để cải thiện cuộc sống của trẻ em Balti, CAI của Greg Mortenson xây dựng thêm ba trường tiểu học nữa chỉ trong vòng ba tháng.

Makhmal đã giữ đúng lời hứa. Ông và gia đình ông gồm những thợ hồ ở Kashmir dẫn đầu việc xây dựng trường học tại làng Ranga của họ, xây dựng một bản sao của trường Korphe chỉ trong mười tuần. Ở một nơi mà những ngôi trường thường phải mất nhiều năm mới hoàn thành, thì tiến độ này là chưa từng có. Mặc dù làng của họ chỉ ở bên ngoài Skardu tám dặm, nhưng trẻ em Ranga chưa hề có được sự giáo dục từ chính phủ, trừ khi chúng có thể trả được chi phí di chuyển và học phí của các trường tư ở Skardu. Sau một mùa xuân lao động cật lực, cơ hội cho các trẻ em Ranga đã được thay đổi mãi mãi.

Ở Pakhora, bạn của Haji Ali là Haji Mousin tạo cơ hội tốt nhất cho làng mình, thuyết phục nhiều đàn ông Pakhora không làm công việc khuân vác cho các đoàn thám hiểm cho đến khi ngôi trường được xây dựng xong, *nurmadhar* của Pakhora đã tập hợp được đội ngũ người lao động không có

tay nghề đông đảo và nhiệt tình. Zaman, một nhà thầu địa phương, đã hoàn công việc xây dựng cho quân đội và dẫn đầu nỗ lực xây dựng một ngôi trường bằng đá hình chữ U xinh đẹp, được che bóng bởi một rặng dương. “Zaman đã thực hiện một công việc không thể tin nổi.” Mortenson nói. “Ở một trong những ngôi làng heo lánh nhất miền bắc Pakistan, anh ta đã xây dựng một ngôi trường trong mười hai tuần, vượt hơn hẳn bất cứ thứ gì mà chính quyền Pakistan có thể xây dựng, và với chi phí chỉ bằng một nửa giá của một dự án mà chính quyền phải thực hiện trong nhiều năm mới xong.”

Ở làng Kuardu của Changazi, các bô lão quyết tâm làm cho trường học của họ thành công, họ đã hiến một lô đất cho ngôi trường ở ngay trung tâm làng và đã phá hủy một căn nhà đá hai tầng để ngôi trường có thể tọa lạc trên lô đất tốt nhất. Cũng như mọi chuyện có liên quan đến Changazi, phần trang trí của trường Kuardu được thực hiện vượt xa tiêu chuẩn địa phương. Những người đàn ông Kuardu đã xây dựng móng đá vững chắc sâu một mét tám, và những bức tường đá có bề rộng gấp đôi, kiên quyết làm ngôi trường phải đứng kiêu hãnh ở trung tâm làng mãi mãi.

Cả mùa xuân và mùa hè, Mortenson lượn quanh Baltistan như một giáo sĩ trên chiếc Land Cruiser màu xanh. Anh và đội ngũ của mình chuyển giao những bao xi măng khi chúng sắp hết ở những địa điểm xây dựng khác nhau, chở Makhmal lên Braldu để chỉnh một bộ đàm mái dật không đúng ở Pakhora và vù về xưởng gỗ ở Braldu để kiểm tra sự tiến triển của năm trăm chiếc ghế học sinh mà anh đã đặt làm.

Khi tất cả các dự án trường học rõ ràng sẽ hoàn tất trước thời hạn, Mortenson phát động một mảng những sáng kiến mới nhiều tham vọng. Parvi đã báo cho Mortenson là có hơn năm mươi bé gái đang theo học trong những điều kiện chật chội tại ngôi trường một phòng ở bờ nam sông Indus, trong làng Torghu Balla. Với những vật tư còn lại từ những dự án xây dựng khác, Mortenson thấy cần mở rộng thêm hai lớp học cho ngôi trường.

Trong một chuyến viếng thăm ngôi làng Halde của Mouzafer ở thung lũng Hushe, nơi Mortenson đã hứa với các bô lão trong làng là sẽ xây dựng một ngôi trường vào năm sau, Mortenson biết được sự khủng hoảng trong ngôi trường hiện có của chính phủ ở gần làng Khanday. Ở Khanday, một giáo viên địa phương tận tâm tên là Ghulam đang cố gắng duy trì những lớp học cho chín mươi hai học sinh dù không nhận được chi phiếu trả lương của chính phủ từ hai năm nay. Cảm thấy bị xúc phạm, Mortenson đã đề nghị trả

lương cho Ghulam và thuê thêm hai giáo viên để đưa tỉ lệ học sinh-giáo viên của Khanday lên mức hợp lí.

Trong những chuyến đi của mình, Syed Abbas đã nghe hàng trăm người Balti ca ngợi tính cách của Mortenson và kể hăng say không dứt về những hành động mà zakat Mortenson đã thực hiện trong thời gian ở cùng họ. Syed Abbas đã gửi thư đến khách sạn Indus mời Mortenson đến nhà ông.

Mortenson, Parvi và nhà lãnh đạo tôn giáo ngồi xếp bằng trên sàn phòng khách của Syed Abbas, trên những tấm thảm Iran đặc biệt đẹp, trong khi con trai của Abbas mời họ trà xanh trong những tách sứ màu hồng và bánh ngọt trong cái khay thủ công trang trí hình cối xay gió.

“Tôi đã liên lạc với *sher* của Chakpo và yêu cầu ông ta rút lại *fatwa* của mình.” Syed mỉm cười nói. “Nhưng ông ta từ chối. Người đàn ông này không hành động theo đạo Hồi, mà theo ý riêng của mình. Ông ta muốn anh bị trục xuất khỏi Pakistan.”

“Nếu ông nghĩ rằng tôi đang làm điều gì chống lại đạo Hồi, hãy bảo tôi vĩnh viễn rời khỏi Pakistan và tôi sẽ thực hiện.” Mortenson nói.

“Hãy tiếp tục công việc của anh.” Syed Abbas nói. “Nhưng hãy tránh xa Chakpo. Tôi không nghĩ là anh gặp nguy hiểm, nhưng tôi không thể đảm bảo.” Vị giáo sĩ Shia tối cao của Pakistan trao cho anh một phong thư. “Tôi đã chuẩn bị cho anh một bức thư, trong đó nêu rõ sự ủng hộ của tôi. Nó có thể có ích, *Inshallah*, với một số giáo sĩ ở các làng khác.”

Vòng qua Chakpo, Mortenson quay trở lại Korphe bằng chiếc Land Cruiser của mình để chuẩn bị lễ khánh thành trường học. Khi anh đang tổ chức một buổi họp trên nóc mái với Haji Ali, Twaha và Hussein, thì Hawa, vợ của Hussein, và Sakina ngồi xuống cùng những người đàn ông và hỏi liệu họ có thể phát biểu không. “Chúng tôi đánh giá cao mọi chuyện anh đã làm cho con em chúng tôi.” Hawa nói. “Nhưng các chị em phụ nữ muốn tôi đề nghị anh thêm một điều nữa.”

“Vâng.” Mortenson nói.

“Mùa đông ở đây rất khắc nghiệt. Chúng tôi ngồi cả ngày như những con vật trong những tháng lạnh, không có việc gì để làm. Thánh Allah tốt lành! Chúng tôi muốn có một trung tâm cho phụ nữ, một nơi để nói chuyện và may vá.”

Sakina kéo râu Haji Ali nói đùa. “Và để tránh xa các ông chồng của chúng tôi.”

Vào tháng tám, với những người khách đến dự lễ khánh thành trường, Hawa chủ trì một cách sôi nổi Trung tâm Dạy nghề cho phụ nữ của Korphe. Tại một căn phòng không sử dụng ở sau nhà Haji Ali, phụ nữ Korphe gặp nhau mỗi buổi tối, học cách sử dụng bốn chiếc máy may Singer quay tay mới mà Mortenson đã mua, dưới sự chỉ dẫn của Fida, một thợ may bậc thầy ở Skardu, người đã chuyên chở cẩn thận những bành vải, hộp chỉ và máy may trong chuyến “lên núi” của họ.

“Balti vốn có một truyền thống phong phú về may đan.” Mortenson nói. “Họ chỉ cần được giúp đỡ đôi chút để làm sống lại một tập quán đã chết. Ý tưởng của Hawa là một cách thật dễ dàng để tạo sức mạnh cho phụ nữ khiến tôi quyết định rằng kể từ ngày đó, phải thành lập những trung tâm dạy nghề ở bất cứ nơi nào chúng tôi xây dựng trường học.”

Đầu tháng 8 năm 1997, Greg Mortenson hân hoan lái xe lên thung lũng Braldu trong một đoàn xe jeep. Trong chiếc Land Cruiser màu xanh có Tara, và trong lòng cô ấy là Amira Mortenson, chưa đầy một tuổi. Đi cùng họ là các sĩ quan cảnh sát, chỉ huy quân đội, chính trị gia địa phương và các thành viên trong ban giám đốc là Jennifer Wilson và Julia Bergman, họ đã dành nhiều tháng thu thập một bộ sưu tập sách về văn hóa để thành lập một thư viện ở Korphe.

“Thật không thể tin là sau cùng tôi cũng thấy được nơi mà Greg đã nói đến một cách say mê trong nhiều năm.” Tara nói. “Nó khiến trọn vẹn con người của chồng tôi trở nên hiện thực đối với tôi.”

Chiếc xe jeep dừng lại bên cây cầu và khi đoàn diễu hành những người phương Tây đi qua cầu, nhân dân Korphe reo hò chào đón họ từ bờ dốc đứng bên trên. Ngôi trường nhỏ màu vàng, mới được sơn lại nhân dịp này và được trang hoàng những biểu ngữ cùng cờ Pakistan, được nhìn thấy rõ khi nhóm người lên đến Korphe.

Hai năm sau, khi mẹ của Mortenson, Jerene, đến thăm Korphe, bà nhớ rằng mình đã choáng ngợp khi thấy công trình của con trai. “Sau khi nhìn thấy ngôi trường từ xa, tôi đã khóc suốt đường đi đến đó.” Jerene nói. “Tôi biết trái tim của Greg đặt vào việc xây dựng trường nhiều như thế nào - nó đã làm việc vất vả và đã lo lắng về việc đó nhiều như thế nào. Khi con cái bạn đạt được một điều gì thì nó còn có ý nghĩa hơn bất cứ điều gì mà bạn đạt được.”

“Ngày khánh thành, chúng tôi đã gặp Haji Ali và vợ ông, và cả làng tranh nhau bế Amira.” Tara nói. “Con bé như ở trên thiên đường, một món

đồ chơi tóc vàng nhỏ bé mà ai cũng muốn được chơi cùng.”

Ngôi trường được lau chùi hoàn hảo. Hàng chục chiếc bàn gỗ mới được đặt trong mỗi lớp, trên những tấm thảm đủ dày để ngăn được cái lạnh cho học sinh. Những tấm bản đồ thế giới nhiều màu và chân dung các nhà lãnh đạo Pakistan trang trí các bức tường. Và trong sân, trên sân khấu giữa một biểu ngữ lớn viết bằng tay ghi dòng chữ “Chào Mừng Các Vị Khách Thân Thương”, những bài phát biểu tiếp diễn trong nhiều giờ giữa ánh nắng không che chắn, trong khi sáu mươi học sinh Korphe kiên nhẫn ngồi xồm trên đôi chân của mình.

“Đó là ngày phấn khởi nhất đời em.” cô con gái Tahira của thầy giáo Hussein nói. “Ông Parvi đưa cho mỗi đứa em những quyển sách mới và em không dám mở sách ra, chúng quá đẹp. Trước đây em chưa bao giờ có những quyển sách của chính mình.”

Jennifer Wilson đã viết một bài phát biểu về việc chồng mình, Jean Hoerni, đã mong muốn được tận mắt nhìn thấy ngày hôm nay như thế nào, và được Ghulam Parvi chuyển dịch thành tiếng Balti để bà có thể nói trực tiếp với đám đông. Bà trao cho mỗi học sinh một bộ đồng phục mới cứng, được xếp gọn gàng trong bao bì bằng giấy bóng kính.

“Em không thể rời mắt khỏi các quý bà người nước ngoài.” Jahan, người cùng với Tahira một ngày kia sẽ trở thành những phụ nữ có học đầu tiên trong lịch sử lâu dài của thung lũng Braldu, nói. “Họ có vẻ rất tôn quý. Trước đây, bất cứ khi nào nhìn thấy người ở vùng đồng bằng, em đều chạy ra xa, xấu hổ vì áo quần bụi bẩn của mình. Nhưng ngày hôm đó, em đã cầm bộ áo quần mới sạch sẽ đầu tiên mà mình có. Có thể một ngày kia, Thánh Allah phù hộ, em cũng có thể trở thành một quý bà.”

Thầy giáo Hussein và hai giáo viên mới phát biểu, kể cả Haji Ali và từng vị khách mời. Mọi người đều phát biểu, chỉ trừ Mortenson. “Khi các bài phát biểu tiếp diễn, Greg đứng ở phía sau, tựa lưng vào tường, bế đứa bé mà ai đó đã trao cho anh.” Tara nói. “Đó là đứa bé bản thiêu nhất mà tôi từng thấy, nhưng hình như anh không để ý. Anh chỉ đứng đó hạnh phúc, lắc lư ru đứa bé trong đôi tay mình. Và tôi tự nhủ rằng ‘Bản chất thật của Greg là như vậy. Hãy nhớ mãi giây phút này.’”

□ □

Lần đầu tiên trong lịch sử, những đứa trẻ ở làng Korphe bắt đầu công việc hằng ngày để học đọc, học viết trong một căn nhà ngăn cách được các yếu tố thiên nhiên. Cùng với Jennifer Wilson, Mortenson đã rải tro của Jean

Hoerni, từ trên cây cầu mà nhà khoa học đã bỏ tiền xây dựng, xuống dòng nước sông Braldu đang cuộn cuộn chảy. Rồi Mortenson quay lại Skardu cùng gia đình mình. Trong những ngày đó, anh đã giới thiệu cho Tara thấy thị trấn quê hương thứ hai của anh, lái xe đi về những ngọn đồi phía nam Skardu để ăn chung một bữa ăn ở nhà Parvi, hay đi bộ lên đến hồ Satpara đóng băng ở phía nam thị trấn, dần dần anh tin chắc là có một nhân viên cơ quan tình báo đáng sợ ISI của Pakistan đang đi theo mình.

“Chàng trai mà họ phân công bám đuôi tôi chắc không có cấp bậc cao trong tổ chức.” Mortenson nói. “Vì anh ta làm điều đó cực kì kém cỏi. Anh ta có mái tóc màu đỏ tươi và lượn lờ xung quanh trên chiếc xe máy Suzuki màu đỏ, do đó chúng tôi không thể mất dấu anh ta. Và cứ mỗi khi tôi quay lại thì anh ta ở đó, đang hút thuốc, cố làm ra vẻ như không theo dõi tôi. Tôi chẳng có gì phải che giấu, do đó tôi quyết định cứ để anh ta hình dung ra điều đó và báo cáo lại với cấp trên.”

Một cư dân Skardu khác nữa cũng hết sức chú ý đến gia đình Mortenson. Một buổi chiều, Mortenson để Tara và Amira ngồi lại ở ghế sau chiếc Land Cruiser trong khi anh dừng xe đi mua vài chai nước khoáng trong khu chợ Skardu. Tara tranh thủ thời gian cho Amira bú một cách kín đáo. Khi Mortenson quay lại, anh thấy một người đàn ông trẻ đang dán mặt vào cửa xe Land Cruiser, liếc nhìn vợ mình. Anh chàng cận vệ Faisal Baig cũng thấy kẻ rình trộm và chụp lấy hấn ta trước khi Mortenson có thể làm gì.

“Faisal lôi hấn đến một góc, trong một lối đi để Tara không nhìn thấy, và đánh hấn bất tỉnh.” Mortenson nói. “Tôi chạy đến, yêu cầu Faisal dừng lại. Và tôi kiểm tra nhịp mạch để biết chắc Faisal không giết chết hấn.”

Mortenson muốn đưa người đàn ông đó đến bệnh viện, nhưng Baig đã và nhổ vào mặt người đàn ông đang nằm sóng soài khi Mortenson gọi ý giúp hấn, và khẳng khẳng rằng hấn phải ở lại nơi mà hấn thuộc về: nằm trong cống rãnh. “Thằng quỷ này còn may, tôi chưa giết chết nó.” Baig nói. “Nếu tôi giết nó chết thì không ai ở Skardu lại không đồng ý.” Nhiều năm sau Mortenson được biết người đàn ông đó bị tẩy chay ở Skardu sau khi tin đồn lan ra rằng hấn đã không tôn trọng vợ của bác sĩ Greg, khiến hấn buộc phải rời khỏi thị trấn.

Sau khi đã đưa vợ và con gái lên máy bay về nhà an toàn. Mortenson còn ở lại Pakistan thêm hai tháng nữa. Sự thành công của trung tâm dạy

nghề phụ nữ đã khiến những người đàn ông Korphe hỏi Mortenson xem anh cũng có thể làm gì để giúp họ kiếm thêm tiền.

Cùng với em trai của Tara, Brent Bishop, Mortenson đã tổ chức chương trình huấn luyện đầu tiên cho người khuân vác Karakoram ở Pakistan. Bishop, một nhà leo núi Everest thành công như người cha quá cố, đã thuyết phục một trong những nhà tài trợ của mình, Nike, ủng hộ ngân quỹ và thiết bị cho nỗ lực đó. “Những người khuân vác Balti làm việc với lòng can đảm ở một trong những vùng núi hiểm trở nhất thế giới.” Mortenson nói. “Nhưng họ không được đào tạo về leo núi.” Mouzafer, Mortenson, Bishop đã tổ chức và dẫn đầu một đoàn tám mươi người khuân vác leo lên Baltoro. Apo Razak, một cựu binh trong việc tiếp tế cho những đoàn lớn ở những nơi khắc nghiệt, đã làm việc như một bếp trưởng. Trên sông băng, những nhà leo núi người Mỹ đã dạy những lớp học về sơ cứu, cứu hộ khe sâu và kỹ thuật sử dụng dây cơ bản.

Họ cũng tập trung vào việc khắc phục thiệt hại môi trường cho vùng Baltoro qua mỗi mùa leo núi, xây dựng những hố xí bằng đá ở các điểm cắm trại dọc sông băng, nơi họ hi vọng sẽ loại trừ được những cánh đồng phân đóng băng mà các đoàn thám hiểm để lại trên đường đi của mình.

Và đối với những người khuân vác trở về sau mỗi chuyến đi lên sông băng với những chiếc giỏ rỗng, họ tạo ra một chương trình tái chế hằng năm, và họ đã dọn khỏi các trại căn cứ ở K2, Broad Peak và Gasherbrum, hơn một tấn lon thiếc, thủy tinh và chất dẻo trong năm đầu tiên đó. Mortenson đã thu xếp để vận chuyển những thứ tái sử dụng được đến Skardu và quan tâm để những người khuân vác được trả tiền cho những nỗ lực của họ tính theo số cân.

Khi mùa đông ôm chặt những thung lũng cao của Karakoram trong cái ôm kéo dài hằng năm, Mortenson trở về nhà vào cuối một năm bận rộn nhất trong cuộc đời mình, trong tầng hầm nhà ở Bozeman.

“Khi nhìn lại mọi chuyện mà chúng tôi đã hoàn thành trong năm đó, bất chấp *fatwa*, tôi không biết vì sao mình lại có thể thực hiện được, vì sao mình lại có được năng lực như vậy.”

Nhưng những nỗ lực sôi nổi của anh chỉ làm cho anh nhận thức nhiều hơn về một biển nhu cầu đang chờ đợi anh. “Với những cuộc điện thoại nhận nhíp ban đêm đến Pakistan, những email gửi ban giám đốc và vô số những âm cà phê, anh bắt đầu lên kế hoạch của mình cho đợt tấn công nghèo đói ở Pakistan vào mùa xuân.

HẾT

Xem thêm các ebook khác tại
SACHMOI.NET



THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY ĐANG CHỜ BẠN
WWW.SACHMOI.NET

1. Thức uống chính trong thực đơn thường ngày ở Balti, còn gọi là “trà bơ”. Thành phần của món trà này gồm: trà xanh, muối, bột nở, sữa dê và bơ ôi được làm từ sữa bò.
2. Central Asia Institute: Viện Trung Á.
3. Buổi họp kín.
4. Trường dạy về đạo Hồi
5. Trang phục của người dân các nước Nam Á. Shalwa là kiểu quần xà rộng. Kamiz là loại áo dài thắt ngang lưng.
6. Trà
7. Lời chào, có nghĩa là “chúc bình an”
8. “Cầu trời phù hộ”
9. Con cừu đực
10. Quầy bán thức ăn nhanh
11. Người kêu gọi. Từ trên tòa tháp hoặc nơi cao nhất của đền thờ Hồi giáo, vào năm giờ hành lễ hằng ngày, các muezzin ngâm nga lớn lời kêu gọi các tín đồ Hồi giáo cầu nguyện.
12. Nghi thức tắm rửa trước khi cầu nguyện của người Hồi giáo
13. Nghi thức chào đón một cách kính trọng diễn ra ở các nước Hồi giáo
14. Sự tổn thương cơ thể do hiện tượng lạnh giá, đóng băng gây ra. Cóng giá làm mất cảm giác tạm thời hoặc vĩnh viễn ở bộ phận bị thương tổn
15. Tiếng lóng, chỉ những người từ bỏ tôn giáo hoặc người ngoại đạo
16. Khu nhà khép kín ở Ấn Độ và Pakistan
17. Việc tách biệt phụ nữ khỏi ánh mắt của đàn ông hoặc người lạ, được áp dụng ở các nước Hồi giáo và các nước theo đạo Hindu
18. Fatwa là một án lệnh tôn giáo. Và Pakistan được điều hành theo luật dân sự, nhưng cũng theo Shariat, một hệ thống luật Hồi giáo như ở Iran.